

NAM KHU HÌNH MINH

CÀN THO

XƯA VÀ NAY



Jeansach  sim Khảo

VĂN HỌC CẦN THƠ

TỔ CHỨC KHẨU

Điện

Biên-Trưởng Biên Đài-Hết-Cimiter

Kính gửi,

Ông Phan-Ninh

505/ST, Phan-Dinh-Phung

SÀI GÒN

Lịch Sát

Tôi rất vui mừng khi nhận được quyển sách sum
đao và khán-vin và địa-điểm Mình-Lien-Khoa-ho-Chung, v
à tôi và em rất

tôi khâm phục, chưa ai nghĩ đến việc giới thiệu
về tác phẩm của ông Phan-Ninh như là một cách
tôn vinh cho tác phẩm của ông Phan-Ninh. Tôi xin
thông báo với Ông Phan-Ninh rằng sau đây là một số
những ý kiến của chúng tôi về tác phẩm của Ông Phan-Ninh.
Trước hết, chúng tôi xin cảm ơn Ông Phan-Ninh
vì đã dành thời gian để viết quyển sách sum
đao và khán-vin và địa-điểm Mình-Lien-Khoa-ho-Chung
này. Chúng tôi tin rằng đây là một quyển sách
rất hay và có giá trị đối với những người yêu
tâm hồn Việt Nam.

Tuy nhiên, chúng tôi có một số ý kiến khác
về tác phẩm của Ông Phan-Ninh. Đầu tiên, chúng
tôi cảm thấy rằng quyển sách sum đao và khán-vin
của Ông Phan-Ninh có một số điểm không
đúng. Ví dụ, Ông Phan-Ninh đã viết rằng tác
phẩm của Ông Phan-Ninh là "một tác phẩm
tuyệt vời", nhưng chúng tôi không đồng
ý với điều này. Chúng tôi tin rằng tác
phẩm của Ông Phan-Ninh là một tác phẩm
tuyệt vời, nhưng chúng tôi không đồng
ý với điều này.

Thứ hai, chúng tôi cảm thấy rằng quyển sách sum

đao và khán-vin và địa-điểm Mình-Lien-Khoa-ho-Chung
của Ông Phan-Ninh là một tác phẩm

Trên đây là
bức thư của Ông
Phan - hoang - Hộ,
Viện-Trưởng Viện
Đại-Học Cần-Thơ.

Sau khi đọc qua các
tác phẩm của Ông Phan-Ninh, chúng tôi
đã nhận ra rằng Ông Phan-Ninh là một
nhà văn tài ba, và chúng tôi rất kính
trọng Ông Phan-Ninh. Ông Phan-Ninh
đã viết một số tác phẩm rất hay
và có giá trị, và chúng tôi hy vọng
Ông Phan-Ninh sẽ tiếp tục viết
những tác phẩm hay và có giá
trị trong tương lai.

Xin đa tạ Ông Vi
ện-Trưởng đã lưu tâm đến
việc làm của chúng tôi.

H.M.

HUỲNH-MINH
SƯU - TÀM KHẢO - CỨU
QUA CÁC TỈNH NAM-PHẦN VIỆT-NAM

CĂN-THƠ

XƯA và NAY

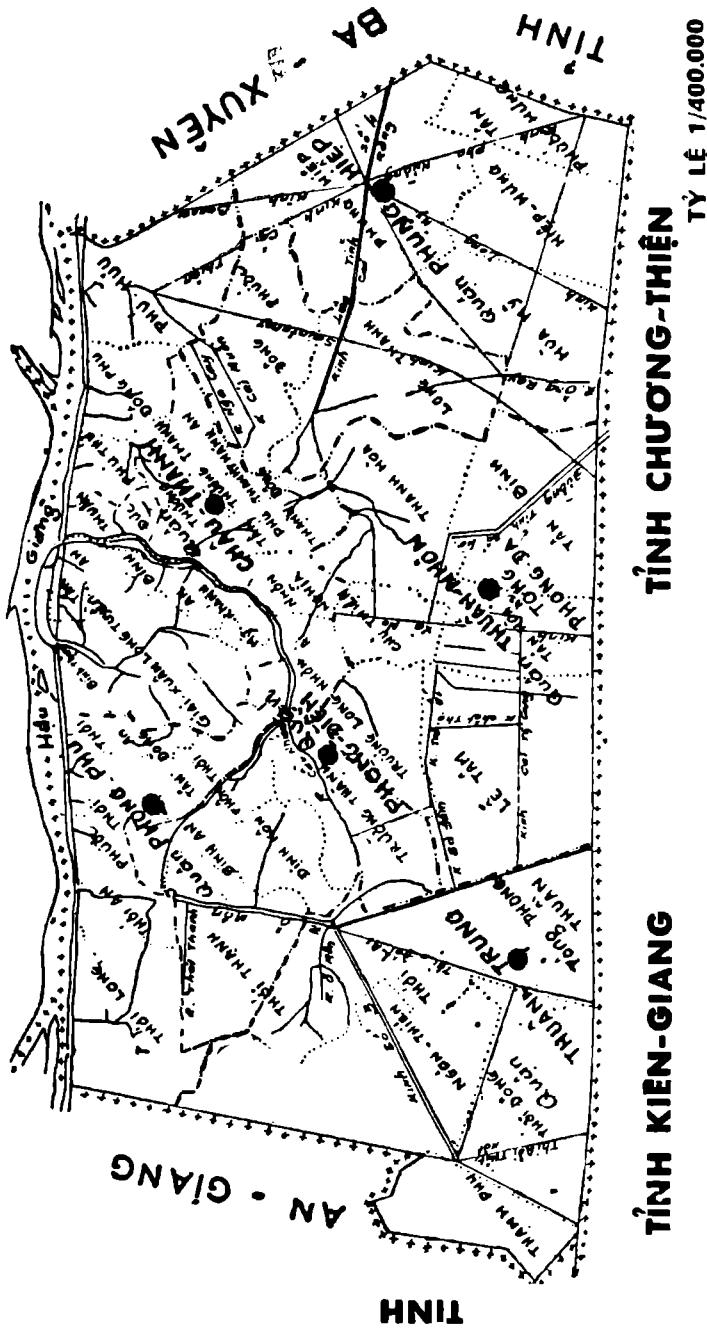
SƯU-TẬP TRÊN 40 TẤM ẢNH CÒ KIM

Cốm sáu mục

- 1.— LỊCH-SỬ, ĐỊA-LÝ.
- 2.— DANH-NHÂN, LIỆT-SĨ.
- 3.— DI-TÍCH, HUYỀN-SỬ, GIAI-THOẠI.
- 4.— VĂN-HOÁ, NGHỆ-THUẬT.
- 5.— SINH-HOẠT, TÔNG-GIÁO.
- 6.— CĂNTHƠ TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HUNG
và KIẾN-THIẾT.

CÁNH - BẰNG
TÁC-GIÁ XUẤT-BẢN
1966

**Bản đồ tỉnh PHONG-DINH
tỉnh VINH-LONG TỈNH VINH-BÌNH**



BIÊN-TẬP ĐẠI-Ý

GIÉP-tục chương-trình biên-khảo để có thể giúp đồng-bào tìm hiểu và mến yêu sông-núi nước non nhè, hôm nay chúng tôi hân-hạnh trình bày cùng quý độc giả quyền thứ 3 của loại sách suru khảo về các tỉnh miền Nam nước Việt.

Sau Kiến-hoà và Bạc-liêu hôm nay đến lượt Cần-thơ ra mắt bạn đọc.

Cần-thơ thơ mộng !

Cần-thơ mến yêu !

Cần-thơ ruộng lúa phì nhiêu, sông đầy cá bạc, vườn sai trái lành !

Cần-thơ cảnh vật mỹ-miều, quyện lòng du khách, gợi tình nước non.

Là Thủ-đô kinh-tế của miền Tây-Nam-Việt, trực giao thông quan trọng, vú sữa nuôi sống quốc-gia, Cần-thơ cũng là Thủ-đô văn-hoa của miền Nam ngày xưa từng làm trung-tâm chiêu-tập khách-tao-dàn, một chi nhánh quan trọng của Mạc-già Chiêu-anh-Các, quê hương của những văn-hào lối lạc như cụ Bùi-hữu-Nghĩa và cụ Cử Phan-văn-Trị. Cần-thơ sau một thế kỷ âm thầm lặng lẽ, lại vươn mình lên khôi phục địa vị cũ của mình. Với phong-trào xúc-tiến sự thành lập khu Đại-học ở miền Tây, ngôi sao của Cần-thơ sắp chói rạng trên nền trời văn-học.

Cần-thơ khói lửa !

Cần-thơ kháng chiến !

Trôi dòng lịch-sử, cùng nước non trải qua bao cuộc thăng-trầm, cơn-quốc biển, Cần-thơ đã hy-sinh xương máu chống-xâm-lăng. Từ những anh hùng Cần-vương chống Pháp như Đinh-Sâm, Nguyễn-Thần-Hiển, đến những du kích quân-tam vông-vặc nhọn-tạo chiến-công oanh liệt ở bưng-biển, Cần-thơ xưa và nay đã đóng-góp rất nhiều tài-nuuyên và sinh-lực vào cuộc đấu-tranh sống-còn của dân-tộc.

Âm-thầm đóng-góp, im lặng hy-sinh, Cần-thơ qua bao nhiêu biến-chuyển đã biểu-lộ rõ-rệt «dân-tộc-tánh» của người Việt-Nam : ít nói, ham-làm, thiết-thực hy-sinh hơn là khoe-khoang khoác-lá.

Có lẽ vì thế mà miền Tây luôn luôn bị bỏ quên. Miền Tây sánh như người mẹ hiền quanh năm cầy cuốc lo nuôi sống cho đại gia-dình, chỉ được những đứa con nhớ đến khi nguy khốn, cần nhớ đến mẹ quay về tìm lê sống, nguồn an-ủi và sinh lực ở trong lòng đất mẹ.

Quyền sách này ra đời giữa lúc dải đất mẹ phải chứng-kiến qua bao cảnh khói lửa đau thương, tiếng súng, bom đạn vang rền trong thôn ấp xa xôi hẻo lánh, hiện giờ các đứa con trung-thành của mẹ đang nỗ lực hàn gắn lại tình thương, cùng nhau tranh đấu xây dựng những gì tang thương đồ vỡ, kiên tạo sự thanh bình, phục hưng xứ sở, đứa giống nòi đến bến vinh quang cường thịnh, để làm sống lại lòng đất mẹ thân yêu, bù đắp một phần nào vào chỗ vô tình bạc nghĩa ấy vậy.

Chúng tôi lấy làm sung-sướng trình bày dưới mắt bạn đọc quyền sách « CÂN-THƠ XƯA VÀ NAY » về loại sưu khảo đề tìm-hiểu và mến- yêu giang-sơn gấm-vóc.

Trong quyền sách này, chúng tôi sưu-tầm tài-liệu vài chỗ và cẩn-cứ theo các bộ sách của chư học-giả, các sử-gia như sau chỉ đúng hoàn-toàn về phương-diện sưu-khảo lịch-sử.

G. Coedès *Histoire ancienne des Etats Hindouises d'Extreme Orient*

P. Pelliot *Le Fou-Nam*

E. Aymonnier : *Le Cambodge*

Monographie de la province de Can-tho

Bulletin administratif de la Cochinchine tức là lịch An-Nam thông dụng trong Nam Kỳ 1907 và Đại-Nam Nhất-Thống-Chí v.v

Quyền Cần-thơ tuy nhiên không sao tránh khỏi những khuyết điểm, qua mọi khía cạnh hoặc danh từ địa phương, phần nhiều sách xưa không ghi rõ.

Mong chư học giả lượng thứ, chỉ giáo trên tinh-thần xây-dựng, bồ khuyết tác phầm này thêm phần phong phú đề sau tục bản.

Chúng tôi rất hoan nghinh những lời hay ý đẹp của quý vị cao minh cùng các sử-gia góp công tô-diềm nền văn-hoa dân-tộc.

Viết tại Saigon, ngày 1 tháng 7 năm 1966.

HUỲNH MINH

Phần thứ nhất

**CẦN - THƠ
(PHONG-DINH)**

QUA CÁC THỜI ĐẠI

LỊCH-SỬ

I

PHONG-DINH KHOẢNG ĐẦU THẾ-KỶ THỨ XVIII tức HUYỆN TRẦN-GIANG TRONG DƯ-ĐỒ VIỆT-NAM

TRONG khi Saigon nghiêm nhiên là Thủ-đô của miền Nam nước Việt, tỉnh Phong-dinh ở về phía Tây cũng nghiêm nhiên được mệnh danh là Tây-đô. Có quá đáng chăng ? — Không. Nếu Saigon còn được xưng tặng thêm với những danh-từ « hoa-lệ », « hòn ngọc Viễn-Đông » thiết-tưởng Phong-dinh được coi như Thủ-đô của miền Tây kề cũng xứng-đáng phần nào, qua những bằng-chứng mà chúng tôi sẽ lần lượt trình bày.

Giữa lúc vua Lê, chúa Trịnh ghìm nhau ngoài đất Bắc, các đời chúa Nguyễn ráo-riết lo củng-cố địa-vị ở đàng trong tức vùng Trung-Phần trở vào Nam. Trên bước đường Nam tiến, đồng thời với việc thôn tính nước Chiêm-Thành bắt đầu từ năm Tân-hợi 1611 đời chúa Tiên là Nguyễn-Hoàng (sau truy dâng miếu hiệu là Thái-Tồ Gia-Dũ), trải 7 đời chúa kế tiếp mở bờ cõi lần xuống miền Đồng-nai phì nhiêu. Ấy là các vị chúa

1. Chúa Sài Nguyễn-Phúc-Nguyên 1613-1635
(miếu hiệu Hy-Tông Hiếu-Văn).
2. Chúa Thượng Nguyễn-phúc-Lan 1636-1648
(Thần-Tông Hiếu-Chiêu).
3. Chúa Hiền Nguyễn-phúc-Tần 1648-1687
(Thái-Tông Hiếu-Triết).
4. Chúa Nghĩa Nguyễn-phúc-Trần 1678-1691
(Anh-Tông Hiếu-Nghĩa).
5. Quốc Chúa Nguyễn-phúc-Chu 1691-1725
(Hiền-Tông Hiếu-Minh).
6. Định Quốc Công Nguyễn-phúc-Chú 1725-1738
(Túc-Tông Hiếu-Ninh).

Hơn một thế kỷ (1623-1739) các chúa Nguyễn ấy nối tiếp nhau thừa lúc Chân-Lạp có nội loạn mà lần hồi thâu phục đất đai. Lại khéo dùng các tướng của nhà Minh lưu vong không phục nhà Thanh như Mạc Cửu, Dương ngạn Địch, Huỳnh Tấn v.v... mượn tay họ khai-thác mà mở rộng dư-đồ nước Việt. Lịch-trình diễn-tiến như sau :

- Năm 1658 thâu phục đất Mô-xoài (Bà-riя, Biên-hoà)
- 1798 mở mang đất Sài-côn (Gia-định, Saigon)
- 1731 khai triền đất Định-tường (Mỹ-tho) và Long-hồ (Vĩnh-long).

Riêng Mạc-Cửu sau khi bình định xong vùng Hà-tiên, năm Giáp- ngọ 1714, Mạc-Cửu dâng đất Hà-tiên và hòn Phú quốc cho chúa Nguyễn-phúc-Chu. Đến năm Ất-mão 1735 Mạc-Cửu mất, con là Mạc-thiên-Tứ nối nghiệp, mở mang thêm vùng đất Hậu-giang. Năm Kỷ-vi 1739, hoàn thành cuộc khai thác miền Tây, Mạc-thiên-Tứ lập thêm bốn huyện

- 1) Long-xuyên (miền Cà-mau)
- 2) Kiên-giang (Rạch-giá)
- 3) Trấn-giang (miền Cần-thơ)
- 4) Trấn-di (miền Bắc Bạc-liêu)

Thế là từ năm Kỷ-vi 1739, tỉnh Phong-dinh ngày nay vốn là phần đất nằm trong khu vực huyện Trấn-giang xưa, do công Mạc-thiên-Tứ khai hoang.

Bấy giờ Trấn-giang (Cần-thơ) còn là một vùng rừng tràm xen lắn rừng đước, thú dữ tràn đầy. Thế mà tiền nhân đã dày công phá rừng mở đất, dần-dần biến thành nơi văn-vật, thật đáng cho các thế hệ sau hình hương sùng bái tinh-thần dung-cảm ấy, đề cao công-trình vô cùng gian nan khò nhọc ấy.

Xem lịch sử họ Mạc với công nghiệp mở mang đất Hà-Tiên và bốn huyện miền Tây như đã kề trên, điều nên biết là Mạc-thiên-Tích là bậc anh tài nho-nhã vào bậc nhất trong thời ấy. Vào tướng văn, ra tướng võ, Mạc-thiên-Tứ (cũng gọi là Mạc-thiên-Tích) oai-danh lừng lẫy, xa gần hoài phục. Ngôi trấn nhậm Hà-Tiên với chức vụ Đô-đốc, Ông xếp đặt xong cuộc trị an, lại còn chú trọng về mặt

Trên dòng Hậu-giang



Cần-thơ cảnh đẹp người xinh,
Quyện lòng du khách, gợi tình nước-non.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

phát-triền văn-hoa, thiết-lập tao-dàn «Chiêu-anh-các», nhóm họp các sĩ-phu văn-học xướng-họa thi-ca, thảo-luận kẽ-sách giáo-đục quần-chúng, gây nên học-phong si-khí tốt-đẹp vô cùng.

Mạc-thiên-Tú hết lòng mò-mang đất Hà-Tiên thế nào, thì Ông cũng tận tụy xây-dựng vùng Trấn-giang (Cần-thơ) như thế ấy. Ông đã sáng suốt nhận định tình-hình, xem Trấn-giang là một vị-trí chiến-lược làm hậu-thuẫn cho Hà-Tiên, nên Ông hăng lo lắng xếp đặt cho Trấn-giang ngày càng phát-triền tốt đẹp về mọi mặt. Cho nên, dưới sự chăm-sóc của Ông, Cần-thơ bấy giờ cũng đã có tiếng là đất văn-vật chẳng kém gì Hà-tiên bao nhiêu. Một bằng chứng là khi Hà-tiên lâm nguy vì binh Xiêm công phá (khoảng năm Nhâm-thìn 1772), Ông lui ngay về Trấn-giang mà nương tựa, chờ cơ quật-khởi. Và chính con Ông là Tham tướng Mạc-tử-Sanh cũng đã gởi xác nơi vùng Trấn-giang trong cơn binh cách, mà khoảng cầu Tham tướng ở Cần-thơ ngày nay là di tích còn lưu đài (ở đoạn sau chúng tôi sẽ ghi chép rõ hơn về đoạn lịch-sử vị Tham tướng họ Mạc này).

Những chỗ Mạc-thiên-Tích và con là Mạc-tử-Sanh đã đốc-xuất dân quân xây dựng tiền đồn đê phòng thủ, cho đến đời vua Minh-Mạng hãy còn dùng đến, tới năm thứ 16 (Giáp-ngọ 1834) mới bỏ đi.

Nơi nào có dấu vết họ Mạc mò mang, nơi ấy thường tấp-nập dân cư vui nghiệp. Nhà cửa phố xá kiến thiết khang trang. Cuộc thương-mại thịnh-vượng. Nền kinh-tế vững-chãi, trình-độ văn-hóa của dân chúng được nâng cao.

Nhóm «Chiêu-anh-các» do Mạc thiên-Tú thành-lập, ngoài 32 nhân-vật ưu-tú của Hà-tiên trong đó thành phần gồm có người Việt và người Tàu, ai nấy thảy đều là trang tài tuấn, hào hoa phong-nhã. Cho đến các vị đại-thần như Nguyễn-cư-Trinh cũng phải nể-ing minh thán-phục công-nghiệp của họ Mạc, thường lui tới đàm-luận văn-chương thao-lược, xướng họa thi ca với các bậc tài-danh trong nhóm Chiêu-anh-các.

Năm trong kế hoạch phòng thủ miền Tây, nếu Hà-tiên vĩ như tiền đồn ngăn ngừa những cuộc công phá của Xiêm-La và Chân Lạp, Trấn-giang tức là miền Cần-thơ bây giờ nghiêm-nhiên là hậu cứ, hẳn là Mạc-thiên-Tứ đã đem biết bao tâm huyết công-phu xây dựng cho vùng này. Và chịu ảnh-hưởng chính-trị, kinh-tế, văn-hóa khả-quan, dân-chúng Trấn-giang hẳn đã sống một thời bừng hương sắc đậm đà về mọi mặt.

Huống-chỉ, bấy giờ huyện Trấn-di tức vùng Bạc-liêu hẻo lánh cũng vẫn được họ Mạc cho di dân đến đây mò-mang. Bạc-liêu khi ấy mà còn phồn-thịnh lên, thì Cần-thơ chắc chắn đã hoa lệ lắm rồi.

Phương chi, Trấn-giang cũng từng là bãi chiến trường lẫm hãi-hùng, tranh-đấu giữa quân dân ta với quân Xiêm-La, Chân-Lạp và sau này chống với Tây-Sơn khi chúa Nguyễn-Ánh chạy tới đây, nếu mức sinh-hoạt và trình-độ dân chúng Trấn-giang chưa được nâng cao, thì tinh-thần anh-dũng của dân chúng Trấn-giang đâu đã được đề cao như lịch-sử từng ghi chép ?

Do các lẽ trên đây, chứng minh hùng hồn trong thời Mạc thiêng-Tứ làm Đô-đốc trấn Hà-tiên, đất Trấn-giang tức Cần-thơ đã do bàn tay họ Mạc điều khiển dân chúng trong vùng kiến tạo nhiều khởi sắc.



II

PHONG-DINH DƯỚI TRIỀU VÔ-VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC-KHOÁT, TRỰC-THUỘC GUỒNG-MÁY HÀNH-CHÁNH LONG HÒ DINH

Từ năm Kỷ-Vi 1739, đất-dai Cần-thơ đã được Mạc-thiên-Tú khai-thác hẵn-hoi, mang danh là huyện Trấn-giang. Cố-nhiên sau đó Mạc-thiên-Tú đem dâng chúa Nguyễn, sáp-nhập vào dư-đồ Việt, cũng như thân-phụ Ông là Mạc-Cửu đã dâng đất Hà-tiên từ năm 1714.

Bấy giờ chúa trị-vì Đàng Trong (1) là Vô-Vương Nguyễn-phúc-Khoát. Hơn hẳn các vị chúa Nguyễn trước, Vô-Vương là bậc anh-minh, hăng-say hoạt-động, thích làm chuyện lớn, mưu tính xa rộng. Theo định-hướng đã trù-hoạch về viễn-đồ đất nước, Ngài hăng phô-trương uy-thể, quyết ý mở rộng lãnh-thổ vào Nam. Tiếp thu thêm phần đất bốn huyện mới khai-thác : Long-xuyên (Cà-mau), Kiên-giang (Rạch-giá), Trấn-giang (Cần-thơ) và Trấn-di (Bạc-liêu), Ngài càng thêm phẩn-khởi xây-dựng đất nước.

Năm Canh-thân 1740, Ngài định lại phép thi : những người đậu kỵ đệ-nhất gọi là nhiều học, được miễn sai 5 năm ; đậu kỵ đệ-nhị và đệ-tam được miễn sai chung thân ; đậu kỵ đệ-tứ gọi là hương cống, được bồ làm Tri-phủ, Tri-huyện. Do sự đặc-biệt ưu-đãi giai-cấp sĩ-phu này, dân chúng trong Nam dần-dần cảm-phục sẵn-sàng phụng-sự đất nước dưới quyền lãnh-đạo của chúa Nguyễn. Và do Sắc-lệnh canh-cải khoa-cử này, tạo thêm điều-kiện hoạt-động mạnh về văn-hóa cho nhóm Chiêu-anh-các của Mạc-thiên-Tú ở Hà-tiên, Cần-thơ vậy.

(1) *Đất nước vào thời-kỳ bị chia đôi qua cuộc phân tranh chúa Trịnh và chúa Nguyễn, từ Thuận-hoa trở ra Bắc gọi là Đàng-Ngoài, từ Thuận-hoa trở vào Nam gọi là Đàng-Trong.*

Đến năm Giáp-Tý 1744, Ngài xưng vương-hiệu (Võ-Vương), tề chức nội các gồm 6 Bộ. Bộ về văn-hoá gọi là Hán-lâm. Đạo vệ binh gọi là Võ-lâm. Chế tạo sắc phục mới cho các quan văn võ trong triều. Lại ra lệnh cho dân gian phải đổi y phục, ăn mặc cho văn vẻ nhu-nhã hơn xưa. Chia lãnh thổ ra làm 12 dinh

1. Chính dinh (Phú-Xuân)
 2. Cựu dinh (vùng Ái-tử)
 3. Quảng-bình dinh
 4. Võ-xá dinh
 5. Bố-chánh dinh
 6. Quảng-nam dinh
 7. Phú-yên dinh
 8. Bình-khương dinh
 9. Bình-thuận dinh
 10. Trần-biên dinh
 11. Phan-trần dinh
 12. Long-hồ dinh
- { đất Chiêm-Thành
 { miền Nam

Riêng phủ Quảng-ngãi và phủ Qui-nhơn ở miền Trung thì trực thuộc Quảng-nam dinh ; đất Hà-tiền ở miền Nam thì đặt thành trấn.

Năm sau (Ất-Sửu 1745) Ngài cho mua kẽm bên Âu-Châu về chế ra thêm thứ tiền kẽm. Thế là về mặt tiền tệ, dân nước xài hai thứ tiền : tiền đồng và tiền kẽm.

Mọi ngành sanh hoạt vào thời kỳ này được phát-triển đồng đều, nhất là nông-nghiệp và thương-nghiệp khuếch-trương sung-mậu phồn thịnh, tạo cho nhân dân an hưởng được cuộc sống thái bình thịnh-trị.

Gặp hoàn cảnh thuận tiện như thế, trong Nam dưới sự lãnh đạo của vị Đô-đốc tài ba như Mạc thiên-Tứ, vùng Trần-giang tự-nhiên cũng được lợi thế phát triển mạnh.

Hơn nữa, để hoàn-thành công-cuộc Nam tiến, đòn-đốc các cấp thừa hành ở từng địa-phương cần khai-thác triệt để các vùng đất phì-nhiêu ở miền Nam, đến năm Quý-Dậu 1753, Võ-Vương phái vị Ký-lục Bố-chánh dinh là Nguyễn-cư-Trinh vào Nam, mưu toan việc lớn.

Quả thật Võ - Vương đã sáng - suốt dùng người đúng chỗ. Nguyễn-cư-Trinh lần lượt thực hiện được mộng lớn của Võ - Vương, không phụ lòng kỳ vọng của Ngài chút nào. Năm quyền Tham mưu, điều-khiền tướng sĩ năm dinh : Bình-khương (Khánh-hoà), Bình-thuận, Trấn-biên (Biên-hoà, Bà-rịa), Phiên-trấn (Gia-dịnh) và Long-hồ (Mỹ-tho, Vĩnh-long), Ông thẳng đường vào Nam, đến đâu cũng lập dinh trại, kén sỉ tốt, trừ bị cho nhiều đê làm kẽ khai-thác. Ông đệ sớ về triều, tỏ bày mưu lược, hiển kẽ «tầm thực» (tầm ăn dâu), cương quyết nguyện hứa sẽ hoàn thành xong sứ mạng nhà vua giao phó. Võ-Vương sẵn lòng chấp-thuận, tán trợ sách-lược ấy, cho Ông được toàn quyền hành-động. Chúa sáng tối tài, việc chi mà chẳng được ? Thật là minh quân lương tướng tao-phùng. Cơ hội ngàn năm một thuở đun đầy Nguyễn-cư-Trinh với nhiều ưu thế thắng lợi, cỗ-nhiên Ông cảm thấy phấn khởi thành toàn chí nguyện biết bao nhiêu.

Huống chi, đã gặp chúa sáng biết tài mà tín-nhiệm ủy-thác trọng trách, lại khi vào Nam tiếp-xúc với vị Đô-đốc trấn Hà-tiên Mạc-thiên-Tứ vẫn là trang lối-lạc phi-thường, bảo sao Nguyễn-cư-Trinh chẳng thành-công trên đường nhiệm-vụ.

Xuyên qua việc tương đắc giữa hai trang lương đồng anh tài Nguyễn-cư-Trinh — Mạc-thiên-Tứ hội-ngộ nơi miền Nam, dù nhận thấy thời kỳ này miền Nam thạnh phát đến ngần nào ; đặc biệt là miền Tây (Cần-thơ) vùng Hậu-giang hẳn được khuếch-trương nông-nghiệp đến mức tối đa, đê biến miền Tây dần dần thành trung-tâm lúa gạo như hiện thời.

Ấy là giai-đoạn thứ hai, Cần-thơ chuyền mình vượt tiến trên đê khai-thác triệt đê tài-nguyễn, dưới sự điều-khiền sáng-suốt của những nhà ái-quốc thời ấy trong đó có Mạc-thiên-Tứ và Nguyễn-cư-Trinh. Cả hai vừa đồng-chí đồng-tâm lại vừa đồng tài đồng sức. Giao vận-mạng miền Nam cho Nguyễn-cư-Trinh nắm giữ việc khai hoang lập ấp, về mặt quân sự miền Tây có Mạc-thiên-Tứ chăm lo với nhiều lợi thế, hơn nữa do Nguyễn-cư-Trinh đôn-đốc khích-lệ càng đắc sách vô-cùng.

III

PHONG DINH TRONG CƠN SÓNG GIÓ TÂY-SƠN-NGUYỄN CHÚA TRANH HÙNG

Đánh dẹp ngoại xâm khó, nhưng bình-định nội loạn cũng chẳng phải dễ! Đất nước bị nạn ngoại xâm là thảm họa cho dân-chúng, nhưng thê thảm hơn nữa là cảnh đồng chung tương tàn vì tranh chấp quyền vị. Suốt thời kỳ chúa Nguyễn-Ánh và binh Tây-Sơn đánh đuổi nhau trong Nam, cho đến khi non sông thống nhất, trải hơn 26 năm (1777-1802) khói lửa đã dập vùi xương máu dân-chúng miền Nam vô số kề, điêu tàn thảm khốc nhất là dân chúng miền Tây. Nào Vĩnh-long, Sa-đéc, Cần-thơ, Cà-mau lần lượt biến thành bãi chiến trường kinh-khổng. Nơi đâu có dấu vết Nguyễn-Ánh thì ở đấy có cuộc xung sát với Tây-Sơn.

Đặc biệt mở màn cho những trận thư hùng ghê rợn giữa Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh sau này, Cần-thơ (1) trước đó còn phải trải qua nạn binh Xiêm đánh phá. Ấy là việc xảy ra trong năm Nhâm-thìn 1772. Vua Xiêm là Phi-Nhā-Tân xua binh sang đánh cướp Hà-tiên. Đô-đốc Mạc-thiên-Tứ dàn quân chống cự quyết liệt. Binh Xiêm ồ ạt tấn-công. Thành trì thất thủ, dân chúng trong thành đều bị giết hại cả. Mạc-thiên-Tứ lui giữ Cần-thơ.

Nhờ trước kia đã tiêu liệu dự phòng, nên các đồn lũy ở Cần-thơ đủ để họ Mạc nương tựa mà ngăn chống. Binh Xiêm từng đột tràn tới Cần-thơ đều bị Thiên-Tứ đuổi ra khỏi vùng. Tuy-nhiên, sinh mạng và tài-sản dân chúng chẳng khỏi tồn-thất nặng-nề.

Vừa yên giấc Xiêm, lại đến chuyện chúa Nguyễn chạy vào Nam. Tin chúa Nguyễn bôn ba tầu quốc đưa đến Cần-thơ, dân-chúng lại một phen thắc thỏm lo âu. Vì người người đều cảm thấy tinh hình bất ổn, sớm muộn át phải vương họa binh đao thảm khốc nữa chờ chẳng không.

Đất Hà-tiên bấy giờ đang ở trong tình-trạng tái-thiết, vì binh Xiêm đã tàn phá dữ-dội nên Mạc-Thiên-Tứ đóng bẩn dinh ở Cần-

(1) Từ đây xin gọi ngay là Cần-thơ thay vì Trấn-giang là tên cũ của Cần-thơ thời bấy giờ, cho dễ hiểu.

Cầu Đôi Mới



Một chiếc cầu kiến thiết rất mỹ-quan, bắc ngang con rạch Cái Khế, chạy thẳng xuống Tòa Hành-Chánh, xuyên qua các phố phường trong tỉnh.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

thơ (Trấn-giang). Năm Ất-Tỵ 1775, được tin Chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần đã thật sự vào Nam, đóng binh ở Gia-dịnh, Mạc-thiên-Tứ lập tức từ Cần-thơ thẳng lên đáy bái yết chúa Nguyễn, nguyện tận tâm tận lực ủng hộ. Chúa Nguyễn cảm động tin cậy nơi Ông, tấn phong Ông làm Quốc-lão Đô-đốc Quận-công. Ông bái trả về Cần-thơ, hiệu triệu dân chúng xướng nghĩa, cùng nhau sẵn sàng hy sinh cho Nguyễn chúa.

Tây-Sơn kéo vào Nam giao chiến, chiếm lấy Gia-dịnh. Chúa Nguyễn chạy xuống Cần-thơ, rồi thẳng đường chạy luôn xuống Cà mau. Mạc-thiên-Tứ ra sức chống ngăn Tây-Sơn chẳng nỗi, đành chạy theo bảo vệ chúa Nguyễn. Con Mạc-thiên-Tứ là Mạc-tử-Sanh chống nhau với Tây-Sơn nơi Cần-thơ, đương đầu nhiều trận kinh hồn. Cuối cùng sa cơ, Tham tướng Mạc-tử-Sanh bỏ mình (khoảng rạch Tham tướng, cầu Tham tướng ở Cần-thơ hiện giờ, dấu vết Mạc-tử-Thiên vì nghĩa liều mình) (1).

Đinh-dậu, Tây-Sơn tiến binh thẳng xuống Cà-mau, bắt sống được chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần (Duệ Tông), áp giải về Gia-dịnh hành quyết. Người cháu của chúa Định-Vương là Nguyễn Ánh thay nắm binh quyền. Mạc-thiên-Tứ vẫn trung thành cùng chúa Nguyễn, tách mình sang Xiêm cầu viện, chẳng quản gì hiềm khích cũ khi binh Xiêm đã tàn phá Hà-Tiên, Cần-thơ, Bời thế, Thiên-Tứ lâm nguy ở đất Xiêm vì bị vua Xiêm là Phi-Nhã-Tân nghi ngờ, bạc đãi. Thiên-Tứ phản uất, tự sát trên đất nước người.

Mất Mạc-thiên-Tứ và Mạc-tử-Sanh, chúa Nguyễn-Ánh mất trang rường cột, khá đau xót và đáng ngại cho bước tiền trình của mình. Tuy nhiên, anh hùng hào kiệt trong Nam bấy giờ hầu hết đều đứng về phe ủng hộ chúa Nguyễn. Đó là sự an ủi và khích lệ nhiều cho chúa Nguyễn vững lòng phản đấu. Và đó là công trình tuyên truyền có hiệu quả của Nguyễn-cư-Trinh và Mạc-thiên-Tứ khi trước vây.

Trên bước đường lưu vong của chúa Nguyễn-Ánh khi vào Nam, nếu chẳng có sự dọn đường trước của Nguyễn-cư-Trinh và Mạc-thiên-Tứ, khiến nhân-dân miền Nam đều đã sẵn có cảm tình

(1) Xin xem thêm ở phần thứ hai *Danh nhân*

với chúa Nguyễn, thì dẽ gì Nguyễn-Ánh thu phục được nhân tâm đồng-bào trong Nam, đẽ đi đến sự thắng lợi cuối cùng, thống-nhất non sông. Đúng như lời ông Lê-ngọc-Trụ và Phạm-văn-Luật ; trích quyển « Nguyễn-cư-Trinh với quyền Sãi Vãi » (1)

« Trọn đời Ông (Nguyễn-cư-Trinh) xứng đáng bậc khai quốc công thần, giúp Võ-Vương làm rạng ý nghĩa xưng « Vương », triều Võ-Vương được phồn thịnh lẫy lừng. Và sau này, khi Tây-Sơn khởi nghĩa, sự nghiệp của Ông ở trong Nam đã đào tạo nên những « Gia-Định văn nhân võ tướng » giúp được chúa Nguyễn-Ánh dựng lại cơ-đồ, thống-nhất giang san lập nên nghiệp cả ».

Cái chết của Mạc-thiên-Tú ở trên đất nước Xiêm cũng là một điều kiện đã giúp chúa Nguyễn thêm được lực lượng quân đội Xiêm sẵn-sàng tấn trợ cho sau này và dọn đường dễ dàng cho chúa Nguyễn và đám tòng thần sang trú ngụ nơi Vọng-cács. Vì có cái chết hào hùng của Mạc-thiên-Tú, làm xúc động được lòng vua Xiêm, giải được mọi nỗi bất hoà về trước. Vì có cái chết của Mạc-thiên-Tú, các văn nhân võ tướng miền Nam bấy lâu hằng chịu ảnh hưởng giáo-hoá và tuyên truyền của họ Mạc, thêm thán phục hơn về sự trung kiên của họ Mạc, mà không còn ngại gì nữa, đứng vào hàng ngũ ủng hộ chúa Nguyễn chống Tây-Sơn quyết liệt.

Hơn nữa, cái chết dũng-cảm oanh-liệt của Mạc-tử-Sanh nơi Cần-thơ — trung-tâm văn-hoá của miền Tây lúc bấy giờ — đánh thức tiềm năng quật-khởi của toàn-thể đồng-bào miền Tây, tạo thành một lực-lượng tinh-thần mạnh-mẽ chống đối Tây-Sơn, đi đôi với sự sẵn-sàng cung-hiến nhân-tài vật-lực cho chúa Nguyễn. Bởi họ Mạc đã khéo chọn vùng đất Cần-thơ làm căn-cứ thứ hai sau Hà-tiên, nên Cần-thơ nhờ đó mà phảng-phất có sắc-thái đẹp-de như bao công-trình xây-dựng của họ Mạc nơi Hà-tiên. Có thể nói si-khí miền Tây chịu ảnh-hưởng một phần lớn do họ Mạc un-đúc nên. Sự phát-động phong-trào Cần-Vương, trợ-lực Nguyễn-chúa chống Tây-Sơn, từ sau cái chết của cha con Mạc-thiên-Tú, càng ngày càng bành-trướng. Trong đó, nhân-dân miền Tây đã đóng góp máu xương chẳng ít.

(1) Nhà xuất-bản Tân-Việt Saigon

IV

PHONG DINH TRONG THỜI CẬN KIM

Vừa trải hoạ xâm lăng do binh Xiêm gây hấn (Nhâm-thìn 1772), lòng dân còn chưa hết hãi-hùng, thì lại vương cảnh nội loạn Tây-Sơn cùng Nguyễn chúa tranh-giành (Đinh-Dậu 1777), dân chúng Trấn-giang (Cần-thơ) điêu-dürung khôn xiết kè ngót mấy mươi năm. Kịp khi Nguyễn-Ánh thống-nhất non sông, lên ngôi đế túc Gia-Long, đất nước mới thấy lại cảnh thanh-bình.

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU GIA-LONG

Gia-Long năm thứ 2 (Quý-Hợi 1803), định lại dư đồ, đổi địa giới dinh Long-hồ là dinh Hoằng-trấn, rồi đổi gọi là Vinh-trấn, đến năm Gia-Long thứ 7 (Mậu-Thìn 1808), lại đổi làm trấn Vinh-thanh, dưới quyền cai-trị của quan Trấn thủ, Hiệp trấn và Tham hiệp. Vùng Cần-thơ bấy giờ trực thuộc trấn Vinh-thanh, phủ Định viễn.

Gia-Long năm thứ 12 (Quý-Dậu 1813), cắt đất phân ranh lại, lập thêm huyện Vinh-định là vùng phì-nhiêu nhất. Cần-thơ khi ấy túc là huyện Vinh-định, vẫn trực thuộc phủ Định-viễn, trấn Vinh-thanh.

Năm sau, Gia-Long thứ 13 (Giáp-tuất 1814), vùng huyện Vinh-định (Cần-thơ) được đặc-biệt quan-tâm nhất. Các quan địa-phương đốc suất nhân dân mở-mang đường sá, xây cất chợ búa phố-phường, việc buôn-bán càng ngày càng phồn-thịnh, dân túy xứ kéo đến định-cư lập nghiệp ngày một thêm đông-đúc.

Vùng Cần-thơ khi xưa đất đai nhởn thê nào ? Cứ xem một đoạn tả cảnh con sông Cần-thơ vào khoảng đời Gia-Long — Minh-Mạng, chúng ta sẽ ý thức được một vài tình trạng sinh-hoạt của dân cư Cần-thơ thuở ấy

« Sông Cần-thơ ở phía Đông huyện Phong-phú 3 dặm, bờ phía tây Hậu-giang, rộng 4 trượng, sâu 2 trượng rưỡi. Bờ phía Tây sông này có cựu Thủ sở đạo Trấn-giang. Bắt đầu từ phía Nam

Đại-giang chảy xuống, thông sông Bồn, rồi do cửa sông ấy chảy qua đà Sưu, đà Răng, cách 13 dặm đến ngã ba Ba-láng. Chi phía Bắc chảy qua Đông 12 dặm thông với sông Bình-thủy. Lại một chi nữa cũng do phía Bắc chuyền về hướng Đông 45 dặm chảy ra cảng khẩu đạo Kiên-giang, tục gọi là cửa Bé. « **Cuối đông qua xuân, nước khô bùn cứng, ghe thuyền không qua được; từ mùa hạ qua đông nước mưa tràn bờ, thì ghe thuyền cõi lên trên cỏ và bèo mà đi, cứ trông theo phía tả hay phía hữu rùng cây mà nhận dấu đường. Nơi đây không có bóng người, có rất nhiều muỗi và díia, người qua lại rất khổ-sở** »⁽¹⁾.

Ở một đoạn khác, nói về con sông Hậu (Hậu-giang), người xưa ghi chép

“... Nước theo từ sông Châu-đốc tỉnh An-giang chảy đến phía Bắc huyện Đông-xuyên (tức Long-xuyên ngày nay) rồi đến ngòi Trà ôn, làm giới-hạn cho tỉnh An-giang và tỉnh Vĩnh-long. Đến đây chuyền qua hướng Nam (bờ phía Tây làm giới-hạn tỉnh An-giang, bờ phía Đông làm giới-hạn tỉnh Vĩnh-long) đến đạo Trấn-di chảy ra cửa biển Ba-thắc. « **Sông này rưới khắp ruộng nương, bao hàm gò bến, là một nguồn lợi thủy quái** ».

Con sông Cần-thơ và Hậu-giang ngày xưa mặc dầu chưa thuận-tiện mấy về mặt giao-thông, thế mà đã là một nguồn lợi to-tát, đủ rõ người xưa đã rất chú-ý mở-mang đường thủy đồng thời với sự giao-thông đường bộ. Do đó, nền kinh-tế miền Tây lúc bấy giờ khá thịnh-vượng.

Bởi con sông Hậu-giang như mạch máu của miền Tây, tiện ích cho dân chúng vô cùng, nên khoảng Minh-Mạng thứ 17 (Bính thân 1836), nhà vua cho đúc 9 cái đinh, có chạm hình sông Hậu-giang vào Huyền đinh và năm Tự-Đức thứ III (Canh-tuất 1850) có ghi vào tự đền⁽²⁾. 9 cái đinh này hiện nay đề trước sân nhà thái miếu thành-nội Huế. Qui du-khách có dịp đi viếng cố-đô vô đến hoàng-thành sẽ thấy những kỷ-vật này tro gan cùng tuế nguyệt, ghi lại bước đường bôn-tẩu của nhà vua.

(1-2) « *Đại-Nam nhất thống chí* » *Nam-kỳ lục-tỉnh*. Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, do Nhà Văn-Hoa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản.

PHONG-DINH DƯỚI TRIỀU MINH-MẠNG

Đầu thế kỷ XIX, dưới triều Gia-Long, như chúng ta đã rõ, Cần-thơ là vùng huyện Vĩnh-dịnh, phủ Định-viễn, thuộc trấn Vĩnh-thanh. Kinh tế thịnh vượng, dân cư đông đúc.

Đến năm Minh-Mạng thứ 13 (Nhâm-thìn 1832), trấn Vĩnh-thanh đổi tên là trấn Vĩnh-long, phân hạt gọi là tỉnh Vĩnh-long, đem hai huyện Tuân-nghĩa, Trà-vinh, nguyên thuộc phủ Lạc-hoá (trước trực thuộc thành Gia-Định) nay thuộc tỉnh Vĩnh-long, còn hai huyện Vĩnh-dịnh (tức Cần-thơ xưa), Vĩnh-an và đạo Châu-đốc cải thuộc tỉnh An-giang, và lập thêm huyện Vĩnh-trị, thuộc phủ Định-viễn. Xem thế, ta nhận thấy Cần-thơ bấy giờ (huyện Vĩnh-dịnh) đã tách ra khỏi Vĩnh-long, mà thuộc về tỉnh An-giang, và thuộc phủ Tân-thanh chứ không thuộc phủ Định-viễn như trước.

Năm Minh-Mạng thứ 20 (Kỷ-hợi 1839), vùng đất Cần-thơ lại mang tên là huyện Phong-phú, thuộc phủ Tuy-biên, tỉnh An-giang, gồm có 3 tổng, 31 xã thôn.

Thời kỳ này, Cần-thơ (huyện Phong-phú xưa) càng thêm phồn thịnh. Về hành chánh, huyện trị ở địa phận thôn Tân-an, chau vi 50 trượng, trồng rào tre. Viên tri huyện coi sóc toàn huyện. Đầu tỉnh thì có quan Đồng-đốc, một vị Bố chánh và một vị Án-sát. Tô chức hành chánh ở các tổng, xã đều để đảm bảo an ninh cho dân chúng.

Về mặt quân sự, ngoài những đồn, bảo, đặt rải rác ở những vùng quê, nơi tỉnh lỵ và huyện lỵ thì có những đồn bót lớn hơn gọi là Thủ, có nghĩa là cơ sở phòng thủ nghiêm nhặt vững chãi. Thủ sở Trần giang (Cần-thơ) ở về bờ phía Tây Hậu-giang thiết lập từ năm Kỷ dậu 1789, đến khi Nguyễn-Ánh lên ngôi tức vua Gia-Long, vì giang san đã thống nhất, nên tạm thời Thủ sở Trần giang này bãi bỏ. Đến đời Minh-Mạng, vì có nhiều biến-cố đồn-dập, Thủ Trần giang tái thiết hẳn hoi. Đồng thời Thủ sở Trần di (miền Bắc Bạc-Liêu) cũng tái thiết để ngừa nội loạn và ngoại xâm.

Ở bờ phía Tây Hậu giang có thủ Trấn-giang hay Đông-xuyên, giao liên chặt chẽ với thủ Trấn-di, thi ở bờ phía Đông Hậu-giang có những đồn Vĩnh-hùng, Thuận-tấn, Cường-uy. Và ở Xao châu (phía Bắc cửa biển Mỹ-thanh) có đặt binh lính đóng giữ cực-kỳ hùng-hậu.

Khoảng năm Quý-Tỵ (1833) xảy ra cuộc Lê-văn-Khôi gây biến loạn, sau khi quân của Lê-văn-Khôi bị binh triều phá vỡ, tàn quân chạy xuống miền Tây, vùng Phong-phú (Cần-thơ) và Trấn-di (Bạc-liêu) bị rối loạn không ít. Hơn nữa, triều đình lùng bắt dữ-dảng Lê-văn-Khôi, nhất là những người Hoa-kiều có dính líu, ăn náu ở Cần-thơ, Bạc-liêu (¹), khiến lòng dân xôn xao động.

Tuy nhiên, qua cơn sóng gió, trời yên bè lặng như thường. Huyện Phong-phú vẫn là vùng đất có tiếng thanh-trì, an-ninh hơn khắp mọi vùng ở miền Tây lúc bấy giờ.

Về mặt thương-mại, có ba ngôi chợ được thiết lập, rất trù phú chợ Suru ở gần bến sông Cần-thơ, chợ Tân-an ở gần bến sông Bình-Thủy và chợ Thái-an-Đông ở gần sông Ô-môn.



(1) Xin xem quyển « Bạc-liêu xưa và nay », đã xuất bản, có nói rõ.

Nông-nghiệp Phong-Dinh



Tới mùa lúa chín, các nhà nông xúm nhau gặt hái đem về sân.
Trên nét mặt mỗi người đều lộ vẻ hân-hoan, đắc nguyện.

CẦN-THƠ VỚI CHÚA NGUYỄN TRONG KHI TẤU-QUỐC

Nơi phần đầu, trình bày lịch-sử tỉnh Cần-thơ (¹), chúng tôi đã nói sơ-lược về cuộc Tây-sơn Nguyễn chúa tranh hùng, mà Cần-Thơ từng là bãi chiến-trường đẫm máu. Đề quí bạn đọc có ý-niệm rõ-ràng hơn nỗi đau thương của dân chúng Cần-thơ trong cơn khói lửa từng chập-tưng hồi áy, chúng tôi xin ghi thêm tì mỉ những cảnh binh đao diễn-tiễn, biết bao dấu vết tang thương mà Tây-Sơn, Nguyễn chúa, Cao-miên lưu đày trên mảnh đất Cần-Thơ hơn một thế-kỷ qua.

Bắt đầu từ năm Đinh-dậu 1777, Tây-Sơn tấn-công mãnh-liệt, chiếm lấy Saigon lần thứ hai, (lần thứ nhất vào năm Bính-thân 1776), do chính Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ đích thân chỉ-huy đại đội hùng binh. Chúa Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần (Duệ-tông) chạy xuống Long-hưng (gần Rạch-Gầm, Mỹ-Tho) rồi chạy vào Cần Thơ, trong khi Tân-chánh-vương Nguyễn-phúc-Dương ẩn náu nơi Ba-vát (Bến-Tre). Bấy giờ vào khoảng tháng tư tại Cần-thơ, cha con Mạc-thiên-Tứ đã chuẩn-bị sẵn-sàng lâm-chiến để cứu-nguy cho chúa Nguyễn khi Tây-Sơn đuổi đến. Dân chúng Cần-Thơ sống trong cảnh pháp-phòng tranh chiến.

Rồi thì khói lửa lan-tràn, từ Saigon Nguyễn-Huệ tiến đánh Bến-Tre, bắt sống Đông-cung-Dương (tức Tân-chánh-vương), tại Ba-Vát. Hay tin chẳng lành, tháng 8 chúa Định-vương là Cần-Thơ chạy xuống Cà-Mau với cháu là Nguyễn-Ánh.

Binh Tây-Sơn tràn xuống Cần-Thơ. Ngút trời khói lửa. Dân chúng hãi-hùng chứng-kiến cảnh máu rơi, cửa nhà tan nát. Tham tướng Mạc-tử-Sanh anh-dũng chiến-đấu nhưng không chống nổi sức hùng-liệt của đoàn hổ báo Tây-sơn, đành bỏ mình tại vùng Tham-tướng. Bấy giờ Cần-Thơ thất-thủ, khắp nơi tràn đầy quân-sĩ Tây-sơn chiếm đóng, sát-khí đằng-đằng.

Tạm chiêu an dân chúng Cần-Thơ xong, quân đội Tây-Sơn kéo rốc tới đánh Bạc-Liêu, Cà-Mau (lúc này còn mang tên cũ là huyện Trấn-di, Long-Xuyên), cũng như Cần-Thơ là huyện Trấn-Giang. Thế mạnh như chè tre, Tây-Sơn đánh đâu thắng đó, bắt sống chúa Định-Vương tại Cà-Mau trong khoảng tháng 9, giải về Gia-Định hành quyết.

Nguyễn-Ánh lên thay điều khiển binh quyền. Trong tình-thế nguy cấp, nhờ ngự chiếc thuyền nhỏ nhẹ mang hiệu « Thủ quyền » vượt nước rẽ sóng mau lẹ, Nguyễn-Ánh do ngã sông Ông Đốc thoát ra hòn Thồ-Châu. Rồi từ ấy ngậm đắng nuốt cay, nuôi chí phục hận, dần dần đánh chiếm lại được thành Gia-Định.

Đến năm Giáp-Thìn (1784), tháng 6 chúa Nguyễn-Ánh từ Xiêm trở về, có hai viên đại tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu-Sương đem 300 chiến thuyền và 20.000 quân theo giúp. Lần lượt, chúa Nguyễn lấy lại Rạch-giá, Cần-thơ, Ba-thắc, Trà-Ôn, Mân-thít và Sa-déc. Thế là Cần-Thơ rơi vào tay chúa Nguyễn.

Nhưng dân chúng Cần-Thơ vẫn chẳng yên được lâu, đến tháng 10, sau khi Châu-văn-Tiếp tử trận tại Mân-thít, tình thế binh chúa Nguyễn có chiêu nao núng. Rồi thi tháng chạp, chính Nguyễn-Huệ thân chinh chỉ-huy quân Tây-Sơn đánh tan quân Xiêm tại Rạch-Gầm (Trận này là một chiến công oanh-liệt nhất của Tây-Sơn, đến đối tướng Xiêm là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương phải bỏ cả binh thuyền, lén bộ chạy về Vọng-Các. Chúng tôi sẽ thuật rõ trong quyền « Định-Tường xưa và nay » sẽ xuất-bản).

Sau trận đại bại Rạch-Gầm, chúa Nguyễn-Ánh cả kinh quay lại Cần-Thơ, binh Tây-Sơn tái chiếm Cần-Thơ, dân-chúng nơi đây thêm một lần nữa phải diêu đứng vì chiến họa. Chúa Nguyễn tách dặm băng ngàn, từ Cần-Thơ ra hòn Thồ-Châu lánh mình như trước.

Đinh vị 1787, tháng 8 chúa Nguyễn lại từ Xiêm về, đốc-xuất quân sĩ phản công Tây-Sơn. Hai bên đánh nhau nhiều trận lớn tại Trà-Ôn (Cần-Thơ) và Ba Rải (Mỹ-Tho). Rồi bị Tây-Sơn đánh bại tại cù-lao Giung Hồ châu, ở cửa sông Hậu-giang. Tuy nhiên, từ tháng 10, đóng đại bản dinh tại Nước Xoáy (Sa-Déc)

binh tướng chúa Nguyễn dần dần khôi phục khí thế, dông cảng đương đầu với Tây-Sơn, đầy lui Tây-Sơn khắp nơi. Bấy giờ Cần Thơ cũng đã được chúa Nguyễn thâu phục lại.

Sang tháng 10, có tin tướng Cao-miên là Ốc-Nha-Long theo Tây-Sơn nồi loạn, đánh chiếm Cần-Thơ, đóng đồn tại địa điểm này, khiến dân-chúng đã khồ sở lại càng khồ sở. Chúa Nguyễn lập tức đem đại quân từ Sa-Đéc đến Cần-Thơ dẹp loạn.

Ốc-Nha-Long không chống cự nỗi, nhưng càng thua to chúng càng phá khuấy dữ tợn. Đây là lần thảm khốc nhất của dân chúng Cần-Thơ. Nhưng cuối cùng rồi cũng dẹp yên loạn được, chúa Nguyễn vô an lê thứ, trao quyền cho một viên đại tướng ở giữ Cần-Thơ, còn Ngài thì trở về đại bản dinh tại Nước Xoáy. Và cũng từ đây Tây-Sơn suy yếu, lần lượt bị binh chúa Nguyễn đánh bật khỏi miền Tây. Đến tháng 8 năm Mậu-Thân (1788) chúa Nguyễn khắc phục Saigon, giữ vững mãi, cho đến năm Nhâm-Tý (1792) thì bắt đầu tiến ra đánh miền Trung, Bắc.

Rồi từ Nhâm-Tý (1792) mãi đến 9 năm sau, ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân-Hợi, chúa Nguyễn mới khắc phục được kinh thành Huế, thống-nhất non sông. Đoạn sấp đặt trị an thêm một năm nữa, đâu đó đã yên, ngày mồng 2 tháng 5 năm Nhâm-Tuất 1802, chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi tức vua Gia-Long (miếu hiệu Thế-tô Cao-hoàng-Đế).

Duyệt lại bước đường lưu-vong của chúa Nguyễn-Ánh khi bôn-ba tầu-quốc, như chúng tôi đã trình-bày trên đây, trong mấy năm Đinh-dậu 1777, Giáp-thìn 1784 và Đinh-vị 1787, Cần-thơ đã trải qua tất cả bốn thời-kỳ chúa Nguyễn đồn trú, và là bãi chiến-trường lầm lúc hãi-hùng. Khủng-khiếp nhất là loạn-tướng Cao-miên Ốc-Nha-Long đã theo Tây-Sơn, thùa gió bẻ măng, tàn hại dân-chúng khôn xiết kẽ !

Thà rằng bị hoa ngoại-xâm, dân nước đầu tuôn đồ bao nhiêu máu đào xương trắng để cứu nước tưởng cũng chẳng đau lòng. Duy những cảnh nội chiến rùng-rợn, tạo cơ-hội cho ngoại-bang nhúng tay vào gây thêm tang-tác, thật nǎo-nùng !

Lời cảm-nghi

Chúng tôi đã trình-bày qua phần lịch-sử và đồng-kết câu chuyện Nguyễn-Ánh trên đường bôn-tầu, công-hiến chư độc-giả tìm hiểu phần nào về hai nhân-vật Gia-Long và Nguyễn-Huệ, hai vị cũng vì gấm vóc giang-sơn này mà tranh dành ánh-huớng, làm cho xứ-sở điêu-linh nhơn-dân đỗ-thán, gây cảnh núi xương sông máu diễn ra trên đất Việt. Lịch-sử hăng chứng-minh rõ rõ.

Đúng về khách-quan mà nhận-xét, so-sánh giữa hai nhân-vật, Nguyễn-Huệ một trong những anh-hùng của dân-tộc, một trang lối-lạc tài-ba, đa-mưu túc-kẽ, văn-võ kiêm-toàn, binh-pháp siêu-nhân, quân-kỷ nghiêm-minh, bách-chiến bách-thắng, tiếc rằng vận nước cam chịu cảnh ngủ-a-nghiêng, nên trời khiển cho Nguyễn-Huệ phải mất sớm đi, giang-sơn này rơi vào tay Nguyễn-Ánh.

Thay vì lúc bấy giờ Nguyễn-Huệ còn sống nắm vững cơ-đồ giữ nền độc-lập tự-chủ, mở-mang bờ cõi lan rộng đến 2 tỉnh Quảng-Đông, và Quảng-Tây, dọc-đồ Việt-Nam lớn biết là bao. Nước Việt-Nam sẽ trở nên một nước hùng-cường, góp mặt cùng năm châu thế-giới, chura chắc có gót chân ngoại-bang nào xâm-chiếm được.

Qua phần lịch-sử của Nguyễn-Ánh, trên đường dong-ruồi vào Nam, đặt chân lui tới đất Cản-thor này nhiều lượt, như đã trình-bày, chúng tôi lấy làm chua-xót vô cùng, không muốn nhắc lại nhiều e túi-hồ vong-linh người trung-liệt, và chẳng những thế-he trễ ngày nay cũng không muốn gọi câu chuyện Gia-Long thêm nhiều, vì lẽ đó mà chúng tôi không đi sâu vào chi-tiết, xin bạn đọc thử lối cho.

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU TỰ-ĐỨC và THỜI PHÁP THUỘC

Trải các triều vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, miền Nam nước Việt vẫn chia làm 6 tỉnh, nên dân gian thường quen gọi là Nam kỳ lục tỉnh. Cho đến thời Pháp thuộc, dân người Pháp đã chia đất miền Nam này (gọi là Nam Kỳ) làm 20 rồi 21 tỉnh, dân gian vẫn quen gọi Nam Kỳ là lục tỉnh. Ấy là

Biên-Hoà	{	miền Đông
Gia-Định		
Định-Tường		
Vĩnh-Long	{	miền Tây
An-Giang		
Hà-Tiên		

Do Hoà-ước ngày 5 Juin 1862, miền Nam bị đặt dưới quyền đô-hộ của Pháp. Nhưng sĩ-phu miền Nam há dẽ chịu ép một bè ? Lần lượt sĩ phu miền Nam đứng lên phản kháng, hoặc đem bút lưỡi mà khích động dân tâm tranh đấu, hoặc lấy sắt máu mà chống chọi với cường quyền bạo lực. Nhóm sĩ phu đánh giặc bằng bút lưỡi, có : Nguyễn-đinh-Chiều, Phan-văn-Trị, Nguyễn-văn-Lạc v.v... Nhóm lấy sắt máu đánh đuổi kẻ tham tàn, có Trương-Định & Gò-Công, Đỗ-trinh-Thoại, Nguyễn-duy-Dương ở đồng Tháp-Mười, Nguyễn-hữu-Huân ở Mỹ-Tho v.v.

Riêng về miền Tây, từ sau ngày 25 Juin 1867 (năm Đinh-Mão) là ngày ba tỉnh miền Tây Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên đều đã lọt vào tay quân Pháp, sĩ phu miền Tây cũng oanh liệt chống cự. Nhân-dân huyện Phong-phú (Cần Thơ) từng nồi lén đánh các đồn bót do quân Pháp thiết lập. Chúng thất điên bát đảo, tức giận phóng hỏa đốt rụi nhiều thôn xóm. Lửa loạn bao trùm tang tóc miền Tây lúc bấy giờ !

Dần dần quân đội Pháp nhờ có đông đảo đâm tay sai người Việt phụ tá, chẳng hạn như Đội Lộc (sau này là Tòng đốc Trần-bá Lộc), Lãnh-binh-Tấn (tức Huỳnh-công-Tấn) dùng uy lực đàn áp, thiết lập nền cai trị.

Ngày 1 tháng giêng năm 1868, do Nghị định Thống đốc Nam Kỳ là Bonard, huyện Phong-phú (Cần Thơ) sáp nhập với Bai

sau đặt thành một quận, dưới quyền cai trị của một viên quan Pháp, lập Toà Bố (Hành chánh) tại Sa-dec.

Lòng dân nhớ nước cũ nên hãi còn bồng bột phẫn uất, đâu dẽ một ngày một buổi mà chịu yên bề. Trong vùng Cần-thơ, vị lãnh tụ dân quân kháng chiến đầu tiên nồi lên chống quân Pháp, chính Đinh-Sâm. Đè cảnh cáo những ai sớm vội bán nước buôn dân, cam tâm làm tay sai cho giặc, Đinh-Sâm xướng nghĩa, giết ngay viên Cai tông Định-Bảo là Nguyễn-văn-Vĩnh, rồi chiếm đóng một vùng Láng hầm (nay là vàm kinh Ba láug). (¹)

Khỏi lửa lại bao trùm vùng Cần-thơ, Ba-láng, Phong-diền. Cơn ly loạn xiết bao điều đứng thảm khốc dân tình. Chẳng bao lâu, Đinh-Sâm bị quân Pháp và đội binh mã tà (như đám thân binh thời gian đây) do Trần-bá-Lộc chỉ huy dẹp tan dưới bạo lực đàn áp dã man khốc liệt !

Ngày 30 tháng 4 năm 1872, Thống đốc Nam-Kỳ lại ra nghị định, sáp nhập Phong-phú (Cần-thơ) với Bắc-tràng là một vùng thuộc phủ Lạc-hoa tỉnh Vinh-long lập Toà Bố tại Trà-ôn,

Nhưng tình thế vẫn không yên. Nhiều nơi trong tỉnh vẫn vùng lên chống đối. Đối phó với nghĩa quân, nhà cầm quyền người Pháp càng thẳng tay đàn áp, dùng sức mạnh súng đạn làm phương tiện để mong chinh phục lòng người, để ổn định cho kỳ được guồng máy hành chánh theo như ý thực dân.

Toà Bố thiết lập tại Trà-ôn để điều khiển các cơ cấu cai trị khắp vùng Phong-phú (Cần-thơ), đặt dưới quyền kiềm soát của một viên quan Pháp, chỉ được một năm thì phải dời về đặt ở Cái răng (hiện giờ là quận lỵ Châu thành, cách tỉnh lỵ Cần-thơ Phong dinh — 6 cây số). **Rồi do Nghị định của Soái phủ Saigon, ngày 23 Février 1876, vùng Phong-phú lập thành tỉnh, mang tên Cần-thơ. Toà Bố (Hành chánh) đặt tại tỉnh lỵ Cần-thơ, Trà-ôn thì trở thành quận.**

Vìen quan Pháp đầu tiên trấn nhậm tỉnh Cần-thơ là Đại úy Nicolai, chức Tham biện hạng nhì. Đại úy Nicolai ngồi chức

(1) Xin xem phần thứ II Danh nhân

Cảnh nhà quê ở Phong-Dinh



Những thửa vườn với căn nhà lá của đồng bào
ở trong các xã xa-xôi thuộc vùng Phung-Hiệp.

Ảnh Việt-Nam

Chánh tham biện (tức như Tỉnh trưởng bây giờ), Cần-thơ ngót 10 năm, khai thác đất đai, mở rộng đường xá, xây cất chợ búa.

Tuy nhiên, sĩ phu miền Tây vẫn còn một số đông bất phục. Nhưng trong tình trạng khôn bờ chống đối, các sĩ phu giữ tiết-tháo dành sống đời ăn đật. Trong số này đáng kề có Cử Tri (Phan văn) lánh thân ở Phong diền, cụ Thủ-khoa-Nghĩa (Bùi hưu) ở Bình-thủy, Long-tuyễn. Cho đến vị Cai tông Lê-quang-Chiều sau này cũng tự giải chức từ quan, còn được tiếng thơm.

Người đầu tiên đến thông ngôn cho ông Nicolai, tỉnh-trưởng Cần-thơ là ông Cao-văn-Tinh (¹), hiện nay con ông là Cao-văn-Hùng còn sống trên 80 tuổi.

Năm 1877, Nam-kỳ có tất cả 19 Chánh-tham-biện.

PHÂN CHIA ĐẾ TRỊ

Chính-sách quản-trị, nhà cầm quyền Pháp phân chia ranh giới tỉnh Cần-Thơ lại, gồm có 5 quận, 8 tổng, 72 xã

1. Quận Châu-Thành
2. — Phụng-Hiệp
3. — Ô-Môn
4. — Trà-Ôn
5. — Cầu-Kè

Tám tổng Định-an, Định-bảo, Định-phong, Định-thành, Định-quối, Thạnh-trị, Thới-bảo, Tuân-giáo và Tuân-lễ. Cai-trị một quận thì có vị Chủ-quận (Quận-trưởng), đứng đầu tổng thì có vị Cai-tông, Phó-tông, Bang-biên, Sung-biên. Các xã thì có ban hội tề gồm 12 vị hương-chức Hương-Cả, Hương-Chủ, Hương-Sư, Hương-Trưởng, Hương-Chánh, Hương-Giáo, Hương-Bộ, Hương-Quản, Hương-Thân, Hương-Hào, Xã-trưởng và Chánh-lục-bộ (cũng gọi là đội-bộ tức vị ủy-viên hộ-tịch ngày nay) (²).

Về sau, phân-định lại, toàn tỉnh vẫn 5 quận, nhưng gồm 10 tổng, 94 làng như sau (Chúng tôi xin ghi rõ đề tiện cho người sau tra-cứu).

(1) Ông Cao-văn-Tinh với chức tri-phủ.

(2) Người ta thường gọi tất 12 nhân-viên trong Ban Hội-tề cho đế nhớ Cả, Chủ, Sư, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã, Lục.

ẢNG TỔNG KẾT TỔNG 94 LÀNG THỜI PHÁP THUỘC

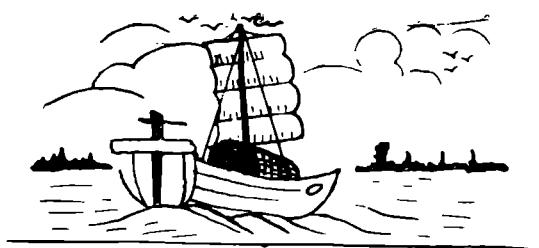
- | | |
|--------------------------------------|---|
| 1. Tổng Định-bảo
gồm 11 xã | 1. Tân-an, 2. Thường-Thạnh, 3. Nhơn
ái, 4. Nhơn-nghĩa, 5. Thường-thạnh-Đông,
6. Thạnh-an, 7. Tân-thạnh-Đông, 8. Thạnh
mỹ, 9. Phú-lợi, 10. Mỹ-khánh, 11. Thới-
binh. |
| 2. Tổng Định-thới
10 xã | 1. Bình-phước, 2. Bình-xuân, 3. Long
tuyền, 4. Phú-long, 5. Tân-thới, 6. Thới-
an, 7. Thới-giai, 8. Thới-hanh, 9. Thới-
hung, 10. Thới-an-Đông. |
| 3. Tổng Định-hoà
8 xã | 1. Hoà-mỹ, 2. Mỹ-phước, 3. Tân-bình,
4. Tân-hưng, 5. Tân-lập, 6. Thạnh-hưng,
7. Thạnh-xuân, 8. Trung-hưng. |
| 4. Tổng Định-an
6 xã | 1. Đông-phú, 2. Hậu-thạnh, 3. Long-
hung, 4. Phú-hữu, 5. Phú-thứ, 6. Phú-mỹ
Đông. |
| 5. Tổng Định-phước :
7 xã | 1. Đông-sơn, 2. Long-mỹ, 3. Nhơ-
lăng, 4. Song-mỹ, 5. Phụng-hiệp, 6. Thường
phước, 7. Trường-thạnh-sơn. |
| 6. Tổng Thới-bảo
9 xã | 1. Định-môn, 2. Ô-môn, 3. Thới-
đông, 4. Thới-lai, 5. Thới-thạnh, 6. Trường
long, 7. Trường-lạc, 8. Trường-thành,
9. Thới-thạnh-hạ. |
| 7. Tổng Thành-trị
8 xã | 1. Gia-kiết, 2. Hựu-thành, 3. Ngãi-lộ,
4. Tích-hoa, 5. Tích-khánh, 6. Trà-ôn,
7. Thuận-thới, 8. Vĩnh-xuân. |
| 8. Tổng An-trường
11 xã | 1. An-hòa, 2. Định-hoà, 3. Đông-lợi,
4. Đông-thành, 5. Mỹ-chánh, 6. Mỹ-thuận,
7. Phú-ly, 8. Tân-lược, 9. Tân-phong,
10. Tân-quối, 11. Đông-thành-trung. |
| 9. Tổng Bình-lề
9 xã | 1. Bình-minh, 2. Đông-hậu, 3. Hanh-
thông, 4. Loan-tân, 5 Mỹ-an, 6. Ngãi-tứ,
7. Tân-thiết, 8. Thiện-mỹ, 9. Trung-gia |
| 10. Tổng Tuân-giáo :
15 xã | 1. An-thồ, 2. Ân-phụ, 3. Châu-hưng,
4. Hiệp-an, 5. Hoà-thịnh, 6. Lương-diền,
7. Phong phượng, 8. Phong-phụ, 9 Phong
thới, 10.Tam-ngãi, 11. Tân-hòa, 12. Tân-qui,
13. Thạnh-phú, 14. Thơ-đôi, 15.Thông-thảo. |

Vì là một tỉnh từng nổi danh về văn-hoa, nhờ ảnh hưởng của các cụ Cử Tri, Thủ-khoa Nghĩa, Cai tòng Chiều, lại thêm dư ba cuộc khởi nghĩa của Đinh-Sâm từ năm 1868 hãy còn vang động âm ī trong lòng người dân Cần-thơ, nên không khí trong tỉnh vẫn sôi nổi từng cơn. Hơn nữa, trong khi ngoài Trung, Bắc các sĩ phu xướng xuất cuộc vận động duy tân, phát động phong trào Đông du, thì Cần-thơ cũng hân hạnh có một nhà cách mạng ưu-tú đóng góp vào. Ấy là cụ Hội đồng Nguyễn-thần-Hiển, gốc người ở Hà-tiên dời về cư ngụ tại tỉnh lỵ Cần-thơ (xin xem phần Danh nhân).

Học phong, sĩ khi trong tỉnh Cần-thơ đã khiến thực dân Pháp cực kỳ chú ý, quan tâm. Đè lấy lòng dân chúng, và đè cho Cần-thơ xứng đáng là nơi trung tâm văn hoá của miền Tây, ngoài việc khuyếch trương kinh tế, nhà cầm quyền đặc biệt mở thêm trường sở. Từ năm 1921, Cần-thơ đã có trường trung học Collège, chỉ kém thủ đô Saigon, sau Mỹ-tho, nhưng hơn cả các tỉnh khác.

Ngày 24-9-1954, nghị-định hợp-thúc-hoa chiếu số 188 N./G.Đ. đặt lại tên trường là Phan-Thanh-Giản cho tới ngày nay.

Lại nữa, điều nên nói thêm, Cần-thơ cũng là một tỉnh có tờ báo đầu tiên ở miền Tây là tờ « An hà báo » làm vinh diệu và trợ hứng cho tao nhân mặc khách miền Tây một thuở.



PHÒNG-DINH THỜI GÂN ĐÂY

Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chánh, gót chân đoàn quân Phù tang tràn xuống Cần-thơ, miền Tây sôi động lên, dân chúng Tây đô chẳng khỏi trải cơn hồi hộp lo âu trước chánh tình đất nước. Lại thêm « Nghĩa sĩ đảng » bấy giờ cũng nồi lên. Người người đều cảm thấy ngọt ngạt trong bầu không khí khó thở.

Chánh tham biện De Montaigut bỏ tỉnh rút vào đồng quê, cương quyết kháng Nhật. Một ngày trong tháng 3 lúc xế chiều, De Montaigut dẫn một toán quân từ miệt Vàm xáng, Phong điền kéo ra phá cầu đúc Cái răng. Súng nồ vang một góc trời. Từ tỉnh lỵ Cần-thơ, quân đội Nhật kéo vào xung kích. Khói lửa bốc cao. Đạn bay vỉ vút, đì đùng, trọng pháo vang ầm. Dân chúng Cái răng Cần-thơ trải cơn chạy loạn hãi hùng !

Rồi thì thỉnh thoảng thêm kinh khủng vì tiếng còi báo động, tiếng phi cơ đồng minh bay trên không phận Cần-thơ. Nhưng may cho dân chúng, đoàn chim săt của đồng minh chỉ gieo sự đe doạ chó chẳng ném bom hay bắn phá gì.

Từ tháng 8, biến cố thêm dồn dập bao trùm Tây-dô. Nào cuộc xung đột giữa Việt-Minh và Phật-giáo Hoà-Hảo, nào cảnh xứ bắn ba ông Huỳnh-thạnh-Mậu, Trần-văn-Hoành và thi sĩ Việt-Châu Nguyễn-xuân-Thiếp tại vận động trường Tây-dô. Không-khi càng thêm nặng nề !

Đến khi quân Anh-Pháp trở lại hoành hành, chiếm đóng Tây-dô. Một buổi sáng ngày 12 tháng 11, bộ đội kháng chiến do Lê-Bình chỉ huy bắt thần chụp chợ Cái răng. Bốn bề súng lại vang rền. Đến xế trưa, quân Pháp từ Cần-thơ đem tàu chiến kéo vào, phối hợp với bộ binh và không quân, gieo hãi hùng suốt ngày đêm, khói lửa đỏ trời, tang thương phủ khắp một bầu trời sầu.

Rồi suốt thời kỳ Quốc-Trưởng Bảo-Đại chấp chánh, Cần-thơ vẫn trầm lặng, chẳng có gì thay đổi đáng kể.

Rồi do hai sắc lệnh ngày 22-10-56 và ngày 16 tháng 9 năm 1958, dưới chánh thể Việt-Nam Cộng-Hoà, tỉnh Cần-Thơ đổi tên là Phong-Dinh.

ĐỊA-LÝ

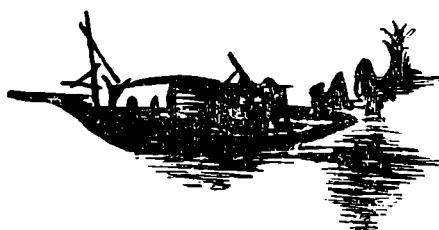
Ranh giới thì sửa đổi lại Cắt hai quận Trà-ôn và Cầu-kè sáp nhập tỉnh Vĩnh-bình (Trà-Vinh). Lập hai quận khác là Long-mỹ và Kế-sách. Chẳng lâu, lại cắt phần đất quận Kế-sách trả cho tỉnh Ba-xuyên (Sóc-trăng) rồi chia quận Long-mỹ làm 2 quận : Đức-long và Long-mỹ. Những cũng không lâu, lại tách hai quận Đức-long và Long-mỹ, sáp nhập tỉnh Chương-Thiện. Rồi lập hai quận khác là Khắc-nhơn và Khắc-trung (nay sửa lại là Thuận-nhơn và Thuận-trung).

Cho đến năm nay (1966), tỉnh Phong-dinh về mặt địa-lý như sau

VỊ TRÍ GIỚI HẠN

Tỉnh Phong-dinh ở về phía Tây-Nam miền Nam nước Việt. Tỉnh lỵ Cần-thơ cách thủ đô Sài-gòn 160 cây số ngàn.

- Đông-Bắc giáp tỉnh Vĩnh-long — Vĩnh-bình (Trà-vinh) bằng khúc sông Hậu-giang chạy dài lối 50 km.
- Đông-Nam giáp tỉnh Ba-xuyên (Sóc-trăng)
- Tây-Bắc giáp tỉnh An-giang (Long-xuyên) Kiên-giang (Rạch-giá)
- Tây-Nam giáp tỉnh Chương-thiện.



DIỆN TÍCH – DÂN SỐ

Diện-tích toàn tỉnh 162.257 mẫu tây. Phần lớn là đồng-bằng phì-nhiêu, không một ngọn núi, không có rừng-rậm, chỉ có chút ít rừng tràm, rừng dừa nước tại các vùng đầm lầy. Hệ thống kinh rạch chằng chịt, phần nhiều phát khởi từ con sông Hậu-giang, quanh năm nước ngọt, thích hợp cho việc trồng lúa, trồng cây ăn trái và các loại hoa màu khác.

Dân-số toàn tỉnh trên 400.000 người, riêng thành-phố Cần-thơ đã chiếm một khối dân số 55.000 người.

Tỉnh gồm 6 quận, 8 tổng, 40 xã, 5 quận Châu-thành, Phong-phú, Phụng-hiệp, Thuận-nhơn và Thuận-trung.

1. Quận Châu-thành Trụ sở quận Châu-thành ở thị-trấn cái răng xã Thường-thạnh, cách tỉnh lỵ lối 6 cây số ngàn. Gồm có 2 tổng Định-bảo và Định-an với 15 xã.

a) Tổng Định-bảo có 7 xã Nhơn-ái, Nhơn-nghĩa, Mỹ-khanh, Thạnh-an, Tân-phú-thạnh, Thường-thạnh và Thường-thạnh-dông.

b) Tổng Định-an có 8 xã An-bình, Đông-phú, Giai-xuân, Long-tuyền, Phú-hữu, Phú-thú, Tân-an và Thuận-đức.

2. Quận Phong-phú Trụ sở ở xã Thới-thạnh, cách tỉnh lỵ 21 cây số ngàn. Gồm có 2 tổng Thới-bảo, Định-thới và 9 xã.

a) Tổng Thới-bảo có 4 xã : Bình-an, Định-môn, Thới-thạnh và Trường-thạnh.

b) Tổng Định-Thới có 5 xã Phước-thới, Tân-thới, Thới-an, Thới-an-Đông và Thới-long.

3. Quận Phụng-hiệp : Trụ sở ở xã Phụng-hiệp, cách tỉnh lỵ 30 cây số ngàn. Gồm 2 tổng Định-phước và Định-hoà với 6 xã.

a) Tổng Định-phước có 4 xã : Hiệp-hưng, Hoà-mỹ, Phụng-hiệp và Tân-phước-hưng.

b) Tổng Định-hoà gồm 2 xã Đông-phước và Long-thạnh.

4. Quận Thuận-nhơn : Trụ sở ở xã Tân-hoà, cách tỉnh lỵ 25 cây số ngàn. Chỉ có một tổng Phong-đa và 6 xã : Tân-hoà, Tân-bình, Thạch-hoà, Trường-long, Lê-tâm và Chủ-thiện.

Công-viên Cầu Đôi Mới



*Cầnthơ hiện nay trên đà chỉnh trang mọi mặt,
xứng đáng với hai tiếng Tâyđô văn - vật.*

5. Quận Thuận-trung Trụ sở ở xã Thới-dông, cách tỉnh lỵ 43 cây số ngàn. Chỉ có một tổng Phong-thuần và 4 xã Thới-dông, Thới-lai, Thạnh-phú và Ngôn-thiện (¹).

ĐƯỜNG SÁ

Đường sá tỉnh Phong-dinh hầu hết đều tráng nhựa, một số trải đá và một số ít hương lộ còn là đường đất. Hệ thống đường bộ gồm có mấy lộ chính đáng kể

1. Quốc lộ số 4 là trực giao thông chính nối liền tỉnh lỵ Cần-thơ, quận lỵ Cái răng, thị trấn Cái-tắc và Quận lỵ Phụng-hiệp.

2. Đường liên tỉnh số 27 nối liền tỉnh lỵ Cần-thơ với thị trấn Bình thủy và quận lỵ Phong-phú (Ô-môn).

3. Đường liên tỉnh số 31 nối liền thị trấn Cái-tắc, chợ Rạch gòi và kinh Cùng qua tỉnh Chương-thiện và Rạch-giá. Đường này khởi đắp từ năm 1898, cán đá và hoàn thành năm 1916, đến nay đã được cát đá toàn diện bê ngang 4 thước.

4) Hương lộ số 4 đi từ Cái răng qua Phong-diền, Cầu-nhiệm, Ba xe đến Ô-môn (gặp đường liên tỉnh số 27), dài 25 km 750.

5) Hương lộ số 11 và 12 thông-thương đến Tân-hoa, chợ Bảy ngàn (quận lỵ Thuận-nhơn).

6) Hương lộ số 29 đi từ Thới lai đến Cờ đỏ (quận lỵ Thuận-trung).

Ngoài ra, những con đường chính trong tỉnh, lộ trình

Cần-thơ	đi	Bình-thủy	5 cây số
—		Trà-nóc	9 k.m 500
—		Ô-môn	22 k.m
—		Thới-long	34 k.m
—		Cờ-đỏ	46 k.m
—		Cái-răng	6 k.m
—		Cái-tắc	14 k.m 500
—		Phong-diền	15 k.m 500
—		Phụng-hiệp	31 k.m

(1) Chúng tôi vừa hoàn thành bộ sách này thì vừa biết chính quyền mới lập thêm 1 quận là quận Phong diền. Để tiện việc tra cứu về sau, chúng tôi có thêm bảng lập thành ở cuối phần thứ nhất này.

SÔNG NGỜI – KINH RẠCH

Từ hữu ngạn Hậu-giang, từ Bắc xuống Nam gồm có 13 con rạch chính và những con kinh lớn đáng kể

Kinh Thị đội vốn là một nhánh của rạch Ô-môn, chảy dọc theo hương lộ số 29, từ chợ Thới-lai đi Rạch-giá 14 km, thuộc quận Thuận-trung.

Kinh Ô-môn dài 14 cây số theo hương lộ số 30 đến ranh hạt hai tỉnh Phong-dinh — Kiên-giang.

Kinh saintenoy dài 32 cây số, chảy từ chợ Rạch Gòi đến ngã tư cây dương (quận Phụng-hiệp) sang tỉnh Ba-xuyên.

Kinh Lacote dài 9 cây số chảy từ chợ Rạch Gòi đến chợ Cái-dứa (Phụng-hiệp).

Kinh Xà-no dài 34 cây số, từ rạch Cần-thơ qua chợ Bảy-ngàn tỉnh Chương-thiện.

Rạch Bằng-tăng dài độ 5 cây số, chảy tới kinh Thới-thạnh.

Rạch Cái-đôi dài 4 cây số, chảy theo ranh xã An-bình và Phú-thúy.

Rạch Cái-sâu dài độ 4 cây số, chảy xuyên qua xã Phú-thúy và đụng rạch Cái da.

Rạch Bùng-binh dài độ 5 cây số, chảy xuyên hương lộ số 10 cho đến gần giáp ranh xã Phú-thúy, Thạch-an.

Rạch Bến-bạ dài 5 cây số, chảy tới rạch Cái da.

Rạch Cái-cui dài 5 cây số, chảy tới giáp kinh Thạch đồng.

Rạch Máí-giầm dài 5 cây số, chảy gấp kinh Saintenoy.

Rạch Cái-khé dài 5 cây số, chảy từ cầu đôi tới Đầu sấu.

Rạch Cái-dầu dài 7 cây số, chảy theo ranh giới xã Đông-phú và Phú-hữu cho tới gần giáp ranh quận Phụng-hiệp và Quận Châu-thanh.

Rạch Bình-thủy dài 15 cây số, chảy tới giáp ranh xã Giai-xuân, Long-tuyền.

Rạch Trà-nóc dài độ 15 cây số, chảy xuyên đường liên tỉnh 27 tới chợ Ba-xe.

Rạch Ô-môn dài 15 cây số, chảy xuyên các tòng Thới-bảo và Định-thới thuộc quận Phong-phú.

Rạch Càn-thơ dài 28 cây số, chảy ngang bến Ninh-kiều cho tới Phong-diền.

Ngoài ra còn rất nhiều kinh rạch chằng chịt rất tiện lợi cho sự giao thông tại các quận cũng như tại các làng xã. Chẳng hạn như từ quận lỵ Phụng-hiệp người ta có thể lưu thông trong quận bằng ngã bảy con kinh gặp nhau tại chợ Phụng-hiệp Cai Thiện và Kinh Cái-Côn.

Rải rác trong 5 quận còn có những tên kinh rạch cần biết như sau

a) Quận Châu thành gồm có : rạch Đầu sáu, rạch Trường tiền, rạch Cái-tắc, rạch Trà-niên lớn, rạch Cái da, kinh Thạnh đông, kinh Cái dầu, rạch Cái nai, rạch Cái răng lớn và Cái răng bé, rạch Ngã-bác, rạch Ba-láng, rạch Sung, kinh Phong-diều, kinh Sua đũa bé, rạch Cái cẩm, rạch Vầm-bi, rạch Rau-răm, kinh Cái-muồng, kinh Ngã-cạy, rạch Bần-kê.

b) Quận Phong-phú gồm có : rạch Tầm-vu, rạch Trà-do lớn, kinh Tiều, kinh Tắc Ông Thực, kinh Trà-keo, kinh Trà-luộn, rạch Vầm-nhon, rạch Đầu, rạch Vạn-lịch, rạch Cầu-nhiếm, rạch Ba-mít, rạch Bông-giêng, kinh Cái-túc, kinh Búa-lớn, rạch Cái-trôm, rạch Ông-Tượng.

c) Quận Phụng-hiệp gồm có : kinh Lái-Hiếu, rạch Bảy-Thưa, rạch Ông-Huyện, rạch Cái chồn, rạch Cái-nhum, kinh Ba-ngàn, kinh Sen-trắng, kinh Nàng-Mao, kinh Rọc-Sen.

d) Quận Thuận trung gồm có kinh Thom, rạch Ba, kinh Đứng, kinh Ngang, kinh Rạch-hạt kinh Sáu-thước, kinh Ranh-làng, rạch Xập-phòm, rạch Lương-đường, rạch Xéo-sao, kinh Hương-trường-Da.

đ) Quận Thuận nhơn gồm có kinh Tân-hiệp, kinh Trà-ết đại và Trà-ết tiêu, kinh Bà-dầm, kinh Cai tòng Cang, kinh Chết-Thợ, kinh Bốn ngàn, kinh Bảy ngàn, rạch Đường-láng, rạch Ngã-cái, rạch Trầu-hôi, rạch Thầy Cai-Hoá, Kinh Tám ngàn.

TỈNH PHONG-DINH

Các đơn-vị hành-chánh thuộc Tỉnh Phong-Dinh ngày nay gồm có 6 Quận (¹), 8 Tổng và 41 Xã, chia ra như sau :

I. QUẬN CHÂU-THÀNH (2 Tông, 12 Xã)	II. QUẬN PHONG-PHÚ (2 Tông, 9 Xã)	III. QUẬN PHỤNG-HIỆP (2 Tông, 6 Xã)
<ul style="list-style-type: none"> — Diện-tích : 25.525 ha. — Dân số : 149.786. 	<ul style="list-style-type: none"> — Diện-tích : 25.713 ha — Dân số : 65.173 	<ul style="list-style-type: none"> — Diện-tích : 37.446 ha — Dân số : 61.867
1) TỔNG ĐỊNH-AN (8 xã)	1) TỔNG ĐỊNH-THỜI (5 Xã)	1) TỔNG ĐỊNH-PHƯỚC (4 Xã)
<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã An-Bình 2- — Đông-Phú 3- — Giai-Xuân 4- — Long-Tuyễn 5- — Phú-Hữu 6- — Phú-Thứ 7- — Tân-An 8- — Thuận-Đức 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Phước-Thời 2- — Tân-Thời 3- — Thời-An 4- — Thời-an-Đông 5- — Thời-Long 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Hiệp-Hưng 2- — Hòa-Mỹ 3- — Phụng-Hiệp 4- — Tân-phước-Hưng
2) TỔNG ĐỊNH BẢO (4 xã)	2) TỔNG THỜI-BẢO (4 Xã)	2) TỔNG ĐỊNH-HOĂ (2 Xã)
<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Thạnh-An 2- — Tân-phú-Thạnh 3- — Thường-Thạnh 4- — Thường-thạnh Đông 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Bình-An 2- — Định-Môn 3- — Thời-Thạnh 4- — Trường-Thành 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Đông-Phước 2- — Long-Thạnh
IV. QUẬN THUẬN-NHƠN (1 Tông, 5 Xã)	V. QUẬN THUẬN-TRUNG (1 Tông, 4 Xã)	VI. QUẬN PHONG-ĐIỀN (0 Tông, 5 Xã)
<ul style="list-style-type: none"> — Diện-tích : 27.821 ha — Dân số : 51.882 	<ul style="list-style-type: none"> — Diện-tích : 35.587 ha — Dân số : 21.238 	<ul style="list-style-type: none"> — Diện-tích : 10.265 ha — Dân số : 43.815
1) TỔNG PHONG-ĐA (5 Xã)	1) TỔNG PHONG-THUẦN (4 Xã)	1) TỔNG Nhơn-Ái <ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Thới-Đông 2- — Thời-Lai 3- — Thạnh-Phú 4- — Ngôn-Thiện
<ul style="list-style-type: none"> 1- Xã Tân-Hoa 2- — Thành-Hoa 3- — Tân-Bình 4- — Chủ-Thiện 5- — Lê-Tâm 		<ul style="list-style-type: none"> 2- — Nhơn-Nghia 3- — Mỹ-Khánh 4- — Trường-Long 5- — Cầu-Nhiểm

(1) Quận Phong-Điền mới vừa thành-lập trong năm 1966, chúng tôi cần thêm vô cho đủ 6 quận, vì trước kia chỉ có 5 quận.

TÌM HIỂU

bài tiếng Cà-nhơ do đâu mà có?

Danh-từ Cà-nhơ đã có từ lâu. Xưa kia là huyện Phong-Pú, phủ Tuy-Biên, nay đổi lại Phong-Dinh.

Phần đầu chúng tôi đã trình-bày nguồn gốc tiếng địa-phương qua sự diễn tiến của thời đại vào đầu thế kỷ XVIII, của đất Trấn-giang, về phần lịch-sử.

Riêng hai tiếng «Cà-nhơ» trong sử không có ghi chép rõ ràng như các tinh khác.

Tương truyền lúc Nguyễn-Ánh trên đường bôn-tàu vào Nam dấu chân của Ngài đều trải qua các nơi trên lãnh thồ đè lắn tránh Tây-Sơn mưu đồ phục quốc. Lúc bấy giờ ngài ngự trên một chiếc thuyền đi ngang dòng sông Hậu, thuộc địa phận huyện Phong-phú, thả thuyền theo sóng gió lênh đênh trên mặt nước, bỗng nghe có tiếng ngâm thơ, đờn địch, hò hát hoà nhau rất nhịp-nhàng, từ xa vọng lại giữa đêm trường canh vắng. Ngài chạnh lòng nhớ đến bước đường lưu lạc trong lúc bơ vơ xứ lạ quê người, khiến tâm cang thêm xúc động, Ngài mới có một cảm nghĩ ban cho con sông này cái tên đẹp đẽ mỹ miều, đầy thơ mộng là «cầm thi giang» con sông của thi ca đàn hát. Lần lần hai tiếng cầm thi được lan rộng ra trong dân chúng, có người lại đọc trại là «Cà-nhơ» (1), và danh-từ ấy nghe cũng hay hay, nên được người ta dùng mãi đến ngày nay.

Còn một truyền-thuyết khác nữa do các bô lão địa-phương kè-lại, nơi đây khi xưa có trồng rất nhiều loại rau cần và rau thơm, mỗi khi chủ vườn cắt rau đem đi bán, rao cùng đường : ai mua rau cần rau thơm không ?

*Rau Cần, rau Thơm xanh mướt,
Mua mau kéo hết, chậm bước không còn.*

Thiên hạ xúm nhau mua hai loại rau này rất nhiều, lâu ngày chầy tháng, danh-từ rau Cần rau Thơm được giới bình-dân

(1) *Cầm-thi đọc trại là Cà-nhơ, tỷ-du Sài-côn đọc trại Sài-gòn, Soctre đọc là Bến-trê, Pô-léo đọc ra Bạc-liêu v.v...*

phò-biển thành câu ca-dao :

*Rau Càñ lại với rau Thom,
Phải chăng đất ấy rau Thom có nhiều.*

Cũng có người lần thàn gọi đại tên xứ đó là xứ Càn-thơ.

Hai giả thuyết nầy, không biết giả-thuyết nào đúng ? Hoặc giả một địa-danh mà có đến hai sự kiện xảy ra trùng hợp nhau ?

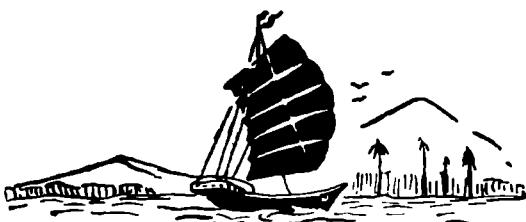
Hai tiếng Càn-thơ trở thành một địa danh từ thời bấy giờ.

Qua đời Pháp thuộc đến chiếm ba tỉnh miền Tây Nam-phần và lập toà bồ tại Càn-thơ do nghị định ngày 23-2 năm 1876 cũng vẫn giữ nguyên hai chữ Càn-thơ. Muốn cho phân biệt từ tỉnh một, Càn-thơ được mang con số 19, mỗi chiếc ghe ở trước mũi có khắc số, đi tới đâu người ta cũng nhận ghe số 19 của tỉnh Càn-thơ từ người lính garde civile locale [của tỉnh, kêu là lính mã tà, mỗi lần di chuyển từ tỉnh này qua tỉnh nọ, hoặc giải tội nhơn lên Saigon, trên cõ áo đều có gắn số 19 cũng như các tỉnh trong Nam-kỳ đều có một sắc thái tương tự, nhưng chỉ khác biệt là con số tỉnh, để cho người ta phân biệt mà thôi.

Dưới chánh-thề Việt-Nam Cộng-Hoà, ngày 16-9-58 tỉnh Càn-thơ lại thay tên đổi họ một lần nữa, đổi tên là tỉnh Phong-Dinh, để nhắc lại cái tên cũ của thời xưa, cũng như Mỹ-Tho đổi lại là Định-tường, Rạch-giá đổi lại Kiên-giang, Bến-trê đổi lại Kiên-hoà ; chánh-quyền có mĩ ý rất hay : gợi lại tinh-thần tồn-cõ với ý nghĩa cao đẹp của nó tự ngàn xưa, cốt làm sống lại tinh thần dân tộc.

Đây là một ít tài liệu tra cứu để giúp ích cho quý bạn đọc tìm hiểu qua danh từ xuất xứ của tỉnh Càn-thơ.

Ngày nay, Càn-thơ lại được mệnh danh là Tâyđô văn-vật.



Dòng Hậu-giang nắng trưa đưa khách



*Thuyền lướt thủy triều chờ khách sang,
Suru tăm kim cồ cảnh phong-quang.
Phong-Dinh đô thị càng xinh lịch,
Tiếng dội vang đồn khắp Hậu-giang.*

Ành Văn-Kinh
(Phongdinh)

Phần thứ hai

DANH-NHÂN

- NHỮNG BẬC CÓ CÔNG KIẾN TẠO
- NHỮNG TRANG NGHĨA DŨNG
- VĂN THÂN CHÍ SĨ



I. MẶC-THIỀN-TỨ

*Người đã kiến lập vùng đất Trấn-giang từ năm 1793
tức nay là tỉnh Phong-dinh.*

Thắng thắng mà nói, miền Nam này, nhất là vùng Hậu-giang, một phần lớn công lao đã do cha con Mạc-linh-Công (Mạc Cửu) đóng góp tâm não, máu xương bồi đắp mò mang ra. Phát tích từ đất Hà-tiên, cha con Mạc Cửu dần dần khai thác đất đai khắp miền Tây, hoàn thành 4 huyện đem dâng chúa Nguyễn : huyện Long-xuyên (Cà-mau), huyện Kiên giang (Rạch-giá), huyện Trấn-di (Bạc liêu) và huyện Trấn-giang (Cần-thơ). Chính huyện Trấn-giang có duyên nợ với Mạc-thiên-Tứ và con là Mạc-tử-Sanh nhiều nhất, nên ở phần hoài niệm danh nhân có nhiều thành tích với Cần-thơ, chúng tôi, xin ghi chép tiêu sử họ Mạc vào đây cho hợp lý.

Mạc-thiên-Tứ, cũng gọi là Mạc-thiên-Tích, vốn tên thật là Mạc-Tông, tự Sĩ-Lâu. Ông là con trưởng của Đại tướng Võ-nghi công Mạc-Cửu.

Tính Ông khí khái, học thức uyên bác, tài gồm văn võ. Ông đã cùng với cha dầy công khai thác đất đai Hà-tiên. Đến khi thân-phụ Ông mất (1736), Ông được chúa Nguyễn-phúc-Chú trọng vọng, phong cho làm Đô-đốc trấn Hà-tiên. Nối chí cha, Ông mở mang thêm vùng Hậu-giang, khai hoang lập ấp, tò chức nội an, sắp đặt cơ cấu quân sự để phòng ngừa giặc ngoài và trừ dẹp trộm cướp trong xứ, đem lại yên vui cho dân chúng.

Về mặt văn hoá, giáo dục, Ông mở trường, rước thầy khai hoá cho dân. Thành lập một tao đàn lấy tên là « Chiêu anh các », nhóm họp 31 bạn văn-chương ưu-tú, cùng nhau xướng-hoạ, tò chát tinh hoài khiền hứng.

Những lúc quân Chân-Lạp dấy lên, Ông cầm binh dẹp tan được cả, thâu lấy đất đai, mở thêm bờ cõi.

Đinh-sửu 1757, Cao-Miên có nội loạn, Nặc-Tôn chạy sang Hà-Tiên. Ông giúp đỡ cho, hộ tống Nặc-Tôn trở về an toàn. Nặc-Tôn cắt đất dâng tạ. Ông càng phấn bồi đắp non sông.

Nhâm-thìn 1772, vua Xiêm là Phi-Nhã-Tân đem quân tràn sang đánh phá Hà-Tiên. Ông bắt cần thắt thủ thành-trì. Quân giặc giết cả dân chúng trong thành. Ông lui về giữ Trấn-giang (Cần-thơ). Nơi đây, ông đã thiết lập mọi cơ cấu phòng thủ vững chãi, phòng khi nguy biến thì tiện đường rút lui mà củng cố hàng ngũ lại, quật khởi tấn công.

Đã từng mến mộ oai đức của Ông, nên dân-chúng Trấn-giang đều sẵn-sàng ủng hộ, làm hậu-thuẫn cho Ông. Do đó, Ông đầy lui được quân Xiêm, đồng thời càng thêm nỗ lực tô điểm Trấn-giang ngày một tốt đẹp hơn lên cả về mọi mặt : chính-trị, kinh-tế, văn-hoa và quân sự.

Có thể nói, sau cuộc tấn công của quân Xiêm mà Ông phải lui về Trấn-giang, Ông mới cảm thấy yêu mến Trấn-giang hơn bao giờ hết, nên dốc lòng tô điểm cho Trấn-giang chẳng kém gì công-trình Ông đã xây dựng Hà-tiên.

Lại một điều nữa, càng khiến Ông thêm quyến Trấn-giang, coi như đây là giang san của Ông, sau thứ hai Hà-Tiên : Ất vị 1775 chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần (Duệ-Tông) cùng với cháu là Nguyễn-Ánh chạy vào Nam, tạm lánh quân Tây-Sơn đang thắng thế truy kích. Hay tin, Ông đi thẳng lên Gia-dịnh bái yết chúa Nguyễn, nguyện hứa trung thành. Chúa Nguyễn phong Ông là Quốc-lão Đô đốc Quận công.

Rồi đó Ông trở về Trấn-giang, huy động quần chúng phù tá chúa Nguyễn chống Tây-Sơn. Dân chúng Trấn giang hết lòng tin-tưởng Ông, nghe theo lời Ông hiệu triệu.

Chẳng bao lâu, Tây-Sơn xua quân tràn xuống Hậu-giang. Miền Tây binh lửa dậy. Thảm họa nội-chiến tràn lan. Con Mạc-thiên-Tử là Mạc-tử-Sanh cầm binh chống nhau với quân Tây-Sơn, bị địch giết chết. Thấy con đã hy-sinh cho chúa Nguyễn, nhân-dân Trấn-giang cũng đã đóng góp máu xương khá nhiều trong trường chinh-chiến, Ông đau lòng khôn xiết.

Đinh-dậu 1777, chúa Định-Vương chạy xuống huyện Long-xuyên tức là Cà-Mau, Tây-Sơn đuổi theo và bắt sống chúa Nguyễn tại đấy, giải về Gia-Định hành-quyết. Nguyễn-Ánh lên thay cầm binh quyền. Liệu thế không chống nổi, Mạc-thiên-Tú tách dặm băng ngàn sang Xiêm cầu viện.

Vua Xiêm là Phi-nhã-Tân khi trước đã đem binh sang Hà-tiên, Trấn-giang, đánh nhau với Mạc-thiên-Tú. Nay thấy Mạc-thiên Tú sang cầu viện, lấy làm ngờ. Triều thần Xiêm lại lầm kẻ gièm pha, khiến Phi-nhã-Tân càng hồ nghi Ông hơn nữa, ngờ Ông lập cơ mưu sang Xiêm dọ-thám tình hình, đề thửa dịp chiếm đoạt.

Nỗi buồn lo cho chúa Nguyễn đang cơn nguy khốn, nỗi hận gắp cảnh không may đến đỗi bị ngò oan, Ông bèn nuốt vàng mà tự-tử. Phái đoàn do Ông cầm đầu sang Xiêm lúc bấy giờ gồm có Tôn-thất-Xuân, hai người con của Ông là Mạc-tử-Hoàng, Mạc-tử-Thượng và 50 tên quân đều chết theo Ông, nhằm năm Canh tý 1780.

Ông còn để lại đời một bộ « Minh bột di ngư » gồm có :

1. Hà-tiên vịnh vật thi tuyển
2. Châu-thị trinh-liệt tặng ngôn
3. Thi truyện tặng Lưu tiết phụ
4. Thi thảo cách ngôn vị tập.

Đề vịnh 10 cảnh đẹp ở Hà-tiên (Hà-tiên thập vịnh) Ông có 10 bài thơ chữ Hán khởi xướng, rồi 31 văn hữu trong nhóm « Chiêu anh các » của Ông sáng lập, cùng nhau hoạ văn, mỗi vị hoạ đủ 10 bài, tòng cộng 320 bài. Sau Nguyễn-cư-Trinh hoạ thêm 10 bài nữa, tất cả là 330 bài. Ngoài ra, Mạc-thiên-Tú chẳng những người văn hay võ giỏi, có tài điều binh khiền tướng, thông minh đĩnh ngộ, Ông lại được người đời xưng tụng là một thi nhân xuất sắc trong thời ấy.

Bao nhiêu thi văn của Ông ngày nay trong lịch sử văn học còn ghi chép, chúng tôi chỉ trích ra một trong mươi bài thập cảnh của Ông dưới đây để tượng trưng qua khí tiết của người xưa, nói lên chí khí can trường, lòng dũng cảm đứng trước phong ba lửa loạn, chống giặc xâm lăng không thối chí ngã lòng, quyết nêu cao thính giá.

TRỐNG CANH GIANG THÀNH

*Trống quân giang thú nồi oai phong.
Nghiêng giáng đồi canh ối núi sông ;
Đánh phá mặt gian người biết tiếng,
Vang truyền lệnh sấm chúng nghiêng hàng,
Phao tuôn đã thấy yên ba vạc,
Nhiệm nhặt chỉ cho lợt mây lồng.
Thở lụn sớm hẫu trưa bóng ác,
Tiếng xe sầm sát mới nén công.*

Quí vị đã lãnh hội qua 8 câu thơ, đề chứng tỏ khí phách hiên ngang với tinh-thần thượng võ của Mạc-thiên-Tú như thế nào, người không màng đến sự nguy hiểm, trải thân với trái tim sắt thép, khuôn phò giúp chúa Nguyễn-Anh trọn lòng, nhưng chẳng may đến xứ lạ, người ta không hiểu được lòng chân thật của Ông với chuyến đi lịch sử, thà Ông cam tử tiết chó không muốn cho miệng đời mỉa mai, hiểu lầm, cái chết vẫn còn trong cái sống muôn đời còn ghi tạc sử xanh. Nói đến quá trình của Mạc-thiên-Tú, chính Ông là người có công khai sáng vùng đất ở Hậu-giang, có liên quan đến Cần-thơ ngày xưa rất nhiều.

Nay soạn qua quyển « Cần-thơ xưa và nay » mà không nhắc đến công nghiệp của Ông thật là một điều thiếu sót cho việc sưu-khảo.

Vì Mạc-thiên-Tú và con là Mạc-tử-Sanh có duyên nợ nhiều với Phong-dinh, nên chúng tôi ghi lại vài nét tiêu sử cuộc đời Mạc-thiên-Tú vào đây, đề quý bạn đọc thưởng thức chút văn tài của một vị Đô-đốc hào hoa phong-nhã. Và bao nhiêu cảnh trí hữu tình, thơ hay về Hà-tiên, xin quý bạn đón xem ở quyển « Hà-tiên xưa và nay », cùng một tác giả, sẽ lần lượt ra mắt bạn đọc trong ngày gần đây.

2. MẠC-TỬ-SANH

*tử nghĩa nơi rạch Tham tướng — Cần-thơ
trong trận chống Tây-Sơn*

Đã dày công khai thác miền Nam, lại tận trung, tận lực với chúa Nguyễn đến thịt nát xương tan chẳng quản gì, thật không ai hơn họ Mạc. Từ đời cha cho đến đời con, đời cháu, không ai là không trung thành phục vụ đồng bào miền Tây, mặc dầu họ Mạc không phải là người Việt chính tông.

Đọc tiêu sử Mạc-thiên-Tứ, chúng ta đã thấy Thiên-Tứ từng hoạt động ở Trấn-giang (Cần-thơ) mà con ông là Mạc-tử-Sanh càng phục vụ nhân dân Trấn-giang nhiều hơn nữa. Thậm chí Mạc tử Sanh đã bỏ mình nơi Trấn giang, mà vùng rạch Tham tướng ngày nay là nơi lưu dấu vết Ông.

Mạc tử Sanh, con của Quốc lão Đô đốc Quận công Mạc thiên-Tứ. Ông đã từng sát cánh với cha trong việc khai thác vùng Hậu giang, đặc biệt là vùng huyện Trấn giang. Trong khi thân phụ Ông ngồi trấn Hà-tiên, Ông vâng mạng đi tiếp-xúc với chánh quyền Trấn-giang (Cần-thơ), Trấn-di (Bạc-liêu) và Long-xuyên (Cà-mau), tận-tâm mưu ích-lợi cho dân-chúng.

Nhàm-thìn 1772, quân Xiêm tràn sang đánh phá Hà-Tiên. Ông đương cự với quân địch nhiều trận quyết-liệt, mở đường máu cho thân-phụ Ông rút quân về Trấn-giang đóng giữ. Vì quân địch hung-hăng bạo-tỵ, đốt phá cả thành-trại, tàn hại dân chúng vô số kẽ ! Đau lòng căm hận, Ông cùng thân-phụ lui giữ Trấn-giang, một mặt bố-trí phòng-thủ chặt-chẽ, một mặt chỉnh-đốn binh-đội, phán-công quân Xiêm. Dưới quyền chỉ-huy của ông, tinh-thần quân sĩ lên cao, dũng-cảm xông-pha giết giặc. Dịch quân kinh-hoàng, tan vỡ trước khí thế hào-hùng quyết-tử của quân dân ta.

Sau trận đánh đuổi quân Xiêm, Hà-tiên và Trấn-giang tồn-thất nhân-mạng và tài-sản khá nặng-nề. Vì quân địch tàn-bạo hiếu-sát, kéo tới đâu thì đốt phá giết hại đến đấy. Mạc-tử-Sanh đôn-dốc dân-chúng tái-thiết những công-trình đồ vỡ, an-ủi những gia đình tang-tốc. Lòng nhiệt-thành lo cho dân-chúng của Ông, khiến người người đều cảm-mộ oai-đức, xưng tặng Ông là bậc thiêng-niên anh-hùng.

Chùa yên-ôn được bao lâu, bỗng lại được tin Tây-Sơn đã thắng thế, đánh đuổi chúa Nguyễn chạy vào Gia-Định. Mạc-thiên-Tú vội-vã đến Gia-Định bái-yết chúa Nguyễn, tỏ dạ trung-thành. Chúa Đinh-Vương Nguyễn-phúc-Thuần lấy làm cảm-động, tín-nhiệm nơi sự ủng-hộ của cha con Mạc-thiên-Tú, phong Thiên-Tú làm Quốc-lão Đô-đốc, tước Quận-công ; Mạc-tử-Sanh thì được phong làm Tham-tướng.

Rồi đó Mạc-tử-Sanh cùng với thân-phụ hiệu-triệu nhân-dân Trấn-giang hãy sẵn-sàng phù-tá chúa Nguyễn đang khi thất-quốc lưu vong. Nhờ uy-tín cha con Ông, chúa Nguyễn được hầu hết dân-chúng và các hào-kiệt Trấn-giang, Trấn-di, Long-xuyên (Cà-mau) hưởng ứng, lớp đầu quân, lớp chiêu-tập được đông-dảo nghĩa-binh theo về với chúa Nguyễn, chống Tây-Sơn.

Đinh-dậu 1777, đại-binh Tây-Sơn ồ-ạt tấn-công, đánh tràn xuống Hậu-giang. Chùa Nguyễn-phúc-Thuần thua luôn mấy nơi, chạy tuốt xuống Cà-mau. Tây-Sơn đuổi đến Cần-thơ (xưa là Trấn-giang), Mạc-tử-Sanh huy-động quân-sĩ cả hai mặt thủy, bộ ngăn chống hùng-dũng.

Nhưng thinh thế Tây-Sơn quá lừng-lẫy. Thủy binh, bộ binh của Tây-Sơn bấy giờ rất mạnh và giao tranh rất dũng-liệt, tiến đến đâu như thác đồ sóng cuộn ầm ầm, không gì ngăn chống nổi. Mạc tử-Sanh vẫn gan gan liền chiến-đấu, mặc dầu tin cắp báo liên tiếp về sự tan vỡ của các đội-quân khắp mặt trận quanh vùng.

Cuối cùng, sức người có hạn, Mạc-tử-Sanh bị quân địch vây khốn, chết trong trận nơi khoảng rạch « Tham-Tướng » ở Cần-thơ ngày nay. Sở dĩ con rạch này mang tên là « Tham-Tướng » vì Mạc-tử-Sanh là một vị Tham-tướng ⁽¹⁾

Đời Minh-Mạng, nhà vua truy phong Mạc-thiên-Tú làm thần « Đạt-Nghĩa », Mạc-tử-Sanh thì làm thần « Trung-Nghĩa » tước Chính-lý hầu.

(1) Xin xem thêm ở phần thứ III, Di tích và Thắng cảnh.

MỘ LÃNH-BINH VÕ - DUY - TẬP



Mộ ông Võ-duy-Tập, một võ-tướng ở Phong-Dinh, khuôn-phò hai triều Gia-Long và Minh-Mạng.

*Ngôi cồ mộ này đã trên một thế-kỷ, hiện nay
năm ở sau công sở xã Long-Tuyềն.*

Người đứng trong bức ảnh chính là tác-giả.

*Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)*

CHÁNH LÃNH BINH

3. VÕ - DUY - TẬP

SỐNG VI TƯỚNG, THÁC VI THẦN

Trái xem lịch-sử, nhân vật ưu tú của Cần-thơ thuở xa xưa, bên văn kè đã nhiều, bên võ há chẳng có ai ? Một Nguyễn-văn-Tồn chưa đủ, vì đó là người Việt gốc Miên, chưa làm thỏa mãn được lòng người Việt chánh tông. Một Mạc-tử-Sanh thì là người Việt gốc Hoa, lại cũng chẳng phải chánh-quán Cần-thơ, chỉ vì có công ơn nhiều với đồng bào Cần-thơ nên chúng tôi mới liệt kê vào hàng danh nhân của Cần-Thơ. Thế thì về hàng võ tướng, Cần-Thơ chịu nhượng Định-Tường, Long-Hồ, An-giang, và chịu nhượng cả dân huyện Long-Xuyên (Cà-Mau) hay sao ?

Do chỗ thắc mắc băn khoăn tìm hiểu ấy, chúng tôi may được các vị bô lão ở Bình-thủy thông-cảm, hướng dẫn chúng tôi đi chiêm ngưỡng ngôi mộ một vị Chánh Lãnh-binhh triều Minh-Mạng. Băng đồng, lội ruộng chẳng quản gì vất vả, chúng tôi đã nghe thấy sự tích hào hùng đáng kinh

Võ-duy-Tập người xã Long-Tuyền, huyện Phong-phú (Cần-Thơ xưa), con ông Võ-Nguyễn, xuất thân nông-dân.

Gặp buồi trong nước thường loạn lạc, ông chuyên tâm học võ. Thân phụ ông có ý chẳng bằng lòng

— Sao con chẳng cố công đèn sách học hành, có văn-chương chữ nghĩa, bảng vàng bia đá phải đẹp mặt hơn không ?

Ông từ tốn thưa

— Đầu văn hay võ, hễ biết lập chí cứu dân giúp đời thì đều vinh hiển cả. Nhất là đang thời giặc-giã, theo đường võ-nghệ để cứu nguy non nước, bảo an lê thứ mới là chước hay. Xin cha an lòng.

Nghe khâu khí của ông, thân phụ ông mừng thầm, kỳ vọng ở ông một tương-lai xán lạng.

Từ ấy, ông thường tỏ chí-khí hào-hùng, nghĩa-hiệp cứu giúp người cô-thể bị áp-bức. Xa gần đều mến-chuộng tài-đức.

Đến khi chúa Nguyễn-Ánh tránh loạn Tây-Sơn, mấy lượt lui tới Cần-Thơ, hằng tò dại kính hiền lễ sỹ, cầu bắc lương tài phò nguy cứu quốc. Võ-duy-Tập tìm hiều thời thế ít lâu, bèn ra đầu quân giúp chúa Nguyễn. Ông từng chiến-dấu với quân Tây-Sơn nhiều trận quyết-liệt. Nhưng thời thế chưa làm nên được, ông ôm hận theo phò chúa Nguyễn trên khắp nẻo đường lưu-vong, cùng chia cay-đắng ngọt bùi.

Đinh-vị 1787, thịnh-thế chúa Nguyễn đã dần dần dấy lên. Binh đội càng lúc càng tăng tiến hùng mạnh, đánh đâu thắng đó. Võ-duy-Tập hiên-ngang lập nhiều chiến-công trong các trận đánh ở Ba-Rài (Mỹ-Tho), Trà Ôn, tên tuổi lẫy-lừng.

Xảy được tin loạn-tướng Cao-miên là Ốc-Nha-Long theo về với quân Tây-Sơn, đánh phá vùng Cần-Thơ, chúa Nguyễn khiến ông đem binh đi dẹp. Ông cùng các vị phó-tướng dẫn quân từ Sa Đéc đến Cần-Thơ, xuất-kỷ bất-ý bao vây loạn quân. Toán quân Miên do Ốc-Nha-Long chỉ-huy không chống cự nổi, tan vỡ cả. Chiếm lại Cần-Thơ xong, ông được lệnh rút quân về Nước-Xoáy (Sa-Đéc) là nơi đại-bản-dinh của chúa Nguyễn, sung vào bộ tham-mưu, thảo kế hoạch tiến binh khắc phục Saigon Gia-Định.

Suốt mười mấy năm tận-lực cùng chúa Nguyễn, đến ngày thống-nhất non sông, chung hưởng thanh-bình, ông nghiêm-nhiên là vị tướng lãnh công cao trọng vọng, làm rạng vẻ miền Tây một thuở.

Đến đời vua Minh-Mạng, ông càng được tín-nhiệm hơn. Nhà vua thường giao trọng-trách cho ông dẹp giặc-giã nhiều nơi trong nước. Với chức vụ Chánh-lãnh-binh, ngày đêm ông tận-tâm lo việc an-ninh cho dân-chúng, rất được lòng dân kính-mộ.

Bấy giờ, giặc Cao-Miên thường khuấy rối các vùng Tịnh biên, Châu-đốc. Dân tình khốn khổ xôn xao, Ông được lệnh của quan Trấn-thủ An-giang đem binh đi đánh. Tài thao lược của ông một lần nữa đem thi thoả, khiến lũ giặc kinh tâm tán đởm, vỡ chạy cả. Từ ấy thịnh danh ông lan rộng khắp miền Tây.

Tuổi về già ông vẫn còn cầm binh đánh dẹp giặc Miên ở Sóc-Trăng, và bỏ mình tại Bưng-Trop. Linh cữu đưa về an táng nơi cổ quán xã Long-Tuyềnn.

Hiện nay mộ ông nằm sau miếng ruộng cách công sở Long-tuyềnn độ 200 thước. Ngôi mộ lúc trước ghép bằng đá Ông. Sau trong gia-tộc miêu duệ làm vòng thành bằng gạch.

Tấm bia nơi mộ nêu rõ tên họ

CHÁNH LÃNH BINH VÕ-DUY-TẬP

hai bên có hai câu đối

*Trung liệt phong thanh liêu bất hữu,
Anh hùng chánh khí lanh như thinh.*

Tiếc rằng ngày ông mất có khắc rõ nơi bia nhưng lâu năm đã bị nắng mưa soi không còn đọc được hầu tiện bề tra cứu thêm trong lịch sử.

Gần đây, khoảng năm 1943, hội Khảo-cổ Việt-Nam có đến quan sát, nghiên-cứu hẳn hoi.

Sống làm tướng, thác làm thần, anh-linh ông hiền-hách, được triều-đình ban sắc phong thần. Tại đình Khánh-hưng (Sóc-Trăng) hãy còn thờ phụng ông, khói hương không ngớt.

Năm 1946, ban tể tự đình thần Khánh-hưng có tìm đến lễ lăng ông và yêu cầu các bô lão tại xã Long-Tuyềnn cho thỉnh hải cốt ông về mai táng trước đình thần. Nhưng cuộc xin lấy cốt không được các vị bô lão Long-tuyềnn chấp thuận. Vì các bô-lão cho rằng mộ ông đã nằm nơi đây trên 100 năm, trong làng được bình-an sung-túc, đó là một điềm lành cho dân ở đấy. Hằng năm, đến lễ thành-minh, con cháu ông đều có về đây cúng tế.

Bên cạnh các vị tướng lãnh tài ba trong đời vua Gia-Long, Minh-Mạng, như Lê-văn-Duyệt được tôn thờ ở Bà-Chiều Gia-Định. Nguyễn-huỳnh-Đức ở Long-an, Nguyễn-văn-Nhơn ở Sa-déc, và Tống phước-Hiệp, Tống-phước-Hoà ở Vĩnh-Long v.v.v., một Võ-duy-Tập

còn Lăng mộ nơi Bình-thủy và được phụng thờ nơi đình thần Khánh-Hưng (Sóc-trăng), kề ra cũng vinh diệu cho Cần-thơ chẳng ít.

Nếu đương thời không quên oai linh ông Điều-bát Nguyễn văn-Tồn ở Trà-Ôn, thiết tưởng không thè không nhắc đến mộ ông Lãnh binh Võ-duy-Tập ở xã Long-Tuyễn. Ông là người của Cần-thơ, của miền Tây, lúc sống ông đã phục vụ dân chúng miền tây tận tâm tận lực, đến chết nằm xương cũng gởi vào lòng đất miền tây, đáng thương đáng kính. Có lẽ cũng cảm-khích mà chạnh tưởng như chúng tôi đã tỏ bày tâm tư trên đây, nên đồng bào xã Long tuyễn ngày trước có tạc bức chân dung ông bằng lụa nồi, phụng-thờ tại đình Bình thủy.

Chúng tôi chẳng những đã lội ruộng băng đồng viếng mộ ông, lại lồng luống bùi ngùi xót cảnh, muốn lưu chút kỷ-niệm người nay cảm-thông luyến-tiếc người xưa qua tinh-thần tồn-cố, nên chụp ngay bức ảnh ngôi mộ ông. Rồi đề tăng chứng tích hơn lên, đồng thời đề gợi niềm khao-khát tìm biết tìm hiểu của quý bạn tri âm ở khắp nơi, chúng tôi lại thăm viếng làng Bình-thủy, may-mắn được chiêm-ngưỡng bức chân dung ông thờ tại đình thần. Một tấm lòng thành, cõ kim cùng chung mối cảm.

*Người xưa dấu khuất trăm năm cũ,
Phường phái tình anh vẫn mãi còn.*

Theo tài-liệu của ông Chủ-tịch xã Long-tuyễn là ông Nguyễn hữu-Báu : Hiện ông Võ-duy-Tập còn người chắc ngoại là cô Sáu-Sáu, chủ một khách sạn ở Cần-Thơ. Và tại Sóc-Trăng cũng còn nhiều thân-nhân của ông Tập.



4. NGUYỄN-VĂN-TỒN

*người Việt gốc Miên trung-thành cùng vua Gia-Long
lưu danh hiền-hách nơi Trà-Ôn.*

Kè ra người Việt gốc Miên theo giúp chúa Nguyễn-Ánh khi bôn-ba trên đường tàu-quốc, cũng khá nhiều. Nhưng xuất sắc nhất, duy chỉ có Ông Điều-Bát Nguyễn-văn-Tồn, thinh-danh hiền-hách ngay khi còn sống và đến lúc đã về thẳn.

Ông vốn người gốc Miên, chính tên là Dương (¹). Võ-nghệ khá cao-cường, oai-hùng vang tiếng gần xa, người người đều kiêng nề. Gặp khi chúa Nguyễn-Ánh chạy xuống Trần-giang (Cần-Thơ), Ông theo phù-tá. Nhờ dũng-lực của Ông, chúa Nguyễn thoát khỏi lầm cơn nguy-hiểm, nên rất tin-cần Ông, hằng cho theo hầu cận. Ông hết dạ trung-thành, lúc nào cũng sẵn-sàng hy sinh che chở cho chúa Nguyễn trong vòng binh đao khói lửa, liều thân chẳng quản-ngại gì.

Giáp thìn 1784, sau hăng trăm trận giao phong đều chẳng thâu hoạch được thắng lợi như ý nguyện, liệu thê chưa đánh đuổi Tây Sơn nỗi, chúa Nguyễn chạy sang nước Xiêm lưu trú, ẩn thân nơi Vọng Các. Bấy giờ, Ông vẫn theo hầu chúa Nguyễn ; hàng ngày Ông lãnh nhiệm vụ thao luyện đám binh sĩ, chiêu mộ thêm các tay hào kiệt, cương quyết chờ ngày kéo về dẹp tan Tây Sơn, đưa chúa Nguyễn lên ngôi.

Với ý-chí sắt đá, Ông rất tin-tưởng ở sự thắng-lợi cuối-cùng.

Tinh-thần phấn-chấn đầy tự-tín của Ông, khiến chúa Nguyễn cũng chan-chứa hy-vọng thống-nhất non sông, cùng nhau hăm-hở đem binh trở về.

Tây-Sơn vẫn hùng-dũng chiến-đấu. Đôi bên giao-tranh lầm trận ác-liệt kinh-hồn. Tại cửa Ba-Lai, đạo-binhs của Ông phá vỡ đoàn quân của Đô-đốc Tây-Sơn, nâng cao tên tuổi Ông từ đấy.

Dần dần binh chúa Nguyễn-Ánh thắng-thể ở khắp nơi, trong đó công-lao của Nguyễn-văn-Tồn không kém gì những chiến-tích oanh-liệt của các danh-trướng khác. Vả lại, dù Ông không phải là người Việt chính-tông, mà tấm lòng và thái-độ của Ông đối với

(1) Nguyễn-Ánh thấy Ông có công và trung thành mới cho lấy họ Nguyễn là họ của vua, mang tên Việt-Nam là Nguyễn-văn-Tồn do Nguyễn-Ánh đặt cho Ông.

chúa Nguyễn và các chiến-hữu rất mực thành-tín, nên ai nấy đều xem Ông như đồng-bào ruột thịt, chẳng ai ganh-ghét gì.

Khắc-phục thành Gia-Định xong, đại-binhh chúa Nguyễn tiến thẳng ra Trung Bắc. Nguyễn-văn-Tồn vẫn theo trong quân. Tại thành Bình-định, Ông thúc quân đánh rất hăng, lập chiến-công oanh liệt, nồi danh hò-tướng.

Ít lâu, Ông phụng-mạng trở vào trong Nam, dẹp các đám giặc cướp, mưu cuộc an-ninh cho dân-chúng. Nhất là tại Trà-Ôn (một quận cũ của tỉnh Phong-Dinh ngày trước), Ông ra tài tảo-thanh côn-đồ trộm cướp thừa thời loạn mà dọc ngang khuấy-rối dân lành, xếp đặt tri an đâu ra đấy, khiến dân-chúng Trà-Ôn cảm đức, tên tuổi Ông bia truyền khắp miệng người.

Nhâm-tuất 1802, chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi tức vua Gia-Long. Ông được phong chức Điều-bát. Ông càng nỗ-lực hoàn-thành sứ-mạng bảo-quốc an-dân.

Khi Cao-Miên có nội-chiến, Ông được cử theo đại-quân sang đóng tại thành La-bích. Với thanh thế quân ta, với uy-tín của Ông, chẳng mấy ngày Ông bình-định xong cuộc nỗi loạn ở Cao-Miên và lãnh trọng trách bảo hộ. Những thành-tích tốt đẹp của Ông, khiến vua Gia-Long tin-tưởng, mến-chuộng Ông thêm, triệu Ông về lo cho dân nước. Đè tăng uy-tín và thanh-danh Ông, hầu phục-vụ dân nước được đắc-lực hơn, nhà vua phong Ông làm Thống-chế. Ở vào địa-vị cao tột, Ông càng nỗ-lực phục-vụ nhân dân, nên càng được quần-chúng kính-mộ.

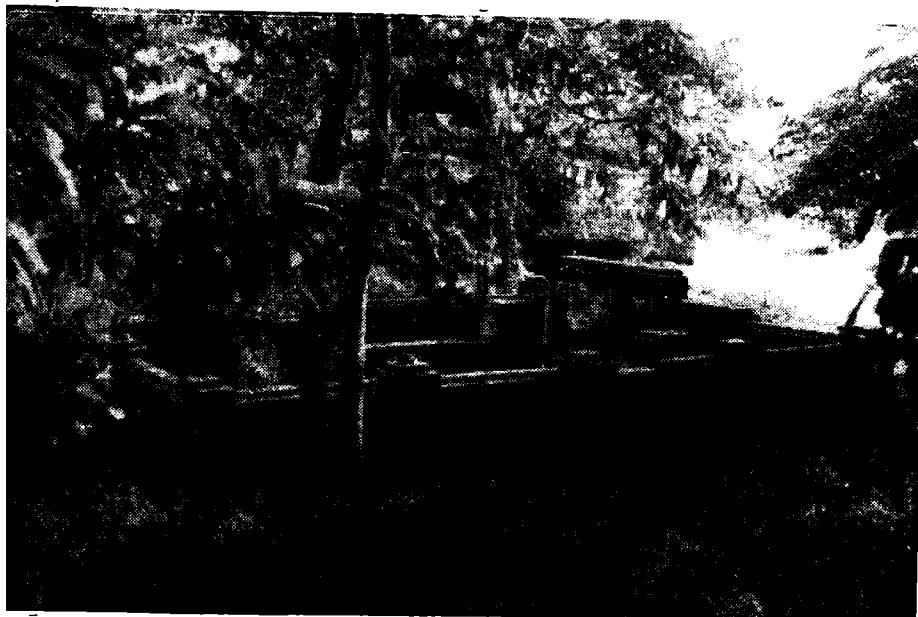
Tại trấn Vĩnh-thanh (Vinh-long), Ông phụ-lực với Trần-thủ Nguyễn-văn-Thoại (Thoại-Ngọc-Hầu), đào kinh Vĩnh-tế nối liền Châu-đốc với Hà-tiên. Công-nghiệp này, tên tuổi Ông gắn liền với công-nghiệp của Thoại-Ngọc-Hầu, khiến đời sau nhắc nhở đến với lòng khâm-phục.

Canh-thìn 1820, Ông mất. Dân chúng đều thương tiếc. Triều-định phái các quan lại cao-cấp vào điếu tế.

Nay tại làng Thiện-mỹ, Trà-ôn hãy còn đền thờ Ông (1).

(1) Xin xem thêm phần III Di tích.

CHI MÔ
Thủ-khoa BÙI-HỮU-NGHĨA



*Ngôi mộ này nằm ở mé tay mặt đường đi
Bình-thủy quẹo vô một khu vườn chừng 500m, là
nơi an nghỉ ngàn thu của nhà chí-sĩ đất Tây-Thành.*

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

5. BÙI-HỮU-NGHĨA (1807 — 1872)

Bùi-hữu-Nghĩa hiệu Nghi-Chi sanh năm Đinh-Mão (1807), nhằm năm Gia-long thứ sáu tại làng Long-tuyễn (Bình-thủy), Cần-thơ. Thân sanh là Bùi-hữu-Vi làm nghè hạ bạ.

Thuở nhỏ, Nghĩa đeo-đuỗi theo hán-văn ; nhờ thông-minh và hiểu-học, Nghĩa học rất mau giỏi.

Khi học lực của Nghĩa đã khá, thì cha cho lên Biên-hoà, ở đậu nơi nhà hộ-trưởng Nguyễn-văn-Lý, tại làng Mỹ-Khánh, tông Chánh-mỹ-thượng mà họ giáo với ông đồ Hoành.

Tháng hai năm Ất-vi (1835), thi hương ở Gia-định, Nghĩa đậu Giải-nguyên, tiếng tăm lừng-lẫy. Hộ-trưởng Lý rất mừng, dọn tiệc khoản dãi và ngõ ý cho người con gái đầu lòng là Nguyễn-thị-Tồn về nâng khăn sửa tráp.

Nghĩa xin thưa cùng cha mẹ rồi sẽ tính việc hôn-nhân.

TRÊN ĐƯỜNG HOẠN

Thi đỗ rồi không bao lâu, Nghĩa được bồ làm Tri-huyện tại phủ Phước-long, tỉnh Biên-hoà. Nghĩa kết duyên với Nguyễn-thị-Tồn, linh-ái hộ-trưởng Lý.

Ở Biên-Hoà được ít lâu, Nghĩa lại được triều-đình thuyên chuyền đến trấn nhậm tại phủ Trà Vang (Trà Vinh), tỉnh Vĩnh-Long, từng-sự dưới quyền Tòng-đốc Trương-văn-Uyên và Bố-chánh Truyện.

Nghĩa tánh-tình cang-trực, chẳng bợ-đỡ ai, mà cũng chẳng tư-vị ai, từng đánh đòn cậu công-tử ý mình là em vợ Bố-chánh Truyện mà xác-xược với Nghĩa. Và cũng vì tánh ngay-thẳng thanh liêm mà Nghĩa che-chở công-lý bị cường-quyền đè nén, rồi vì đó Nghĩa mới bị quan trên hăm-hại.

Khi vua Gia-Long còn là chúa Nguyễn-Ánh, bị Tây-Sơn đánh đuổi, nhờ dân Cao-Miên ở Trà-Vang quyền giúp lương-hưởng rất nhiều và phần đông cũng có từng quân đánh giặc nữa. Đến khi tức-vị (1802), vua Gia-Long nhớ ơn xưa, xuống chiếu miễn thuế vĩnh-viễn thủy-lợi nơi rạch Láng-Thé cho dân Thò hường nhờ chung.

Dè đâu có tên khách-trú vận-động lo-lót với Tông-đốc Trương-văn-Uyền và Bố-chánh Truyện là quan đầu tỉnh Vĩnh-long, mua được thủy-lợi Láng-thé.

Mệ-sóc và các hương-mục Thò kéo nhau đến kiện với tri-huyện Bùi-hữu-Nghĩa. Nghĩa xử rằng : « Việc tha thủy-lợi là ân-huệ của vua Thế-tò ; nay ai nhỏ hơn vua Thế-tò mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao ».

Dân Cao-Miên tức thì mừng-rỡ, phá đập bửa rợ của tên khách-trú kia. Hai đàng gây cuộc huyết-chiến, rốt cuộc có bảy tám tên khách-trú bị chém chết.

Dân Thò bị bắt. Tông-đốc và Bố-chánh bắt luôn Thủ-khoa-Nghĩa gởi về Gia-Định, rồi đê só về Triều, cáo quan huyện về tội tự-tiện giết người.

Trước nỗi ức tinh ấy, bà Thủ-khoa một mặt ra tận Huế thân oan, một mặt nhờ quản Kiệm, em bạn dì của Thủ-khoa, lo việc ăn-cắp tờ chiếu của Triều-dinh Huế gửi vô dạy xử tội Thủ-khoa, mà giấu đi, cho đủ ngày giờ đi tới Huế minh-oan.

NƠI TOÀ TAM-PHÁP

Bà Thủ-khoa xuống Mỹ-Tho kiểm ghe bầu chịu tiền quá giang ra Huế.

May-mắn thay cho Thủ-khoa và bà vợ, vì lúc ấy Phan-thanh Giản làm Lại-bộ Thượng-thor tại trào.

Đến nơi, bà Thủ-khoa tìm dinh quan Thượng-thor tờ nỗi hàm oan của chồng, tường thuật sự lộng-quyền của các quan tinh Vĩnh-Long và tờ ý mình muốn đến Tam-pháp-ty kêu oan. Phan-thanh-Giản bèn chỉ biều đường đi nước bước và làm giúp bà một tờ trạng tờ nỗi khúc oan.

Bà học thuộc lòng tờ trạng, rồi đêm kia, lối canh năm, bà đến đền vua, nồi ba hồi trống. Vua Tự-Đức lâm triều, thâu đơn của bà rồi giao cho Bộ-Hình thẩm xét. Bộ-Hình lấy cung chiêu thẩm định rồi tuyên-án Thủ-khoa như vậy : « *Tha cho Bùi-hữu-Nghĩa khỏi tử-hình, song phải quân-tiền hiệu-lực, đái công chuộc tội* ».

Tù-dữ Thái-hậu đòi bà Thủ-khoa vô cung, tỏ lời khen và ban cho một tấm biển đẽ bốn chữ vàng : « *Liet-phụ khâ-gia* ».

Sau bà Thủ-khoa về ninh-gia tại Biên-Hoà rồi bị binh tạ thế nơi đó.

Khi bà tạ thế thì Nghĩa mắc trấn nhậm ở Châu-Đốc nên phải quàn bà lại rất lâu, đợi Nghĩa về đọc một bài văn-tể lâm-ly thống-thiết rồi mới an-táng tại làng Tân-hiệp, tổng Chánh-mỹ-thượng, tỉnh Biên-Hoà.

ĐOẠN ĐỜI CUỐI CỦA THỦ-KHOA NGHĨA

Khỏi tội chết chém, Nghĩa bị đòi đi làm chức thủ-ngữ ở Vĩnh-thông (Châu-đốc) đánh dẹp dân Cao-miên làm loạn. Giặc yên lặng ít lâu, lại nồi lên làm phản nữa. Chuyến này, Nghĩa với quan quân bị bắt rất nhiều, song Nghĩa được tha trở về Tịnh-biên.

Thấy nhiều kẻ xu-quyền phụ-thế, quan lại quá ư tham-tàn, Nghĩa xin hồi-hưu trở về quê-quán tại Bình-thủy (Cần-Thơ), mở trường dạy học, vui thú thanh-nhàn.

Về đường miêu-duệ thì Nghĩa sanh hạ với bà chánh-thất Nguyễn-thị-Tồn được một gái, hai trai

Bùi-thị-Xiêm — Bùi-hữu-Vàng — Bùi-hữu-Tú,
với bà kế-thất là Lưu-thị-Hoán được 1 gái, 3 trai

Bùi-thị-Bè — Bùi-hữu-Khánh — Bùi-hữu-Sanh — Bùi-hữu-Út.

Ngày 21 tháng Giêng năm Nhâm-thân, nhâm năm Tự-Đức thứ 26 (1872), nhà văn-hào Bùi-hữu-Nghĩa từ-giã cõi trần, hưởng thọ được 66 tuổi.

Hiện thời mộ Nghĩa ở trong vườn Vĩnh-lộc của Đốc-phủ Dương-thân-Hỷ (thuộc về làng Long-tuyễn Bình-thủy), tỉnh Cần-thơ. Trước mộ có tấm bia đá của con Nghĩa là Bùi-hữu-Tú dựng, khắc mấy chữ

« *Đại-Nam Hiền-khảo Gidi-nguyên Bùi-phủ-quân chi mộ.*

Tốt vu Nhâm-thân niên chánh ngoạt nằm nhứt nhựt.

Nam Bùi-hữu-Tú kính lập. ».

Bấy giờ tại chùa Nam-nhã ở Bình-thủy có ba thần-chú thờ Thủ-khoa Nghĩa với bà chánh-thất và bà kế-thất. Trước bàn Phật lại có bài vị thờ nữa.

SỰ-NGHỊỆP VĂN-CHƯƠNG

Thủ-khoa Nghĩa rất sờ-trường về thi-văn.

Lúc bấy giờ có người truyền tụng câu sau nầy

« *Đồng-nai có bốn rồng vàng
Lộc hoạ, Lê phú, Sang đàn, Nghĩa thi* ».

cũng đã biết Nghĩa là một bức cự-phách trong làng thi miền Nam về giữa thế-kỷ 19.

Người ta biết Nghĩa nhiều là do quyền tuồng « Kim-thạch kỵ-duyên », văn-chương đặc-sắc, lời-lẽ gọn-gàng.

Kế đó là mấy bài văn-té

Văn-té vợ ; — Văn-té con gái ; — Văn vợ Thò tể chồng Chết.

Mấy bài thơ nôm

Cây vông ; — Cây bần ; — Thợ bạc ; — Kinh quá Hà-âm cầm-tác ; — Câu cá ; — Ngũ-tử-Tư xuy tiêu ; — Quan-Công thất-thủ ; — Bị giam ở Vĩnh-long.

Và mấy bài thơ chử làm lúc trấn-nhậm Châu-đốc, lúc hồi-hưu về Bình-thủy.

Nghĩa có soạn hai bồn tuồng khác là « Tây-Du » và « Mậu-Tòng ».

VỀ QUYỀN TUỒNG « KIM-THẠCH KỴ-DUYÊN ».

Quyền tuồng này ai cũng công-nhận là hay, hay cả văn-chương lẫn sự tích.

Thủ-khoa Nghĩa dùng rất nhiều chữ Hán mà làm văn trong bồn tuồng này, viết đã có lợp-lang phép-tắc mà lại còn đối-đáp phải chừng, rất chọi nữa. Chỗ nào dùng nôm thì dùng một cách rất khéo, nhứt là lựa những câu tục-ngữ phong-dao mà xếp-đặt cho đối-chọi nhau cả lời lẫn ý.

Văn-tài của Nghĩa còn hiện ra khi tả tâm-lý của mỗi người, người thế nào cho nói ra lời thế ấy đứa gian-nịnh, khách ăn chơi, kẻ tham-tàn, gả hung-dữ có cái tâm thế nào, khi nó vừa mở lời ra thì người ta đã biết ; bậc trung-trực, dũng hiền-lương, nhà lê-giáo, hạng anh-tài cũng vậy, lời nói tỏ lòng người.

Song vì Nghĩa dùng chữ nho quá nhiều, điền-tích cũng lăm, cho nên những người quốc-văn non-nớt đọc bồn tuồng này, khó lòng mà hiểu nổi.

Lược thuật sự tích trong bồn tuồng « Kim-thạch kỳ-duyên »

« Kim-Ngọc con của Ngạn-Yêm, Tri-huyện Bồ-thành, đã hứa-hôn với Ái-Châu, con của Lâm-Vương là một nhà phú-hộ.

Ngạn-Yêm đi trấn nhậm, giữa đường bị giặc bắt, Kim-Ngọc nhảy xuống sông, nhờ tiều-đồng trung-tín là Dữ-Đức cứu đặng, song mắc lấy bình phung, đường bình ba năm trong chùa không mạnh, về quê xin cưới Ái-Châu, Lâm-Vương đem nữ-tỷ Thạch vô-Hà gả thê.

Vô-Hà là con lương-y Thạch-đạo-Toàn, vì nhà gấp biến mà phải bán mình cho Ái-Châu. Đạo-Toàn trị Kim-Ngọc lành bình, chàng thi đỗ Trạng-nghuyên, hai lần cùng em vợ là Thạch hửu-Quang đẹp giặc, cha con được trùng-phùng, vua phong vương-tước.

Ái-Châu kết-duyên với Ái-Lang, con trai tri-huyện Lợi-Đồ, Tri-huyện tham-lam bị kiện, bị giam, già-sân của anh ta và luôn của ông sụi là Lâm-Vương đều bị tịch-biên.

Sự đời có vay có trả, Ái-Châu bị bán cho phu-nhân Vô-Hà. Không chừa lòng lang dạ độc, bị Kim-Ngọc đuổi khỏi nhà, nhập vào lầu xanh, vướng bình phong-tình sau tịt-vắn... »

TRÍCH-LỤC ÍT BÀI THƠ CỦA THỦ-KHOA NGHĨA

Khi đi sứ sang Xiêm, ban đêm ngang qua huyện Hà-âm (nay là Giang-thành), (Hà-tiên), thấy đống xương của bọn thò-phí bị giết hồi đời Minh-mạng còn chồng-chất ngùn-ngụn, Nghĩa có làm bài thơ sau đây :

KINH QUÁ HÀ-ÂM CẨM-TÁC

*Mịt-mịt mây đen kéo tối đầm,
Đau lòng thuở nọ chốn Hà-âm :
Đồng xương vô định sương phao trắng,
Vũng máu phi-thường có nhuộm thảm.
Gió trót đặt-dờ nơi chiến-lũy,
Đèn troi leo-lết dặm u-lâm.
Nghĩ thương con tạo sao dời đồi,
Vần-vỏi đêm trường tiếng dể ngâm.*

Kè qua cuộc đời của cụ đè lại cho đời một sự-nghiệp văn-chương vô-giá, chúng tôi chỉ trích ra một ít vẫn thơ đè tưởng-niệm bậc nhơn-tài của đất nước với lòng cảm-mến vô-biên.

Sau khi soạn qua phần tiêu-sử của các danh-nhân ở miền Tây, chúng tôi sợ còn thiếu-sót, thân-hành đến Phong-Dinh đè tìm thêm tài-liệu, may-mắn được gặp Ông Phan-trung-Hàm, hiện là một công-chức, người sanh-trưởng tại đây lâu năm, có tinh-thần hiếu-cồ. Ông vui-vẻ hướng-dẫn chúng tôi đến các vị bô-lão, thân-hào nhân-sĩ Tây-Đô, ghé qua biệt-thự ông Cao-văn-Hùng, lại gặp ông Nguyễn văn-Giai là cháu ngoại cụ Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghia cũng có mặt nơi đây. Ông Nguyễn-văn-Giai năm nay 82 tuổi, trước kia là một giáo-chức tại Cần-Thơ. Mặc dù nay tuổi đã già nhưng trông rất khoẻ-mạnh, ăn nói chững-chạc, không lẩn-lộn chi cả. Ông tươi cười kè qua đôi nét quá trình của cụ Thủ-Khoa là ngoại-tô của ông cho chúng tôi ghi chép những tài-liệu xác-thực, được trình-bày vào quyền sách này.

Xuyên qua những việc làm của người xưa đã nêu cao tấm gương trung-liệt, v-chí bất-khuất đáng cho hậu-thế noi gương, chúng tôi cần biên-soạn lại, hiến cho quý-bạn đọc dễ hiểu thêm các danh-nhân nổi tiếng ở Cần-Thơ của thời xa xưa, được người đời nhớ-đèn tài đức. Ngày nay mỗi lần nhắc đến văn học sử thì không thể quên các cụ, tuy đã ra người thiên-cõ nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi với non sông (¹).

(Trích Danh-Nhân Nước Nhà)

(¹) Tại Phong-Dinh ngày nay có một bệnh-viện công-cộng mang tên Thủ-khoa Nghia và tại Thủ-Đô Saigon cũng như các tỉnh đều có tên đường Bùi-hữu-Nghia hầu nhắc-nhở đến tinh-thần yêu nước của cụ.



6. NGUYỄN-THỊ-TỒN

từ *Vĩnh-long ra tận đê-dô kêu oan cho chồng,*
dược đức Tử-Dữ Thái-Hậu khen ngợi.

Nhắc đến cụ Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa mà không nhắc đến người bạn trăm năm của cụ với lòng kính mộ, thì là một sự khiếm khuyết. Bà Thủ-Khoa-Nghĩa thật đáng phục là người tận tụy với chồng, ít có ai hơn. Thảo nào về sau cụ Thủ-khoa-Nghĩa chẳng thống thiết tỏ lòng thương tiếc Bà trong mấy áng văn bất hủ.

Bà Thủ-khoa-Nghĩa nhũ danh là Nguyễn-thị-Tồn, con Ông Họ trưởng Nguyễn-văn-Lý ở làng Mỹ-Khánh, tổng Chánh mỹ thượng, tỉnh Biên-hoà. Thân phụ Bà đã nuôi cụ Bùi-hữu-Nghĩa ăn học đến thành tài, và gả Bà, khi cụ Thủ-khoa xuất chính làm Tri huyện Phước-long (Biên-hoà).

Ít lâu, chồng đòi xuống tỉnh Vĩnh-long, trấn nhậm phủ Trà-vang (Trà-vinh), Bà theo chồng, chăm lo cho chồng chu đáo.

Bấy giờ, có người em vợ Bố-chánh-Truyện rất xắc xược, du đãng. Cụ Thủ-khoa bắt, phạt trượng. Do đó, sinh sự thù hiềm.

Sau, nhân có việc dân Miên bắt binh thượng cấp làm điều trái phép, cụ Thủ-khoa lại can thiệp. Nguyễn từ trước, chúa Nguyễn-Ánh bôn ba tàu quốc, từng nhờ đám dân Miên ở Trà-vinh giúp lương thực và tòng quân trợ lực. Đến khi lên ngôi, nhớ ơn ấy, nhà vua xuống chiếu miễn thuế thủy lợi cho dân Miên. Ít lâu, có nhóm người Huê kiều lo lót với Tông đốc Trương-văn-Uyền và Bố-chánh Truyện, mua thủy lợi ấy.

Úc lòng, các hương mục người Miên kéo nhau đến dinh môn cụ Thủ-khoa đề kiện. Cụ xứ

— Việc xá thuế thủy lợi là ơn huệ của Đức Cao-hoàng ban ân bối đức cho dân Miên, nay ai nhỏ hơn Đức Cao-hoàng mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao.

Dân Miên nghe xứ, bèn phá đập của nhầm Huê kiều. Đôi bên gây hấn, chém nhau, chết mất 8 người Huê kiều.

Đám dân Miên bị bắt mà cụ Thủ-khoa cũng bị Tòng đốc và Bố chánh khép vào tội chủ mưu, áp giải lên Gia Định, rồi đệ sớ về Triều, cáo tội cụ lạm phép.

Bà Thủ-khoa lặn lội ra tận đế đô (Huế), trước vào yết-kiến cụ Thượng-thư Bộ Lại Phan-thanh-Giản tại tư dinh, sau thẳng đến Tam-pháp-Ty gióng ba hồi trống kêu oan. Tờ trạng của Bà được đệ lên nhà vua. Vua Tự-Đức giao cho Tam-pháp-Ty xét xử.

Tam-pháp-Ty gồm có nhân viên cao cấp của Bộ Hình, Đô-sát viện và Đại lý, lập tức nhóm họp. Chính vua Tự-Đức chung thầm bản án như sau : « Tha tội tử hình cho Bùi-hữu-Nghĩa. song phải sung quân, lập công chuộc tội ».

Riêng Bà, được đức Từ-Dũ Thái hậu (thân mẫu vua Tự-Đức) phong tặng tấm biển đề 4 chữ « Liệt phụ khả phong » và tặng cho cái võng, trên có 4 cái gang.

Cứu được chồng khỏi chết, nhưng vẫn phải chịu đau lòng cách biệt chồng lúc sung quân, Bà về thẳng quê nhà ở Biên-Hoà. Chẳng mấy tháng Bà vương bệnh qua đời !

Mộ Bà tại làng Tân-Hiệp, tổng Chánh mỹ thượng, tỉnh Biên-Hoà. Hiện nay nơi làng Long-tuyền (Bình-thủy), có thờ linh vị hai Ông Bà trong ngôi chùa ⁽¹⁾ do môn đệ của cụ Thủ-Khoa là Nguyễn-giác-Nguyễn xây dựng.

(1) Chùa Minh-lư-Nam nằm đường

Cụ Thủ-Khoa sau đó tỏ cảm tình tha thiết với Bà

« Đất chẳng phải chồng, sao nỡ thịt xương hòa với đất ;
Trời không chết vợ, chẳng coi gan ruột thử cho Trời ».

Chưa tỏ hết sự đau lòng thương cảm người vợ đã trọn tình, trọn nghĩa với mình, Cụ Thủ-khoa viết thêm đôi liên thờ

« Ngã chi bần khanh độc nắng trợ, ngã chi oan khanh
độc đăng minh, triều quận công xưng khanh thị phụ ;
« Khanh chi bệnh ngã bắt đắc dureõng, khanh chi, từ
ngã bắt đắc táng, giang san ưng tiểu ngã phi phủ »

Nguyễn-văn-Nghĩa dịch

« Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu,
chòm xóm đều khen mình đáng vợ ; »

« Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng
táng, non sông thẹn phận tớ làm chồng ».

Rồi làm một bài thơ đề nơi nhà mồ

Đã chǎn ba năm mới chẳng thăm,
Màn loan đâu vắng bắt hơi tắm.
Gió đưa nào thấy hình dương liêu,
Đêm vắng ai hoài tiếng sắt cầm.
Chồng nhớ vợ lòng tư bối rỗi,
Con thương mẹ, lụy ngọc tuôn dầm.
Có linh chín suối đừng xao lảng,
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm.

Chín suối hồn linh, cụ Bà Nguyễn-thị-Tòn hẳn rơi giọt lệ cảm tình. Cho đến chúng ta ngày nay đây, đọc mấy lời ấy, ai chẳng ngậm ngùi.

Huống chi, cụ Thủ-khoa còn thống thiết ngũ thêm thâm tình trong bài văn tế, văn chương trác lạc, ý sâu thẳm mênh mang :

1. *Hỡi ôi ! Gió Nữ phất phơ, mưa Ngâu lác đác.*
2. *Duyên bình thủy sum vầy Đà tan rã, ngọt ngào bợt nước sóng xao ; đuốc loan phồng tỏ rang phút khêu lò, sảng sốt ngọn đèn gió tắt.*
3. *Nhớ linh xira ! Tánh đúc son vàng ; tình không đèn bạc.*
4. *Chen với nguyệt vóc tròn hơn nguyệt, phồng khuê Đà rực rõ gương trong ; ở trên tràn mà chẳng nhuốm tràn, vươn dâu khỏi nhơ bụi cát.*
5. *Trong vầy màu bùn chằng đục, những dự sang giàu, của trăm xe đưa rước nào mang ; nghèo manh khổ chuối mà thanh, phải duyên đầm thảm, cầu mấy nhịp xa xôi gánh vác.*
6. *Ở với mẹ trọn niềm hiếu hạnh, chiều lòng theo lân lý với anh em ; lúc theo chồng vui biết chữ xướng tùy, đẹp đẽ với xóm giềng cùng chú báu.*
7. *Ua mùi đạo khuyên chồng nấu sứ, nam tử may nợ nứớc đèn bồi ; thảo thờ thân vẹn chưng lê, nữ công trọn giềng nhà gánh vác.*
8. *Trường khoa mục qua nong chí cả, ít nhiều đã rõ mặt với non sông ; nhà hàn vì bậu dốc tay nâng, may mắn đặng cất đầu cùng bạn tác.*
9. *Chồng vợ thảm đều không cha mẹ, em luống than phận lè loi ; cậu có hoà một cửa anh em, tình vui thuận lời không chính xác.*
10. *Công danh lỡ vì mang bệnh quỷ, em chẳng phải vợ Mai-Thần ngày trước, thời chưa nên làm thói dẽ duỗi ; khó hèn cam nào dám trách trời, bậu chằng như vợ Tô-Tần ngày nọ, vận chưa đạt mà đem lòng khi bắc.*
11. *Phận khó khăn yếu đuối, vóc liễu bồ dâu dãi nắng mưa con nhỏ dại thơ ngây, tay chủ quỷ không rời thưóc tắc.*
12. *Ở theo thời, làm theo thế, qua khỏi tuần sấm đất tan bia ; bay kịp chúng, nhảy kịp thời, mới đặng hưởng gió thán đưa các.*
13. *Nghiệp tiên thế anh lo gây dựng, mừng thăm Đà mờ mặt với hương lân ; đạo thánh hiền bậu dốc khuyên dương, gắn vó đã nén gương cùng hậu giác.*

14. Ăn cần ở kiêm, giàu không khoe, khó cưng không đua ; mua nghĩa chắc nhơn, trước chặng phai sau chặng lạt.

15. Chữ thê tùng phú quý, em nan than chặng nhở của cưng nhờ công ; câu phụ tác từ thừa, bậu nong nả chưa nên vai đà nên vác.

16. Ôi đà hết lúc gian truân ; hay chưa tới chừng hanh-đạt.

17. Bỗng đâu khiến cho day mưa tạt, non hoa hạc lánh trầm trầm ; nào hay vật đồi sao dời, cửa sổ ngựa qua thoát thoát.

18. Ôi ! Sông Lệ vàng chùm ; non Công ngọc nát.

19. Cảnh già lão trách lòng trời đất, khó có nhau giàu cưng có nhau ; quỷ vô thường làm cuộc bè dâu, vật tráo chác người sao tráo chác.

20. Con chín tuồi thơ ngày một bóng, em bao đành nhắm mắt tăm tiên ; chồng trầm bè lo lắng một mình, bậu bao nỡ sấp lưng cõi hạc.

21. Ai mượn lão Diêm Phù rước khách, mẹ lia con vì gã rất ức oan ; ai mượn người Quả Bá đưa người, chồng xa vợ ở người nên bạo ác.

22. Chữ « đại đức tất đặc kỳ thọ » đọc tới phát buồn câu « tích phuớc tất hữu dư khương » nghe càng thêm lạt.

23. Qua đè bậu chặng băng tiền dũa, phận phân gươong chặng kip nữa giờ ; Trời giết người chi xá gươm dao, chừng nghèo ngặt không đầy một lát.

24. Đêm khuya hãy nâng niu một trẻ, nghĩ từ con ruột tờ kim châm ; ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từ chẵn gan đurdyng muối xát.

25. Cuộc long hổ lấp rồi ba tắc đất, ôi thôi rồi má phấn hồng nhàn ; bạn phụng loan phân rẽ một phuơng trời, lo đáo đè duyên đơn phận bạc.

26. Đã biết kiếp thác là kiếp mắt, tẩm lòng thành đủ bảy tuần chay ; cho người mất mà nghĩa còn, thô lẽ tế vài mâm mặn lạt.

Hồi ôi ! Tiếc thay. Hồi ôi ! Thương thay.

7. PHAN-VĂN-TRỊ

(CỦ TRỊ)

1830 – 1908

*người đả kích Tôn-thợ-Tường hăng nhất,
nêu cao tiết tháo thành bần, bắt khuất.*

Trong hàng khoa bảng xuất thân, biết dùng ngọn bút sâu sắc đả kích những ai phản bội quyền lợi nhân dân, Tồ-quốc, không ai bằng Cử Trị. Không cầm súng thì cầm bút, trọn đời ông, văn chương chỉ là phương tiện để ông gián tiếp đóng góp tâm huyết với quốc gia trong khi bao chiến sĩ quê hương đã đem xương máu đền đáp ơn tắc đất ngọn rau nước tồ.

Ông sinh năm Canh dần (1830) tại làng Hanh-thông, tỉnh Gia Định. Thông minh dĩnh ngộ, ông nổi tiếng anh tài. Năm 20 tuổi (Kỷ-dậu 1849) ông đỗ cử-nhan, nên tục thường gọi là Cử Trị.

Đường khoa danh đã hiển đạt, nhưng ông không muồn dấn bước chốn quan trường, sống ung dung ngoài vòng cương toà, sinh nhai với nghề y và dạy học. Lúc nào ông cũng biếu lộ phong thái của bậc người khoáng đạt, gìn tiết tháo.

Năm 1862, quân đội Pháp dấy động, chiếm Gia Định, Ông xuống Vĩnh long lánh thân. Cùng với các sĩ phu tiết nghĩa như Nguyễn Định Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt v. v.. ông đứng vào hàng ngũ bắt hợp tác với Pháp, cực lực đả kích những ai đã xu thời cầu媚.

Đến khi ba tỉnh miền tây cũng lọt luôn vào tay quân đội xâm-lăng, ông tê tái

*Tò le kèn thòi tiếng năm ba
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
Uốn khúc sông rồng mờ mịt khói
Vắng hoe thành phụng ủ sầu hoa.
Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,
Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa !
Gió bụi đòi con xiêu ngã cỏ,
Ngậm curdi hết nói nỗi quan ta.*

Rồi nhìn thấy đất nước ngày một bị cai trị dưới ách ngoại bang, mà phần đông sĩ phu đã trở mặt theo về hợp tác với tân trào, đại diện điển hình là Tôn-thọ-Tường, ông nỗi lòng công phẫn, mài bút bén như gươm, bút chiến hào hùng, khiến người người khâm phục. Cho đến nỗi Tôn-thọ-Tường cũng tự cảm thấy hồ الثن, thu mình lại trong những bài than thân như « Tôn phu nhân quy Hán », « Từ Thú quy Tào » v.v... vẫn chẳng khỏi bị ông đánh thép chê trách qua những bài thơ hoạ lại, ý vị thâm trầm sâu sắc.

Hắn đến ngày nay không người Việt nào mà chẳng biết 10 bài liên hoàn vịnh thời cuộc của Tôn-thọ-Tường, mà Phan-văn-Trị đã hoạ cho rắn rỏi, nghiêm khắc cực kỳ. Chỉ cần ghi lại đây một bài mở đầu thôi, cũng đủ cho các thế hệ sau thấy hai xu hướng đối kháng nhau rõ rệt. Tâm trạng yếu hèn xu mi thực dân của Tôn-thọ-Tường đã phát biều tráng trọn

*Giang san ba tinh hãy còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này !
Chớp khoáng thảng bon dây thép kéo,
Mây tuông đèn kịch kkói tàu bay
Xăng văng thăm tinh thương đòi chõ
Khắp khởi riêng lo biết những ngày.
Miệng cop hàm rồng chưa dẽ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thay lay.*

Nghé giọng điệu ấy, cố nhiên Phan-văn-Trị khó nỗi dằn lòng. Ông cảnh cáo ngay

*Hơn thua chua quyết đó cùng đây.
Chẳng dã nên ta mới thế này,
Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy
Con rồng dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở
Búa lướt săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,
Lòng ta sắt đá há lung lay !*

Quả thật, tấm lòng sắt đá của ông, suốt cuộc đời ông luôn luôn giữ vững, chẳng lung lay trước hoàn cảnh đảo nghịch nào. Đề hiều rõ ông hơn nữa, chúng ta hãy xem đến bài xướng hoạ thứ 10 trong thập thủ liên hoàn vịnh thời cuộc, giữa hai đối thủ đại-diện hai phe hợp tác và bất hợp tác, ta sẽ cảm mến ông hơn nữa.

Tôn-thọ-Tường xướng

*Đạo hăng chi trước thảo cùng ngay.
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy
Đất quét đã dành bia lỗ miệng,
Chén tàn e nỗi trả bàn tay.
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
Mắt trắng xem trời cánh khó bay.
Chỉ muốn ngày nào cho được toại !
Giang san ba tinh hãy còn đây !*

Lập luận của hạng phản bội dân tộc thường là đura đầy, mơn trớn vuốt ve. Ông đời nào chịu được những lời uơn hèn duơng bợ làm nhục cả tinh thần một dân tộc như thế. Ông hoạ sang sảng, lời như gào như thét

*Năm hàng vốn thiệt thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,
Chờ khi thấy mày sê ra tay.
Nồi chìm mặc thế tình dày mỏng,
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.
Một trận gió đura xiêu ngã cỏ,
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

Ý chí rắn rỏi, ông cương quyết tranh đấu đến cùng. Dưới mắt ông, phe phái Tôn-thọ-Tường như không có, và ông cho đó là cái nhục của dân tộc. Từ lúc ông ngâm câu « *Tan nhà cảm nỗi câu ly hận, cắt đất thương thay cuộc giáng hoà* », ông sống cuộc đời thanh bần ăn dặt. Nghe đâu có bậc sĩ phu cao khí tiết, lập tức ông tìm đến giao du, cùng nhau hoạch-định phương châm cứu quốc. Nghe đâu có hào kiệt khởi nghĩa, ông nhiệt thành khích lệ.

Khi ông ở ẩn nơi Phong-điền (Phong-dinh), ông thường rong thuyền câu, thỉnh thoảng rộng trời cao dài tăm lòng u sầu, uất hận, đau nỗi quốc phá gia vong

« Xem hết nhơn tình rồi nghĩ nghị,
« Thú vui chán có một thuyền câu.

Hoặc

« Người hối Nghiêm-Lăng có biết chăng,
« Lòng ta ý gã đố ai bằng.

Thầy Đinh-Sâm vùng lên kháng Pháp, giết vị Cai tông Nguyễn-văn-Vĩnh, được dân chúng hưởng ứng, ông ủng hộ tinh thần ngay. Đến khi Đinh-Sâm dần dần hao mòn lực lượng mà thất cơ bại sự, ông than thở khôn cùng.

Tuổi càng già lòng ông càng đau đớn trước cảnh non nước bị đặt vào guồng cai trị của ngoại bang. Tuy nhiên, ông vẫn tin tưởng ở tương lai đất nước, tinh-thần bất khuất của dân tộc, mong mỏi trời Nam đất Việt sẽ rực rõ màu xuân. Tâm sự ông hoàn toàn ký thác trong 10 bài cảm hoài, giải tỏ lòng cùng các thế hệ sau, muôn thu đồng vọng mãi.

Thi văn của cụ Cử-Trị sáng tác rất nhiều, vì phạm vi quyền sách chúng tôi dành giảm bớt, chỉ lược lại những bài đặc sắc có ý niệm văn tâm văn khí đã nói lên tấm lòng bất khuất.

Đối với non sông quốc thồ lúc nào cụ cũng thiết tha đến vận mạng quê hương dân tộc bị trị, khi mảnh đất thân yêu 6 tỉnh miền Nam đã lọt vào tay người Pháp.

Cụ cảm cảnh buồn tủi, ẩn dật nơi chốn đồng không hiu quạnh, ở trong một căn nhà lá nhỏ sóm cháo chiều rau, giữ chữ thanh bần đề nhìn thế sự.

Chúng tôi sưu tầm qua phần Danh nhân ở Căn-thơ mà không nêu cao khí tiết cụ Cử-Trị cho đồng-bào các giới, cần biết qua đôi nét quá trình và con đường sự nghiệp, văn chương của cụ đã lưu lại cho nền văn học sử nước nhà ít nhiều, thiết tưởng tên tuổi của cụ ngày nay ai ai cũng biết, cụ đáng là người cho chúng ta nhắc nhớ. Dân tộc Việt-Nam lấy làm hánh diện, đất miền Nam đã sản xuất lắm anh tài hùng khí lưu danh hậu thế.

8. ĐỊNH-SÂM

Lãnh tụ kháng chiến vùng Ba-lang — Trà-niềng.

Một khi đất nước râm minh quắn quại dưới gót xâm lăng, nghĩa vụ công dân bắt buộc những người con đất nước đều phải đứng lên bảo vệ quê hương, cứu nguy dân tộc. Tiếng súng liên-quân Pháp-Ý nồ rền trên mảnh đất miền Nam, nhân dân cũng vùng lên chiến đấu hào hùng, nào có cam tâm khuất phục chi đâu. Dù khi Hoà ước 1862 đã ký kết, nhượng giao 3 tỉnh miền Đông, vẫn còn biêt bao cuộc khởi nghĩa của sĩ phu trong Nam. Rồi đến 3 tỉnh miền Tây cũng bị Pháp thôn tính luôn, hào kiệt miền Tây cũng quật khởi phản kháng oanh liệt, khiến kè xâm lăng lăm phen phải kinh hồn.

Các cuộc quật khởi của sĩ phu miền Tây, đầu tiên phải kể ba người con của cụ Phan-thanh-Giản là Phan-Tôn, Phan-Liêm, Phan-Ngữ huy động nghĩa binh kháng chiến ở Vĩnh long, Sa đéc, Trà vinh (sau bại trận ở Nam, lại chạy ra Bắc hợp lực với Nguyễn tri Phương kháng cự binh Pháp tại Hà nội năm 1873). Lòng trung Dũng của ba người con cụ Phan, khích động và mở màn các trận chiến đấu của nhân dân miền Tây, đã khiến cụ Nguyễn-đình-Chiều vừa khâm phục vừa cảm khái :

“Trống nghĩa Bảo an nghe sấm động,
Cờ thù công tử dậy can qua”

Rồi thi noi gương ấy, dân chúng tự động kháng chiến khắp miền Vĩnh-long, Cần-thơ, Trà-vinh.

Riêng Cần-thơ, bấy giờ mang danh là huyện Phong-phú khoảng năm 1868, có cuộc khởi nghĩa hào hùng của Định-Sâm rất đáng kề.

Quân đội Pháp từ khi chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây, liền thiết lập cơ cấu hành-chánh trên các vùng chiếm đóng. Buổi đầu cai trị, họ mua chuộc một số đồng tay sai, dùng chính sách đàn áp làm căn bản để xiết chặt dân chúng vào vòng phục tùng. Đám

người đã cam tâm phục vụ đặc lực cho họ, không hề từ chối một cuộc tầy trừ thẳng tay nào đối với sức mạnh vùng lên của nhân-dân. Đề lấy lòng quan thày, đâm tay sai thân tía ấy tha hồ tác oai tác phúc với đồng bào, cốt sao dẹp yên được phiến loạn đề tông công là hơn hết.

Vị cai tông Định-bảo thời ấy là Nguyễn-văn-Vĩnh, nghiêm nhiên là một hung thần đối với dân chúng trong vùng ⁽¹⁾. Ai muốn sống còn thì hãy cứ răm rắp cúi đầu tuân theo mạng lệnh của ông. Ai tỏ vẻ trái ý một chút gì, lập tức mang tai họa ngay. Dân chúng ngậm miệng căm hờn !

Trong tình thế đó, một thanh niên hữu chí đứng lên thay mặt dân chúng trong vùng nói riêng, toàn dân nói chung, gióng lên tiếng trống khởi nghĩa, nói lên tiếng nói bắt khuất của dân tộc. . Định-Sâm ! Định-Sâm ! Tên tuổi vị thanh niên ấy được nhân dân truyền miệng ca tụng hoan hô ⁽²⁾.

Địa-diểm phát xuất cuộc khởi nghĩa ở vùng Ba-láng ⁽³⁾, Trà-niềng ⁽⁴⁾ (địa danh này khi xưa gọi là Láng-hầm). Vì Định-Sâm đáp ứng đúng với nguyện-vọng của dân-chúng, nên đã được ủng-hộ nhiệt-liệt. Thanh-thế lẫy-lừng ngay trong buổi đầu xướng nghĩa.

(1) Vị Cai tông Nguyễn-văn-Vĩnh này danh vọng rất to, chẳng phải như các vị Cai tông khác. Năm Mậu-ngo 1858, ông được phong Khâm-sai Cai tông. Năm Tân-dậu được sung chức Quản-cơ. Do đó, uy-tín ông rất được chính quyền Pháp trọng nè.

(2) Theo Bác sĩ Lê-văn-Ngôn trong bài « Tây-đô lịch-sử » đăng ở tập Kỷ yếu Hội Khuyến học Cần-thơ, năm 1943 :

« Có lẽ là cựu lãnh binh ở Châu-đốc tên Ngô-Sâm, ngày 3-9-1857 phá đồn Sa-dec rồi lui về Cần-thơ, chạy lên Châu-đốc, kế bị bắt tại kinh Rạch-giá vào lúc cuối tháng giêng 1861.

Còn sách « Monographie de Can-tho » chép : Định-Sâm là Võ-dinh-Sâm, mà người giết Cai-tông Vĩnh là Thống-chế Bút. Không biết Thống-chế Bút là thuộc-họ của Ngô-Sâm hay Võ-dinh-Sâm ?

(3) Ba-láng hay Láng-hầm nay là đất thuộc xã Nhân-ái.

(4) Trà-niềng là tên rạch ở cạnh chợ Phong-diền, thuộc xã Nhân-ái, tổng Định-bảo. Xưa có chợ tại vàm Trà-niềng.

Cai-tòng Nguyễn-văn-Vĩnh thấy nguy, vừa sợ vừa lo, chưa biết phải liệu lẽ nào, thì tiếp được những lời cảnh-cáo của Đinh-Sâm, khuyên hãy bỏ quan mà lui đi, sẽ được tha-thứ cho tội-lỗi trước, bằng kháng-cự thì sẽ không toàn tánh mạng. Cai-tòng tuy sợ nhưng vẫn tham quyền cố vị, cậy có súng ống nhiều và có lời hứa thưởng của quan thầy, nên lại thẳng tay đàn-áp. Nhưng phen này Cai-tòng Vĩnh đã gặp phải sức đè-kháng quyết-liệt.

Dưới sự chỉ-huy của Đinh-Sâm, một toán nghĩa-quân bắt thành-linh xuất-hiện bao vây tư-thất Cai-tòng Vĩnh, tràn vào bắt giết đi, nồi lửa đốt nhà.

Tin cắp báo đến quan trên. Quân-đội Pháp kéo vào xung-kích với nghĩa-quân. Đinh-Sâm đã rút lui trước, chờ dịp sẽ đương đầu. Quân Pháp và đám tay sai của chúng ra oai « làm cỏ » một vùng đã dám chống-chọi với chúng. Khói lửa mịt trời Ba-láng, Trà-niềng.

Tuy nhiên, dân-chúng vẫn kính-mộ Đinh-Sâm. Phần đông đều theo Đinh-Sâm kháng-chiến, chạm trán với quân Pháp nhiều trận dữ-dội. Quân Pháp càng đàn-áp mạnh hơn. Cuối cùng sức yếu thế cõi, Đinh-Sâm và đám nghĩa-quân trung-kien đền xong nợ nước trong một trận tử-chiến oanh-liệt.

Nghe tin Đinh-Sâm đã táng thân báo quốc, cụ Cử-Trị lúc ấy đã về ngủ ở Phong-diền (Cần-thơ) thương-cảm khôn cùng, đề cao khí-tiết Đinh-Sâm qua một đôi câu đối truy-niệm, thác ý điều Cai-tòng Vĩnh để tránh sự nghi-ky của nhà đương cuộc lúc ấy đang hầm hầm tức giận

« *Võ kiểm xung thiêng, Ba-láng giang đấu lưu hận huyết ;
Văn tinh lạc địa, Trà-niềng thôn lý dài sâu nhan* ».

Nghĩa :

« *Võ kiểm loà trời, Ba-láng vàm kia còn máu hận,
Văn tinh rơi đất, Trà-niềng xóm ấy đượm màu sầu* ».

CHÂN DUNG
cụ NGUYỄN-THẦN-HIẾN



Một nhà cách-mạng hy-sinh thân-thể và sự-nghi
đóng lại bợn cai trị Pháp đến nỗi bỏ mình nơi ngục

Ảnh suri

9. NGUYỄN-THẦN-HIẾN

(Hội đồng Hiến)

1857 — 1914

hy-sinh thân thể vì Cách-mạng.

Tỉnh Cần-thơ xưa đã từng có vị cai-tông từ chức, ở ăn vui thú văn-chương cho lòng đỡ xốn xang trong cảnh bị trị, thì cũng có một vị Hội đồng cao khí tiết hơn thế nữa. Vì Cai-tông Lê-quang Chiêu, chúng tôi đã ghi rõ vài nét tiêu-sử. Nếu các thế-hệ sau vẫn thấy cảm mến được tâm hồn Cai-tông Chiêu, hẳn sẽ càng tăng lòng kính mến bởi phần đối với vị Hội đồng Nguyễn-thần-Hiến.

Thật ra, cụ Hội đồng Hiến vốn người tỉnh Hà-tiên, nhưng cụ đã từng dời sang ở Cần-thơ, nay hãy còn miêu-duệ của cụ nơi đây (Bác sĩ Nguyễn-như-Giu chính là cháu nội của cụ), nên chúng tôi thành kính ghi chép tiêu-sử cụ vào tỉnh Cần-thơ.

Hội đồng Hiến tên thật là Nguyễn-như-Khuê, đến lớn mới đổi là Nguyễn-thần-Hiến tự Phát-Định, hiệu Chương-Chu. Người làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên. Con cụ Kinh lịch Nguyễn-như-Ngươn và Bà thứ thất Huỳnh-thị-Chu tự Thoại-Liên.

Ông nổi tiếng thông-minh, cường-ký, được xưng tặng là «Tiều Táu tài» hoặc «Trương Tòng tái-thể». Năm 17 tuổi Ông cưới vợ, được một năm thì vợ mất sau khi sanh mới 3 ngày đẻ lại một gái là Nguyễn-thị-Ngoạn. Vì sự đau đớn này, Ông bèn chuyên tâm học thuốc, cho nên Ông cũng tinh thông y lý.

Chịu cảnh gà trống nuôi con trong ít lâu, Ông tục huyễn với Bà Huỳnh-thị-Đắt, sinh một gái là Nguyễn-thị-Mân và một trai là Nguyễn-như-Bích. Về sau, khi cha mẹ đều đã qua đời, Ông dời nhà về ở Cần-thơ.

Nhà giàu có, tính khảng-khai, hào hiệp, lại có lòng yêu nước, Ông ngầm giao du với các chí-sĩ Trung, Bắc.

Xuất chính làm đến Hội-đồng địa-hạt Hà-tiên, nhưng Ông không tham quyền quý, chí dốc hy-sinh cứu dân cứu nước. Vì càng

dâm chân vào chốn hoạn trường, tiếp xúc với hàng quan lại thực-dân chứng nào, Ông càng nhận rõ chân tướng của họ mà ngao-ngán. Ý chí hơn người, tâm huyết có thừa, đời nào Ông chịu được sự khom lưng vào luồn ra cùi. Đau chung cái đau của sĩ phu căm hờn tủi nhục vì nước mất, dân tộc bị vướng ách làm thân trâu cày ngựa cõi, lòng Ông lúc nào cũng hướng nhìn Tđ-quốc, hướng về đồng bào mà nguyện quyết hy-sinh.

Từ năm 1902 là năm thân mẫu Ông mất, Ông dời nhà về Cần-thơ, rồi viện cớ bận cư tang đái hiếu, mà từ chức Hội-đồng. Thế là Ông đã dứt khoát bỏ tâm-chí, không khứng phục-vụ chính-quyền của đám thực dân dưới lốt bảo hộ, và cũng từ đây, Ông nguyện dấn thân trên đường cách mạng, hy-sinh thân thế, hầu tranh đấu đòi lại chủ-quyền đất nước, hun đúc tinh-thần đồng-bảo trong cuộc duy tân tự cường.

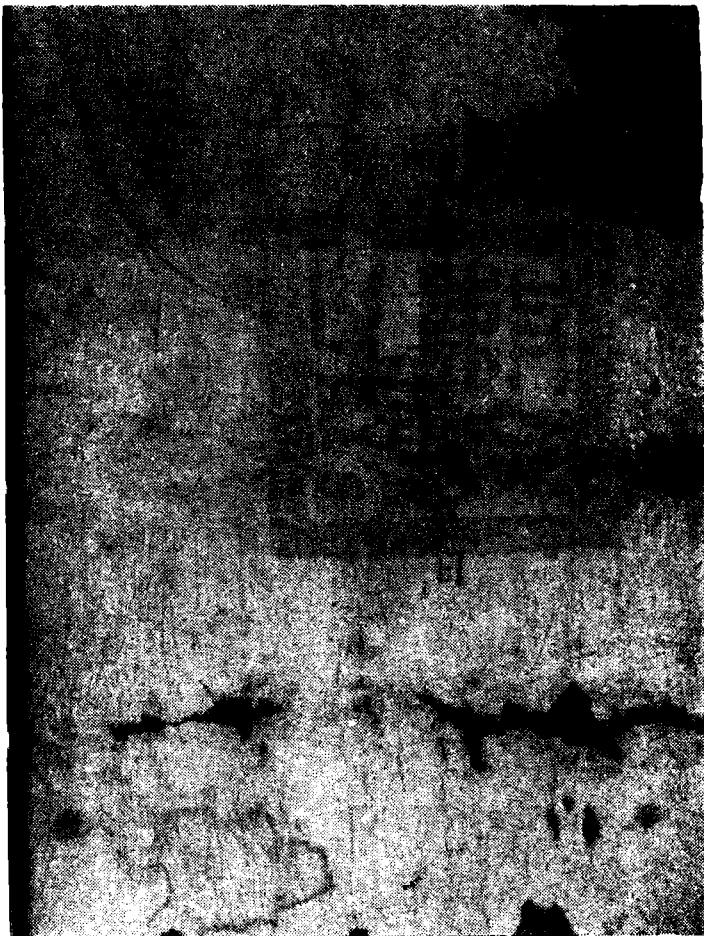
Đến tháng giêng năm Giáp-thân 1904, Ông hội kiến lần thứ nhứt với cụ Phan-bội-Châu tại Sa-dec. Cuộc mạt đàm càng khiến Ông thêm nồng tẩm tình yêu non sông đất tò, thương xót giống nòi, hăng hái hơn lên trên đường nghĩa vụ.

Tán thành phong-trào Đông-du, Ông sáng lập trong bí-mật một học hội, mang tên là "Khuyến du học hội", đem một phần lớn gia tài giúp vào quỹ du học-sinh, để đào-tạo cán-bộ cho nước nhà mai sau. Đề làm gương, Ông cho ngay người con trai ông là Nguyễn-như-Bích sang Nhật du-học trong đợt đầu. Do đó, sĩ-phu miền Nam cảm khích, cùng nhau ngầm hướng ứng khá nhiều.

Cố nhiên Ông không khỏi bị nhà đương cuộc Pháp theo dõi, đâm chừng động tịnh của ông. Trước kia, nào phải ông tham gì danh lợi mà ra làm quan. Cũng bởi nhà cầm quyền có ý nghi ngờ ông từ lâu, toan buộc ông vào vòng đề dễ kiềm soát và đề mua chuộc ông dần dần, nên mới cố ý, cố tình cử ông làm Hội-đồng. Ông cũng tự biết mình đã bị nghi ngờ, nên lúc ấy mới đành nhận chịu cho qua. Kịp khi ông từ chức, ông càng hiều hơn ai rằng, từ nay, màng lưới trinh sát của nhà cầm-quyền Pháp sẽ chực sẵn đề chụp lấy Ông, khi chúng đã tìm thấy bằng chứng rõ ràng.

Ấn tích và sắc chỉ của vua Tự-Đức

(Năm thứ 17)



Ban cho cụ Nguyễn-như-Ngươn, phu thân cụ Nguyễn-thần-Hiển, khi mới sinh đặt tên là Nguyễn-như-Khuê.

Cụ Nguyễn-như-Ngươn làm quan cùng thời cụ Phan-thanh-Giản, và từ chức tại Vĩnhlong, về quê ở Hàtiên, sau khi cụ Phan tử tiết.

Ảnh sưu-tầm

Biết như thế, nhứt cử nhứt động ông đều dè dặt, khôn khéo tránh né mỗi khi bị hỏi săn hỏi đón. Một mặt ông sắp đặt cuộc xuất dương, vì liệu trước phải cao bay xa chạy, mới mong làm được việc.

Đã quyết ý, ông chuẩn bị lén đường. Khoảng năm 1908, ông lén xuất dương, sang Trung-Hoa, Nhật-Bản rồi sang Thái-Lan (Xiêm). Thời kỳ lưu trú ở Thái-Lan, ông cùng với cụ Phan-bội-Châu thuyết-phục Thiệu-Quảng thiền sư tục gọi Thầy Rau, một đồng bào người Bến-tre tu hành ở Thái-Lan, khiến Thiệu-Quảng thiền sư cảm kích, trở về nước quyên tiền giúp du học sinh đang lâm cảnh chật vật ở Vọng-cá. Xong việc này, ông lại sang Trung-Hoa.

Nặng lòng vì Tồ-quốc, ông hy-sinh chẳng quản ngại gì, gót chân bôn ba hẫu khắp, nhiệt thành làm tất cả mọi việc mà đồng chí tin cần giao cho. Lúc nào ông cũng hăng say với nhiệm vụ.

Khi ngụ ở Hàng-châu, nhân mến một nữ chí sĩ Trung-hoa đã hăng hái hoạt động cứu quốc trong năm Tân-hợi 1911, ông làm một bài thơ tặng

*Mưa Âu gió Mỹ tạt về Đông,
Lò tạo Hàng châu đúc má hồng.
Hồ hải bốn phương rày tới gái,
Cương thường riêng gánh chẳng cần chồng.
Thân hèn bao quản không nhà ở,
Chí cả toan đến có nước chung.
Son phấn như vầy đâu dẽ kém,
Tây hà cây cỏ thay thơm nồng.*

Tuy tặng nữ chí-sĩ nước người nhưng thâm tâm Ông hẳn hướng về đất tổ quê cha, ngậm ngùi mong mỏi cho thiếu niên nam nữ ta xem đây làm gương, cùng dốc chí đến bồi ơn tắc đất ngọn rau.

Ông vốn trang văn học tài hoa, nhưng ít khi ông ngâm hoa vịnh nguyệt, hay xem văn chương như trò du hí mà bay bướm múa bút trong lúc trà dư tửu hậu. Ông không làm thơ thì thôi, hễ có cảm xúc nên thơ, thì lời thơ của ông bộc-lộ cốt cách nhà chí-sĩ, gói gém tâm tình trong những áng thơ khích động lòng ái quốc.

Huống chi, ông vốn con nhà phong lưu, sang giàu, thế mà hy-sinh tất cả bã vịnh hoa phú quý, dấn thân vào cuộc đời gió bụi đầy gian khò của con nhà cách mạng, không một việc khó nhọc nào mà ông không làm được.

Trải 5 năm dấn thân ở các nước ngoài để vận động tranh thủ độc lập cho nước nhà, ông nêu cao tấm gương cần lao nhẫn耐, nhiệt thành lo lắng cho tiền đồ Tđ quốc, đồng bào, khiến hầu hết anh em đồng chí đều cảm mến ca ngợi tinh-thần hy-sinh phục vụ của ông.

Đến cuối năm 1913, khi ông cùng Huỳnh-Hưng vận-chuyèn một số tạc đạn đã mua được ở Hương-cảng, ông bị chính quyền địa-phương bắt giải giao cho Pháp, rồi bị đưa về nước, đem giam ở khám Hà-nội.

Hùm thiêng khi đã sa cơ, biết bao ngậm hận nuốt đau ! Quắn quại trong sự tra khảo dã man của cường quyền, ông kiên gan không để cho chúng khai thác điều gì. Sầu hận miên man, đúng vào ngày mồng một tết năm Giáp-dần 1914 ông tự vẫn chết trong ngục.

Chí sĩ Nguyễn-quang-Diệu ở Cao-lanh, sau đó có mấy văn thống thiết khóc ông

*Bấy lâu bay bồng cánh minh hồng,
Lạc lối giờ ra phải mẩy cung.
Chín suối có thiêng hồn Tđ quốc,
Trăm năm còn tạc gánh tang bồng.
Đời đời nghĩ góm câu đau bèle,
Thờ lợ cùng ai chuyện núi sông.
Thôi đè làm gương cho sấp bé,
Nghìn năm trong nước dấu anh hùng.*

Chúng tôi tới tinh Cần-thơ, tìm đến thăm viếng Bác-sĩ Nguyễn-như-Giu là miêu duệ hai đời cụ Nguyễn-thần-Hiển. Bác-sĩ rất vui-vẻ tánh bình dân, không ngần- ngại trình bày cho chúng tôi hiểu thêm cuộc đời cách-mạng của cụ Hiển, gấp lăm bước thăng trầm trên đường tranh-dấu. Chính Bác-sĩ Nguyễn-như-Giu cũng chịu ảnh hưởng việc làm của cụ ít nhiều phải trả một món nợ tinh-thần bị Pháp bắt giam tại Cần-thơ suốt 5 tháng, kết án là con cháu nhà cách-mạng, vì lúc ấy Bác-sĩ không chịu đứng ra hợp tác với Pháp, giữ đúng lời di-chúc của nội-tồ và phụ-thân. Pháp tức giận, làm khó dễ đủ thứ, nào là tịch-biên gia-sản v.v... Mặc dầu chúng đòn-áp gắt-gao, nhưng không sao lay-chuyển được tấm lòng cương-trực, trái tim sắt thép của kẻ thức thời, không phản lại những việc làm của tiền-nhân.

Sau một thời-gian mua chuộc Bác-sĩ không được, chúng đành trả lại tự-do. Từ ấy đến nay, Bác-sĩ vẫn mở phòng mạch phục-vụ đồng-bào, giữ được câu thịnh giá cho tồ-tiên.

Nhìn vào gia-cảnh của Bác-sĩ : một ngôi nhà ngói xưa thấp, bên trong có nhiều đồ cồng, nào là bàn ghế đều chạm cẩn ốc xa cừ, trên bàn thờ có hình cụ Nguyễn-thần-Hiển và ông thân là Nguyễn như-Bích, một nhà cách-mạng đã từng theo chân cụ Cường-Đè.

Tuy Bác-sĩ là người Tây-học, hấp-thu nền văn-hoa Tây-phương, nhưng trái lại có tinh-thần tồn cõi, thích cái gì cõi kính ; từ trong nhà cho đến ngoài sân đều giữ dáng nếp theo người xưa.

Bác-sĩ còn cho biết thêm, giữa thời buồn vật-chất, tranh-giành hơn thua, nào là danh, lợi, quyền-thể quyến rũ, nhưng gia-đình chúng tôi quan-niệm đem nghề-nghiệp ra phụng-sự giúp người nghèo khổ, sống một cuộc đời tự-chủ, không nghĩ gì đến câu danh-lợi.

Trong nửa giờ hồn chuyện với Bác-sĩ Nguyễn-như-Giu đã nhận chân chí-hướng và thân-thể của Ông, làm cho chúng tôi có nhiều cảm-tình và quý-mến, trước khi kiều từ ra về với cái siết tay thân-mật, trên môi Bác-sĩ nở một nụ cười thông-cảm và hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi về châm-dung và bút-tích của cụ Nguyễn-thần-Hiển để ghép vào quyển sách này với những tài-liệu trung thực.

Di bút của cụ Nguyễn-Thần-Hiến



*Đây là bài văn chữ Hán của cụ Nguyễn-Thần-Hiến
làm để tặng đền thờ Mạc-Cửu.*

*Bài văn khắc vào đá, hiện thời vẫn còn tại chùa
Mạc-Cửu ở Hà Tiên.*

Ảnh sưu-tầm

IO. LÊ-QUANG-CHIỀU²

(Cai tông Chiều)

*Một người không màng danh lợi, can-dám từ quan đề cùng
chia đau-khổ với đồng-bào trong cảnh bị trị*

Nơi tiêu sử Đinh-Sâm, chúng tôi đã nói đến một hạng Cai tông hét ra lửa trong thời người Pháp mới thiết lập guồng máy cai trị ở xứ này. Dựa hơi quan thầy, họ đã làm mưa làm gió, khiến dân chúng điêu đứng căm hờn, dần dần phải ngã theo với những ai biết đứng lên nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc. Đại diện hạng người tay sai ra sức đàn áp đồng bào ấy, chúng ta đã biết qua về vụ Cai tông Nguyễn-văn-Vinh với Đinh-Sâm. Nhưng, lại còn một hạng Cai tông khác đáng mến vô cùng, không hạch sách đè bóc lột dân mà trái lại còn thương dân và hăng che chở cho, rồi đến khi nhìn thấy rõ chân tướng của thực dân, thì chẳng ngần ngại gì mà từ chức ngay. Ấy là vị cai tông Lê-quang-Chiều, tục gọi Cai-tông Chiều, một viên quan đáng mến về mặt đức độ, mà cũng đáng ca tụng về mặt văn-học.

Lê-quang-Chiều người xã Phong-diền (Cần-thơ), quận Châu thành, ông sinh năm 1853. Khi ông vừa đến tuổi thành niên thì mắt đã từng chứng kiến cảnh khói lửa chiến tranh mịt trời mảnh đất quê hương, lòng ông hẵn cũng đã từng chua xót, lòng tự hỏi mình đã làm được gì cho đất nước lúc nguy nan?

Sáu tỉnh Nam-Kỳ thuộc Pháp ! Huyện Phong-phú (Cần-thơ) bắt đầu thành lập tỉnh từ năm 1868, và cũng chính trong năm này cuộc khởi nghĩa của Đinh-Sâm xách động dân chúng Ba-láng, Trà-niềng cùng đứng lên, hẵn cũng từng khiến ông băn-khoăn nghĩ ngợi nhiều.

Vì gia-thế ông tương-đối có uy-tín trong vùng, nên bấy giờ Ông được cử làm Cai-tông. Từ-chối không xong, mà nhận chức thì lương-tâm cắn rứt. Sau cùng ông nghỉ ra được một diệu kế Cứ nhận chức, nhưng có điều gì giúp đỡ cho dân chúng nhờ thì giúp, không thì thôi tuyệt-đối không làm khổ dân như những hạng cường-hào ác-bá. Ông hăng nhủ lòng với hai câu thơ trong

bài « Từ Thứ quy Tào » của Tôn-thọ-Tường

*Chẳng dặng khôn Lưu thà dài Ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thoi.*

Tuy nhiên, hơn Tôn-thọ-Tường một bậc, Ông vẫn hăng đứng về phe sĩ-phu như Đồ-Chiêu, Cử-Trị, cự Tuần phủ về hưu Huỳnh-mẫn-Đạt. Ông công-khai tỏ ý ấy trong 10 bài hoạ thơ Cử-Trị về thời cuộc nước nhà, lời lời thiết-tha mến nước thương nhà. Ngoài ra, ông cũng thường họp bạn văn-chương, xướng hoạ văn thơ tao-nhã.

Rồi càng đắm mình trong dòng suy-tư, dần dần chán đường công-danh, nhất là công-danh không tốt đẹp gì dưới danh-nghĩa phục-vụ ngoại-bang, ông càng quả-quyết phải tách mình ra khỏi chốn hoạn-trường, để giữ thân tâm được trong sạch, sao cho không hờ-thẹn với sĩ-phu trong cơn quốc phá gia vong.

Đã quyết-định, ông thi-hành ngay ý-định, nạp đơn xin giải chức. Trong 10 bài « Tự thuận giải chức », ông có mấy câu thảm-thía

*Dây ben máng cánh thêm ràng buộc,
Một ký deo lưng khó khoẻ hoà.*

Thế là ông cởi phăng dây ben tam sắc (biều-trưng chúc-vụ Cai-tòng) và giao trả mộc-ký (con dấu) lại cho chánh-phủ Bảo-hộ lui về vườn cũ cỏ hoa, sống cuộc đời ẩn-dật. Phong-thái của ông như thế, khiến được sĩ-phu cảm mến phần nào.

Khoảng năm 1903, ông cho xuất bản tập « Quốc âm thi hiệp tuyển », gồm có thi ca của ông và của các sĩ phu miền Nam. Bộ sách này kẽ cũng xứng đáng cho văn học giới hoan ngênh, vì hầu hết là những áng thơ hay, có ý vị.

Cho nên, người đời sở-dĩ còn nhắc đến ông mãi, vì thái-độ ấy dù sao cũng đẹp hơn Tôn-thọ-Tường nhiều. Đề hiều rõ ông hơn, thiết tưởng nên ghi lại đây một đôi bài liên hoàn « Tự thuận giải chức » rất thâm trầm, bộc lộ tất cả tâm tư tình ý của ông

I

*Nhợt tồ mừng đà giải khỏi qua,
Giải rồi mới nghĩ tấm lòng ta.
Đây ben máng cánh thêm ràng buộc,
Mặc kỵ đeo lưng khó khoẻ hoà.
Có thóc gà lồng nồi nước cạn,
Không lương hạc nội đất trời xa.
Sao băng ở thế vui theo thú,
Bốn bề đâu đâu cũng có nhà.*

II

*Có nhà phải đủ thuế cùng xâu,
Xâu thuế xong rồi há sơ đâu,
Ba chén rượu đào hơi sốt sắng,
Ít bài thơ lý tú cao sâu.
Miễn ta giữ trọn niềm ngay thảo,
Dũng thế dẫu kêu tiếng ngựa trâu.
Ông Lữ một căn câu Vị-thủy,
Xe Châu đón rước cũng phong hẫu.*

Trong số 10 bài thơ chúng tôi chỉ trích ra 2 bài trên đây để biết qua thâm-ý của cụ không ham danh-lợi, sớm giác-ngộ biết cái đạo minh-triết bản thân, từ quan ở ăn là thật ra cụ nặng lòng yêu nước.

Và cũng chính tấm lòng yêu nước thúc đẩy, cụ đã hoạ 10 bài Tự thuật của Tôn-thọ-Tường, lời lẽ cũng gay-gắt chẳng kém mấy bài hoạ của cụ Cử Trị. Đề nhẫn-nhủ những ai như Tôn-thọ-Tường, cụ có hai câu xuất-sắc

*Giúp trị lẽ nào dung đặng gã,
Trùm loạn rồi có kè chi ngươi.*

Còn gì thâm-thúy hơn mấy lời trên ? Từ xưa đến nay, đã biết bao nhiêu cái gương vua chúa trọng-vọng hiền-tài lúc loạn, khi nhờ đó mà bình-trị được, yên rồi thì hiền-tài cũng bị giết luôn. Câu

than của Hán-Tín muôn đời hãy còn vắng-vắng : « *Giao thố từ tàu cầu phanh ; cao diều tận lương cung tàn, địch quốc phá mưu thắn vong* ». Muông thú hết rồi thì chó săn cũng bị mồ làm thịt ; chim cao đã bắn sạch, cung tốt cũng bị cất đi nước địch đã phá được, mưu thắn rồi cũng mất mạng !

Chúng ta đã biết 10 bài Tự-thuật của Tôn-thọ-Tường và bài hoạ của Bùi-hữu-Nghĩa (chỉ hoạ bài 1) và 10 bài hoạ của cụ Cử-Trị, thiết-tường không thể không biết qua một đôi bài hoạ của Lê-quang-Chiều, đẽ thêm đậm cảm tình với vị Cai-tòng có tâm-hồn cao đẹp

I

*Rèn lòng định sắt hãy còn đây,
Nín mẫn cho qua cái hội này.
Hạc lộn bầy gà thương nỗi kẻ,
Chồn mang lốt cọp gớm cho bầy.
Lỡ duyên cá nước toan chờ vận,
Gặp lúc rồng mây há chẳng ngày.
Sớm tinh che phên ngừa gió cả,
Cột rường chống chọi sê lung lay.*

Qua tinh-thần bài thơ trên đây, chúng ta sẽ cảm mến kính phục tấm lòng sắt thép của cụ, đã dứt khoát tư tưởng, bắt hợp tác với kẻ xâm lăng cướp nước, lui về cố quán với nỗi niềm uất hận, không muốn nhìn thấy cảnh nước mắt nhà tan.

Theo sự tra cứu của chúng tôi, cụ có làm tất cả 10 bài ai oán, phản nộ, bất bình, nhưng tiếc rằng không thể đăng hết, chỉ lược qua một bài đầu đẽ tượng trưng tiết tháo của cụ cũng đủ.

Ngày nay nói đến cụ Lê-quang-Chiều, một vị Cai-tòng thời ấy dám đứng lên binh vực cho dân, nói thẳng với người Pháp qua chính sách cai trị, nào là suru cao thuế nặng, bắt dân đi làm xâu nơi rừng thiêng nước độc ; trước sự tàn bạo của thực dân, cụ Chiều lấy làm căm phẫn liền trả chức đứng về phía nhân dân, quyết giữ câu tiết tháo không khác nào trường hợp cụ Nguyễn-công-Trứ

thuở nào

*Chen chúc lợi danh dà chán ngắt,
Cúc, tùng, phong nguyệt mới vui sao.
Đám phòn hoa trót bước chân vào,
Sức nghĩ giật mình bao xiết kề.*

Cụ Chiều nghĩ như thế mới rời khỏi chốn quan trường, giữ được thanh danh của người trai đất Việt, đến nỗi kẻ dua-nịnh xu-thời theo chân người Pháp cũng phải cúi đầu kính nè.

Xuyên qua việc làm của cụ trên đây, đã gây được nhiều tiếng vang trong tỉnh, nhứt là thân nhân cụ cũng được thơm lây, thế nhân hăng nhắc nhở đến con người đầy tiết tháo. Tồ quốc sẽ ghi ơn một đứa con trung thành của đất nước, dám hy-sinh cuộc đời quyền quý không tham danh lợi, chỉ biết phụng sự cho đại-chúng và chính nghĩa.

Ngày nay tại Cần-thơ còn những người cháu của cụ đều là nhà tài míst có danh trong xã-hội lắm người biết.

Như Bác-sĩ Lê-văn-Hoạch đã từng làm Thủ-tướng trong Chính-phủ Nam-Kỳ tự trị ngày 6 tháng 12 năm 1947 đến 29 tháng 7 năm 1948 và năm 1964 làm Quốc-vụ Khanh. Và hiện nay ông cũng là một chức sắc quan-trọng trong Đạo Cao-Đài, kè ra gia-dinh cụ Lê-quang-Chiều là một trong những gia-dinh giàu có của thời xưa, đã nêu cao thanh-giá cho dòng họ Lê ít nhiều.

Ngạn-ngữ có câu

*Khen cho kiếp trước khéo tu,
Hôm nay con cháu vōng dù hiền-vinh.*

Hai câu ấy ám chỉ cho những ai biết tạo phước-đức, làm lành ở hiền, giúp đời, nay con cháu được sang cả.

Chúng tôi chỉ ghi chép lại đôi nét quá trình thân-thể của cụ Lê-quang-Chiều, nói lên tấm lòng dung-cảm, sự hy-sinh cao-cả của vị Cai-tòng thời thực-dân, lưu lại tiếng thơm muôn thuở và cũng là bài học cho những ai ham bá lợi danh quên cả giống-nòi.

II. PHAN-VĂN-CHI (Nguyên Đốc-phủ-sứ)

Trong thời-đại nào, bắt cứ ở địa-phương nào, trong đám « cha mẹ dân », nếu lăm người sâu dân một nước, trái lại cũng có vị đạo-đức thanh-liêm.

Bởi thế cho nên, Đức Không-Tử mới than « *Hà chánh mảnh ư hồn* » chánh sách bạo-ngược dữ hơn cọp !

Năm 1945, khi Việt-Nam thay đổi chánh-quyền, tại miền Nam, ngót mươi viên-quan cao-cấp hành-chánh bị « thanh-toán », một bài học hay cho những ai dựa oai-thể Thực-dân bóc-lột đồng-bào.

Nói về nhân-vật tỉnh Cần-thơ xưa và nay, chúng tôi thấy có phận-sự đề-cao một công-bộc gương-mẫu, đảm-nhiệm chức-vụ chủ-quận Trà-ôn và sau làm Phó tinh-trưởng Châu-thành. Suốt mươi năm làm việc, ông được các quan cai-trị người Pháp kính-nể, yêu-vì, và nhân-dân mến-phục.

Áy là cố Đốc phủ-sứ Phan-văn-Chỉ.

Không bao giờ thiêng-hạ đồn ông thọ lãnh trái cam nái chuối của ai, đừng nói chi tiền bạc, và trong lúc thi-hành chức-vụ cũng như đổi xứ với đồng-bào, ông thật không hờ với vị tiền-bối họ Phan, Kinh-lược Nam-Kỳ, cụ Phan-thanh-Giản và cũng xứng với bốn chữ « Liêm, Bình, Cần, Cán » mà vua Tự-Đức đã ban cho cụ Phan.

Lúc bấy giờ, vào năm 1934-35, quận Trà-ôn bị nạn cording hào quấy-nhiều, mà lão ác-bá « nòi danh một thời » còn coi ông tinh-trưởng không có kí nào thay, đừng nói chi tới ông phó quận nhô-nhen ! Mấy ông này khi có điều gì không vừa lòng lão, lão lên Saigon một chuyến là ông quận rương tráp đổi đi lệ lệ lão chơi thân với Toàn-quyền Pasquièr kia mà !

Thế mà lão ác-bá hách-dịch, mưu-mô, lại không làm gì được ông chủ-quận họ Phan ? Bởi sao ? Là vì ông Nouailhetas, tinh-trưởng Cần-thơ là người thân-tín của Pasquièr, mà ông Phan thì được Nouailhetas hiều biết quá nhiều.

Thế nên, dầu ở trong hang hùm, ngòi kè nọc rắn, song nhò chánh sách khôn-ngoan, chống không chống, thân không thân, chẳng

ai mua chuộc được. Thanh-liêm, công-bình, nhân-đạo, không có chỗ nào sơ hở nên ông Phan vẫn an như bàn thạch.

Nơi gương thanh-liêm của ông, tông làng trong lúc thừa-hành công vụ cũng ngay-thẳng đàng hoàng, người dân sống yên-ồn sung-sướng.

Thời buổi ấy, quận Trà-ôn đáng kẽ là hạng nhứt trong năm quận Cần-thơ Cái-răng (Châu-thành), Ô-môn, Phụng-hiệp nằm ở hữu-ngạn sông Hậu-giang và Trà-ôn, Cầu-kè ở tả ngạn.

* *

Năm 1938, ông Phan-văn-Chỉ đắc lệnh đổi qua trấn nhậm quận Châu-thành, làng xã, nhân dân trình lên chủ tỉnh nhiều lá đơn, thỉnh cầu lưu ông ở lại quận Trà-ôn. Không được toại nguyện, họ theo đưa ông đồng-đảo, long-trọng, trên đường dài suốt hai mươi cây số ngàn, từ quận Trà-ôn đến Châu-thành.

Năm 1942, một bọn người quá khích chiếm công sở Phú-hữu, đốt sô bô, phá phách tủ bàn. Làng báo quận, vì nhiệm vụ, ông Phan đi với một toán lính đáp thuyền máy qua Phú-hữu, bắt vài người, chở về Cần-thơ.

Mật-thám Pháp hỏi ông

— Sao không cho lính « bắn bỏ » mấy người ấy, đạp xuống sông.

Ông nghiêm-nghị đáp

— Họ có tội hay không thì để cho Pháp-luat xét xử ! Bắn giết người, đó không phải phận sự của quan hành chánh.

* *

Năm 1946, lúc Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thinh làm Thủ-tướng Nam-Kỳ tự trị, ngài dùng ông Phan-văn-Chỉ làm Đồng-lý văn-phòng.

Bác-sĩ Thinh tử trần, ông Đồng-lý tử chúc. Sau đó, ông Trần-văn-Hữu làm Tòng-trấn kẽ làm Thủ-tướng, nhiều phen mời ông Phan-văn-Chỉ giữ một bộ trong nội-cács, nhưng ông một mực khước từ

Hiện nay, gần ba mươi năm đã trôi qua, và mặc dầu ông Phan-văn-Chỉ đã ra người thiên-cõ, dân chúng Cần-thơ, nhứt là Trà-ôn, còn giữ kỷ-niệm mến tiếc đối với ông.

Tạm kết

ĐÈ tạm-kết qua phần Danh-nhân, chúng tôi thấy trong quá-khứ còn nhiều nhân-vật quan-trọng, đã dày công tô-đièm lịch-sử tỉnh Cần-Thơ. Những nhân-vật này chưa được ghi chép đầy-đủ vì sự khiếm khuyết của ngành sử-học trong thời-gian qua. Chúng tôi tin rằng với sự nghiên-cứu của những nhà chuyên-môn và sự tham-gia của những người yêu sử-học ở Cần-Thơ, lần hồi đưa ra ánh-sáng nhiều tấm gương tranh-dấu, kiến-quốc, từ lâu chưa được nêu lên.

Suốt thời-gian trên đường tàu quốc của chúa Nguyễn-Ánh, khắp miền Nam đã có biết bao anh-hùng chí-sĩ địa-phương ra phò tá, lập được nhiều chiến-tích đáng nêu gương. Qua trào người Pháp đến xâm chiếm ba tỉnh miền Tây, Cần-Thơ là nơi ung đúc nhiều chánh khách, những nhà cách-mạng chân-thành nặng lòng vì tờ-quốc, đứng trên lập-trường dân-tộc, nồi lén phản-kháng chế-độ tham-tàn của thực-dân Pháp. Bọn cai-trị liền đàn-áp dữ-dội, lớp bị tù-đày, chết chóc, lớp khác lưu-vong ra hải-ngoại v.v...

Ngày nay dưới chánh-thề Cộng-hoà, nhiều người sanh trưởng ở Cần-Thơ, tích-cực tham-gia công-tác kiến-quốc, giữ nước.

Nhưng thiết-tưởng lịch-sử là vấn-đề phê phán lâu dài, chờ yếu-tố thời-gian. Chúng tôi chưa dám vội nêu danh các vị ấy, hoặc viết tiêu-sử, e quá sức và có lẽ chính các vị ấy cũng không muốn.



NỐI CHÍ NGƯỜI XƯA

vài nét điển hình của chiến-sĩ miền Tây
với ý-chí kiêu-hùng, tinh-thần bất-khuất

Theo dấu người xưa, chúng ta lấy làm cảm-khái nêu lên các bậc Danh-nhân tiền bối đã dày công mò-mang bờ cõi, làm rạng-rỡ nước non nhà, có những vị tiền hiền khai hoang lập ấp kiến-thiết nông thôn vững-chãi từ thuở xa xưa, biết bao tinh-thần, tâm huyết, xương máu hy-sinh tô điềm giang sơn, cứu nguy tề-quốc, mưu hạnh-phúc cho giống nòi.

Trải qua bao đồi, Lê trào Nguyễn chúa tranh hùng, đất nước Việt-Nam ta chịu bao khói lửa dao binh, tang tóc. Nhưng trưởng thành trong đau khổ, càng lâm nguy dân-tộc càng xuất hiện những trang trung liệt, trải mật phơi gan, liên tục tranh đấu, lịch-sử hằng chứng minh tỏ rõ. Các vị ấy đã nêu cao thanh giá khí tiết của giống Tiên Rồng.

Việt-Nam mến yêu ! Việt-Nam khói lửa !

Qua bao cuộc thăng trầm của đất nước, không một ai chẳng khóc ngậm ngùi chua xót cho cảnh cốt nhục tương tàn.

Chúng tôi, một nhóm văn-nhân nặng lòng vì non-nước yêu mến quê hương, dày công sưu tầm qua những phần lịch sử và chuyện xưa tích lợ từ tỉnh một ở Nam-phần Việt-Nam, mục-dịch phụng-sự của chúng tôi làm sống lại tinh-thần bất-khuất của các danh-nhân đã hy-sinh vì tề-quốc.

Hôm nay viết đến quyền « CẦN-THƠ XƯA và NAY » lòng chúng tôi rất bâng-khuâng hồi tưởng nơi đây là quê hương của các nhà chí-sĩ cách-mạng, như cụ Bùi-hữu-Nghia, Nguyễn-thần-Hiển, Đinh-Sâm v.v... Người có tinh-thần ái-quốc với quả tim dũng cảm, hy-sinh sự-nghiệp thân-thế đứng lên kháng Pháp, khi ba tỉnh miền Tây đã lọt vào tay quân-đội viễn-chinh. Lúc bấy giờ các sĩ-phu trong nước nồi lên với nhiều phong-trào chống Pháp, nhóm Cần-Vương, tràm-tắc nghĩa-sĩ quân v.v... quyết tâm mở ách bứt xiềng cho con Hồng cháu Lạc. Ở Bến-Tre thì có Phan-Tôn, Phan-Liêm, Lê-tấn-Kế dấy binh tại Ba-Tri Giồng-Trôm, Định-Tường thi Thiên-hộ-Dương, Nguyễn-hữu-Huân dàn mặt trận Đồng-Tháp, Gò-Công thi Trương-Định vẫy-vùng nơi đám lá tối trời vùng Lý-Nhân, Tân-An vàm sông Nhật-Tảo anh-hùng Nguyễn-trung-Trực đốt tàu Pháp, Châu-Đốc, Long-Xuyên thi đức Cố-Quán, Bảy-Thura đều dãv binh đánh Pháp tại Láng-Linh, Rạch-Giá thi có phó-cơ Nguyễn-hiền-Diều, Lâm-quang-Ký với vũ-kí thô-sor nhưng lòng dũng-cảm đã nêu cao thanh-giá chiến-sĩ miền Tây của thời quá-khứ...

Riêng tỉ h Cần-Thơ, giặc Pháp khủng-bố hoành-hành khói lửa lan-tàn gây thảm-hoạ cho dân-chúng đứng ngồi không yên, lúc bấy giờ tại Trà-Niêng có một chàng trai trẻ tên Đinh-Sâm cùng một số ghia-quân xuất-thân trong đám nông-dân, nồi lên chống Pháp dàn trận tại Ba-Xe Cầu-Nhiểm, (nay là quận Phong-Điền mới vừa thành lập của tỉnh Phong-Dinh).

Đây là quê hương của ông Lê-quang-Chiều, người có nhiều tiết-tháo, treo ấn từ quan, quay về với tổ-quốc, đứng lên phản-đối bọn xâm-lăng Pháp, định đem ách nô-lệ đặt lên cổ người dân Việt.

Nơi vùng này lại còn một di-tích là ngôi mộ của nhà chí-sĩ Phan-văn-Trị tức cụ Cử Trị gởi năm xương tàn nơi qui địa, sử sách đã nêu danh.

Ngày nay nói đến Tây-Đô của thời xưa mà không đề-cập qua lãnh-vực vùng IV Chiến-thuật, tìm hiểu những nét kiêu-hùng của những người trai thế-hệ đang tiến thân trên con đường phụng sự cho đất nước dân-tộc là một điều khiêm-khuyết đối với lịch-sử mai sau.

Quân-Dân nhất trí



Xuyên qua hình ảnh của người trai thê-hệ hào-hoa phong nhã, nay trở nên một chiến-sĩ Tây-thành, có tác-phong, biết hòa mình sát cánh cùng đồng-bào nông-thôn, hăng say phục-vụ, kiến tạo quê-hương, quyết đem lại thanh-bình cho đất nước.

vài nét kiêu-hùng của người trai thời loạn

Từ bao lâu nay, các chiến-sĩ sinh lầy cũng như toàn quốc, liên-tục tranh-đấu, tận-tụy hy-sinh, đem lại an-ninh cho đồng-bào dân-chúng hai miền Tiền-giang và Hậu-giang.

Với tình thương vô bờ, thêm bạn bót thù và không kém oai phong đức-độ, người chiến-sĩ miền Tây lúc nào cũng âm-thầm tranh-đấu, lặng lẽ hy-sinh nâng cao uy tín của quân-đội, biều trưng rõ-rệt tinh thần dân cá nước. Đó là yếu-tố tất thắng trong cuộc chiến-tranh tâm-lý để chinh-phục lòng dân.

*Chàng tuổi trẻ võn dòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung...*

Núi sông đồng vọng tiếng gọi đàn khỉ quắc biển, người trai thế-hệ, há lẽ đâu tai ngo mắt lấp ! Đứng lên ! Đã là trai thế-hệ thì phải đáp tiếng gọi núi sông. Trong số thanh-niên thời-đại, chúng tôi xin nêu lên đây một vài điển hình mà hằng triệu thanh-niên miền Tây đã và đang nối gót người xưa. Chàng thanh-niên ấy sinh trưởng trong một gia-đình Nho phong tiết tháo, luôn luôn chàng tỏ ra có tâm huyết, lặng nghe tiếng thở than của hồn nước, mà chia đau xót cùng giống nòi trước thảm cảnh đất nước chia đôi.

Tùng quân cứu quốc. Phải nhập ngũ tùng quân ! nghe theo tiếng gọi của lương-tâm, của hồn nước, một buồi sáng tinh sương chàng thanh-niên ấy dông dạc lên đường nhập ngũ.

✓ *Vẫn vùng là chí nam nhi,
Núi sông là trọng, biệt ly là thường.
Rèn tài đức nêu gương liệt-sĩ,
Mài gươm thiêng nối chí người xưa...*

**Đang mài miệt bút nghiên, đáp lời sông núi, chàng nguyện
hy-sinh thân thế để lo tròn nợ núi sông.**

*Gió bụi đất từng quen biết mặt,
Sinh lầy mưa nắng chí hùng anh !*

**Khắp nơi trong vùng, chàng và các bạn đã trải qua những
giờ phút nguy-hiểm, nhưng vẫn hết lòng tận tụy không quản gió
sương, để đem lại an vui cho đồng-bào.**

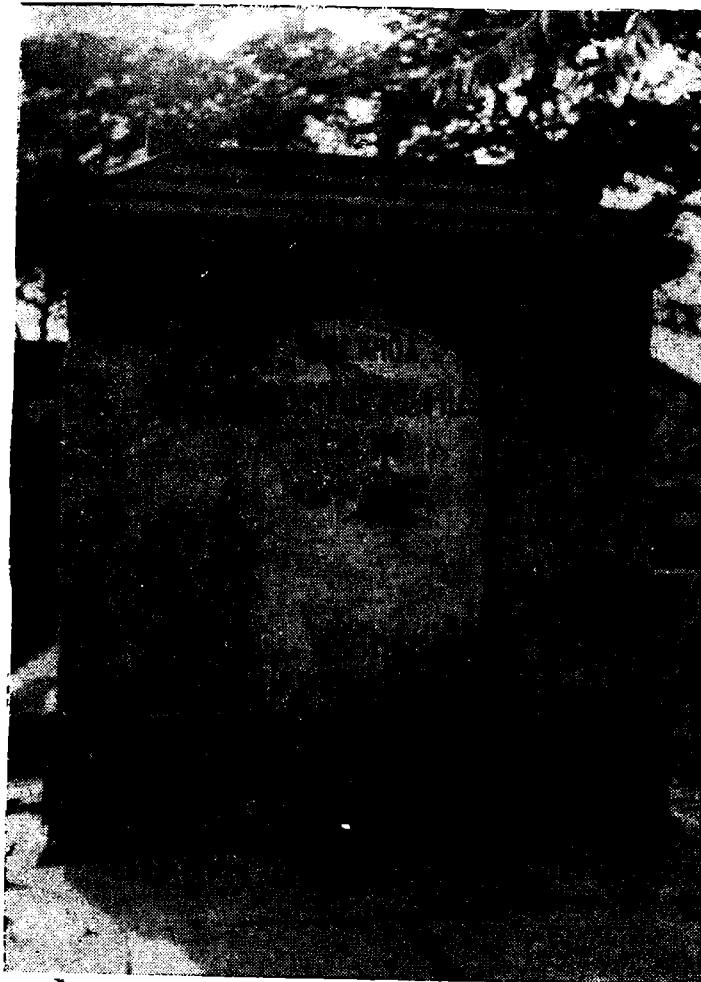
Thật ra, miền Tây có biết bao nhiêu hình ảnh của những chàng thanh-niên như thế. Đây chỉ là một vài hình ảnh tượng-trưng cho trăm ngàn thanh-niên khác, ở khắp non sông, đang góp mặt trên đường phục-hưng xứ sở, chúng tôi muốn gọi ra vài nét diễn hình để nói lên lòng cảm mến chung các anh em quân nhân có phong thái văn-hào, võ-hiệp, muôn đời sẽ rạng ánh quang vinh người con của đất nước Việt-Nam, biết ghi tạc vào lòng mấy chữ danh-dự, trách-nhiệm, dân-tộc, tờ-quốc, mà luôn luôn tận-tụy hy-sinh.

Thời loạn trải thân cứu khò phò nguy, an dân mưu hạnh-phúc cho đồng-bào dân-chúng, những người con của đất nước nói chung, miền Tây, Tây-đô nói riêng, không hổ-thẹn là con cháu của các danh-nhân đã dày công tô điểm dãy đất ở miền Nam này. Nói đến Phong-dinh của lớp người tiền bối đã làm rạng vẻ đẹp Tây-thành, Phong-dinh của lớp trẻ đã hấp thụ hào khí tiền nhân, chúng tôi cảm thấy thiểu sót nếu không nhắc nhở đến những người trai yêu nước, nên khêu ngọn lửa thiêng tưởng niệm và khích lệ thế hệ đang lên.

Phần thứ ba

- ★ DI TÍCH
- ★ HUYỀN SỬ
- ★ GIAI THOẠI

MỘ BIA
cụ BÙI-HỮU-NGHĨA



*Trước mộ có tấm bia đá của con cụ là Bùi-Hữu-Tú dựng,
khắc mấy chữ*

«Đại-Nam Hiền-khảo giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ tốt vu
nhân thân niên chánh ngoặt nâm nhứt nhụt nam Bùi-hữu-Tú kính lập.»

DI-TÍCH LỊCH-SỬ

Những ngôi cổ-mộ toạ lạc tại Cần-thơ

1.— MỘ BÙI-HỮU-NGHĨA

Mộ cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa nằm tại đất Trùm-Neo, trong vườn ông Đốc phủ Dương-thân-Hỷ ngày trước, cách thị trấn Cần-thơ lối 5 ngàn thước.

Môn-dệ của cụ là ông Nguyễn-giác-Nguyên xây dựng chùa Nam-nhã tại Bình-thủy, nơi chùa có bài vị thờ cụ, bà chánh-thất và kế thất của cụ.

Trong năm 1942 hội Khuyến-học Cần-thơ đứng ra trùng tu ngôi mộ cụ được vè vang.

Thân thể và văn-chương của cụ ngày nay đã vang truyền. Người vợ chánh của cụ là Nguyễn-thị-Tồn là bậc hiền đức (¹), trinh-liệt, từng ra tận đế-đô gióng trống kêu oan cho cụ, được đức Từ-Dũ hoàng-thái-hậu khen ngợi. Bà vợ thứ là Lưu-thị-Ký cũng là bậc hiền phụ.

(¹) Muốn rõ, xin xem thêm đoạn tiểu-sử cụ và bà chánh-thất Nguyễn-thị-Tồn, ở phần Danh-nhân.

2.— MỘ VÕ-DUY-TẬP

Sau miếng ruộng cách công sở xã Long-tuyền độ 200 thước, có một ngôi mộ lúc trước ghép bằng đá ong, xây vòng thành bằng gạch. Ấy là mộ vị Lãnh-binh Võ-duy-Tập. Ông là vị công thần dày công khuông phò hai triều Gia-Long, Minh-Mạng, dẹp loạn yên dân. Chẳng may khi chống nhau với quân Miên tại Sóc-trăng, ông bỏ mình nơi Bưng-trẹp, thi-hài đem về an-táng nơi cỗ-quán Long-tuyền.

Sống làm tướng thác làm thắn. Anh linh ông hiền hách, được đồng bào Sóc-trăng sùng phụng tôn thờ nơi đình làng Khách-hưng. Và tại đình làng Long-tuyền (Bình-thủy), đồng bào cảm mộ ơn hộ quốc-tế dân của ông, nên cũng có tạc bức chân-dung của ông bằng lụa nồi để phụng-thờ, chiêm-ngưỡng một nhân-vật ưu tú của quê-hương.

(Xin xem ảnh ngôi cỗ mộ ở phần Danh-Nhân)

3.— LĂNG ÔNG NGUYỄN-VĂN-TỒN

Tại làng Thiện-mỹ, chợ Trà-ôn, có lăng ông Điều-bát Nguyễn văn-Tòn, hoặc gọi là lăng ông Thống-chế Duồng. Nhưng nhiều người không biết rõ, lại gọi là lăng ông Hoàng-Chàm hay Hoàng-Chà.

Gọi là lăng ông Hoàng-Chàm hay Hoàng-Chà thì rất sai lầm. Ấy là mộ ông Nguyễn-văn-Tòn. Vì ông vốn là người Việt gốc Miên, nên có tên riêng là Duồng. Khi chúa Nguyễn-Ánh bôn-tầu trong Nam, ông theo giúp, ra sức chống Tây-sơn, phủ dụ đồng-bào Miên hộ trợ, chúa Nguyễn cảm khích phong ông làm chức Điều-bát, nên dân gian thường gọi là ông Điều-bát. Sự linh thiêng của ông khi đã về thắn, đồng-bào Trà-ôn đều khiếp phục, truyền tụng công-đức.

Vì Trà-ôn tuy thuộc tỉnh Vĩnh-bình ngày nay, nhưng xưa vẫn là một quận của tỉnh Cần-thơ, nên tiều sử ông chúng tôi đã ghi chép ở phần Danh-nhân tỉnh nhà, và nơi đoạn sau trong phần thứ ba này, chúng tôi có ghi lại huyền sử « Oai linh ông Điều-bát ».

Lăng Thống-chế Điều-Bác tục gọi Nguyễn-văn-Tồn



*Lăng này đã có trên một thế-kỷ, hiện nay tại làng Thiện-mỹ, quận Trà-ôn *, người địa-phương rất tôn-kính oai-linh ông.*

Ảnh sưu-tầm

Quận Trà-ôn trước kia thuộc tỉnh Cần-thơ,
nay sáp nhập về Trà-vinh.

4. MỘ CỤ PHAN-VĂN-TRỊ *

Mộ cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa đã được trùng tu đẹp đẽ bao nhiêu, thì ngôi mộ cụ Cử Phan-văn-Trị tại chợ Phong-diền lại nǎo nùng bấy nhiêu. Mộ đất đã lài, thiểu người hương khói !

Khoảng năm 1942, ông Kiều-thanh-Quế có đến Phong-diền viếng mộ cụ, chua xót thô lộ trong bài « Ngôi mả hoang » đăng trên tuần báo « Tri-tân ». Sau đó, ông Hội-trưởng Hội Khuyến-học Cần-thơ là Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn cùng một vài anh em trong Hội cũng thăm viếng mộ cụ với niềm buông khuông cảm khích. Đến năm 1963, ký-giả Tế-Xuyên trong loạt bài phỏng-sự « Đi viếng tỉnh Phong-Dinh », nhắc đến cụ Cử-Trị, cũng ngậm-ngùi về nǎm đất vùi thân cụ Cử.

Biên giả vốn nặng lòng hoài cõ, nhắc lại chẳng khỏi cảm xúc :

*Trời Việt mây mù lúc đảo điên,
Văn tinh rời rụng tại Phong-diền !
Anh phong lâm lâm còn ghi dấu,
Trác lạc từ chuong ngon bút thiêng.
Đá kích nhũng phường sâu mọt nước,
Tán dương hào kiệt vẹn hy sinh.
Thà cam lui ăn cho tròn tiết,
Treo đẽ gương trong nhủ hậu sinh.
Rong chiếc thuyền câu giải muộn sầu,
Nhà tan, nước mắt, ruột gan bào.
Bưng tai cho khỏi nghe kèn la,
Trời nước gởi lòng, lệ thăm bâu.
Mòn mỏi tuổi già trong khò hận,
Tám mươi mốt tuổi trút hơi tàn !
Tro vor nứm đất dẫu mưa nắng,
Luống tuổi Phong-diền cụ Cử Phan !*

* Mộ cụ ở Phong-diền, trong thời-gian đi suru-khảo, khu vực ấy thiểu phuong-tien giao-thông nên chúng tôi không thể đến nơi chụp ảnh công hiến độc-giả, rất lấy làm tiếc, xin cáo lỗi cùng quý bạn thân mến.

5.— MỘ ÔNG CHÀ HOÀNG

Mé bên kia bờ sông Cần-thơ, có ngôi mộ cồ xây bằng gạch hồ ô-vướt. Ấy là mộ ông Chà Hoàng. Nhiều người còn gọi là mộ ông Chàm Hoàng hoặc Hoàng Chàm, vì cho đó là người Chàm, thật ra chính là người Chà Châu-giang.

Lúc chúa Nguyễn-Ánh bôn-tầu vào Cần-thơ để chống trả với Tây-Sơn, tại Châu-đốc có nhóm người Chà Châu-giang kéo về phò chúa. Người đứng đầu nhóm là Chà Hoàng cùng với bạn bè Sana Suốt tinh-thông võ-nghệ, giỏi bùa ngải, tận tâm giúp Nguyễn-Ánh.

Lúc ấy giặc Miên thường khuấy-phá các tỉnh miền Tây, Sa Đéc, Cần-thơ, Sóc-trăng. Chà Hoàng chỉ-huy anh em trong nhóm hy-sinh thân mạng, hết lòng dẹp loạn, đánh với quân Miên nhiều trận dữ-dội. Bình tướng Miên dùng chà gạt chém quan quân của ta, Chà Hoàng và Sana Suốt không bao giờ khiếp sợ. Có lần quân Miên cáp duồn chém rách áo giáp Chà Hoàng và Sana Suốt, cả hai vẫn hiên-ngang xông pha trận mạc, khiến chúng đều xưng phục. Sau, chúng dốc toàn lực đánh úp chõ đóng quân của ta. Bên trong, Chà Hoàng đốc suất quân-sĩ ngăn chặn ráo-riết, dùng đến biệt tài bắn cung bằng chân, làm cho chúng kinh oai.

Nhưng vì quân số của chúng quá đông, Chà Hoàng bỏ mình trong trận nầy.

Đây cũng là một chiến-tích đáng nêu gương, và hài cốt người trung-liệt nằm trong vùng Cần-thơ hiện tại.

Theo lời các bô-lão địa-phương cho biết, hằng năm có những người Chà Châu-giang cư-ngụ ở Cần-thơ, Châu-đốc xuống cùng mộ rất trọng-thè.

Mộ ông CHÀ HOÀNG



Một người có công khuân phò Nguyễn-Ánh khi bôn tẩu vào Nam.
Hiện nay ngôi mộ nằm mé bên kia sông Cànhor.
Hằng năm có những người Chà đến cúng tế.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

Cầu THAM-TƯỚNG



*Con rạch và cây cầu mang tên Tham-Tướng,
kỷ-niệm chiến-tích vị Tham-Tướng Mạc-Tử-Sanh,
chống Tây-Sơn, bảo-vệ đất Trấn-giang, bị tử trận.*

Ảnh Trần-vàn-Bé
(Phongdinh)

RẠCH CẦU THAM-TƯỚNG

LÀ NƠI THAM-TƯỚNG MẶC-TỬ-SANH

ANH-DŨNG CHỐNG TÂY-SƠN, ĐỀN NỢ NƯỚC

Nhắc đến những trang mưu quốc anh-hùng liệt-sĩ không phân-biệt màu da chủng-tộc, đã có công khuôn phò Nguyễn-Ánh trên bước đường bôn-tàu vào Nam.

Chúng ta lấy làm cảm-khai cần nêu lên những chiến-tích oai hùng của Mạc-tử-Sanh đáng cho hậu-thế noi gương, tại Cần-Thơ ngày nay còn di-tích lịch-sử mà ít người biết đến, tại sao có cây cầu mang tên Tham-tướng ? sự việc ấy đã chứng-minh một cách cụ thể mà chúng tôi đã sưu tầm trong sử liệu, nêu ra ánh sáng hiến quí độc-giả tìm hiểu qua các mục di tích đã có trên phần đất Trần giang (Cần-thơ) từ thuở xa xưa nay còn lưu dấu.

Theo đại lộ Hoà-bình, đến một cây cầu đúc, thẳng tới là đường đi về thị-trấn Cái-răng, vùng cầu đúc ấy mang tên là « Tham tướng », nên cảnh vật quanh đấy đều mang một tên chung rạch Tham tướng, cầu Tham tướng, chợ Tham tướng.

Tham tướng ? Ấy là một chức quan võ có từ đời chúa Võ vương Nguyễn-phúc-Khoát. Mà vị Tham tướng có duyên nợ với vùng đất Cần-thơ này, chính là Tham tướng Mạc-tử-Sanh, con quan Đô-đốc trấn Hà-tiên là Mạc-thiên-Tứ (cũng gọi là Mạc-thiên-Tích).

Tiểu sử Tham-tướng chính lý hầu Mạc-tử-Sanh, chúng tôi đã ghi chép ở phần Danh-nhân. Chẳng những có công mở mang vùng đất này (xưa gọi là Trần-giang), cha con họ Mạc cũng đã từng khò nhọc gìn giữ lấy, bảo vệ sinh mạng và tài sản cho đồng bào trong những lúc dẹp nội loạn, ngoại xâm.

Cho đến năm Đinh-dậu 1777, trong một trận chống nhau quyết liệt với Tây-sơn tại vùng này, Tham tướng Mạc-tử-Sanh tử trận. Ông đã anh dũng cự địch đến phút cuối cùng. Mặc dầu bị quân địch vây phủ trùng trùng, tướng địch kêu gọi đầu hàng, ông vẫn hiên ngang chiến đấu bất khuất.

Tương truyền khi ông mất rồi, anh linh hiền hách, Bình-tướng Tây-sơn nếu giờ trò đòn áp nhân-dân Trần-giang, từng

khiếp trước sự hiền-linh ông trừng-phạt. Dân chúng Hà-tiên, Trấn-giang mỗi khi có việc gì khàn bách mà cầu khẩn vong linh ông, đều được ông âm-phù mặc-trợ cho. Cảm-khích niềm ưu-ái của ông, lúc sống cũng như lúc chết chẳng quên cứu độ dân chúng, nên vùng đất mà ông đã bỏ mình, được gọi là Tham-tướng. Âu cũng là một sự tưởng niệm xứng-đáng đối với bậc đã dày công khai-thác và sống chết trên mảnh đất Cần-Thơ.

Biết như thế, mỗi khi qua vùng Tham-tướng, nếu nặng lòng hoài cõi, hẳn du-khách sẽ chẳng khỏi ngậm ngùi di-tích hùng-hảo :

Vùng Tham-tướng nơi gợi nhiều tích cũ,

Ghi công ơn họ Mạc mở-mang.

Đất Cần-thơ khai thác do Mạc-Tú,

Huyện Trấn-giang tên gọi thuở ban sơ.

Từ muôn thuở đất lành thì chìm đỗ,

Tay diêm tô Mạc-thiên-Tú tài tình.

Đem văn-hoa từ Hà-tiên rộng bùa,

Khắp miền Tây, dậy nức tiếng quang vinh.

Phải buồm bình Xiêm tràn lan xâm lấn,

Gặp khi chúa Nguyễn tránh loạn Tây-son.

Dân Trấn-giang từng đứng lên tranh đấu,

Đỡ vạc nâng thành, chí cả chẳng sờn.

Noi gươong cha, Mạc-tú-Sanh oanh liệt,

Chống Tây-son nhiều trận nơi Trấn-giang.

Quân địch bạo tàn hăng say chém giết,

Dân Trấn-giang đầm máu rưới giang san.

Mạc-tú-Sanh ! tham tướng Mạc-tú-Sanh !

Đền nợ nước trải thân ngăn quân địch.

Mạc-tú-Sanh ! Tham-tướng Mạc-tú-Sanh,

Vùng Tham-tướng đời đời nêu chiến tích.

Bài thơ trên đây nói lên tấm lòng dũng cảm của một danh tướng nặng lòng vì tờ quốc, với cái chết liệt-oanh, sah vi tướng tử vi thần, danh lưu muôn thuở, cầu Tham-tướng đã bia danh người anh hùng sống mãi với non sông qua bao đời nhắc-nhở mến tiếc.

Xóm Bà-Đồ ngày xưa



Đây là bức tranh tượng trưng xóm Bà-Đồ ngày xưa tại Bình-thủy, là chốn tao-dàn của các cụ danh nho nổi tiếng, thường tới lui ngâm vịnh thi phú, luận-dàm thê-sự.

XÓM BÀ ĐỒ LÀ NƠI TAO-ĐÀN, GÓP MẶT CÁC CỤ DANH-NHO CỦA XÃ LONG-TUYỀN NGÀY XƯA

Xuyên qua phần lịch sử, Danh-nhân trong quyền sách này, hẳn quý bạn đọc đã nhận thấy công nghiệp của Mạc-thiên-Tứ nối chí cha (Mạc-Cửu) mờ mang thêm vùng Hà-Tiên, khai thác đất đai Cần-thơ v.v... Và điều đáng nói nhất là họ Mạc nghiêm nhiên vừa là vị Tao-đàn nguyên-soái nhóm « Chiêu-anh-các » (gồm 32 người) lại cũng vừa là người vun quén cho cây văn hoá Tây-thành.

Họ Mạc đã gây nên học phong sī-khí tốt đẹp cho Hà-tiên và Cần-thơ, cố nhiên sī-phu Cần-thơ có chịu ảnh-hưởng ít nhiều. Huống chi, từ khi cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa có mặt ở xã Long-tuyền (Bình-thủy), cụ cử Phan-văn-Trị lui ẩn ở Phong-diền, cụ Tuần-phủ Huỳnh-mẫn-Đạt cáo quan về hưu ở Hà-tiên, các cụ vẫn thường qua lại với nhau, họp mặt nơi thị trấn Cần-thơ, thử nghĩ tình-trạng văn-hoa của sī-phu Cần-thơ lúc bấy giờ có khá cao chăng ?

Lại nữa, các cụ Đồ-Chiêu ở Ba-tri, cử Thạnh, Phan-hiếu-Đạo ở Định-tường vẫn tới lui, bảo sao Cần-thơ chẳng được tiếng là trung-tâm văn-hoa ngay từ thuở xa xưa ?

Điều đáng quan-tâm, các cụ đã họp mặt nơi địa-diểm nào ? Ngoài việc thăm viếng tận nhà, hẳn các cụ đồng-ý chọn một địa-diểm chung để cùng nhau lấy thú văn-chương làm phương tiêu-khiển, bồi dưỡng tinh-thần. Ấy là xóm Bà-Đồ, một xóm nằm trong vùng Bình-thủy khi xưa, thuộc xã Long-tuyền, cách Cần-thơ 5 cây số ngàn theo lộ Long-xuyên ngày nay.

Địa danh xóm Bà-đồ có nghĩa như thế nào ? Phải chăng nơi đây đã từng có ông Đồ lừng-lẫy tiếng tăm, chẳng may khuất sorm, bà Đồ thủ-tiết nêu gương, làm rạng thêm danh chồng, nên người trong vùng còn mãi mãi tưởng niệm. Dẫu sao, hai tiếng sinh đồ, nói lên một thành phần hữu-học trong xã-hội. Nơi đâu có các ông đồ thì nơi đó có phong-khí văn-hoa. Chẳng khác nào ngày nay nơi nào có thầy-giáo, có trường học thì mọi điều văn-vẽ hẳn có tốt đẹp hơn các nơi khác.

Chọn địa-diểm Xóm Bà Đồ làm nơi thành lập Tao-dàn, các cụ đã đem thịnh danh tô diềm cho xóm này trở thành bắc-hủ, và chứng tỏ cho các thế-hệ sau biết rằng khi xưa nơi Bình-thủy từng có một xóm cực-kỳ thanh-tú văn-nhã. Nhất là ngôi sao cụ Thủ-khoa Nghĩa ngự-trị vòm trời Bình-thủy Long-tuyền lúc bấy giờ, lôi cuốn biết bao ngôi văn-tinh khác hướng theo. Rồi thì tao-nhân mặc khách dập-dìu, sắc-thái xóm Bà Đồ biết bao xinh-dep, đẹp mệt cái đẹp tinh-thần chóp-chan.

Bao nhiêu văn-thơ các cụ nơi miền Tây truyền tụng, biết đâu một phần lớn chẳng do từ chốn Tao-dàn từ xóm Bà-Đồ mà ra. Một bồn tuồng « Kim-thạch kỳ-duyên » của cụ Thủ-khoa Nghĩa, tương truyền có sự góp tay diềm xuyến của cụ tuần-phủ Huỳnh-mẫn-Đạt, chắc cả hai cụ cũng từng lấy chốn Tao-dàn ấy làm nơi hội-thảo, trao-dồi quan-diềm, cùng nhau sửa-chữa bên chung trà chén rượu, vui-sướng hè-hả. Và biết đâu khi ấy cũng có lăm bông hoa biết nói, đua tài nhả ngọc phun châu, hoặc câu ca tiếng hát trợ nguồn cảm hứng cho các cụ.

Cứ xem như ngày nay thế-hệ trẻ vẫn còn biết nếm thú-vị văn-chương, họp nhau lập thi-văn-đoàn chẳng biết cơ man nào mà kè, thì khi xưa chả lẽ các cụ lại thiếu phong-độ ấy sao ?

Điều có thè quả-quyết, khi xưa Hà-tiên có « Chiêu-anh-các », Gia-dịnh có « Bình-dương thi-xã », « Bạch-mai thi-xã » lừng danh thì Tao-dàn của các cụ văn-hào miền Tây nơi xóm Bà-Đồ tưởng cũng nên nhắc đến phần nào. Chính các vị cao-niên ở Bình-thủy hiện giờ đã nhắc cho chúng tôi được biết về Xóm Bà-Đồ ấy, và hầu hết các bô-lão vẫn còn nhớ, khiếu chúng tôi cảm thấy có bồn-phận phải ghi lại đây một di-tích tốt đẹp đáng kè.

Tiếc rằng nơi đây hiện giờ là chỗ cơ-quan quân-sự phi-trường nên chúng tôi không thể lấy ảnh được chỉ phát họa cảnh trí tượng-trưng với chút niềm hoài-cố.

XƯỞNG ĐÚC TIỀN CỦA NAM-TRIỀU Ở MIỀN TÂY

Gần đây, đồng-bào Cần-thơ thỉnh-thoảng được nghe thấy một số đồng ngườì vớt được vô số tiền điếu thời Gia-Long, Minh Mạng, ở sông Cần-thơ. Người ta đã tìm thấy cả xác ghe chìm, mà bên trong chứa chất toàn những đồng tiền điếu nêu rõ mấy chữ «Gia-long thông-bảo», «Minh-mạng thông-bảo».

Ghe nào chở tiền như thế ? Từ đâu đến và có nguyên do ra sao ?

Dựa vào bộ «Đại-nam nhất thống chí», chúng tôi thấy có đoạn này rất đáng chú ý, nói về «Sông Tiền-trường» và «Xưởng cũ Tiền-trường»

«Sông Tiền-trường ở đông-nam huyện Đông-xuyên (nay là Long-xuyên) 90 dặm, bờ phía đông Hậu-giang, rộng 1 trượng, sâu 5 thước. Nguyên trước có xưởng tiền Ba-thắc ở đấy nên gọi là Tiền-trường. Chi phía nam chảy hơn 1 dặm thông với sông Qua-giang, tục gọi Cái-bí, rồi chảy ra đại-giang. Chi phía đông chảy hơn 1 dặm rồi hiệp lưu với sông Cường-thành».

Và

«Xưởng cũ Tiền-trường ở phía đông sông Hậu-giang thuộc huyện Đông-xuyên (Long-xuyên) ; nguyên trước là xưởng đúc Tiền Ba-Thắc của nhà nước. Nay đã bỏ».

Xem thế, chúng ta nhận thấy rằng khi xưa ở miền tây có xưởng đúc tiền gọi là «Tiền trường» ; do triều đình tò chửa. Cố nhiên ngoài xưởng đúc tiền ở miền Tây này, còn đôi ba chỗ khác trên lãnh thổ quốc-gia.

Hẳn là những khi đúc xong, dù số theo chỉ-thị của cấp trên, ắt là phải lo việc chở chuyên nạp kho ở rải rác nhiều nơi. Phải chăng khi chở ngang địa phận Cần-thơ, đã có lúc chìm thuyền, mà xác còn lưu dấu vết đến nay ?

Hoặc giả, đó là thuyền vận tải tài sản của nhà quyền quý nào, khi tránh loạn chẳng may đã chìm ở khoảng xa nào, xác thuyền dần trôi đến sông Cần-thơ mà vùi chôn ?

Dẫu thế nào, nhân chuyện tài sản của tư-nhân hay của chính-quyền vùi dăm dưới đáy sông sâu, chúng ta vẫn có thể rút được một bài học thấm thía về của ngườì thế phù hoa giả tạm.

Nhân đây, tưởng cũng nên nói rõ thêm về việc chính-quyền thời xưa đã cho đúc tiền như thế nào.

Ngoài xưởng đúc tiền của nhà nước, mà xưởng đúc tiền ở miền Tây đây là một, chính-quyền còn cho phép tư-nhân được vay tiền làm vốn mua nguyên-liệu lập lò đúc tiền. Nhưng tiền đúc được bao nhiêu phải nộp vào kho đú số và phải đúng theo khuôn-khổ đã định, rồi chính-quyền sẽ thưởng cho. Ít lâu thấy có điều bất-tin, chính-quyền mới đàm-đương lấy công việc đúc tiền, không cho tư-nhân can dự vào nữa.

Tiền đúc Ất-hợi 1815, vua Gia-long ấn-định giá-trị tiền tệ như sau :

Một đinh bạc nặng năm đồng cân ăn một quan bốn tiền.

Một quan là 10 tiền hay 600 đồng tiền kẽm, hay 100 đồng tiền đồng.

Tiền kẽm thì có những đặc-diểm

1) 18 đồng kẽm xếp thẳng liền nhau dài một thước mộc (thước mộc dài 0m424).

30 đồng kẽm xếp liền nhau thì dài một thước may (thước may dài 0m644). Do đó thước may còn gọi là thước ba mươi đồng.

2) 600 đồng tiền kẽm, nghĩa là 1 quan, nặng 1 kí-lô rưỡi.

42 quan rưỡi nặng một tạ thóc hay một tạ gạo (60 kí lô 700 hoặc 63 kí lô 750).

45 quan nặng một tạ muối.

50 quan nặng một tạ sắt.

Xem qua như thế, chúng ta chẳng khỏi ngạc-nhiên tự hỏi : Chả lẽ xác thuyền chở tiền chìm trên sông Cần-thơ kia, chỉ có toàn những tiền điều sao ? Còn những bạc đinh, vàng nén, vàng thoi đã thất lạc về đâu ?

Hơn nữa, chỉ dựa theo số tiền kẽm mà người ta đã xúc lén tại vàm Cần-thơ cách nay mấy năm, ước lượng sức nặng toàn thè có đến hàng tấn. Phải chẳng thuyền chở khàm, gấp sóng to gió lớn mà nén nỗi !

Hơn trăm năm kho tàng chìm đáy nước

Tiền muôn ngàn còn dùng được vào đâu ?

Gãm xem thế sự rầu rầu,

Bao nhiêu nước cháy qua cùu trôi xuôi !

SỰ-TÍCH ĐÌNH THẦN TÂN-AN

(thị-trấn Cần-thơ)

Các ngôi đình nơi làng mạc trên khắp lãnh thổ Việt-nam vốn là nơi tôn nghiêm nhất, tiêu biều tinh-thần của giống nòi, xuyên qua nhân vật đầy đủ đức độ đã được suy tôn làm thành hoàng. Vì các vị thần được tôn trọng là thành hoàng một làng xã nào, vừa là bậc tiết-nghĩa, treo gương hậu-thế, vừa có nhiệm-vụ bảo an lê thú trong vùng.

Tỉnh Phong-dinh có ba ngôi đình thần đáng kề, đình Tân-an tại thị-trấn Cần-thơ, đình Bình-thủy thuộc xã Long-tuyền, và đình Nhơn-ái. Mỗi năm đều có cúng tế rất long-trọng trang-nghiêm.

Vị thần đình Tân-an, được sắc phong của vua Tự-đức vào năm thứ 29 (Bính-tý 1876) như sau

“*Sắc phong bôn cảnh thành-hoàng
Kỷ tính đại vương, khâm mong gia tặng Quán hậu
Chánh trực, hựu thiên đôn nghinh chi thần.*

Điều nên chú ý, năm vua Tự-đức phong sắc thần, chính là năm người Pháp bắt đầu thiết lập tỉnh Cần-thơ. Có lẽ chư vị tiền hiền trong vùng, phần cảm niệm oai-linh các đấng anh-hùng liệt-sĩ của ta, phần cảm xúc thời thế biến thiên, nước non đồi chũ, nên đã cực lực vận động xin phong sắc thần, gọi là ghi chút cảm hoài, sau nữa cho dân chúng hướng ngưỡng vào đó mà nuôi nấng tinh thần nhớ nước thương nòi.

Cho nên, khi đã được sắc phong thần rồi, khoảng năm Canh-thìn 1880, ngôi đình đầu tiên được thiết-lập hẳn-hoi tại Chợ Giữa, cách thị-trấn Cần-thơ trên ba cây số ngàn.

Lúc mới, đình cất bằng cây ván, lợp lá. Người đứng lên thượng hương là ông Lê-hữu-Văn. Vị-trí ngôi đình day mặt ra mé sông Cần-thơ. Đất do ông Nguyễn-văn-Nga hiến dâng.

Đến năm Kỷ-Hợi 1899, ngôi đình dời về gần cầu Tham-tướng. Hương chức hội-tề xây cất lại bằng gạch ngói khang trang rộng-rãi, 8 nóc. Vẫn do ông Nguyễn-văn-Nga hiến đất.

Trải bao thế cuộc thăng-trầm, các vị tiền hiền tiếp nối nhau lo việc phụng tự, xuân thu quý tí, hết dạ ân cần. Nhân dân cũng kính-mộ sự linh thiêng, chẳng ngót khói hương chiêm ngưỡng.

Do cụ Quản-trị ban Trung-đình kè lại, chúng tôi được biết phuong-danh quý-vị tiền-hiền, chánh-báu từ trước đến nay như sau :

Quý Ô. Ô. Lê-hữu-Tiển

- Chánh-báu-Hiển
- Lê-văn-Chất
- Trương-hữu-Tuân
- Huỳnh-hữu-Điền
- Huỳnh-hữu-Cần
- Triệu-công-Sum
- Huỳnh-hữu-Hoằng (đương-kim chánh-báu)

Những điều linh ứng của vị bồn-cảnh thành-hoàng, đồng bào tinh nhà hãy còn lầm người biết chuyện. Nhắc kè lại cho nhau nghe với niềm tôn-sùng kính-trọng vô-biên.

Tương truyền sau khi dời ngôi đình từ Chợ Giữa ra gần cầu Tham-tướng, linh-thần từng hiền hách anh phong, phò hộ độ trì nhân dân được yên lành, phong điều võ-thuận.

Theo lời ông đương kim chánh báu đình Tân-an là ông Huỳnh-hữu-Hoằng thuật lại với chúng tôi, nơi nhà ông Nguyễn-văn-Giai (cháu ngoại cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa) một giáo chức hồi hưu Trước ngôi đình cũ gần cầu Tham-tướng, có nhiều linh ứng xảy ra mà ai ai cũng hay biết. Những ai té ra vô lẽ khi đi ngang

qua đình, hoặc động chạm gì đến những vật linh thiêng nơi đình, không sao thoát khỏi bị thần linh quở trách. Sự trừng phạt hiền hiện bằng những sự hành hà thê xác, mà chính đương sự cũng phải nhìn nhận lỗi làm xúc phạm oai linh thần, mới ra nồng nỗi. Tuy nhiên, kẻ lỗi làm tỏ ra ăn năn, bình tự nhiên thuyền giảm, chẳng cần phải thuốc gì. Bao nhiêu dân chúng có lòng thành cầu khấn mỗi khi có điều nguy rủi, đều được linh thần âm phù mặc trợ cho, khiến người người đều cảm khích xứng tụng ân đức.

Lại một điều đáng kinh, có liên quan với ông Nguyễn-văn-Nga, người đã hiến đất xây cất đình thần. Như chúng tôi đã thuật trong bài “Câu chuyện ông thầy Trung”, ông Nguyễn-văn-Nga vốn là rể của ông thầy Trung, nên đã được truyền cho nhiều pháp thuật nhiệm màu. Khi ngôi đình đầu tiên thiết lập ở chợ Giữa, day mặt ra mé sông Càn-thơ. Gần đình có cây da to, lâu ngày, nhánh gie vô đình. Tuy sợ mưa gió ngã, nhưng không ai dám đốn. Quí-vị có nhiệm vụ chăm nom đình thần, bèn cho mời ông Nguyễn-văn-Nga đến hỏi ý kiến, — phải làm sao cho ổn ?

Ông Nga cười nói

— Dê mà, để tôi liệu cho.

Rồi không cần phải đốn cây vặt nhánh chi cả, ông Nga hoạ bùa thế nào không rõ, ngọn da ngã về mé khác. Những người đã chứng kiến chẳng khỏi kinh ngạc, khâm phục.

Trước đình, dưới bờ sông Càn-thơ, có cặp cá hô rất to. Những ngày lành tháng tốt, cặp cá nhởn-nhơ bơi lượn trước đình. Người người đều trông thấy, cho là vật của thần-linh, nên quanh vùng không dám động chạm đến. Một hôm nọ, có tên lái ghe động lòng tham, quăng chài kéo lên, đem ra chợ Tham-tướng mà bán với giá khá cao. Người ta hay tin thì chuyện đã lở ròi, và ai cũng có ý lo sợ cho tên lái ghe, khuyên y nên tạ tội với thần. Tên lái ghe vẫn không tin, chẳng kiêng-nè chi cả. Qua 24 giờ sau, gã bỗng lăn ra chết bất ngờ. Thấy thế, thiên-hạ càng tăng lòng tin-tưởng nơi vị linh-thần.

Gần đây, dân chúng thêm chứng-kiện lăm việc linh-hiền lạ lùng của vị thành-hoàng bồn-canh. Khoảng năm 1944, quân Pháp đang trên đà xuống dốc. Quân Nhựt hoành-hành. Một hôm, chiếc tàu Pháp mang tên Albert Sarraut chạy trên sông Cần-thơ, ngang qua đình-thần cũ, bị nhận chìm, đánh dấu sự thảm-hại của thực-dân.

Năm 1945, quân Pháp sung công ngôi đình, chiếm làm kho dự trữ súng đạn. Qua năm 1946, ngày 16 tháng 11 â.l. ngôi đình dùng đê chứa đạn bông nồ tung. Gạch ngói, sắt đá đều nát thành mảnh vụn. Nhưng kỳ lạ, chỉ có một tấm tượng thờ thần sơn son thếp vàng vẫn xa trên một cây số ngàn vẫn còn nguyên vẹn. Sau đó quân-đội Pháp đi ruồng-bố nhật được giao cho các vị hương-chức đem về nhà Hội-xã Tân-an thờ trên lầu ngày nay.

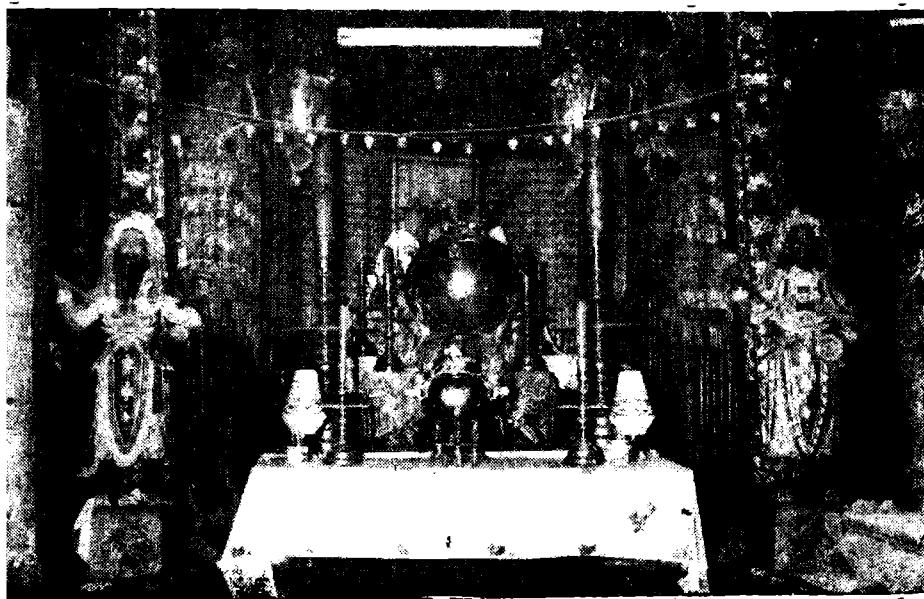
Do bao sự tích hiền-linh ấy, nhân-dân truyền-tụng. Những ngày tết-lễ tam-ngươn tứ-quý, đáo-lệ kỳ-yên, sự cúng-tế linh-đình trọng-thề. Thân-hào nhân-sí trong tỉnh đều họp mặt đông-đủ, cùng chung đồng-bào các giới hành lễ tôn-nghiêm.

Hiện nay sắc thần đang thờ trên lầu nhà công sở thị trấn Cần-thơ.

Vì phải dồn hết tiềm-lực đối phó với chiến-tranh suốt 20 năm qua, nên ban Trung-đinh và đồng-bào tỉnh Phong-dinh chưa xây-dựng được ngôi đình thờ vị linh-thần, hầu gọi sự tưởng-nhớ đến công nghiệp người xưa. Rất mong chánh-quyền lưu ý tới việc trùng tu đình miếu, để bảo-tồn những cái gìn thiêng liêng cồ kính.



Đình-thần Bình-thủy



Nơi thờ phượng rất trang-nghiêm, giữa có linh-vị và một bộ lư đồng to lớn, hai bên hai vị quan văn, võ, tay cầm bửu bối, oai phong lẫm liệt, tàn long phủ che là nơi ngự trị của vị thần linh bất tử.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

SỰ-TÍCH ĐÌNH-THẦN BÌNH-THỦY

Theo lộ-trình Cần-Thơ — Bình-Thủy dài 5 cây số ngàn, qua cầu sắt Bình-thủy, ngó về tay mặt, du-khách trông thấy ngay ngôi đình-thần kiến-trúc mỹ-quan, tráng-lệ. Chung quanh đình hàng rào cột xây bằng gạch gắn song xi-măng. Hai bên hai ngọ môn chึง-chạc, phía hữu miền Đông lang thờ thần Triết-lộ, phía tả miền Tây lang thờ thần Phong-thủy. Lại có miếu thờ Sơn-quân (thần hồ).

Đình cực-kỳ trang-nghiêm, lộng-lẫy, đủ cả mọi nghi tiết, xây cất vào năm Tân-hợi 1911. Chánh-điện uy-nghi, sắc thần do vua Tự-đức phong vào ngày 29 tháng 11 âl. Năm thứ 15 (Nhâm-tuất 1862) đẽ trên ngai vàng rực-rỡ.

Gian giữa thờ Đinh-công-Chánh tôn thần (¹) và thờ Trầm-Hương công-chúa, Huệ-Cô công-chúa.

Xưa kia ngôi đình cất bằng là tại vàm, tức là chỗ đình mới bây giờ. Người có trách-nhiệm trông-nom đình-thần đầu tiên là ông Hồ-văn-Được và con là Hồ-văn-Thanh.

Vị xướng xuất việc cất ngôi đình mới đầu tiên là Tri-phủ Nguyễn-đức-Nhuận và cai-tòng Lê-văn-Noãn. Chẳng may nửa chừng quan tri-phủ mất, ngôi đình đã dời cất tại vàm rạch Ngã tư bé trong năm Giáp-thìn 1904 đành phải tạm ngưng. Sau đó, ông Hương-cá Nguyễn-doãn-Cung và Hương-chủ Dương-lập-Cang bày cuộc cầu cơ hỏi ý-kiến linh-thần, đẽ xúc tiến công-trình xây cất. Đức Bồ-cảnh thành-hoàng giáng cơ truyền bảo Bình-Thủy mơi nhảm long cuộc, trong dân chúng sẽ được thịnh-vượng lâu dài.

Do đó, từ năm Tân-hợi 1911, ngôi đình xây cất lại nơi chỗ cũ và tồn-tại đến ngày nay.

(1) *Đinh-công-Chánh trước làm chức bồi bát sau chết về cơ được thành thần, vì có công lo việc đình miếu.*

Sau khi đình cất xong, tương truyền trong cuộc lễ cầu cơ tạ ơn thần tại chùa Nam-nhã, các vị thần Đinh-công-Chánh, Nguyễn xuân-Quế, Phan-nhứt-Vinh, Trầm-Hương công-chúa và Huệ-Cô công chúa lần lượt giáng đàn, chuyên động cơ bút đề thơ khen ngợi.

Đinh-công-Chánh tôn thần xuống bút trước :

*Cảnh lịch Long tuyển khéo sửa sang
Cơ đồ rực rõ sức Cung, Cang
Thèm soi dáng hồ trương da phụng
Cột trồ vóc rồng lập cánh loan
Huyền võ tàng che chim nghỉ mát
Đàn xà đrowsing lợn khách nghinh ngang
Đỗ ai có biết cơ này hưng
Chén rượu quỳnh tương rót đã tràn.*

Trầm-Hương công-chúa tiếp lời

*Bồng lai cảnh lịch ấy đâu là
Cồ miếu Long tuyển rất khéo chà
Bạch hồ hiên ngoài xem nghêu nghẽn
Thanh long điện trước khéo lân la
Kìa gương nhứt nguyệt loà son sắc
Nợ vóc kinh thành rực phẩn sa
Một cuộc bồng hồ say cạn chén
Tiếng oanh eo óc thường nguy nga*

Hằng năm đáo lệ kỳ-yên, hai lần cúng tế : Lê Thượng-diền suốt 3 ngày 12 — 13 — 14 tháng tư âl. Lê Hạ diền vào hai ngày 14 — 15 tháng chạp. Trước kia mỗi kỳ cúng tế chỉ cử hành đơn giản theo nghi lễ thông thường. Nhưng từ khi dân chúng làm ăn phát đạt, lễ thượng diền thỉnh sắc thần bằng bè thủy lục, có hát bộ ba đêm. Đến năm Bính thìn 1916, bãi bỏ cuộc rước sắc bằng bè thủy lục rất tổn kém, thay vào bằng một kiệu xe gọi là « Long xa phụng tán ». Về sau còn bày thêm cuộc thi làm bánh mứt khéo trong dịp lễ tế thần, để khuyến khích phụ nữ trau-giồi nữ công.

Trải mấy năm biến loạn 1945, 46 quân viễn chinh Pháp chiếm đóng đinh thần làm căn cứ. Sắc thần đem về chùa Nam-nhã tạm thờ. Cho đến năm 1955 đinh thần mới khôi phục lại vẻ tôn-nghiêm, rước sắc thần từ chùa Nam-nhã đem về thờ tại đinh như cũ. Ban trị sự bấy giờ hoạt động rất đắc lực, gồm có quí ông Dương-văn-Ngôn, Lâm-tri-Ân, Phan-văn-Tri, Âu-cầm-Xinh.

Ban tể sự trên đinh thì do vị chánh-bá Lê-linh-Ký, và Bồi bá Võ-văn-Thịnh điều khiền, gồm có quí ông phụ tá : Nguyễn-văn-Được, Nguyễn-đức-Hàm, Nguyễn-kim-Chi, Võ-công-An, Trương-phước-Tấn và Trần-ngọc-Thọ.

Lại thêm một ban phụ-nữ gồm có quí bà, quí cô Ngô-thị-Xưa, Nguyễn-thị-Mai, Trần-thị-Nhạn, Lâm-thị-Nhung.

Bắt đầu từ đây, đinh thần được săn-sóc hơn lên về mọi mặt. Mỗi năm đến lễ kỵ-yên, ba đêm hát bội hoặc hát tiêu (Triều-châu) thu hút vô số khách thập phương kéo về Bình-thủy, trước lề thền sau xem hát, quang cảnh náo nhiệt tưng bừng.

Kè từ sự linh thiêng của vị bồn cảnh thành hoàng, có điều đáng ghi nhớ nhất là vụ mất bộ lư thau mà thần linh mách bảo tìm lại được.

Nguyên trong đinh có bộ lư thau rất lớn cao độ một thước tây, đè chung trước điện. Năm Ất-Dậu 1945, thời kỳ biến loạn, bộ lư bị đánh cắp chẳng biết xiêu bạt về đâu.

Đến năm Tân-Sửu 1961 tạm yên, nhân tu bồ lại đinh thần. quí vị trong ban trị sự tỏ ý thắc mắc về việc bộ lư thau đã mất. Ngày kia, thần linh mách bảo cho ông Lê-văn-Dương biết :

— Bộ lư ấy hiện đè ở nơi chùa Ba Chúc trên núi Tượng. Hãy đến đó mà tìm sẽ gặp.

Ông Nguyễn-tấn-Thời tình-nguyễn lên non tìm kiếm. Quả nhiên, bộ lư thau chẽm-chẽ phơi mình nơi chùa Ba-chúc. Ông Thời lập tức trở về thuật rõ cho ban trị-sự hay.

Qui ông Dương-văn-Ngôn, Âu-cầm-Xinh, Lâm-tri-Ân, Phan-văn-Tri, Hoàng-minh-Châu thăng lên núi Tượng điều-dịnh. Các vị sư trong chùa Ba-chúc nghe chuyện đều nói

— Mô Phật ! Bần-đạo những ngõ đồ của thiện-tín có lòng thành dâng cúng cho nhà chùa, dè đâu vật báu của đình-thần thất lạc. Nếu thế, chư quí-vị an lòng, bần-đạo sẽ cho người vận-chuyền hoàn lại ngay.

Rồi đó các vị sư ở chùa Ba-chúc đích thân chở bộ lư thau xuống tận đình Long-tuyền. Ai nấy đều cảm-khích. Nhân-dân trong vùng càng đặt thêm niềm tin-tưởng và tôn-kính linh-thần.

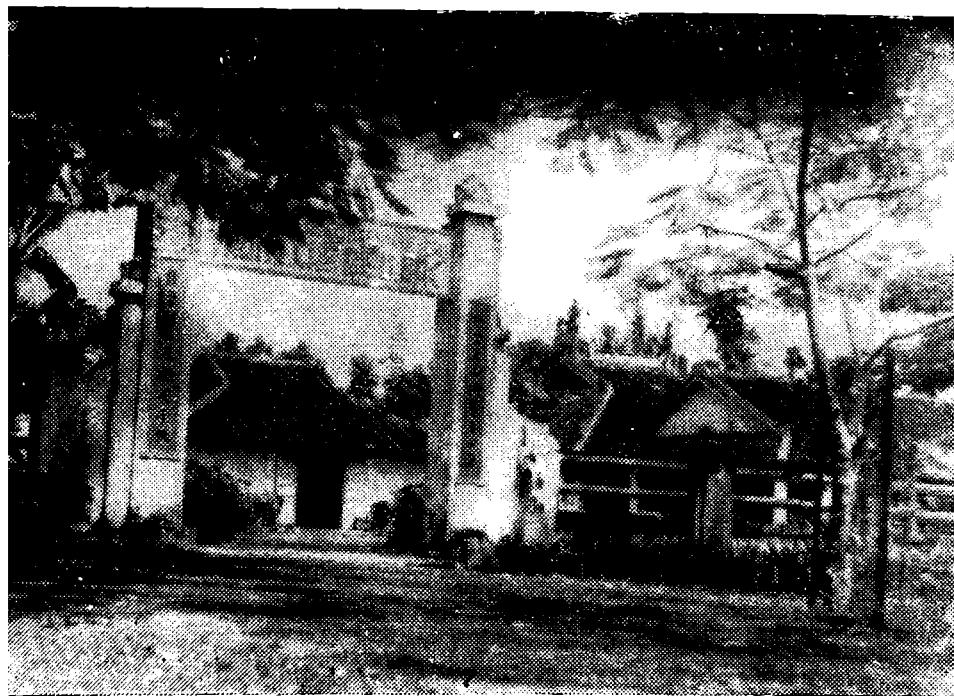
Bộ lư đem về đình còn thiếu một chân con rồng. Ban trị-sự chỉnh-đốn lại xong, rước quí-vị ở chùa Ba-chúc xuống tại Đình để tỏ lòng tri ân. Các nghĩa-cử đẹp làm đẹp thêm nơi tôn-nghiêm kính-cần.

Trong thời-gian mất bộ lư thau chưa tìm lại được, có ông Lưu-chánh-Lợi, thương-gia ở trong làng, nguyện với linh-thần làm ăn phát tài nên có cúng một bộ lư thau khác khá to. Đến nay tìm lại được bộ lư xưa, thành ra trong đình hiện giờ có đến hai bộ lư thau quí giá.

Có thể nói trong các ngôi đình làng trên lãnh thổ nước nhà, đình Long-tuyền đứng vào hàng cồ kính mỹ-quan đáng ngợi. Chúng tôi hân-hạnh tiếp-xúc với vị Chánh-tòng Định-bảo là ông Nguyễn-trọng-Quyền, nhận được của ông nhiều tài-liệu về lịch-sử đình Long-tuyền mà thuật lại nơi đây, muôn vàn cảm tạ الثنê tình quí ông đã vừa giúp chúng tôi trong công cuộc sưu-khảo để hoàn-thành quyển sách này.

Ngày nay, du-khách viếng Cần-thơ, nếu lòng hâm mộ quê-hương của cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, dời gót về chơi Bình-thủy, có dịp chiêm-ngưỡng đình thần, sẽ nhận thấy những lời chúng tôi ca tụng về mỹ-quan là không ngoa. Nhất là vào dịp cúng đình trong kỳ thượng đìền tháng tư, nhằm 12-13-14, suốt ba ngày có hát bộ hoặc hát tiều, du-khách sẽ hân-hoan chứng kiến từng làn sóng người trong tinh ồ ạt hướng về Bình-thủy, lòng ắt lắng lâng cảm khái.

Đền-thờ Thống-chế Điều-Bác Nguyễn-văn-Tồn



Một đền thờ xây cất theo lối cổ, bên trong thờ linh vị
hai ông bà Thống-chế.

Ngôi đền này ở mé sau lăng của Ngài tại làng Thiện-mỹ,
quận Trà-ôn.

Ảnh sưu-tầm

HUYỀN-SỬ

OAI LINH ÔNG ĐIỀU-BÁC LÀM CHẤN ĐỘNG ĐẤT TRẦN-GIANG

Cách chợ Trà-Ôn hơn một cây số, cạnh đường Cầu-kè, trong phần đất thuộc xã Thiện-mỹ, tại giồng Thanh-bạch, có một ngôi mộ cổ tục gọi là mộ ông Điều-Bác.

Lắm người vẫn ngỡ rằng đó là mộ của một viên-quan Việt-Nam thời cựu trào. Vì nghe nói ông Điều-Bác tên Nguyễn-văn-Tòn, ai mà chẳng tưởng đó là người Việt.

Sự thật không phải thế. Ông Điều-Bác vốn là người Miên (Cam-bốt) trăm phần trăm. Tên tộc gọi là Duồng, bởi dày công giúp chúa Nguyễn-Ánh, phục nghiệp nên được ban cho tên họ Việt là Nguyễn-văn-Tòn như lịch-sử đã ghi.

Còn ai chẳng biết chúa Nguyễn-Ánh đã từng thu dụng người ngoại quốc rất nhiều. Bên cạnh chúa Nguyễn, thường có người Pháp và người Miên giúp đỡ trong việc chống Tây-sơn. Mãi về sau, các người ngoại quốc có công-lao ấy đều có tên Việt-Nam do nhà vua ban cho cả. Như Nguyễn-văn-Thắng tức Chaigneau, Nguyễn-văn-Chấn tức Vannier v.v... Và người Miên đầu tiên mang tên Nguyễn-văn-Tòn, chính là người còn ngôi mộ di tích ở Trà-ôn mà chúng tôi đã thuật tiều sử ở phần «Danh nhân», «Di tích», và riêng nơi đây chúng tôi xin nói đến oai linh của ông khi đã về thền.

Nhờ có ông, kiều dân Miên đối với người Việt khá hoà-nhã, và mỗi khi có biến ông đều đứng ra khôn khéo dàn xếp an ủn được cả. Uy tín của ông lúc sống và oai linh của ông lúc mất đều được đồng bào Miên, Việt vô cùng kính nề.

Hằng năm, đến ngày giỗ ông, đồng-bào tựu đến tấp-nập, dâng hương cúng-té long-trọng. Ngày thường thì mỗi khi đồng-bào trong xã có chuyện chi oan-ức, phần đông đều tin-tưởng nơi sự linh-thiêng của ông, một khi chánh-quyền địa-phương phân xử không xong, việc còn lồng-vòng, cả hai bên nguyên-dơn và bị can đều đem nhau đến lăng ông đề thề. Quả nhiên, kẻ gian-ác bất-chánh sau đó đều có sự báo-ứng ngay. Bởi thế, khi xưa đồng-bào Tỉnh Cần-Thơ nghe nói đến «lăng ông Điều-bác» ở Trà-ôn, những người biết chuyện không ai không kiêng-nè sự linh-ứng phi-thường. Có thề nói đồng-bào Saigon Gia-Định đã tin-tưởng về lăng Ông Bà Chiểu (Đức Tả-quân Lê-văn-Duyệt) thế nào, thì đồng-bào Trà-Ôn Cần-Thơ cũng tin ở lăng Ông Điều-bác như thế.

Điền-hình nhất là chuyện xảy ra thời gần đây, dù nói lên sự linh-thiêng của ông Điều-bác

Khoảng năm 1945, quân-đội Pháp kéo đến Trà-Ôn, chúng mở cuộc bối ráp dân chúng, tảo thanh lực lượng kháng chiến ở đấy. Ngang qua lăng ông Điều-bác, nghi ngờ có đối-phương ẩn núp quanh vùng này, viên sĩ-quan chỉ-huy truyền lệnh cho quân lính :

Các người hãy đập phá tất cả các vật chướng ngại, dẹp trống trải rộng vùng cho dễ kiểm soát.

Được lệnh, binh lính hùng-hồ đập phá chẳng chừa một chỗ nào mà chúng cho là chướng-ngại, có thề làm nơi ẩn núp cho đối phương. Trong toán quân, có người biết chuyện, khẽ bảo bạn đồng đội

— Coi chừng, tôi nghe đồn lăng ông này linh-thiêng lắm. Nếu chúng ta đập phá, không khéo sẽ mất mạng chớ chẳng chơi.

Trong toán quân vẫn có một số người tin-tưởng như thế, nên họ giựt mình, ngăn-ngại bảo nhau

— Phải rồi, tôi đã nhớ ra. Ông thần ở đây vốn là người Việt gốc Miên, mà trước Miên thì phần đông đều giỏi bùa ngải, thư phù đáng sợ lắm. Lúc sống họ đã vang lừng oai-danh, khi chết ắt còn linh hơn nữa.

Thấy toán quân xầm xì bàn tán với nhau, viên chỉ-huy gắt gỏng :

— Mấy người sao bỗng dừng rút êm đi vậy ? Bàn tán cái gì ? Không làm cho xong công-tác đi sao ?

Một binh sĩ đánh bạo thưa

— Thưa xếp, chỗ lăng ông Duồng nầy lâu nay có tiếng linh-úng phi thường, nên anh em lo ngại, không dám xúc phạm.

Viên chỉ-huy cười gần

— Đừng bàn tán nhảm. Hãy cứ ra tay triệt hạ tất cả đè dẹp trống trọn vùng. Lịnh của tôi linh, hay lịnh của ông tà ông quái gì ấy linh ? Ai không ra tay dẹp phá cho mau, đừng trách tôi xử thẳng tay đa nghé.

Sau mấy lời gay gắt của Viên chỉ-huy, cố nhiên tất cả binh sĩ đều phải răm rắp tuân theo, nhưng trong số ấy có nhiều người vẫn bất mãn nghĩ thầm « Ông xếp hách quá, e không khỏi bị thần linh quả phạt. Tôi vạ về ông xếp, ta là kẻ dưới quyền, bảo sao thi làm vậy, lo gì ».

Viên sĩ-quan chỉ-huy hách dịch đứng coi toán binh sĩ dưới quyền tuân lệnh ruồng phá chung quanh làng ông Điều-bác. Mỗi khi có ai ngăn ngại đừng tay, ông la hét

— Cứ đập phá đi, tội lệ gì đã có tao đây. Bắt tuân lệnh hả ? tao phạt thẳng tay.

Nghé giọng rồn ràng, trông mặt đằng đằng sát khí của viên chỉ-huy cắp dưới còn ai dám hé hé gì, răm rắp làm theo mạng lệnh.

Xong, viên chỉ-huy cười nói

— Mấy người thấy chưa ? Có gì đâu ? Từ rày đừng tin nữa mà có hại. Thôi về.

Ai nấy gượng cười cho vui lòng ông xếp, nhưng trong thâm tâm vẫn chẳng khỏi ngại sẽ có điều báo ứng chó chẳng không.

Quả nhiên, khi ai nấy đã xuống tàu, viên chỉ-huy còn đứng đinh ở lại sau, chưa kịp bước theo bỗng sút tay làm rớt trái lựu đạn xuống đất.

— Ấm !

Viên chỉ-huy nằm lăn dưới đất, văng mất một cánh tay, miềng lựu đạn ghim đầy mình, máu tuôn dầm bình phục.

Điều khéo tuyệt, chỉ một mình viên chỉ-huy ấy thọ hại mà thôi, toán binh sĩ đều an nhiên vô sự. Già mà ông ta cũng bước xuống tàu rồi trái lựu đạn mới nổ, át là đa số phải nguy đến tánh mạng. Phải chăng ông Điều bá tánh thiêng chỉ trừng phạt riêng kẻ đã ngạo mạn nên mới khiến xui ra như thế ?

Chứng kiến sự kiện quả báo nhãn tiền, chẳng riêng toán binh sĩ hôm ấy đều chẳng khỏi tin tưởng đến oai quyền thần linh, mà hầu hết đồng bào Trà-Ôn lúc ấy cũng đều xầm xì

— Ông Điều bá thật oai linh đáng kính.

Chúng tôi sở dĩ ghi lại mẩu chuyện trên, đề nói lên một khía cạnh oai linh của ông Điều bá Nguyễn-văn-Tồn, do đó phần lớn đồng-bào Trà-Ôn Cần-Thơ đã sùng kính lăng ông không kém gì lăng ông Bà-Chieu.

Từ năm 1937, lăng này đã được tái thiết theo lối cồ và nới rộng hơn xưa. Trải bao cuộc biến thiên, nhưng sự linh hiền của ông vẫn liên tục cho đến ngày giờ này. Đồng bào dân chúng lúc nào cũng tin tưởng nơi ông không một ai dám thắc lẽ. Ngày thường cũng như ngày lễ tế, lăng ông tấp nập khách hành hương lễ bái, khói hương nghi-ngút phung-thờ.

Mặc dầu vị võ quan này không phải là người Việt, nhưng có công khuông phò chúa Nguyễn-Ánh tại Cần-thơ, được phong quyền cao chức trọng và sau khi chết được hiển linh. Sống vi tướng thác vi thần, nên chúng tôi nhắc lại với tinh-thần tồn cồ, nhớ đến công lao người xưa với tình đoàn-kết giữa hai dân-tộc Việt — Miên.

**CHUYỆN LẠ
TRONG CƠN CỤ THỦ-KHOA NGHĨA TÙ-TRẦN
VÀ THẦN CHỦ THỜ CỤ**

Trong báo « Thế giới tân văn » số 21 ngày 27-11-36, ông Phan-văn-Thiết có viết một bài « Cái chết của cụ Thủ-khoa-Nghĩa » (do người em vợ cụ Thủ-khoa-Nghĩa thuật lại), có nhiều điều đáng chú ý. Đại-khai như sau

Năm Nhâm-Thân 1872, sau Tết nguyên-dán mấy hôm, ông huyện Côn ở Cần-Thơ mòi cụ Thủ-khoa xuống ăn giò. Người em vợ của cụ và một tên bạn chèo đưa cụ xuống thuyền đi Cần-Thơ.

Tiệc xong, cụ kiếu về. Giữa đường mắc một trận mưa to. Đến nhà, cụ bị cảm nằm vùi. Cụ bà lo sợ sai người đi rước đến bốn vị Đông-y-si chẩn-mạch. Vì biết cụ cũng tinh-thông y-học, nên bốn vị Đông-y-si nhất nhất đều có ý kiêng-nè cụ mà hỏi ý-kien cụ trước về sự đầu thang. Cụ gắt lên

— Quý ông nhận thấy thế nào thì cứ đầu thang, lo-ngại nỗi gì.

Bốn vị Đông-y-si ngồi lại bàn-bạc cùng nhau, văn-chương chữ nghĩa tranh-luận vang rân. Cụ khẽ bảo người em vợ

— Ngày-ngà quá. Em với chị em dọn cơm nước mời các thầy ấy rồi đưa về. Chị cũng chẳng qua mạng trời, không có gì phải ngại.

Bịnh cụ xem ra càng ngày càng nặng, nhưng tinh-thần cụ vẫn thường tỉnh táo.

Hôm sau, cụ gọi các học trò cụ mà bảo

— Hết canh bá đêm nay thì ta tắt nghỉ.

Các học trò cụ đều ngạc-nhiên, có vẻ không tin lời cụ, vì thấy thần sắc cụ tươi-tinh như thường.

Đúng ngọ, cụ làm xung. Bấy giờ các học trò cụ và thân-quyến mới giật mình lo-lắng, xúm nhau hơ vuốt cho cụ. Hơi thở của cụ chỉ còn hơi-hóp.

Đến xế chiều, cụ tinh lại, thần-thái an-nhiên như người vô sự. Cụ gọi các học trò

— Mấy anh lấy bút mực ra đây, chép lấy lời ta lưu-niệm.

Các học trò thưa

— Thầy dặn bảo gì xin cứ nói, anh em chúng con sẽ xin ghi nhớ.

Cụ khoác tay

— Cứ đem bút mực ra ghi chép cho tiện.

Không ai dám nói gì nữa, vội-vàng tuân theo ý cụ. Cụ bèn đọc hai câu

«**Lịch lịch đông bài tây chí, huyền trương trú minh ;
Phân phân uẩn kết châu liên, dữ tiên vi thể**».

Đọc xong, cụ bảo

— Hãy giữ kỹ. Đừng để sai lạc chữ nào. Chứng ta thác rồi, nhờ bậc túc học coi theo ý đó mà đề bài châm thò ta.

Các học trò đều xin vâng. Cụ lại nói

— Hồi trưa nầy, lúc ta mệt làm xung, có một vì sao nhèo ngay nóc nhà, nhưng ban ngày không ai để ý tới. Đó là các vị tiên trên trời rước ta đi đánh cờ. Số ta hết rồi, canh ba này thì mất. Các ngươi hãy coi chứng, trăng mọc cho ta hay.

Dặn bảo xong, cụ nằm thiêm thiếp. Lâu lâu hỏi chứng trăng. Các môn sinh ở bên cạnh hầu cụ.

Trăng đã lên cao. Các môn sinh thưa

— Thưa thầy, trăng đã mọc.

Cụ nói

— Thôi ta đi đà.

Đoạn cụ tắt hơi. Cụ bà quàn linh cửu ba tháng. Đám tang cụ, các quan chức ở Cần-thơ đều có đến đưa trọng thể».

Cái chết của cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, do miệng người em vợ cụ thuật lại như thế, mà ông Phan-văn-Thiết đã tường thuật trên báo. Tin chăng là ở quyền phán đoán của mọi người. Chúng tôi chép lại một huyền sử về cụ Thủ-khoa đề lưu chút tài liệu. Và dưới đây là bài thơ của thầy đề làm bài châm thò cụ

*Thinh danh cưu vi đạt đơn trì,
Khôi thủ văn-chương hải nội tri.
Ngoại binh du thần do chuyền huyền,
Lâm chung di bút thương ngâm thi.
Ky kình qui khứ huỳnh vân dạng,
Quá hạc lai thời thanh thảo bi.
Trung thồ tri âm giai tái mịch,
Nghi dung chỉ xích vĩnh tương ly.*

Tại chùa Minh sư ở Bình-thủy có hai cái thần-chủ thò cụ ; một cái của sư Long-khê (học trò giỏi nhất của cụ) đề kể bên tượng Hộ-pháp, một cái đề theo bàn thờ các người trong đạo.

Nguyên thần-chủ ấy của con cụ thò. Đến sau, người con nghèo khó mới đem gởi vô chùa. Thần-chủ của sư Long-Khê thò cụ thì sơn son thép vàng, đề chữ «Ất vị giải-nghuyên, húy Nghĩa, cố tiên sinh chi thần-chủ». Thần-chủ của con cụ thò thì ngoài có lồng kiếng trong một cái vỏ sơn đen chụp lên chữ. Thần chủ làm bằng hai miếng ván đứng, cắm trên một cái chun vuông, miếng ván trước sơn trắng, đề : «Hiển-khảo Ất-vị giải-nghuyên, hiệu Nghi-chi, phủ-quân thần-chủ». Phía dưới, bên tả đề : «Niên canh Đinh-mão (1807) tốt ử Nhâm-thân (1872) niên, chánh ngọat Nhị thập nhất nhật tú thòi, thọ lục thập thất tuế». Nghĩa Sanh năm Đinh-mão (1807), chết năm Nhâm-thân (1872) tháng giêng, ngày 21, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Do theo mấy chữ đề trên thần-chủ, nói về tuổi tác cụ Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa, trong «Tri-tần» số 101, ông Trực-Thần nhân đó bảo rằng «Tính theo ta thì 66 tuổi, tính theo tây thì 65 tuổi. Ở thần-chủ đề 67 tuổi, e có chỗ sai».

Tiếp theo đó, trong «Tri-tân» số 173 ngày 4-1-65, ông Lê-thọ-Xuân hiến thêm cho bạn đọc những điều bồ ích.

Không ! Theo chô biết của tôi thì không phải người viết tính sai mà thật là cõ ý.

«Trước hết có phép đánh tay hơi khá là phép tìm 12 chô trên mình rồng (thập nhị huỳnh long chưởng pháp). Theo phép này thì lấy năm chết rồi «nam thuận nữ nghịch» đánh tới năm sanh. Cụ Thủ-khoa chết nhăm năm Thân thì «thân tỵ thìn» và đánh tới năm Mão (năm sanh), thành ra cụ năm tại «ruột ống rồng vàng» (gặp chữ trường là ruột), rồi có câu thơ «**Phúc trường hốt kiến ngộ quân vương.**» Thế là cụ Thủ-khoa qua đời năm Thân khá gọi là tốt nên đê cụ «thọ lục thập lục tuế» cho đúng. Nhưng người ta ít biết phép này, cái phép chỉ cần rõ năm tử, năm sanh, mà không cần rõ số tuổi. Người ta thường biết phép «Huỳnh long thệ thế» (có người gọi là Huỳnh long tế thế), cái phép cần phải rõ số tuổi và tính theo bát quái: càn, khâm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

«Rõ tuổi cụ Thủ-khoa rồi, nam khởi cấn, nữ khởi khôn, thành ra cụ chết nhăm cung ly. Có bản chép «Tốn Ly lợi khẩu tử tôn bần» hoặc : «Ly phùng lộ khẩu tử tôn bần». Vì sợ cái cung Ly làm cho con cháu nghèo, nên chắc chắn là trong lòng triệu của cụ Thủ-khoa (lòng triệu không có hài năm sanh và năm tử mà hài số tuổi) chỉ đê Huỳnh thọ lục thập thất tuế. Nghĩa là cõ ý xin thêm một tuổi với tròn, hay tính thêm một tuổi trong thai, đê tính thành cụ chết nhăm cung khôn, một cung rất tốt. Vì sách chép : Khôn ngộ quý phùng quý chức » hoặc : «Khôn ngộ quý công đắc quý nhân ! »

Và điều chắc chắn hơn hết là người viết cõ ý muốn che đậm miệng thế gian, tức là muốn tránh lời xấu lời xàm của những kẻ biết phép «Huỳnh long thệ thế», lại thiếu giáo dục, hễ đến đám xác hay thấy lá triệu là lật tay «đánh toán» trước mặt mọi người đê khoe tài khoe giỏi, nên theo lối thông thường là già thêm một năm, chờ sanh Đinh-mão (1807) tử Nhâm-thân (1972), cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa rõ đúng 66 tuổi.

MỘT CÁI CHẾT HI-HỮU NUỐT VÀNG TỰ-TỨ

Việc đời, cảnh nǎo-nùng nhất không gì qua cảnh anh-hùng mạt-lộ ! Dòng họ Mạc lừng-lẫy thanh-danh một cõi Hà-tiên, từ Mạc-Cửu dựng gầy, đến Mạc-Tông (tức Mạc-thiên-Tứ hay Thiên-Tích) nối nghiệp, và đến các con của Thiên-Tứ thừa hưởng rân tác biết bao, oai-nghi lâm-liệt là đường nào. Thế mà đến lúc hết thời, sự sụp đồ thật đau thương tột độ.

Nối nghiệp cha trấn giữ Hà-Tiên, Mạc-thiên-Tứ có thừa tài kinh-luân, đặt cơ nghiệp vững an như bàn thạch. Thọ nhận chức Đô-đốc của triều-dinh, nhưng kỳ thật đối với sự nghiệp hùng-vĩ đã dựng nên, Thiên-Tứ nghiêm-nhiên như vị phó-vương một tiều quốc, một ông vua không mão, có trọn quyền hành-động, nơi tiều quốc Hà-tiên và luôn cả 4 huyện mới khai-thác nơi miền tây là Trần-di (Bạc-liêu), Trần-giang (Cần-thơ), Long-xuyên (Cà-mau) và Kiên-giang (Rạch-giá).

Tuy nhiên, cuộc đời dinh hư tiều-trường xưa nay vẫn là lẽ tuẫn-hoàn bắt-di bắt-dịch trong vũ-trụ. Có đầy thì phải có vời, có lớn lên thì rồi vẫn phải có tiêu-tán mất đi. Cho nên, bậc đạt quan hăng giữ mục thường, ung-dung trong mọi cảnh ngộ, thì mới khỏi phải điên-dảo tâm-hồn trong những cơn thạnh-suy bì-thói được.

Họ Mạc hưng-thạnh thật là nhanh chóng, người thường thấy thế ai chẳng khen-ngợi thèm-thuồng những sự vinh-hoa phú-quí kia. Nhưng có biết đâu rằng Bạo phát thì bạo tàn. Hết đến hồi cực-thạnh rồi, át sẽ phải suy-dần, nhất là nếu không khéo tu tinh giác-ngộ lẽ dinh hư tiều trường, thì không sao giữ bền cõi-nghiệp được mãi lâu, và sự sụp đồ không sao tránh thoát.

Giai-doạn suy-đồi của họ Mạc, bắt đầu từ năm Nhâm-thìn 1772, khi quân Xiêm kéo sang đánh phá Hà-tiên dữ-dội, khiến Mạc thiên-Tứ phải chạy sang Trần-giang (Cần-thơ). Vừa lui được giặc Xiêm, chưa kịp tái-thiết những nơi bị chiến-tranh tàn phá, lại phải chuẩn-bị đương đầu với Tây-Sơn kéo vào Nam.

Đinh-dậu 1777, Thiên-Tứ phải đau lòng về cái chết của con là Mạc-tử-Sanh đã hy-sinh cho chúa Nguyễn trong trận chống Tây Sơn mãnh-liệt nơi vùng gọi là Tham-tướng ở Cần-Thơ bây giờ.

Oai-thể Tây-Sơn lẫy-lừng, chúa Nguyễn-phúc-Thuần với cháu là Nguyễn-phúc-Ánh, và người trong hoàng-tộc là Nguyễn-phúc-Đồng phải chạy tuốt xuống Cà-mau. Tây-Sơn đuổi nà theo. Tại Cà-mau, Nguyễn-phúc-Đồng bị giết chết, chúa Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần bị Tây-Sơn bắt sống và hành-quyết. Nguyễn-Ánh lên thay nắm binh quyền, chạy sang lưu-vong bên Vọng-Các (Thái-Lan). Mạc-thiên-Tứ ở trong cảnh thất-thể cũng phải chạy sang Xiêm nương-náu. Cùng đi với gia-quyền Thiên-Tứ có hoàng-tử Xuân, con thứ 17 của chúa Võ-vương Nguyễn-phúc-Khoát.

Chẳng bao lâu chúa Nguyễn-Ánh khôi-phục được thành Gia-Định, sai người sang Xiêm triệu Thiên-Tứ trở về. Thiên-Tứ vào triều kiến vua Xiêm, cảm ơn hậu đãi bấy lâu và tỏ ý xin về. Vua Xiêm nghiêm-nghị

— Người có chắc rằng chúa Nguyễn thật lòng ưu-ái người chẳng ? Trong cơn nguy-biến người đã bỏ nước mà đi, chưa lập chút công-lao gì, nay nghe thằng trận, gọi về, người chẳng sợ bị chúa Nguyễn chê-trách và các tướng ganh-ghét sao ?

Mạc-thiên-Tứ dùng-dắng chưa biết liệu lẽ nào. Còn đang ưu tư, bỗng thấy nội-giám của vua Xiêm đến mời

— Có việc khẩn-cấp, hoàng-thượng cho triệu ông gấp.

Thiên-Tứ lật-đật vào chầu. Vua Xiêm gay-gắt

— Người có hay chuyện gì chẳng ?

Thiên-Tứ ngờ ngác

— Tâu hoàng-thượng, chuyện chi ?

Vua Xiêm cười gằn

— Ta xem ra chúa nước người không thành thật giao hảo với nước ta. Vừa rồi, thuyên buôn của nước ta từ Quảng-đông về qua ngang Hà-tiên, bị cướp sạch cả. Vì sao thế ?

Thiên-Tứ lộ vẻ buồn :

— Hắn là đám côn đồ nào đấy không biết gì đến tình hình quốc-gia, nên đã xúc phạm càn rỡ như thế, thật là đáng tiếc. Chúa tôi chẳng bao giờ dung dượng lũ cướp ấy đâu, sớm muộn gì ắt cũng sẽ bắt mà trừng trị, giao hoàn tài vật lại cho các tài gia kia chứ chẳng không.

Vua Xiêm cười lạt, có vẻ không tin. Mặc cho Thiên-Tú biện bạch cách nào, Vua Xiêm vẫn một mực lắc đầu

— Thôi ngươi hãy lui đi. Đè rồi xem.

Sự nghi ngờ đã chớm nở trong lòng vua Xiêm. Mạc-thiên-Tú bàng hoàng lo âu khôn xiết. Bao nhiêu lời biện bạch đều bị gạt ngang, thế thì vua Xiêm đã tỏ ra không tin nhiệm ông nữa. Tình thế nay nếu ông không sớm liệu rời nước Xiêm cho sớm,ắt không khỏi nguy đến tánh mạng. Nhưng đi cách nào cho ổn ? Ông còn đang bối rối lo liệu, bỗng thấy một toán ngự lâm quân kéo đến. Viên chỉ-huy dông đặc bảo ông

— Phụng mạng quốc vương, chúng tôi đến bắt ông.

Thiên-Tú sững sờ

— Về tội gì ?

— Đại sự quốc-gia. Đến đây thì ông sẽ biết. Chúng tôi chỉ tuân lệnh mà thi hành.

Ông bị bắt giải đi. Hoàng-tử-Xuân, Mạc-tử-Dung và rất đông nhân vật đã từng theo ông đều bị bắt cả.

Té ra có một người Xiêm từ Cao-Miên về, dâng lên vua Xiêm một bức thư quan hệ, bắt được trong mình một binh-sĩ Việt tên Thuận, tại Thạch-Kiều. Thư gởi cho Mạc-thiên-Tú, đại ý sắp đặt cơ mưu khiến Thiên-Tú làm nội ứng đè đánh lấy thành Vọng-cács.

Oan hay ưng cho họ Mạc ? Thật là một bức thư tai hại. Thiên-Tú cực lực phủ nhận tội trạng. Triều đình Xiêm xôn xao bàn luận.

Có thể đó là mưu ly gián của Tây-sơn, giả mạo bức thư ấy, trước khiến vua Xiêm giết Mạc-Thiên-Tú đi đe cắt đứt một cánh tay đắc lực của chúa Nguyễn, sau khiến hai nước phải đoạn giao với nhau, tức là đỡ bớt một mũi nhọn đáng lo. Giả thuyết nghe ra cũng hữu lý. Nhưng từ lâu vua Xiêm đã ngờ vực Thiên-Tú, nên nay cứ vịnh vào đó mà thẳng tay trừng trị.

Vua Xiêm liền xuống lệnh tra tấn hoàng tử Xuân và Mạc-tử-Dung, cả hai chịu không thấu với sự tra tấn dã-man, gào thét phản uất, nguyên rửa phường gian ác. Chúng thấy thế càng dùng cực hình tra khảo. Cuối cùng, hoàng tử Xuân khai bừa :

— Chúng bây đã nồng nồng quyết một buộc tội, thì cứ làm tội giết ta đi. Ứ đây, chính ta đã mưu toan đánh chiếm thành Vọng-cács.

Chúng liền tra khảo Tử-Dung

— Đồng bọn của bây đã khai rồi đó, còn mi to gan đến bực nào cho biết. Mau khai ngay cho khỏi nát thịt tan xương.

Tử-Dung nạt

— Cha con ta từ bao lâu nay hằng giữ lòng ngay thẳng, há có tà vọng chi mà mang lấy tội tình cay nghiệt chớ ? Lũ bây tàn ác rắp toan hại người, hãy cứ giết ta đi, cha con ta chẳng có tội gì mà phải khai.

Trước sau một mực Tử-Dung cắn răng chịu khổ hình, phủ nhận tội tình, rắn rỏi bảo chúng

— Ta nay lâm nạn, lòng ngay dạ thẳng chỉ có một chết mà thôi. Ai trung liệt, ai gian tà, tự có đất trời chứng chiếu.

Không làm gì hơn được, chúng phụng mạng vua Xiêm hạ sát Mạc-Tử-Dung chẳng chút thương tiếc.

Hay tin con đã bị giết, Mạc-thiên-Tứ kêu trời một tiếng, nước mắt tuôn dầm. Thật là hoạ vô đơn chí. Ngẫm mình nay tuổi đã 70 lại chẳng may vướng điều oan nghiệt thảm khốc, Thiên-Tứ bèn lấy vàng nén, vàng lá nuốt vào bụng cho đến tắt thở.

Vua Xiêm lại truyền đem các con cháu ông và 17 người tùy tùng, tất cả 53 người đều chém cả. Duy có 3 người con của hầu thiếp ông và 4 người cháu nội được một vài người Xiêm xin làm con nuôi nên thoát chết.

Nuốt vàng tự tử, phải chăng Thiên-Tứ muốn nổi lên nhẫn cùng muôn thuở lòng ông tình thuần như vàng ròng, dù lửa đờn trui đốt thế nào cũng không biến sắc đượ ? Hoặc giả, phải chăng ông muốn cảnh cáo người vàng bạc đến rốt không phải là phượng-tiện mưu cầu hạnh-phúc miên viễn ?

Người đã có công khai thác vùng đất Cần-thơ, thương ôi ! gấp cảnh não lòng trong chuỗi ngày tàn bóng xế, chúng tôi ghi chép lại thiên thảm sử, gọi chút lòng thành truy điệu !

Rạch Cái Nai



Con Rạch nầy trước kia có cặp Sóng thăn thường xuất hiện, đồng bào dân chúng nhiều lần chứng kiến hiện tượng kỳ lạ ấy.

Ảnh sưu-tầm

CẶP SÓNG THẦN NƠI RẠCH CÁI NAI

Cách nay chừng 50 năm, tại Rạch Cái-Nai cách thị-trấn Cần-thơ độ 5 cây số ngàn, thường có cặp sóng thần xuất hiện. Đồng-bào quanh vùng thường chứng kiến hiện-tượng sóng thần dậy lên, không ngớt xôn xao bàn tán.

Đang trưa, hoặc lúc xế chiều, quang cảnh vắng lặng. Bầu trời trong trẻo không gợi chút áng mây mù nào, bỗng dung người ta nghe trên lòng rạch gợn gợn âm ba sóng dậy. Hiện tượng gì thế ? Nào có gió to, mưa lớn chi đâu, sao đất trời lại chuyền động bất ngờ ? Những nhà quanh vùng, người người đều hiếu kỳ, trông ngóng ra phía rạch, nhìn xem hiện tượng lạ kỳ sắp xảy ra.

Lòng rạch xoáy động. Mặt nước rung rinh, từng phút từng chuyền mình dữ dội. Muôn người như một không ai không nghe âm thanh rùng rợn như tiếng thác đỗ, tiếng muôn quân hò hét giữa trùng khơi. Rồi thì người người chứng kiến cặp sóng thần nồi lên cao độ một thước, chạy từ đầu rạch này đến đầu rạch khác, búa vòi trắng xoá.

— Sóng thần dậy ! Sóng thần dậy !

— Ghê thật !

— Oan hồn của các đấng trung thần nghĩa sĩ nào đó chẳng ! Hay là niềm phẫn uất của muôn binh ngàn tướng một thuở xa nào, mà nay còn vướng vắt hận không nguôi ? !

Thiên-hạ không ngớt bàn tán chung quanh hiện tượng khác thường, hiếm có. Người có học, không chấp nhận những giả thuyết dị đoan, lấy mắt khoa-học mà giải thích, nhưng cũng giải thích không trôi. Vì từ xưa đến bây giờ, sông nước Cần-thơ vẫn yên lành, chờ đừng nói chi là con rạch nhỏ, lấy đâu ra sóng to dường ấy khi mà chẳng hề có sự giật dữ của đất trời trong cơn mưa cuồng gió loạn, đề báo hiệu sóng nước sẽ phải nhăn mày cau mặt i ầm gào thét như thế.

Mỗi một lần cắp sóng thần nồi lên, vô phúc cho những ghe thuyền nào đậu quanh đấy, hoặc vừa qua tới đó, không sao thoát khỏi cảnh hải-hùng bập-bèn trên lượn sóng, đê rồi cuối cùng bị nhận chìm thê-thảm. Nhưng khéo thay 1 cảnh tượng chát chóc nǎo nùng ấy không mấy khi diễn ra. Hoạ chăng những ai bạc mạng, vô phước, hay vương tội ác oan khiên gì phải đền báo, mới khiến xui vướng mắc vòng tai ách khi sóng thần lên cao độ. Điểm đặc-biệt của sóng thần không gieo thảm họa gì, càng khiến dân chúng chát phác càng tin-tưởng ở thần-quyền. Hắn là phải có sự linh dì gì tàng ẩn trong hiện-tượng thuộc quyền-năng của tạo-hoá gây nên.

Mà một khi khoa-học không giải-thích được những quyền-năng của tạo-hoá, người ta không ai không tăng thêm lòng tín-ngưỡng thần-linh. Người ta nhớ lại trên đất nước này, ở nhiều nơi vẫn thường có sóng thần. Nào cửa bờ Thần-phù, cửa biền Đại-ác, Đại-an, sóng thần từng đê tiếng trong lịch-sử.

“ Lénh-dénh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nồi, vụng tu thì chìm ”.

Sóng to, sóng thần xuất-hiện trên biển cả, đành rằng chuyện rất thường, không mấy ai cho là lạ lăm. Duy trên sông rạch mà có sóng thần, thì mới là điều không sao khỏi khiến thiên-hạ xôn-xao. Rạch Cái-Nai có sóng thần, khiến những ai biết chuyện đều liên-tưởng đến sóng thần từng cơn nồi dậy ở khúc vàm sông Bao-ngược thuở trước.

Nguyễn khoảng năm Ất-dậu (1705) quân-đội ta và quân-đội Chân-lạp (Cao-miên) xung-đột cùng nhau. Bên phía Chân-lạp do Nặc-Thâm điều-khiển binh tướng. Phía chúa Nguyễn do Chánh-thống Cai-cơ Nguyễn-hữu-Vân chỉ-huy. Vùng chiến-lược nằm trong khoảng Rạch-Gầm (Định-tường). Đôi bên bố-trí cuộc đụng độ nơi đó.

Bấy giờ, ông Mai-bá-Hương, người làng Tân-hương, (Cái-quao Trà-Vinh), làm chức Xá-lại, vâng lệnh quản-đốc một đoàn thuyền chở lương thực. Bị quân Chân-lạp bao vây tại khúc sông làng Bình-Ninh, liệu bờ khó thoát, ông cương quyết không đê lương thực lọt vào tay quân giặc, liền ra lệnh đục thuyền, nhận chìm, rồi tự vận theo.

Tương truyền : sau khi ông mất, khoảng sông ấy thường nồi sóng thần. Người ta cho là oai linh trung liệt của ông hiền hiện. Cụ Phan-thanh-Giản có làm đôi câu đối, ca tụng oai linh ấy

« Nghĩa báo Nam-thiên, cương thương thường bời cao tiết ;

« Khí hièm Tây-tặc, giang tiền do khởi nộ ba.

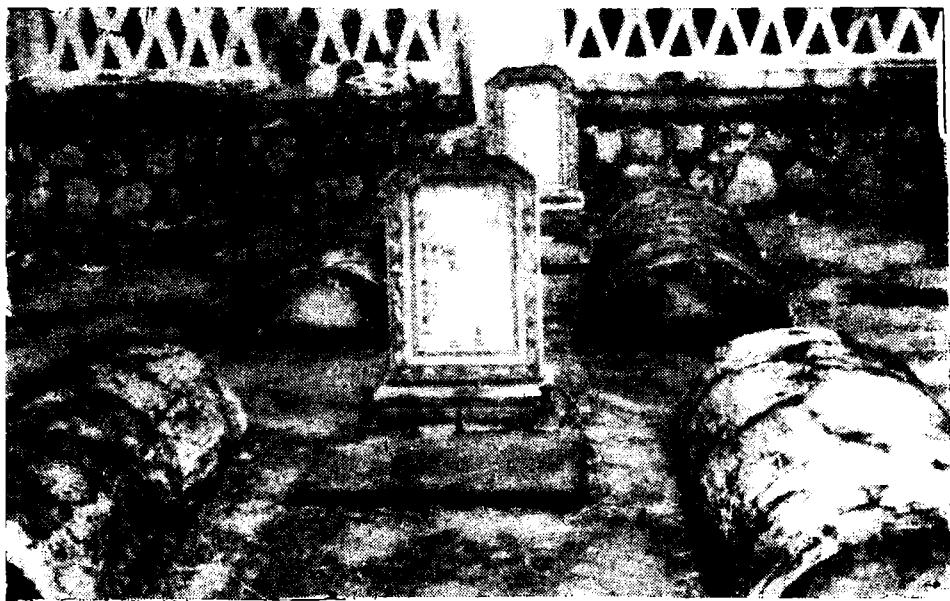
Đông-Hồ dịch

« *Thờ vua hết dạ thẳng ngay,
Gò cao tiết nghĩa càng ngày càng cao
Hièm xưa hận cũ tuôn dào,
Trước sông sóng giận ào ào chưa nguôi ».*

Xuyên qua đoạn sử về sóng thần ở vào Bao-ngược ấy, thì cũng rất có thè cặp sóng thần ở Rạch Cái-Nai biết đâu chẳng phải là dư linh non nước phát tiết ra ? Cần-Thơ xa xưa vẫn là bãi chiến trường từng con dien biển hãi hùng qua những hồi binh cách giữa quân ta với Chân-Lạp, với quân Xiêm, với Tây-sơn, với quân đội Pháp, bao nhiêu là anh hùng liệt sĩ hữu danh cũng như vô danh đã hy-sinh xương máu ? Khí uất non-sông bàng-bạc khắp nơi, chung đúc nên cặp sóng thần kia, biều dương oai linh tiền-nhân đã hiên ngang bất khuất, dũng cảm đương đầu với mọi nghịch cảnh, thi gan cùng bão tố cuộc đời.

Cố nhiên cảm nghĩ như thế không hẳn là đúng. Nhưng thiết tưởng nhắc lại chuyện cặp sóng thần rạch Cái-Nai với những cảm nghĩ đẹp đẽ tưởng nhớ đến anh linh người xưa, âu cũng là niềm cảm thông với hồn nước, khích lệ nuôi nấng tinh-thần quật-khởi của giống nòi ta truyền thống tự muôn thu. Huống chi, khí thiêng sông nước Tây đô, có cặp sóng thần tô điểm thêm duyên dáng, càng tăng hào khí sỉ phu Tây-dô, chớ có sao.

Mộ ông Thầy Trung ở Cái-Da



Ông Thầy Nguyễn-văn-Trung là một đạo-sĩ có nhiều pháp thuật nhiệm màu, nổi tiếng ở đất Cần-Thơ khi xưa. Hiện nay cháu bà đời của ông là ông Huỳnh-công-Thiệu còn thờ và giữ những bửu vật của ông tại Thị-xã Phong-Dinh.

Trong 4 ngôi mộ này, 2 cái trong là ông nhạc và bà nhạc giờ ông Thầy Trung, 2 cái ngoài phía trái là bà Thầy, phía mặt là ông Thầy Trung, chôn tại Cái-Da cách Cần-Thơ 3 cây số ngàn phía bên tả ngạn rạch Cần-Thơ.

Ành sưu-tầm

**CHUYỆN ÔNG THẦY TRUNG THẢ NÓN QUA SÔNG
MỘT ĐẠO-SĨ VANG DANH Ở CẦN-THƠ,
CÓ NHIỀU PHÉP-THUẬT NHIỆM-MÀU**

Quý bạn đọc hằng nghe ở miền Tây Châu-đốc khi xưa có Đức Phật Thầy Tây-an, ông Cử Đa, Đức Bồn-sư ở Núi Tượng được nhân gian sùng kính qua những việc làm phi thường chờ là dị nhân xuất hiện.

Thế kỷ 20, cách nay mấy chục năm tại Châu-Đốc nơi làng Hoà-Hảo có Đức Huỳnh-giáo-chủ ra đời giáo đạo, có mấy triệu tín đồ xưng phục khắp cả Nam, Trung, Bắc đều nghe danh tiếng.

Riêng về Cần-thơ cách nay trên một thế-kỷ có một đạo sĩ lẫy lừng tên tuổi, đó là Ông Thầy Trung. Cho đến nay các vị bô lão vẫn còn nhớ rõ những chuyện kỲ bí có một không hai của vị đạo sĩ lạ thường. Chẳng những pháp thuật cao cường, nhiệm màu, sản nghiệp của ông tạo ra cũng là vượt hơn đời. Có thể nói một phần lãnh vực rộng lớn tại châu-thành Cần-thơ xưa là thuộc quyền tư hữu của ông, và của người con rể ông là Nguyễn-văn-Nga.

Ông thầy Trung tên thật là Nguyễn-văn-Trung, quê ở xã Tân-An huyện Phong-phú (tức vùng Cần-thơ xưa). Thời kỳ ông chào đời, Cần-thơ hẵn còn là nơi hoang vắng, nhà cửa lụp xụp, dân cư thưa thớt. Sống trong cảnh nghèo túng, ông sớm dẫu đầu tuồi xanh trên đường gió bụi. Không được học hành gì cả, ngày ngày ông ra đồng coi giữ trâu, phụ việc ruộng nương với thân sinh.

Tuy nhiên, bẩm tính hiền hoà, tin-tưởng Phật Trời, ông an nhiên sống với số phận hầm hiu ; trí mơ màng viếng cảnh năm non bảy núi. Hằng nghe người ta đồn núi này núi nọ có việc linh thiêng huyền bí, với lòng mộ đạo săn có, ông quyết chờ cơ hội thuận tiện để đi tăm tắp Minh-sư, cầu học đạo màu.

Mỗi ngày, đến bữa cơm thì ông dành để một chén đem phơi trên nóc nhà. Ngày qua tháng lại, cơm khô chưa đầy một bao cà ròn. Lạ thay ! ngày ông cũ bị vừa đủ lương thực ăn đi đường thì cũng chính là ngày ông dấn bước lên non theo chí nguyện.

Nghe đồn trên núi Điện-bà Tây-ninh là chỗ thanh vắng có nhiều hang sâu động thẳm, nếu lên đó tu sẽ đắc thành chánh quả, ông hâm-mộ thiết-tha. Giờ đây ông thực-hành ý-dịnh, khăn gói gió đưa băng rừng vượt nèo suốt một tháng trường khò-nhoc mới đặt chân lên giữa núi Điện-bà.

Ông lùn tu trong một cái hang đá. Hằng ngày ông chỉ dùng một bữa ăn vào lúc đúng ngọ. Ấy là cơm khô ngâm nước đựng trong mìn vừa ! Ông đã quyết tâm khò-hạnh, trì chí tu-hành, nào có quan-tâm đến sự đối no ấm lạnh, chỉ cốt cầm hơi là được.

Thời-gian qua...

Bỗng một hôm có Cọp Bạch từ đâu đến nằm ngủ ngoài miệng hang. Sáng sớm thấy thế, ông không khỏi kinh-sợ. Nhưng sự nghĩ lại thân mình đã dẫn tới cõi này, dầu chết sống chẳng mang, ông bạo-dạn lại gần Cọp Bạch.

— Sơn-quân ! Ông có thiêng xin hãy dang khỏi miệng hang. Có tôi là người tu-hành đây.

Cọp linh dườngnghe biết tiếng người, khẽ gật đầu, nhích mình tránh chỗ. Thấy lạ, và nhìn kỹ dáng điệu hiền-tử của Cọp Bạch, ông bạo-dạn thêm

— Sơn-quân ! Xem ra ông cũng tu-hành chăng ? Chắc ông không còn sát-sanh hại mạng như thuở nào ?

Cọp Bạch lại gật đầu, tỏ tình ý quấn-quit lưu-luyến với người. Lòng không còn ngại gì nữa, ông bước ra khỏi hang. Cọp Bạch đứng bên ông với nét dịu-hiền. Một người mộng thú, từ ấy xem nhau như bạn đồng cảnh đồng tâm.

Dần dần cơm khô hết sạch, Cọp dườngnghiết cho tình cảnh cạn lương, ngày ngày vào rừng tìm trái cây đem về cho ông ăn đỡ đói.

Một đêm trăng, ông đang tịnh tọa nhập thiền, thỉnh linh thấy thấp thoáng trước mặt có người ung dung đi tới. Ông ngờ là ảo-ảnh. Té ra nhìn kỹ quả thật có bóng dáng người lạ đến gần. Ấy là một người Huê-kiều, phục-sức theo lối cồ, áo rộng tay dài

chân mang một đôi giày tàu. Dưới bóng trăng, nhận thấy đôi giày không dính cát bụi gì cả, trong trí ông nghĩ thầm “ Đêm thanh vắng, người đường đột đến, hẳn phải là bậc phi phàm ». Bèn lên tiếng hỏi

— Cao nhân quang lâm, có điều chi dạy bảo chăng ?

Người Huê-kiều ấy ung dung đáp

— Tôi mua bán ở chợ Tây-ninh, trời nóng nực quá nên mới lên non chơi cho mát.

Ông càng nghe nói càng kinh mộ, vái chào và sụp lạy

— Cầu xin cao nhân doái tướng, chỉ điểm mê đồ cho bần đạo. Đề từ tinh nguyện theo hầu cao nhân đến tận góc biển chân trời, thiền nan vạn kiếp không từ.

Vì ấy xây lưng đi và nói

— Tôi không biết gì hết.

Ông vẫn kiên tâm trì chí chạy theo cầu khẩn. Được một đỗi vị ấy quay lại bảo

— Thôi, nhà ngươi có lòng thành, đề ta dạy cho mà tu. Mai đây nhà ngươi rời khỏi chỗ này, lên chót núi có cốt Bà Đen ngồi dưới chân Bà mà tu niệm.

Ông khấp khởi mừng, suốt đêm không an giấc. Sáng sớm tinh sương, ông vỗ lưng Cọp Bạch

— Sơn-quân ơi, ta tạm từ giãn nhau. Trên đường tu học, thiên thập được kết quả gì, ta sẽ chẳng quên ngươi đâu.

Cọp Bạch cúi đầu, ra chiêu quyền-luyện. Ông rảo bước. Cọp Bạch đứng nhìn theo cho đến khi ông khuất dạng, hộc to một tiếng như gào khóc, băng mình vào rừng mất hút.

Trên đỉnh núi, ông thấy Trung len lỏi theo đường quanh co khúc khuỷu, bỗng chẳng biết từ đâu có tảng hòn đá lăn tới cản ngăn. Ông niệm Phật, van vái

— Cầu nguyện chư vị ở non cho tôi được lên đến chót núi, giờ thân tu luyện.

Vái xong, bỗng dừng đá hết lăn. Ông nhìn tới chỗ cốt Bà Đen. Nơi đây, có ao sen thanh quí lạ kỳ. Ông dọn quét lá cây sạch sẽ rồi ở đây tu theo lời vị cao nhân đã dặn.

Được gần một tháng, đêm kia vị cao nhân lại xuất hiện dạy đạo. Ông nhất nhì ghi lòng. Vị cao nhân hỏi

— Từ ao sen ra mè rừng chừng một trăm thước, có đám "Mì tinh" mọc hoang. Đúng ngọ bốc ăn một cù thì không hề đói. Hãy gắng tu cho thành đạo.

Rồi đó thỉnh thoảng vị cao nhân đến chỉ bảo cho những đạo pháp bí truyền. Cuộc điềm đạo đều về đêm mới bắt đầu.

Thẩm thoát trải ba năm học tập. Đêm kia, ông bỗng nghe tiếng gọi vô hình vâng vâng

— Nầy con, thân mẫu của con vừa mất, ngày mai tảo liệm, mổ an táng. Con hãy về lập tức.

Tiếng gọi vô hình lập đi lập lại nhiều lần. Ông đành phải tin theo, khẽ thưa

— Bạch tôn sư, đường xa diệu vợi, con về thế nào cho kịp.

Tiếng vô hình nghiêm trách

— Trong ba năm nay ngươi học những gì ? Khi cần kíp không thi thoả được diệu thuật nào sao ?

Ông nghẹn ngào

— Tôn sư cứu giúp cho đệ tử với !

Tiếng vô hình bảo

— Người cứ ngồi xếp bằng nhắm mắt, niệm những lời thầy người đã dạy. Khi nghe chim kêu, gà gáy, mở mắt ra sẽ được như nguyện.

Ông vâng mạng làm y theo. Bên tai nghe gió rạt rào. Thân mình lâng lâng vượt bồng, lướt gió tung mây như có ai đưa lối dẫn đường.

Sức nghe tiếng chim kêu, gà gáy. Nhớ lời dặn bảo, ông mở mắt ra. Như mê mờ tỉnh, trước mắt trông thấy cảnh nhà hiền hiện, ông cúi đầu sa nước mắt, nhìn bà con đang sửa soạn chuyền linh cữu thân mẫu ông hạ huyệt. Ai nấy hỏi thầm ông tíu tít

— Ba năm nay bỏ đi đâu bắt dạng ?

Ông thở dài

— Chỉ nguyện di tu, chẩn hiền phước phận còn kém cỏi.

Chôn cất mẹ xong, ông ở nhà chịu tang được một tháng, cảm thấy lòng ray rứt, ông lại dời gót lên núi lân nữa.

Trải thêm hai năm tu luyện trên non, bỗng một hôm ông lại nghe vang vẳng tiếng vô hình thuở nọ

— Số người không tu đắc quả được, phải trở về cõi thế làm thầy giúp đời, cứu độ kẻ bị nạn hoạn.

Thật ra chính ông cũng đã đánh tay biết rõ số phận mình, đến đây không tiếp tục được con đường đạo hạnh vẹn toàn như ý nguyện !

Ông đành trở lại cố hương (Cần-thơ). Bấy giờ ông đã 23, 24 tuổi.

Bao nhiêu pháp thuật nhiệm mẫu ông đã tu luyện được trong năm năm dấu thân lên chốn non cao, giờ đây ông lần lượt thi tho cho đời biết. Đầu tiên ông trò tài trị bình. Đặc biệt những chứng về thần kinh, bình nhân diên diên khùng khùng đến ông trị thì hết ngay. Do đó, đồng bào quanh vùng ngày một biết đến ông, tỏ lòng kính mộ ông rất mực.

Năm ông 25 tuổi, có một gia đình giàu có ở Cần-thơ kêu già con cho. Người vợ ông là Bà Nguyễn-thị-Hộc.

Từ ngày ông ở núi về cứu dân độ thiê, ông làm nhiều chuyện huyền bí lạ lùng. Có lần, từ bên này sông Cần-thơ ông thả nón lá và đứng trên nón qua sông một cách nhẹ nhàng.

Dưới sông Cần-thơ ông có nuôi một con sấu cựt đuôi và một con cá hô dài 1m50, ngang 0m80 thả khoi ngoài sông. Khi nào ông muốn gọi cá sấu, cá hô, ông đứng trên bờ vỗ tay, đọc thần chú. Lập tức cá sấu trườn lên bãi, cá hô cũng vồ bờ.

Những người cao-niên hiện còn sống ở Căn-thơ như quí ông Cao-văn-Hùng 81 tuổi, ông Phủ Nguyễn-văn-Huê, ông Nguyễn-văn-Giai (cháu ngoại cụ Bùi-hữu-Nghia) nay đã 82 tuổi, hiện giờ ở gần cầu Tham-tướng của tỉnh-ly đều biết rõ chuyện này. Chính quí-vị đó đã từng chứng kiến cá hô của ông thầy Trung nuôi nòi lên, lội vào bờ, và có người đến rờ con cá.

Điều đặc-biệt, ông trồ tài chữa bệnh lạ kỳ của vợ viên Chánh-Tham-Biện Nicolai, Tỉnh-trưởng đầu-tiên của tỉnh Căn-thơ khi mới thành lập (1876).

Bà vợ ông Chánh-tham-biện Nicolai đau chứng bệnh kỳ-quái. Mỗi buổi sớm mai, bà rửa mặt chứng 50 thau nước, chà xát mặt mày đến nỗi da mặt đỏ rần. Ông Chánh-tham-biện chạy chữa đã nhiều thầy vẫn không có hiệu-quả. Viên thông-ngôn là Cao-văn-Tinh (thân-sinh ông Cao-văn-Hùng mà chúng tôi đã có dịp nhắc qua trong bài "Như thiện-xạ lừng danh của Tây-đô") mách cùng ông Chánh-Tham-Biện

— Tại tỉnh này có ông thầy Trung rất giỏi tài phép. Xin quan-lớn cho mời ông đến tư-dinh trị cho bà mười phẩn ắt hết cả mươi.

Tánh người Pháp không tin dị-doan. Nhưng thấy vợ đau chứng bệnh lạ thường, ông Chánh buộc lòng phải cho rước ông thầy Trung thử xem, thâm-tâm không tin-tưởng mảy-may nào.

Ông thầy Trung vào tư-dinh, dōng-dạc hỏi ông Chánh-tham-biện

— Bà đau ra sao ?

Ông Chánh-tham-biện nói rõ bệnh tinh, có viên thông-ngôn thuật lại cho ông thầy Trung biết. Ông thầy Trung cười khà

— Tưởng gì, bệnh ấy dễ trị mà.

Lиền bảo đem ra một thau nước để trị bệnh. Ông Chánh-Tham-Biện ngạc-nhiên

— Trị bệnh cách gì lạ vậy ? Thuốc men ra sao ?

Ông thầy Trung rǎn-rỏi

— Ông đừng lo. Cứ xem trị thì biết.

Đoạn, hướng về phía bà vợ ông Chánh Tham Biện, thầy Trung nghiêm giọng

— Thau nước kia, bà hãy rửa mặt đi. Đây là thau nước cuối cùng, không còn phải rửa nữa.

Bà Chánh làm y theo lời. Thau nước vừa cạn thì da mặt bà cũng hết đỏ sần sùi và từ ấy dứt hết chứng bệnh.

Tiếng đồn vang xa. Tên tuổi ông thầy Trung được người người khâm phục. Viên chánh tham biện Nicolai cũng thời thường thăm viếng thầy Trung, giúp đỡ tận lực những gì mà ông thầy Trung cần.

Suốt mấy mươi năm, ông thầy Trung cứu dân độ thế, không phụ lòng một ai đến nhờ cậy việc gì. Xa gần đều kính mộ.

Một hôm, biết mình sắp từ biệt cõi đời, ông bảo các con cháu

— Hãy đi lo sắm các đồ hậu sự cho ta ngay !

Con cháu ngạc nhiên nhao nhao hỏi

— Sau thế ba ?

— Trong mình ông đau yếu ra sao ?

Ông khoát tay

— Đừng hỏi rộn. Cứ đi sắm cho ta một cỗ thọ, giờ nắp đê săn đó.

Các con cháu không dám hỏi han gì thêm, tuân lời làm y theo.

Đến giờ, ông thản nhiên vào nằm trong cỗ quan tài, dặn con cháu

— Thầy hơi thở của ta tuyệt, hãy liệm ngay.

Ông đang mạnh dạn như thường, thế mà vào nằm trong quan tài, phút chốc đã tắt thở, lìa cuộc đời một cách bình thản khác thường.

Con cháu ông cho an táng tại trước toà án Cần-thơ sau nhà nước mở rộng chầu thành nên thân nhân cải táng đem về Rạch Cái Da mé bên tả ngạn Rạch Cần-thơ.

Ngày ông lila đời, con sấu cựu đuôi của ông nuôi lội vô rạch Tham-tướng (là cuỗ kí xưa Tham-tướng Mạc-tử-Sanh bỏ mình trong trận chống Tây-Sơn), rồi ít lâu cá sấu đi mất. Cá hô ông nuôi cũng thường tới lui quanh rạch vùng mộ ông, rồi sao cũng trở về biển cả. Hai con vật linh dường như tưởng niệm ông, đi theo ông ở thế giới vô hình nào.

Câu chuyện ông thầy Trung mà chúng tôi vừa thuật trên đây, các vị bô lão ở Cần-Thơ từng biết rõ, người đời còn nhắc mãi với niềm khâm phục, tiếc khó thấy một nhân vật phi thường như thế. Chính ông Nguyễn-văn-Giai một giáo chức hời hưu (cháu ngoại cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghia) kể chuyện cho chúng tôi nghe, cũng tỏ lời tán tụng vị đạo sĩ hiếm có.

Hiện giờ những bảo vật linh thiêng của ông đ𝐞 thờ trên lầu tại nhà người cháu gọi ông bằng cỗ là ông Huỳnh công Thiệu tại thị trấn Cần-thơ.

Quý bạn đến tinh ly này, hỏi qua công việc của ông thầy Trung không ai không biết. Hầu hết đất cát tại châu thành Cần-thơ ngày nay của ông và người rè là ông Nguyễn văn Nga. Nay ông Nguyễn văn Nga cũng đã mất và an táng cách chợ Rạch-gòi vài cây số, chỉ đẽ lại cho cháu một chút ít sản nghiệp, sau bao năm kiện tụng dằng dai.

Tục truyền rằng, trước khi lâm chung, ông Nguyễn văn Nga căn dặn con cháu phải tầu hưu bằng bảy miếng vặt tre, thì sau này sẽ có nhiều điều linh ứng cho con cháu.

Xuyên qua việc làm của ông thầy Trung mà chúng tôi đã tường thuật có người theo duy vật chủ nghĩa, cho là mê tín dị đoan mỉm cười một cách tự phụ ngạo nghễ, nhưng chính khoa học và kinh-nghiệm cho biết đời không có gì là tuyệt đối.

Đời vẫn có nhiều huyền bí mà khoa học chưa làm sao khám phá giải thích nổi. Vả lại không riêng gì xứ mình. Lịch sử hầu hết các dân-tộc trên thế giới đều có những huyền sử, giai thoại tràn-trề những câu chuyện thần bí v.v...

Vẫn đẽ là tin hay không tin tùy quan-niệm mỗi người,

Chuyện xưa tích cũ

Sau đây, chúng tôi xin cống-hiến độc-giả vài chuyện truyền-kỳ về Căn-thơ xưa.

Đã đành rằng trong thời-đại nguyên-tử nầy, khoa-học tiến-bộ quá sức tưởng-tưởng mà nói chuyện Thủy-thần, cá yêu, sóng thần, e lối thời đi chăng, song, bên lề lịch-sử còn có dâ-sử thì chuyện cõi-tích truyền-kỳ có lẽ cũng đem lại cho bạn đọc đôi phút vui vui, những lúc trà dư tiều hậu.

CHUYỆN THỦY-THẦN

Triroc đây độ nửa thế-kỷ, tục truyền rằng, tại bến đò máy cũ, dưới đáy sông Hậu-giang, gần dinh Tỉnh-trưởng, có dinh của Thủy-thần.

Khi kia, một chiếc ghe chài chờ đầy cùi chìm tại đó, trong chài có một hộp sắt đựng mấy chục ngàn đồng bạc trắng.

Chú thuyền mướn thợ lặn xuống lấy hộp bạc và cột đòn vô ghe chài đểng họ trục lên.

Thợ lặn xuống đáy sông gặp Thủy-thần. (Người thuật chuyện nầy cho chúng tôi chép lại, vô tình hay cố ý quên nói rõ Thủy-thần nhà ta bao lớn, bao cao, ăn mặc thế nào, râu-ria mặt mũi ra làm sao).

Thần không cho thợ đến gần chiếc ghe chài, buộc thợ phải cùng Thần một con heo đứng và một con heo nằm đúng tạ, Thần mới cho phép lấy.

Thợ lặn trồi lên mặt sông trình lại, chủ thuyền không tin, cho là thợ đặt điều để vòi tiền ông ta. Ông bèn thuê người khác lặn xuống xem sao, anh này lên cũng thuật mấy lời y như anh trước. Ông chủ thay thợ lặn mấy cũng không có kết-quả chi.

Tung cùng, ông phải buộc lòng làm hai con heo đúng tạ, đặt một con đứng một con nằm trên thuyền nhỏ, nhang đèn nồi lên, đem đến nơi chiếc chài chìm mà cúng vái Thủy-thần, rồi sau mới đem hộp bạc và trục chiếc chài lên được.

CẶP CÁ « VỒ CỜ »

Cách đây đã lâu, tại rạch Cái-tắc, làng Phú-lợi, gần cầu đúc Thạnh-xuân, có một cặp cá vồ to lớn dị thường.

Kêu là “cá vồ cờ”, vì chúng cái kỳ trên lưng nó cao quá, chong lên như ngọn cờ.

Ngày kia, có cha con ông thợ chài vừa vãi chài xuống rạch bỗng trúng nhầm kỳ trên cặp cá và đánh cứng như mắc lưới câu ;

cha con ông hoảng-hồn buộc miệng lưới vô mũi ghe, cắp cá lôi chiếc thuyền chạy như đồng, chẳng khác buồm bọc gió.

Cha con ông chài kêu trời, là làng inh-ỏi, mõ ống đánh như nhái, dân làng tựu hai bên bờ sông đồng-đảo, song không ai tìm dặng phương-pháp giúp ông chài.

Chập sau, có một lão nông nhắc lớn ông chài chặt sợi dây cột miệng lưới vô thuyền, hy-sinh chiếc lưới ông nghe lời, dây đứt, thuyền ngừng lại được, cha con ông chèo vô bờ, phó mặc cắp cá lôi miệng chài đi đâu tùy ý.

Sau, có người Pháp bắn chết cắp cá ấy. Dân làng kéo cá lên, chặt khúc đem về kho ăn, trong bao-túi cá họ tìm được nhiều vàng, bông tai, chuỗi hột.

CÁ VỒ MA

Tại Phong-điền, làng Nhơn-nghĩa, xưa có một phú-ông nuôi một ao cá vồ với một ao cá trê trắng đã mười mấy năm.

Cá trê lớn bằng bắp chân, còn cá vồ to bằng cây cột nhà. Gần ao cá vồ là một bãi tha-ma.

Trong nhà phú-ông, bỗng nhiên sanh nhiều điều quái-dị bà chủ nhà thỉnh-linh không đau mà chết ; những đêm trời âm-u, gió thôi lạnh-lùng, văng-vẳng tiếng qui khóc ma rên trong mây bụi chuối quanh ao cá vồ.

Chủ-nhân nhứt-định kêu lái cá bán ao cá vồ.

Lạ làm sao, bốn năm ròng tát nước cái ao không-lồ của ông vừa cạn thì tuyệt-nhiên không thấy bóng một con cá nào đâu cả !

Đêm đến, ông đặt bàn bày lễ vật đốt nhang đèn khấn vái bên bờ ao, thì sáng ra cá lội lúc-nhúc đầy ao.

Lái cá mướn người bắt lên thả vô thuyền, chèo đi được một khúc sông, toàn mây lờn cá biển thành nước lâ.

Chú lái quay thuyền trở lại năn-nì xin ông chủ hoàn số tiền mua cá, hoặc là ông cho bắt ao cá trê mà thế vào.

Chủ-nhân là người tử-tế, biết điều, không cãi-cọ làm chi. Lần này, ao tát c..l, cá trê không biết "tàng hình" như mây ông bạn cá vồ kia, nhưng vì nó lớn và sức nó quá mạnh, hai cái ngạnh nó sắc như dao nên người ta lập thể làm cái bàn chống đóng đinh ló ra dài đậm vô cần cõi nó, bắt lên tức thì chặt đứt hai cái ngạnh, rồi mới thả xuống ghe.

GIAI-THOẠI

Tìm hiểu địa-danh Bình-thủy — Long-tuyễn

Bình-thủy cách thị-trấn Cần-thơ 5 cây số ngàn, thuộc Xã Long-tuyễn, tổng Định-thới, quận Ô-môn.

Xã Long-tuyễn có từ đời Hậu-Lê, đến đời vua Gia-Long năm thứ 15 (Bính-tý 1816), long-cuộc trỗi ra, phong quan càng ngày càng xinh đẹp, nghe-đóm nhiên là một nơi hình thảng đáng kề.

Thuở xa xưa, làng Long-tuyễn có tên là Bình-hưng, sau cải lại là Bình-phó. Hoa màu ruộng đất chưa được khai thác triệt để, dân cư thưa thớt. Nguồn nước chảy trong lành, trong lưu vực từ Cồn-Linh cho đến Xã Thới-bình, sông sâu mà không có sóng to gió lớn.

Gặp cơn biến loạn, nhân dân ly tán, ruộng đất bỏ hoang. Bấy giờ có ông Lê-thành-Hiếu người ở Định-tường chạy giặc, đem vợ con đến đây trú ngụ tại ấp Hưng-hoà (nay là Bình-nhựt), mờ mang đường sá, khai khẩn ruộng vườn. Đồng thời, ông Võ-văn-Tựu cũng người ở Định-tường, đến trú ngụ nơi ấp Thới-hà (nay là Bình-lạc). Dần dần hai ông đều lên, khai hoang lập ấp hẵn hoi. Ít lâu, ông Võ-văn-Tựu gả con gái cho con trai ông Lê-thành-Hiếu, đôi bên kết thông gia, càng thêm rắn rác.

Nhưng cơ trời vận chuyền, cuộc tang thương đeo đuổi mãi không thôi. Bỗng lại xảy cơn bão lụt, nhà cửa ruộng vườn tan tíc. Dân chúng lại lâm cảnh màn trời chiếu đất, tạm lánh đi nơi khác một thời gian nữa. Khá lâu mới phục hồi được cảnh sắc như cũ.

Đến đời Tự-Đức năm thứ 5 (Nhâm-tý 1852), quan Tuần-phủ Huỳnh-mẫn-Đạt ngồi thuyền đi tuần-thú, vừa đến Cồn-linh thì gặp phải trận cuồng phong nồi dậy. Ai nấy đều kinh-hoảng.

Một viên hẫu cận nhìn xem địa thế, khẽ bảo

— Nơi khoảng xa xa kia có chỗ yên lặng, cho thuyền đến đó núp gió át được an toàn.

Cụ tuần-phủ Huỳnh-mẫu-Đạt nghe theo, truyền quân chèo thuyền đi ngay vào vàm rạch ấy.

Nhin kỹ ngọn rạch yên lặng như mặt nước hồ thu, xem ra có long cuộc, cụ tuần-phủ bèn cho gọi dân quanh vùng đến gần hỏi. Các vị bô-lão đến ứng-hầu rất đông. Cụ tuần-phủ nói

— Chỗ này cảnh vật lâu nay ra sao

Các bô-lão bảm

— Ngọn rạch thường yên lặng, không hề có sóng to gió lớn. Hoa màu thịnh-vượng. Dân lạc-nghiệp an-cư. Ấy cũng nhờ đír hoàng-ân được thái-bình.

Cụ tuần-phủ khen thầm địa-thể như rồng nằm, nghiêm-trang tuyên-bố

— Nay ta nhờ theo dòng nước đến đây mà được bình-yên vô-sự. Vậy ta đặt tên cho chỗ này là Bình-thủy.

Cái tên Bình-thủy còn giữ đến ngày nay, xuất xứ từ giao-thoại trên đây.

Rồi đó, cụ tuần-phủ dâng sớ tâu với triều-đinh, vua Tự-Đức mới ban sắc phong-thần cho đình Bình-thủy.

Đến năm Mậu-thân 1908, cảnh sắc Bình-thủy đã được tô điểm thêm, duyên-dáng quyến-rú lòng du-khách.

Vì Tri-phủ Nguyễn-đức-Nhuận và Cai-tòng Lê-vău-Noãn khi ấy đều là người quê-quán ở Bình-thủy, động niêm yêu quê-hương tha-thiết, càng gắng-gồ mưu sự tốt đẹp cho dân. Nào lo xây-dựng đình-thần mới, nào mở-mang thêm chợ búa, đường sá. Hai ông lại cho mời đồng-đủ thân-hào, nhân-sĩ nhóm họp tại công-sở, bàn việc đổi tên làng.

Trong bối-không-khí nghiêm-trang nhưng không thiếu về thân-mặt nồng-nàn, Tri-phủ Nguyễn-đức-Nhuận lên tiếng

— Khi xưa, quan Tuần-phủ Huỳnh-mẫn-Đạt vì nhận-xét thấy địa-thể này tốt đẹp, yên lành, nên đã đặt cho một cái tên Bình-thủy. Đời càng văn-vật thì phong khí c`ng mờ-mang ra thiết nghĩ chúng ta cũng nói lên tấm lòng yêu quý mảnh đất quê-hương của chúng ta, đánh dấu thêm một đoạn đường đã trải qua. Các ông nghĩ sao ?

Ai nấy đều tán-thành ý-kiến hay. Quan Tri-phủ nói tiếp

— Cuộc đất chúng ta đang ở rất tốt. Con rạch thì nguồn nước chảy uốn khúc như rồng nǎm, miệng ngậm trái châu là cồn án ngang rạch. Lại có bốn chân hai chân trước là hình thế rạch Ngã-tư-lớn và Ngã-tư-bé ngang nhau hai chân sau là rạch Miếu Ông và rạch Cả Tắc ngang nhau. Cái đuôi uốn khúc nǎm vắt qua làng Giai-xuân. Địa-hình địa-cuộc đã trở ra như thế, tôi muốn đặt tên làng lại là Long-tuyễn. Quý chức đồng ý chăng ?

Cai-tổng Lê-văn-Noãn nói lời phát biều ý-kiến

— Hai chữ Long-tuyễn thật đầy đủ ý vị. Nhưng hai chữ Bình-thủy cũng khá hay. Ý tôi muốn giữ lại cái tên Bình-thủy cho chợ này, và dùng hai chữ Long-tuyễn để chỉ toàn xã thì chẳng gi bằng.

Mọi người đều vỗ tay khen vang dội. Sau cuộc luận bàn, một mặt quan Tri-phủ thông-tri cho các xã, các ấp đều biết việc đổi tên làng, một mặt họp cùng thán hào nhân sĩ chung lo kiến-thiết vùng đất thân yêu. Nhất là việc xây cất đình Bình-thủy, góp công, góp của đáng kè có ông huyện La-xuân-Thạnh và con là La-thanh-Cơ, bà Đặng-thị-Viết — Thân-mẫu của ông hương-cá Nguyễn-Doãn-Cung thì hiển đất cất đình.

Đang lúc cuộc chinh-trang Bình-thủy — Long tuyễn xúc tiến tốt đẹp, bỗng dừng quan Tri-phủ Nguyễn-đức-Nhuận qua đời trong năm Giáp-thìn 1904. Tuy nhiên, ý kiến ông về việc đặt tên làng là Long-tuyễn, đến nay địa danh Bình-Thủy — Long-tuyễn vẫn còn ghi tạc.

HUYỆN-VĂN – HUYỆN-VÕ

HAI DANH-TỪ THÚ-VỊ TRONG TỈNH CĂN-THƠ XƯA

Non trăm năm trước, đồng bào tỉnh Cần-Thơ truyền tụng hai danh từ Huyện Văn, Huyện Võ. Thoạt nghe, hẳn ai cũng nghĩ rằng đó là hai huyện nào trong vùng tỉnh Cần-thơ, nếu bảo rằng đó là hai địa danh thì không đúng lắm, vì thật ra đó là hai nhân danh đã đi vào lịch-sử, tên tuổi bia truyền nơi miệng đồng bào trong các vùng mà hai nhân vật ấy đã đi qua.

Thế thì sự tích Huyện Văn, Huyện Võ ra sao ? Lâu nay chúng tôi hằng nghe truyền khẩu từ hai danh từ ấy, nhưng xem lại lịch-sử thì chẳng thấy ghi chép gì rõ ràng. Nay bắt tay vào việc soạn quyển sách này, nếu không tìm hiểu hai danh-từ ấy là một điều thiếu sót cho việc sưu tầm, lòng không yên. Mà đi dọc hỏi các bô lão quanh vùng, thì nhiều cụ vẫn bảo rằng quả có câu chuyện Huyện Văn Huyện Võ. Sự thật thế nào, mai sau hẳn nhà sử học minh định, âu là chúng tôi cứ theo sự truyền khẩu mà thuật lại, ghi chút dấu vết để người sau tiện bề khảo cứu sâu xa hơn.

Tương truyền Lúc ba tỉnh miền Tây đã lọt vào tay quân đội Pháp, trong nước dấy lên nhiều cuộc nhân dân khởi nghĩa chống xâm lăng. Ngoài những cuộc khởi nghĩa nổi tiếng của Đoàn công-Bửu, Nguyễn-xuân-Phụng ở Trà-Vinh, Vĩnh-Long, dìrc Cố Quản Trần-văn-Thành ở An-giang, Định-Sâm tại Phong-Dinh v. v... còn có hai nhóm nghĩa quân có sắc thái gần như tồ-chức Thiên-địa hội của Trung-Hoa. Hai nhóm này biệt lập, không liên quan chỉ với các nhóm nghĩa-quân khác. Địa-bàn hoạt động của họ ở trong vùng Cần-thơ — Vĩnh-long — Trà-vinh. Mỗi nhóm có một hiệu cờ riêng. Một nhóm cờ xanh, một nhóm cờ vàng (gọi trại là Kèo vàng, Kèo xanh).

Điều nên biết, khi xưa ở Bạc-liêu vẫn có hai nhóm Thiên-địa-hội, cũng có màu cờ như thế. Phải chăng đây là dư đảng của Thiên-địa-hội Bạc-liêu lại dấy lên tụ đảng nơi vùng Cần-thơ, dưới chiêu bài khác ?

Lại nữa, khi chống Pháp, ngoài Trung-Bắc vẫn có những nhóm cờ này, cờ trắng, cờ đen v.v... của các tướng Hoàng-Sùng-

Anh, Bàn-văn-Nhị, Lưu-vịnh-Phúc v.v... Phải chăng dư-đảng ấy cũng có mặt trong Nam ?

Hai nhóm kèo vàng kèo xanh bấy giờ hoạt động mạnh ở miền tây, thâu nhận đảng viên, tờ chức lan rộng khắp chốn. Đặc biệt khi cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm bị đàn áp ở Vùng Láng hầm (nay là Ba Láng), lTrà-niêng (thuộc xã Nhơn-ái), nhóm kèo vàng và kèo xanh tiếp nối xách động quần chúng trong vùng ấy. Trụ sở của chúng đặt ở miệt Rạch-Gòi, xã Thạnh-xuân (nay thuộc quận Phụng-hiệp).

Tuy nhiên, vì hai nhóm không đoàn kết, có sự chia rẽ, lại đua nhau tranh giành ảnh hưởng, dùng uy tín mà lôi kéo dân chúng về phía mình, gây nên tình trạng rối ren bắt ồn. Sự bắt đồng của họ làm dao động trong quần chúng, xích mích đôi khi làm đổ máu nhau khiến dân chúng quanh vùng phải điêu đứng với cảnh nỗi da xáo thịt.

Chánh quyền thực dân tìm cách dỗi phô. Đầu tiên, chúng xua quân đội bồ ráp đàn áp thẳng tay, chúng mượn tay người Việt để đàn áp người Việt, phái hai viên quan người Việt tin cẩn của chúng, đưa vào vùng ấy để lập lại trật tự an ninh. Một người về văn, coi sóc việc hành chánh, một người về võ đảm nhận nhiệm vụ nội-an, canh phòng bối trí cẩn mật. Hai viên quan văn võ lợi dụng sự bắt đồng của hai nhóm kèo vàng kèo xanh, một mặt tuyên truyền kêu gọi dân chúng trở về với sự săn-sóc của chánh-quyền, một mặt tung lục-lượng đàn áp những cơ sở chánh của hai nhóm ấy.

Dần dần hai nhóm bị tiêu hao lực-lượng, lại sanh ra làm bậy, làm xăng, khiến dân chúng chán ngán không tin-tưởng nơi họ nữa. Do đó, hai viên quan ấy thành-công trong việc bình định.

Để tưởng-thường người giúp việc trung-thành đắc lực, chánh phủ Bảo-hộ ban chức huyện hàm cho hai viên quan văn võ ấy. Dân-chúng kiêng-né oai-thể hai ông, gọi hai ông là "huyện văn" (ông huyện coi về việc văn-trị, hành-chánh) và "huyện võ" (ông huyện coi việc võ-trị nội-an). Rồi gọi rộng ra, khắp vùng do hai ông trấn nhận, cũng gọi là vùng huyện-văn, huyện-võ. Lâu ngày thành danh,

hết nói đến huyệt-văn huyệt-võ thì ai cũng biết câu chuyện ấy đã được lưu-truyền cả miền hậu-giang, mỗi khi người dân Cần-thơ đến một tỉnh khác cư-ngụ, thì đồng-bào địa-phương ấy gọi là trai hai huyệt.

Trong quyển "Bạc-liêu xưa và nay", chúng tôi có mô-tả một câu chuyện bằng thi-văn của cô gái Bạc-liêu năm xưa yêu người trai Hai Huyện, cô nói lên với tấm lòng tha-thiết chân-thành, chúng tôi trích ra đây đôi đoạn để chứng-minh danh-từ hai Huyện được phô-biển sâu rộng trong dân gian.

Đây là những văn thơ của cô gái năm xưa nhan-de

MONG TRAI HAI HUYỆN

*Em yêu anh người trai hai Huyện,
Em mong anh bước tới gia-dinh.
Tiệc tân-hôn em dọn đồ hải-sản,
Hào, mực, sò, tôm lụi, rùa, cua.
Nào cua kình Giá-Rai rách béo,
Nào Yến sào Đá Bạc Chon Qui.
Đèn tân-hôn sáp U-minh săn có,
Em hồi-môn bằng chiểu đẹp Cà-mau.
Dớn U-minh tiết đồng suối ấm,
Đất Tân bằng cùi đượm than hồng.
Trăm năm em giữ chữ đồng,
Bồ-kinh vẹn phân chỉ hồng se-sắn.
Gái Bạc-Liêu hiền lành chất phác
Gìn một lòng son sắt không phai
Vẽ rồng thêu phượng mặc áo
Thề không một mạt dạ hai với chồng.*

Những câu thơ trên đây biểu trưng tấm lòng chất phác của một cô gái thật thà, không ngần ngại giới thiệu những thắc vật xúc cô đã có cùng với chàng trai Hai Huyện qua bao lời sét đá, một dạ một lòng trăm năm chung thủy.

Sở dĩ có danh từ Hai-Huyện xuất xứ tại Cần-thơ nên mới có câu chuyện như thế này, âu cũng là sự khích lệ cho những ai có tình thân tìm hiểu đến quê hương của mình.

**GIANG-SAN SÁU THANH
VÀNG BÓNG MỘT THỜI OANH LIỆT
CỦA VUA XE ĐÒ CÀN-THƠ**

Khoảng giữa đường từ bến «bắc» Cần-thơ vào bến xe mới ngày nay, mấy năm trước đây còn một cây cầu sắt mang tên là cầu Sáu-Thanh. Vì khoảng đất nơi bến «Bắc» là nơi biệt thự của Sáu-Thanh. Cầu Sáu-Thanh này đã dở bỏ, khoảng rạch lắp bằng biển thành con đường rộng thênh thang, cũng như tên tuổi Sáu-Thanh cơ hồ như đã vui trong quên lãng của người đời sau khi thời oanh liệt cáo chung.

Mấy mươi năm trước đây, miệt Cái-răng — Cần-thơ — Bình-thủy là giang-san của Sáu-Thanh ngự trị. Vốn con nhà tử-tế giàu có ở Rạch-giá, Sáu-Thanh có tướng mạo nhõ nhã phong lưu, dáng dấp người nghệ sĩ. Đôi mắt sáng quắc chứng tỏ con người thông minh, khôn ngoan lanh lợi.

Có lẽ vì cây ở sự khôn ngoan lanh lợi, Sáu-Thanh đến lập nghiệp ở Cần-thơ, hai bàn tay trắng mà gầy dựng cơ đồ to tát. Học đòi Đơn-hùng-Tín thuở xưa, dưới tay Sáu-Thanh vô số em út thù phùng.

Trên phương-diện cạnh-tranh kinh-doanh, Sáu-Thanh rất giàu thủ-đoạn đòn-áp đối phương minh, giành lấy mọi phần thắng lợi. Dương thời Sáu-Thanh lừng lẫy, nhân viên công lực gần như đã bị mua chuộc hết, vì đối với sự xã giao, Sáu-Thanh rất kinh càn, khôn khéo. Đối với bạn hữu, Sáu-Thanh cũng tỏ ra hào hiệp, không hề có tâm trạng chơi xấu, nên cũng được cảm tình của nhiều người. Những em út nào làm bậy, Sáu-Thanh không ngần ngại trừng trị thẳng tay. Trái lại kẻ nào xắc láo, cậy thế ý quyuền, Sáu-Thanh cho em út ra tay thanh-toán, không chút nao núng.

Chuyện làm nỗi nhát của Sáu Thanh là giới xe đò. Năm bến xe đò Càm-thơ trong tay, Sáu Thanh mặc tình thao túng, đã là vua xe đò, Sáu-Thanh một mặt đàn áp các chủ xe đò khác, một mặt cho ra loạt xe mang hiệu « Vạn Lợi », sơn màu đỏ chữ vàng, quyết tâm chiếm độc quyền ngành chuyên chở hành khách miền Tây.

Vì Sáu Thanh muốn làm xép sòng trong giới anh hùng mĩ thương, nên bị một số đông người thù hận oán ghét. Và đã là tay giàu thủ đoạn, cố nhiên Sáu Thanh chẳng khỏi có nhiều điều tác tệ, coi thường pháp luật, khiến có sự kêu rêu ta thán.

Thế rồi, việc thâu dểntai những thông-tin-viên báo chí thủ đô. Ký-giả Lê-trung-Nghĩa, bút hiệu Việt-nam, là một cây bút thẳng thắn vô tư, đang cộng sự với tờ « Đông dương mới » (L'Indochine nouvelle) của ông Hoàng-nhữ-Nam, liền xuống Càm-thơ săn tin tức, thâu thập tài liệu, viết thiên phóng sự điều tra đăng tải trên báo.

Dư luận thủ đô chấn động. Dân chúng Tây-thành xôn xao.

Đem thân vào hang cọp, làm rúng động nhà cầm quyền bấy lâu đã có ý a tùng che chở Sáu Thanh, cái gan của ký giả Lê-trung-Nghĩa ai không thấu phục ? Đáng ca ngợi hơn nữa, sau đó họ Lê còn lên xuống đôi ba lần để thâu thập thêm tài-liệu bồ túc, bắt chấp mọi sự nguy nan.

Thấy chuyện làm ăn đồ bè, Trưởng-ty Cảnh-sát Công-an lúc ấy là tên Robert, liền cho gọi Sáu Thanh đến sở mà bảo

— Người ta đã công khai tố cáo anh trên báo, liên can cả đến tôi. Anh đổi phó cách nào ?

Sáu Thanh bình thản hỏi lại

— Ông có cách nào che chở cho tôi chăng ?

Robert cười gằn nham hiểm, đập bàn

— Cách nào ? tất cả mọi việc đều đã phanh phui tутum. Hãy đi nhờ luật sư vào đơn trực tố thằng đó về tội phỉ báng. Rồi sẽ hay.

Sáu Thanh nghe theo. Đồng thời cờ Robert cũng đầu đòn trục-tổ Lê-trung-Nghĩa.

Kết-quả ký-giả họ Lê bị đưa ra toà, về tội phỉ-báng mà lãnh án 6 tháng tù à.

Lê-trung-Nghĩa bị bắt, bị ngồi tù, nhưng trong khoảng thời gian ấy báo-chí thủ-đô vẫn tiếp-tục đả-kích Sáu Thanh và đồng bọn. Dư-luận vẫn xôn-xao bàn-tin.

Không thể dẽ như thế được, cấp trên khiền-trách cờ Robert và thuyền-chuyên gã về Saigon cho cai-quản bót quận nhứt gần bến đò Thủ-thiêm. Và cũng từ ấy, Sáu Thanh dần dần hết thời oanh-liệt và chết trong khoảng đời xuân-xanh mới 35 tuổi !

Nhớ lại, ngày tàn của những tay anh-hùng mĩ-thượng, như vua cờ bạc Sáu Ngọ có cái tên Tây là Paul Daron công-tử Phuoc Georges v.v... nào có ra gì đâu. Sáu Ngọ trong thời oanh-liệt tiền rìng bạc biển, của chìm của nồi vê-sé, nhưng đến ngày nhảm mắt chẳng có hòm chôn, chỉ có một manh chiếu bó xác ! Phuoc Georges khét tiếng trong buổi thiêu-thời, nỗi danh Bạch-công-tử xài tiền như nước, ngày tàn khóc-sờ nhở đến tay bạn là Hoàng-Phi ô chợ gạo giúp-đỡ cho đến ngày nhảm mắt. Sáu Thanh có hơn gì, ngày tàn mặc đầu cũng còn may-mắn được chôn cất rinh-rang, nhưng tiếng nguyễn-rùa đã phải nghe đầy tai lúc hết thời và đem theo niềm hối-hận xuống tận mồ.

Có người nói, lúc Sáu Thanh hối-hối, dặn bảo người nhà lấy sơn đỏ bôi mặt cho mình. Sơn mặt dì dè làm gì khi đã chết rồi ? Người ta bảo rằng Sáu Thanh khiến tó mặt đỏ, dè biếu-lộ con người khi-tiết anh-hùng quân-tử, vì trong lịch-sử, những người trung-cang nghĩa-khi đều mặt đỏ, như Quynh-Vân-Trường chẳng hạn. Điều ấy đúng phần nào. Nhưng phải chăng đó là một điểm lương tâm cồn sót trong ngày nhảm mắt ? Biết đâu thâm-tâm Sáu Thanh còn có ý-nghĩ khác nữa, lập-dị đến cả khi chết cũng như đã từng làm những việc oanh-liệt khác đời lúc sanh thời ?

Dẫu sao, bài học Sáu Thanh vẫn quí giá cho những ai hay giờ thủ-đoạn mà chưa gặp lúc kịp tỉnh ngộ ra.

Nữ thiện xạ Tây-thành



*Nữ thiện xạ Cao-thị-Hạnh đã từng hạ được nhiều mảnh hồ.
Báo chí Thủ -đô đã có lần ca ngợi biệt tài xạ thủ của cô.*

Ảnh do ông Cao-văn-Hùng tặng

NỮ THIỆN XẠ ĐẤT TÂY THÀNH TỪNG ĐƯỢC BÁO CHÍ THỦ-ĐÔ NÓI ĐẾN

Quý du khách có dịp viếng tây đô, hẳn sẽ được nghe nói đến những nhà tài tăm tiếng của tỉnh này. Có thè nói nếu Bạc-Liêu nòi danh với các ông Trần-trinh-Trạch, Chung-bá-Khánh, Cao-trieu-Phát, thì tây đô cũng có những nhà doanh nghiệp đáng kề như Cao-văn-Trạng, Trần-Đất-Nghĩa, Khương-Bình-Tịnh, v. v... Chúng tôi sẽ đề-cập công-nghiệp của quý ông Cao-văn-Trạng, Trần đất-Nghĩa từng góp sức tô-điểm tỉnh nhà qua các ngành sinh-hoạt, ở phần khác. Nơi đây, chỉ xin ghi lại nét kiêu hùng của một nữ thiện xạ, một đoá hoa hương sắc độc đáo của Tây-thành cách nay mười năm, vốn người trong họ Cao-văn.

Ngày nay, không ai cầm-lê gì với đoàn phụ-nữ quân-sự, cũng hào hùng trong bộ nhung phục, cũng biến ngang tay súng tay girom như khách mày râu. Nhưng ngược dòng thời-gian mươi năm về trước, nào có mấy bóng dáng trang đài các yêu kiều khoác y-phục trang mǎ thượng hào hoa ? Ấy vậy mà Tây-đô ngày trước vẫn có một Cao-thị-Hạnh từng mang súng đương đầu triệt hạ các loài mãnh thú cọp, voi, há chẳng là điều thú vị ?

Giờ chồng báo cũ cách nay mười năm, chúng tôi đã biết qua tài thiện xạ của cô Cao-thị-Hạnh, nhưng không có dịp nói đến. Nay nhân bắt tay soạn thảo quyển « Cần-Thơ xưa và nay », trong chương-trình suru-khảo biên-tập toàn bộ « Địa-phương chí » ; đề lấy tài liệu chính xác hơn, chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với ông Cao-văn-Hùng nơi biệt thự ông ở đường Lý-thường-Kiệt, và được ông kể rõ về cô Cao-thị-Hạnh, nguyên là cháu nội ông.

Cô Hạnh là con ông Cao-văn-Trạng, con người hoạt bát, chí khỉ không kém bậc nam-nhi. Cô thường theo cha trong những cuộc săn bắn nơi rừng Biên-hoà, Xuân-lộc. Chính tay cô đã hạ nhiều mānh hồ, và có lần đã bắn chết mấy tên cướp tại quán Chứa-chan. Tài săn bắn của cô, một dạo đã được nhiều báo chí Thủ-đô đề cao, cho là nữ thiện-xạ ở Việt-Nam. Chúng tôi đã thấy tại biệt thự của ông Cao-văn-Hùng nhiều bức ảnh cô chụp với xác mānh hồ mà cô đã triệt hạ.

Chúng tôi tỏ ý muốn có một bức ảnh, để nói lên việc sưu-tầm trung thực hiến quý bạn đọc xem qua. Ông Cao-văn-Hùng vui vẻ trao cho một bức, mà chúng tôi ghép bên đây.

Tưởng nên nói rõ, ông Cao-văn-Hùng vốn là cựu Hội-dồng tỉnh Phong-dinh. Năm nay ông đã 81 tuổi, niên kỷ cao mà con người quắc thước, hoạt bát. Trong cuộc hàn huyên, ông không ngần ngại kể qua nhiều công việc của tinh này thời xa xưa. Chúng tôi được biết ông là cháu ngoại cụ Tôn Thận Đức làm tri-huyện trấn An-giang, sau đổi về Long-hồ (Vĩnh-long), ít lâu thọ bệnh mất tại đây. Một cụ Tôn-thận-Đức nay còn tại chợ Ngã-tư (Long-hồ), trong một miếng vườn rộng.

Bà Cao-văn-Hùng, nhũ danh Lê-thị-Anh, năm nay 79 tuổi, vẫn khương kiện, tận tâm phục vụ trong các công cuộc phước thiện, xã hội tại tỉnh nhà. Bà khuyến khích các phụ nữ tham gia mọi công tác có tánh cách từ-thiện giúp đời, an-ủi, xoa dịu sự đau-khổ của kẻ bạc phước.

Trong ngày khánh-thành bến Ninh-Kiều (5-4-1958), ông Bộ trưởng Nội-vụ khi ấy là Lâm-lê-Trinh đã gắn Chương-mỹ bội-tinh cho bà. Cho đến bây giờ bà nghiêm-nhiên là Phó-hội-trưởng Hội-phụ-huynh học-sinh trường Trung-học Phan-thanh-Giản. Tuần tuồi 79 còn tận-tụy làm việc đó, quả là tấm gương cần-lao phục-vụ sáng chói.

Sanh-trường trong một gia-dinh như thế, thảo nào cô Cao-thị-Hạnh chẳng có phong-độ hơn người.

Phần thứ tư

SINH-HOẠT TÔNG-GIÁO

- ★ Cần-thơ xuyên qua các giáo-phái
- ★ Tổng kết số tín-đồ các tôn-giáo toàn tinh

SINH-HOẠT TÔNG-GIÁO

Cần-thơ xuyên qua các giáo-phái

Ở Á-Đông về phương-diện tín-ngưỡng của đại đa số dân chúng Việt-nam, có tinh-thần tồng-hợp liên-kết các tinh-túy của nền văn-minh, Trung-hoa, Ấn-độ giáo, Hồi-giáo, tạo nên Tam-giáo :

- Nho
- Thích
- Đạo

Kinh-nghiệm cho biết hầu hết người Việt-Nam có tinh-thần sùng kính Đạo-pháp, không phân-biệt màu da chủng-tộc, sẵn-sàng chấp nhận mọi điều phải, mọi chơn-lý.

Từ khi ánh-sáng Tây-phương soi rọi đến, truyền-bá những Tôn-giáo mới : Công-giáo, Tin-lành-giáo, Thông-thiên-học, Đạo Ba-Hai v.v... miễn là các Tôn-giáo ấy dạy điều lành điều thiện. Vùng Cần-thơ từ thuở xa xưa nói chung dân-chúng có trình-độ văn-hóá cao, người địa-phương có tinh-thần hiếu-cồ hay tôn-thờ cúng lạy nhứt là Đạo làm người, thờ cữu-huyền thất-tồ. Về vật-chất nơi đây đất đai màu mỡ, huê-lợi dồi-dào, con người đủ cơm ăn áo mặc, tâm-trí rảnh-rang có dịp suy-tư về thế-sự thăng-trầm của kiếp sống con người bé bỗng, nên hướng về mặt tinh-thần nhiều.

Với ba yếu-tố

- Thiên Thời.
- Địa Lợi.
- Nhơn Hoà.

Thích tim-tòi nghiên-cứu, chấp nhận những lý-thuyết sâu xa, đất Cần-thơ là nơi phát-triền Tôn-giáo và có nhiều chi-phái đáng kề, được phồ-biển khắp miền Nam hoặc xa hơn nữa.

Chúng tôi xin nêu lên một ít Tôn-giáo cũng như đền thờ, Thánh-đường, Thánh-thất, tiêu-biều cho sự tự-do tín-ngưỡng của từng lớp nhân-dân qua nhiều màu sắc, xu-hướng khác nhau.

Từ lâu nay, toàn tỉnh Phong-Dinh có rất nhiều ngôi chùa Phật. Người Hoa-kiều thì có những ngôi chùa Ông, chùa Bà, chùa Ông Bồn.

Gần đây, Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất có chùa Kiến-quốc ở đường lộ Hai mươi (nay các vị trụ-trì dời về chùa Khánh-quang ở đường Nguyễn-huỳnh-Đức). Hội Phật-học thì có ngôi chùa toạ-lạc nơi góc đường Hòa-Bình — Nguyễn-thái-Học, nguy-nga tráng-lệ.

Thiên-chúa giáo có ngôi nhà thờ Chánh-toà, ở đường Nguyễn công-Trứ, và trong tương-lai, ngay đầu đường Nguyễn-an-Ninh, chỗ giáp nối với đại-lộ Hòa-bình, nhà chung sẽ xây-cất với phương tiện riêng một đại-giáo-đường. Con đường chạy bọc hai bên Giáo-đường, trước Giáo-đường sẽ có một công-viên, lối kiến-trúc rập theo Vương-cung Thánh-đường Saigon. Rồi đi quá đại-giáo-đường là nơi sẽ xây-cất trường La-san và đang xây-cất trú-quán nữ-sinh.

Tin-lành thì có ngôi nhà thờ ở góc đường Phan-thanh-Giản. Quân-đội cũng có 2 ngôi nhà thờ, một ở đường Hòa-bình, một ở Phan-thanh-Giản. Những ngày chủ-nhật và ngày lễ đạo, đậm-dịu tín đồ trang-nghiêm dự lễ. Không-khí đạo-đức tràn-lan, cảnh tượng dịu hoà êm-ả, lâng-lâng cao đẹp tâm-hồn.

Đạo Ba-Hai cũng có một trụ-sở tại đây.

Phật-giáo Hoà-Hảo cũng đã lần lần xây-dựng những ngôi chùa mới ở nhiều nơi trong tỉnh. Cao-Đài cũng có Thánh-thất và Cao-thượng bửu-toà tôn-quí.

Giáo-phái Du-tăng khất-si thành-lập hai Tịnh-xá Ngọc-Minh và Ngọc-Liên, cũng như đã có ở các nơi khác.

Xem như thế, ta nhận thấy tín-ngưỡng tông-giáo ở Phong-Dinh cũng phát-triển chẳng kém nơi nào của miền Nam đầy sắc-thái đạo-nghĩa. Xu-hướng tín-ngưỡng nào cũng thè hiện tùy duyên, tự do sinh-hoạt.

Trên khoảng đường Nguyễn-thái-Học, phía bên số chẵn có chùa Bửu-An, tục gọi chùa Cô-hòn, xưa nay vẫn có tiếng, về phía bên số lẻ thì có chùa Bảo-An dành riêng cho các ni-cô, sư-nữ, riêng về 6 quận trong tỉnh đều có nhiều đình chùa và chi-ngánh các Tông-giáo rải-rác khắp làng mạc xa-xôi đều có người tới lui lê-bái tín-ngưỡng.

Nhà thờ Chánh toà Cần-thơ



Đây là Đức Cha sở Trần-văn-Long cùng tác-giả đứng trước sân Nhà Thờ Chánh-toà Phong-Dinh, ở đường Nguyễn-Công-Trứ.

Ảnh kỷ-niệm ngày 1-10-1966
Photo Võn-Kinh

CÔNG-GIÁO

Viếng Nhà Thờ Chánh-Toà Cần Thơ

Đến Phong-Dinh sưu tập qua phần Đạo giáo, hỏi thăm các giáo dân địa phương ít người nhớ rõ lịch-sử địa phận của họ này vì không minh chứng rõ rệt năm nào.

Chỉ còn có một cách là phải thân hành đến ngay nhà thờ chánh toà mới có thể biết được nguồn gốc. Một buổi trưa vào khoảng 10 giờ, chúng tôi lái xe chạy thẳng vào nhà thờ đường Nguyễn-công-Trứ để tìm linh mục Trần-văn-Long ở tại đây. Xe đậu trước sân nhà thờ chánh toà, chúng tôi bước xuống đi thẳng vô phòng tiếp khách ở mé bên phải, gặp ngay thầy thơ-ký đứng dậy chào hỏi chúng tôi một cách lễ phép. Thưa ông, ông cần gặp ai.

Chúng tôi đáp ngay Thưa thầy vui lòng cho tôi gặp Linh-Mục Trần-văn-Long. Nói xong tôi trao một danh thiếp cho thầy thơ ký nhờ chuyền giao đến Linh Mục.

Thầy thơ-ký xây lưng đi vào phòng riêng của Linh-mục rồi trở ra nói với chúng tôi Xin ông ngồi chờ một tí, Linh Mục ra ngay. Ba phút sau Linh Mục mở cửa ra mời chúng tôi vô phòng riêng của ngài. Tôi tự giới-thiệu đến đây trước viếng địa cảnh nhà thờ và cần gặp ngài tìm hiểu một ít tài-liệu về Công giáo, nhứt là địa phận Cần-thơ. Linh-mục nở một nụ cười thông-cảm : Tôi có đọc qua các tác phẩm anh viết, nhận thấy việc làm của anh rất hữu ích, góp công tô điểm quê hương xứ sở bằng những loại sách sưu-khảo từng địa phương, làm cho đồng bào các giới tìm hiểu đến nguồn gốc lịch-sử của tinh thần qua bao thời kỳ thay đổi, cùng các danh nhân liệt-sĩ và phong-tục tập quán của người Việt, mà phần đông, ít người quan tâm đến cái hay, cái đẹp của nước nhà.

Riêng cá nhân tôi, rất vui thích trước việc của anh làm, mà chúng tôi cũng có chí-hướng ấy, tiếc rằng ngày qua ngày, không thể thực hành ý nguyện được, anh nên xúc tiến công cuộc sưu tập, càng nhiều càng hay. Đây là một vấn đề tồn nhiều công phu, để góp phần tô điểm nền văn-hoa dân-tộc, thật đáng khuyến-kích. Linh-mục nói dứt lời, rồi tiếp qua kề phần lịch-sử địa phận họ Cần-thơ cho chúng tôi ghi chép bằng tốc ký

Lịch-sử Địa-phận Cần-thơ

Cần-cứ theo Việt-Nam Công-giáo Niên-giám, địa-phận Cần-Thơ
đang trong năm 1844 ngày xưa, từ tỉnh Bình-thuận trở vào cho hết
Nam-kỳ và cả xứ Cao-môn (PhnomPenh) tới năm 1850 khi được tách
ra để lập thành một địa-phận mới : Địa-phận Nam-vang gồm toàn xứ
Cao-Môn và các tỉnh Châu-Đốc, Hà-Tiên, Rạch-Giá, Bạc-Liêu, Sóc
Trăng và hầu hết toàn tỉnh Cần-Thơ, Long-Xuyên và Sa-Đéc.

Tới ngày 20-9-1955 do sắc lệnh "Quodchristus" của Đức-Giáo-Hoàng Piô XII. phần đất gồm các tỉnh hiện thời, Phong-dinh,
Ba-xuyên, An-xuyên, Chương-thiện, An-giang và Kiên-giang được
tách ra để thành lập địa phận mới và trao cho Đức cha Phaolô
Nguyễn-văn-Bình, là giám mục đầu tiên coi sóc.

Ngày 21-11-1960 đồng thời việc thành lập Hàng phầm trật
cho toàn cõi Việt-Nam, 2 tỉnh An-giang và Kiên-giang được tách
từ địa phận Cần-Thơ để thành lập địa phận mới : Long-xuyên. Đề
thay thế Đức cha Phaolô Nguyễn-Văn-Bình được cử làm Tông giám
mục Saigon, Toà thánh đã bồ nhiệm Đức cha Philiphê Nguyễn-
kim-Điền lên coi sóc địa phận, ngài đã nhận chức ngày 3-4-1964.
Ngày 9-1-1964 Đức cha Điền kiêm luôn giám quản địa phận Huế.

Ngày 4-4-1965, Đức cha Giacôbê Nguyễn-ngọc-Quang được
chọn làm giám mục Cần-thơ, ngày 5-5-1965, Ngài thụ phong Giám-
mục ; ngày 6-5-1965, về nhận chức Cần-thơ cho đến nay.

Linh-mục đã kè qua phần lịch-sử địa-phận nhà thờ Chánh-
tòa Cần-thơ cho chúng tôi ghi chép cũng khá đầy-đủ.

Một điều đáng cho chúng tôi chú ý nhất, nhận thấy những
vị nắm giữ chức vụ quan-trọng của khối Công-giáo hiện thời, trước
kia đều có ở địa-phận Cần-thơ.

- 1.— Giám-mục Phao-lô Nguyễn-văn-Bình.
(Nay làm Tông-giám-Mục giáo- khu Saigon).
- 2.— Cha Bề-Trên Antôn Nguyễn-văn-Thiện.
(Nay làm Giám-mục địa-phận Vĩnh-Long).
- 3.— Giám-mục Philiphê Nguyễn-kim-Điền.
(Nay làm Giám-quản địa-phận Huế).

Một sự diển-tiến đáng ghi nhận và hánh-diện cho tất cả Giáo
dân ở miền Tây nói riêng, toàn lãnh-thổ Công-giáo ở miền Nam
V.N. nói chung, ba ngài đã tận tụy hy-sinh, vun trồng nền đạo-

giáo, làm nhiều việc công-tác xã-hội từ-thiện cho địa-phận Cần-thơ trong thời-gian nhận chức.

Nay gợi lại đôi nét quá trình của các ngài khiến cho Giáo-dân địa-phận Cần-thơ càng thêm miên man cảm nhớ qua bao công-cán của các ngài, giúp cho Cần-thơ trở nên thanh-vượng đến ngày nay.

Những tài-liệu được trình-bày trên đây là một phần lớn nhờ Linh-mục Trần-văn-Long cho biết. Trong khi tiếp chuyện với Linh-mục, nhận qua lời nói và đức độ của ngài có một tinh-thần cởi mở, Linh-mục có óc văn-nghệ hay tìm tòi nghiên-cứu qua các Tông-giáo bạn. Ngài thích hoạt-động về những việc từ-thiện xã-hội. Trên một giờ tiếp chuyện với Linh-mục, chúng tôi xin kiếu từ ra về, Linh-mục tiễn đưa ra sân và hướng dẫn chúng tôi quan-sát những cơ-sở chung-quanh nhà thờ, bên cạnh có một trường Tiểu-học mang tên Tây-đô. Linh-mục cho biết Trường này số học-sinh lên tới 900, và một trường Trung-học khác mang tên Đồng-Tâm, gồm có 700 sinh-viên, phía trước mé bên đường Nguyễn-công-Trứ, đối diện nhà thờ Chánh-Toà có một nhà in, nhà sách, bán đủ loại sách công-giáo tượng ảnh, chuỗi, những bức ảnh xinh-dep bên Vatican gởi sang. Linh-mục còn cho biết, năm 1967 sẽ xây cất thêm một trường Tabert gần khu đất viện Đại-học Phong-dinh, để tiếp nhận một số học sinh mới.

Thật ra, trách nhiệm của ngài đang đảm đương nhiều việc quan-trọng đối với sự chấn-hưng nền đạo-lý tại tỉnh nhà. Được biết Linh-mục sinh trưởng tại Phong-dinh và cũng ở lâu năm tại nhà thờ Chánh-Toà này, mọi việc gì Ngài cũng am hiểu sâu rộng.

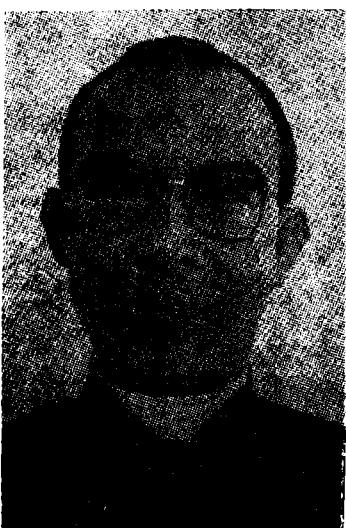
Biết qua phần công việc trước sau, chúng tôi lấy làm thoả-mãn và đồng-thời đứng chụp chung với Linh-mục một tấm ảnh lưu niệm trước nhà thờ Chánh-Toà, để tỏ lòng quý mến trong ngày gặp gỡ với nhiều cảm tình ghi nhớ trong thâm tâm, qua sự chất phác hiền-hoà của bậc chơn tu gương mẫu.

Tiện việc suru-khảo, chúng tôi xin kề qua đôi nét tiêu-sử của đức Tông-giám-Mục giáo-khu Saigon và vị Giám-quản giáo-dân địa-phận Huế với đức Giám-mục địa-phận Vinh-Long, trước kia có liên quan tới Cần-Thơ, để quý bạn đọc tìm hiểu thêm qua phần đạo-đức của các Ngài.

TIỂU-SỬ ĐỨC CHA NGUYỄN-VĂN-THIỆN

(*Nguyễn cha sở nhà thờ chánh toà Cần-thơ*)

GIÁM-MỤC ĐỊA PHẬN VĨNH-LONG



Đức Giám-mục Nguyễn-văn-Thiện

Đầu năm 1956, Ngài được thăng chức Bề-trên Địa-phận, và năm 1957, kiêm luôn chức Giám đốc Công-giáo Tiển-hành Địa-phận.

Làm giám-đốc Công-giáo Tiển-hành, Cha đã tồ-chức các đoàn thè : Con Đức mẹ, Đạo-Bình, Gia-dinh phật-tạ, Hội Cựu Tu-sĩ, Hội Đồng Ba v. v... Cha liên tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chiến sĩ C.G.T.H. tại Chủng-viện Khánh-hưng, tại chính tỉnh Cần-thơ, hoặc Biệt-thự Thánh tâm Đà-lạt.

Cha rất nhiệt thành việc ấn hành các sách báo đề truyền đạo, năm 1954, Cha lập tờ báo Thực-hành làm cơ quan liên-lạc trong Địa-Phận, đồng thời mở mang văn-hoa. Vào tháng 5-1955, Cha còn hoàn thành một nhà in tại Cần-thơ.

Công lao và đức độ của Cha vang đi xa, nên Toà thánh đã bồ-nhiệm Cha làm Giám-mục Địa phận Vĩnh-Long chính ngày 16-Đức-Mẹ Vô-Nhiễm mồng 8 tháng 12 năm 1960. Lên làm Giám-mục Đức Cha chọn khẩu hiệu : Việc làm và Chân lý (*Opere et Veritate*) để phù hợp với nguyện vọng của Ngài xưa nay.

Lễ tấn phong Giám-mục được khởi hành ngày 21-1-1961 trước Vương Cung Thánh đường Saigon, do Đức Cha Ngô-Đinh-Thực chủ phong.

Ngày 3-4-1961, Ngài chính thức nhận Địa phận Vĩnh-Loug.

Trích Việt-Nam Công-Giáo Niên giám 1964.

Đức Cha Antôn Nguyễn-văn-Thiện sinh ngày 13-3-1906, Ngài vào Tiều-chủng-viện Cù-lao-giêng và năm 1923, nhập Đại-chủng-viện Nam-vang (Cam-bốt).

Tới năm 1932, Ngài chịu chức Linh-mục, rồi về làm giáo-sư nhà giảng ở Banam năm ấy.

Năm 1941, Ngài được bồ-nhiệm Cha sở Cù-lao Tây và coi Họ ấy 14 năm.

Ngày 27-7-1955, Ngài đài vè làm cha sở Năng-gù, một họ lớn nhất trong Địa-phận.

Khởi mấy tháng khi Đức Cha Phao-lô Nguyễn-văn-Bình vè làm Giám-mục Cần-thơ, Ngài liền được bồ-vè làm Cha sở nhà thờ chánh toà Cần-thơ.

TIỂU-SỬ ĐỨC CHA NGUYỄN-VĂN-BÌNH

(*Nguyễn Giám-Mục Địa-phận Cần-thơ*)

TỔNG GIÁM-MỤC SAIGON

1910 : Sinh trưởng trong một gia đình đạo đức thuộc họ Tân định, Saigon. Thân phụ Ngài giữ chức biện họ và vì tinh thần tông-đồ, đã tinh nguyện dâng công phục-vụ trên 50 năm tại Nhà In Tân-định.

1922 : Sau khi học hết chương trình Tiểu học Taberd, Cha Bè-Trên Cao, bồn sở Tân-định thấy Ngài có nết-na đức hạnh nên đã lo cho vào Tiểu chủng-viện Saigon.

1932 : Bè-Trên gởi Ngài đi du học tại trường truyền giáo bên Roma.



Đức Tổng Giám-mục Nguyễn Văn Bình

1937 : Thủ-Phong Linh-mục tại Nhà thờ thánh Gioan La-tran ngày 27-3-1937.

1938 : Đức Cha Dumortier Giám-mục Saigon, gọi Ngài về Địa-phận và bồi nhậm Ngài coi họ Đức-Hoà.

1942 : Làm giáo-sư Tiểu Chủng-viện Saigon. Được ít lâu, gặp lúc trong nước loạn lạc, Tiểu chủng-viện tản cư xuống Cái-nhum.

1947 : Hồi cư về Saigon, Ngài được chỉ định làm giáo sư Chủng viện và làm Tuyên úy các Sư huynh Taberd.

1948 : Bè-Trên cử Ngài đi coi họ Cầu-Đất.

1955 : Đức Cha J. Cassaigne gọi Ngài về làm giáo-sư Đại-Chủng-viện Saigon. Nhưng mới được mấy tháng, Toà-Thánh đặt Ngài làm Giám mục Địa phận Cần-Thơ, mới thành-lập ngày 20-9-1955. Ngài thụ phong Giám-mục tại nhà thờ Đức Bà Saigon ngày 30-11-1955.

1960 : Toà-Thánh đặt Ngài lên làm Tổng-Giám-mục Saigon, nhân dịp thiết lập Hàng Giáo-Phẩm tại Việt-Nam (24-11-60).

Ngài chính-thức về nhận Địa-phận Saigon ngày Lễ Phục-Sinh 2-4-61.

TIỀU SỬ ĐỨC CHA NGUYỄN-KIM-ĐIỀN

(*Nguyễn Giám-mục Địa-phận Cần-thơ*)

GIÁM QUẢN ĐỊA PHẬN HUẾ



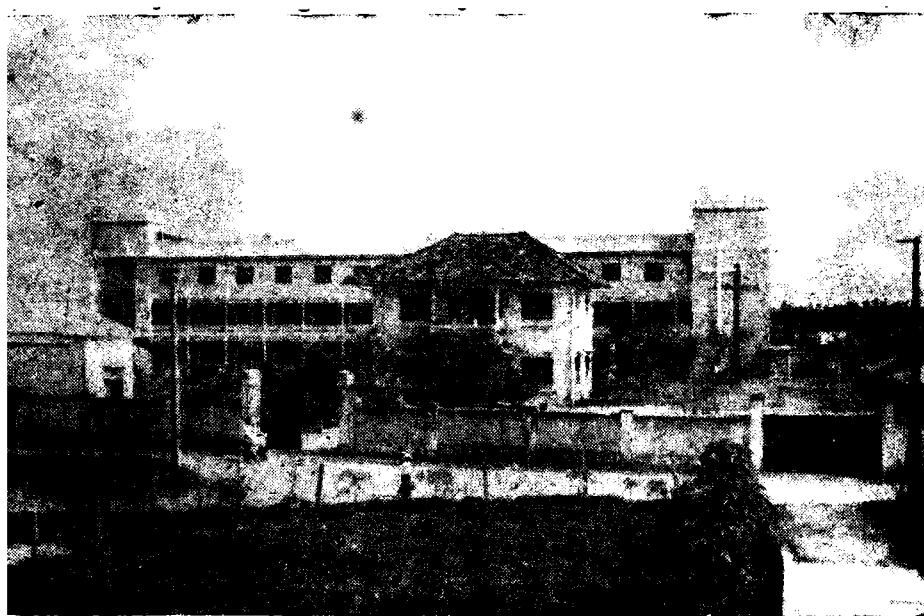
Đức Giám-mục Nguyễn kim-Điền

bày cùng Đức-Giám-mục Địa-phận và được đồng ý, Cha vào Dòng Tiều đệ Chúa Giêsu của Cha Foucauld năm 1955. Tới ngày 8-12-1960. Cha được Toà-thánh cử làm Giám-mục Địa-phận Cần-thơ thay thế Đức Cha Phaolô Nguyễn-văn-Bình từ đây được bổ nhiệm Tổng-Giám-mục Saigon. Lên làm Giám-mục Ngài đã nhận khâu hiệu: «Tôi nêu tất cả cho mọi người», (*Omnia Omnibus*).

'Lễ tấn phong Giám-mục đã cử hành trước Vương-Cung Thánh đường Saigon ngày 22-1-1961, và Ngài đã chính thức đi nhậm Địa phận Cần-thơ ngày 3-4-1961. Tiếp theo ngày 6-1-64 Toà thánh đặt Ngài làm Giám Quản Địa-phận Huế.

Trích Việt-Nam Công-Giáo Niên giám 1964.

Chủng-viện Á-Thánh ở Cái-răng



*Chủng-viện nằm trong khuôn đất rộng trên bốn mẫu.
Nơi đây có mở nhiều lớp dạy các sinh-viên Công-giáo,
và cũng là nơi đào-tạo những vị Linh-mục tương-lai.*

*Ảnh của Linh-mục Nguyễn-mạnh-Đồng tặng
Ngày 10 - 8 - 1966*

VÀI NÉT VỀ CHỦNG VIỆN Á THÁNH QUÝ NƠI ĐÀO-TẠO CÁC VI LINH-MỤC TƯƠNC-LAI

Đã biết chút ít về ngôi chùa Ông ở Cái-răng, du khách ắt cũng sẽ chú ý đến hoạt-động của quý vị linh-mục về Chủng-viện Á-thánh-quý, cũng ở thị-trấn Cái-răng, phía trên đường Võ-Tánh (tục gọi đường lên Hàng rượu cũ), thuộc ấp Yên-Thượng, xã Thường-Thạnh, quận Châu-thanh.

Khi chúng tôi đến Cần-thơ sưu tập tài-liệu xuyên qua các tông-giáo bạn ở đây, được sự hướng dẫn của một nhân sĩ Tây-đô, vào Cái-răng tìm đến viếng Chủng-viện Á-thánh-Quý, hân-hạnh được vị linh-mục trẻ tuổi Nguyễn-mạnh-Đồng niềm nở tiếp chuyện.

Linh-mục đã hướng dẫn chúng tôi đi quan sát qua các cơ sở của chủng-viện và giải-thích sự tu học nơi đây qua mọi khía cạnh. Chủng-viện Á-thánh-Quý là cơ sở lớn lao, đầy đủ tiện nghi, có sân rộng rãi, ba tầng lầu dùng làm lớp học. Bên cạnh có nhà thờ, và còn đang chuẩn-bị cất ở mé sau thêm một dãy nhà lầu nữa để mở thêm lớp học. Dưới đây xin nhường lời vị Linh-mục Nguyễn-mạnh-Đồng đầy nhiệt huyết ưu ái giang sơn, tường thuật rõ về Chủng-viện Á-thánh-Quý, một Ghủng-viện đồ-sộ nhất ở Cái-răng, mang tên vị Thánh tử đạo trong đời vua Tự-Đức, đáng nghiêng mình kính mến !

CHỦNG VIỆN Á THÁNH QUÝ

“Chủng viện này là một trong số nhiều cơ sở giáo dục lớn của Hội Thánh Công-giáo ở miền Hậu giang. Đó là một trường đào tạo các thiếu niên đẽ sau này có đủ tài đức làm linh mục và hoạt động trong các đạo của những tỉnh Phong-dinh, Ba-xuyên, Chương-thiện, Bạc-liêu và An-xuyên. Tất cả trường Công-giáo nào có mục đích đào tạo các thiếu niên đẽ sau này làm linh mục, đều được gọi là chủng-viện. Chủng-viện có nghĩa là nơi ương cây, các trường kia cũng giống như những vườn ương cây non đẽ nó lớn mạnh mẽ đem trồng.

“Chủng-viện này có tên là Á thánh Quý. Chữ Quý là tên của linh mục Đoàn-công-Quý (1826-1859) người làng Búng, tỉnh Gia-Định. Linh mục Đoàn-công-Quý đã can đảm hy sinh mạng sống đẽ làm chứng lòng trung tín của mình với Thiên-chúa. Ngài đã bị trảm quyết vì đức tin thời vua Tự-Đức (1859) tại Châu-đốc. Ngài

được Hội thánh Công-giáo tôn phong lên bậc A-thánh, vì thế gọi là A thánh Quý.

“Chủng viện A thánh Quý đã được thành lập từ năm 1956 ở Khánh-hưng, Ba xuyên, nhưng vì đất dai chật hẹp nên đã được di-chuyển về đây khoảng tháng 12 năm 1961. Chủng-viện tọa lạc trên một khu đất rộng chừng bốn mẫu tây, nằm bên bờ sông Cái-Rồng, cách Quận châú thành Cần-thơ chừng 200 thước và cách tỉnh Lỵ Cần-thơ về phía Nam chừng 7 cây số. Khu chủng-viện được xây cất từ năm 1961 với đầy đủ tiện nghi lớp học, sân chơi, nhà ngủ, nhà ăn và một nhà thờ dành riêng cho việc thờ phượng Thiên-Chúa. Kinh phí xây cất do các tín đồ Công-giáo khắp hoàn-cầu đóng góp. Chủng-viện có đủ các lớp cho bậc trung học cả đệ nhất cấp và đệ nhì cấp. Các học sinh học trong chủng-viện thường được kêu là các chủng-sinh. Ngoài các môn học theo chương trình chính-phủ các chủng-sinh còn phải học thêm La ngữ và giáo lý của đạo Công-giáo. Nhưng việc quan trọng nhất là việc huấn luyện tinh thần đạo đức và tư cách con người. Ban giám-đốc và giáo sư gồm toàn là linh mục ở ngay trong trường và các chủng-sinh cũng nội trú trong trường. Hằng năm mọi chủng-sinh chỉ phải đóng góp một số học phí tượng trưng, còn bao nhiêu chi phí khác đều do hảo tâm của các tín đồ công giáo trong nước và trên thế giới dài thọ. Mỗi năm chủng-viện đều có thâu nhận học-sinh mới, nhưng chỉ thâu nhận những thiếu-niên công-giáo nào có ý muốn vào học tập để sau làm linh mục và có đủ điều kiện về đạo đức, học thức và sức khỏe. Sau khi học mần ban trung học (chừng 7 năm) các chủng-sinh được gửi đi tu luyện ở một chủng-viện cao cấp hơn gọi là đại-chủng-viện. Qua ít nhất 7 năm tu luyện nữa, chủng-sinh nào có đầy đủ mọi điều kiện mới được làm linh mục. Việc đào luyện và tuyển chọn rất gắt gao nên tỷ số các chủng-sinh được làm linh mục thường chỉ được 20% là nhiều. Còn số 80% kia sẽ ra đời làm việc giúp ích cho xã-hội như mọi công dân khác. Hiện nay cơ sở giáo dục này còn đang tiếp tục được khuếch-trương để có thể thâu nhận nhiều thiếu-niên hơn, hẫu gop phần trong công cuộc chấn-hưng đạo-đức, phát-triền ngành giáo-dục và cung-cấp nhiều nhân-tài hoạt-động trong mọi lãnh vực xã-hội của dân-tộc.

Bửu tháp ông NGÔ-VĂN-CHIỀU



Ngôi bửu tháp toạ lạc phía tay trái đường Cần-thơ đi Cái-răng,
của Ông Ngô-văn-Chiêu là người sáng lập Cao-dài-giáo.

Ảnh sưu-tầm

CAO-ĐÀI-GIÁO

Ông Ngô-văn-Chiêu Người sáng-lập đạo Cao-Đài

Trên kia chúng tôi đã trình-bày đại-cương về các giáo phái sinh-hoạt nơi Phong-dinh. Nhưng nói đến tỉnh Phong-dinh, nhắc đến đạo Cao-đài mà không nói đến vị sáng lập nên Đạo, duyên nợ rất nhiều với đất Càn-thơ, e chẳng khỏi thiểu sót.

Dù khách đến viếng Phong-dinh, dạo qua khoảng đường từ Tham-tướng (Cần-thơ) đến Đầu-sáu, sẽ nhận thấy ngôi Chiếu minh đàm, nơi Tồ đinh ghi di tích đức Giáo tông sáng lập Cao-đài Đại-đạo (tam kỳ phò độ).

Đức giáo-chủ đạo Cao-đài họ Ngô húy Văn-Chiêu, đạo hiệu Minh-Chiêu, dòng dõi quan Thị lang triều-định Huế, di cư vào Nam khoảng năm 1864 — 66, ngụ ở khu Hoà-hưng (ngoại ô Saigon — Chợ-lớn). Thân phụ Ngài là Ngô-văn-Xuân, thân mẫu là Lâm-thị-Quý. Ngài ra đời ngày mùng 7 tháng giêng năm Mậu-dần (nhằm 28-2-1878) nơi quê mẹ tại Bình-tây (Chợ-lớn) trong một căn nhà lá nhỏ ở vùng sinh lầy, phía sau ngôi chùa Quan-Thánh, tục gọi là chùa Ông nhỏ.

Năm lên 6, Ngài nương nhờ người cô là Ngô-thị-Đây ở Mỹ-tho, có chồng Huê-kiều bán thuốc bắc và cây ván. Năm 12 tuổi Ngài bạo dạn nhờ Ông Đốc phủ Sủng đỡ đầu cho, nên được nhận vào trường Trung-học Mỹ-tho (nay là trường Nguyễn-đình-Chiều) rồi lên Saigon học trường Chasseloup Laubat (nay là J.J.Rousseau). Đến năm 21 tuổi đỗ bằng Thành chung, ra làm việc tại sở Tân-đáo Saigon từ ngày 23-3-1899 đến 31-12-1902. Rồi đổi sang túng sự tại dinh Thượng-thư, sau đổi xuống toà Hành-chánh Tân-an. Năm 1917, Ngài đỗ tri huyện. Nhưng vẫn sống thanh bần, liêm-chánh.

Từ năm 1920 đến 1924 Ngài ngồi chức quận trưởng Phú-quốc (Hà-tiên). Rồi đổi về Saigon.

Vị hôn phối của Ngài là Bùi-thị-Thân, trước sau sinh hạ 9 người con, hai gái lớn là Ngô-thị-Ngữ và Ngô-thị-Hồng đều mất sớm, còn lại 7 người : Ngô-thị-Yến-Ngọc, Ngô-thị-Nguyệt, Ngô-văn Nhựt, Ngô-văn-Tinh, Ngô-tường-Vân, Ngô-Thanh-Phong và Ngô-Khai-Minh.

Nặng lòng đạo đức. Ngài được Cao-dài Tiên ông giáng cơ truyền đạo cho, và khởi sự ăn chay trường, hành đạo từ mùng 1 Tết năm Tân dậu (8 février 1921), thiết lập đàn cơ tại chùa Quan-Âm nơi Dương đồng Phú quốc, chùa này lâu ngày đã hư. Năm 1961, đệ tử Ngài dựng ngôi chùa Cao-dài tại đây để niệm nơi phát nguyên Cao-dài Đại-đạo và, cùng lúc dựng cái am để kỷ niệm Quan-Âm tự).

Ngài dời về Saigon khoảng năm 1924 và đến cuối năm 1925 thì vâng mạng Đức Cao-dài Tiên ông Đại bồ-tát Ma-ha-tát đem mối đạo truyền ra.

Đã từ lâu, khi ngài hầu đàn Hiệp-minh ở Cái-khế, Tiên ông cũng vẫn đã giáng cơ cho Ngài nhiều bài thơ dạy đạo thâm trầm (xin xem bài « Đàn tiên Cái Khế » sau đây). Kịp khi Ngài sắp dời về Saigon, Đức Cao-dài có cho Ngài một bài thi

Kín ngoài rời lại kín trong
Đường xa phong cầm thường lòng đê vui
Công đầu chịu cực đừng lui
Thiên tào thăng thường đạo mùi ngọt ngon
Ba năm lòng sáng như son
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu
Chớ phiền mỏi mệt lòng tu
Trăng kia mây vẹt Đường Ngu gấp liền
Mưa toan vụ thấy thanh Thiên
Các đào rõ biết mối truyền chánh tông
Giờ này thấy điềm thâm công
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên
Ngoài trong sạch tự bạch liên
Khá hòng gìn giữ mối giềng chớ xao
Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao
Trên đầu cũng có Thiên tào xét xem

*Thẩm mùi con biết lân nem
 Đề hò con uống Thầy xem ân cần
 Đạo luyện khắc kỷ phục thân
 Chiêu con khá giữ Thầy phân cạn lời*

Đến ngày 13 tháng 3 năm Nhâm thân (nhằm 18 Avril 1932) lối 3 giờ chiều Ngài liễu đạo trên xe chở Ngài định đưa về Saigon khi chiếc đò Mỹ-thuận vừa ra khỏi độ hai ba phút tại sông Tiền-gian. Thế là đoàn xe phải quay về Cần-thơ để làm lễ an táng.

Thật là huyền diệu. Trước đó, hôm rằm tháng giêng Ngài đã nhuốm bệnh tại Tân-an. Ông Đốc phủ Vương-quang-Kỳ xuống thăm, Ngài có nói : **Tôi tuy đau nhiều mà không chết ở đây đâu.** Thầy định cho tôi sẽ bỏ xác tại giữa sông Cửu-long (Tiền-giang) và quả đúng như lời Đức-Đại-Tử-Phụ đã giáng cơ bảo trước trong bài thơ đã ghi trên

*Giờ này Thầy điêm thâm công,
 Ngày sau con sẽ cõi Rồng về Nguyên*



Đám tang Ngài vô cùng trọng hậu. Bửu pháp Ngài an vị nơi nghĩa địa Chiếu-minh (Cần-thơ).

Về sau, Ngài vẫn thường giáng đàm, chuyên cơ bút dạy Đạo ở nhiều nơi.

PHẬT-GIÁO HOÀ-HẢO

Miền Tây với sự tôn-sùng đức Huỳnh-giáo-chủ

Đạo Cao-dài đã có cơ duyên với Cần-thơ như đã kè trên, mà nền Đạo Phật-giáo Hoà-hảo đối với Cần-thơ cũng nhiều tình gắn bó.

Vì khai sáng nền Đạo Phật-Giáo Hoà-Hảo là Đức giáo chủ Huỳnh-Phú-Sò. Khoảng năm Canh-thìn 1940 từng có mặt ở Xà-no, thuộc xã Nhơn-nghĩa (Cần-thơ) Ngài đã lưu bút khi đến Nhơn-nghĩa.

*Vui mừng gặp chốn hiền lương
 Đức lòng mở cửa Phật đường độ dân
 Làng Nhơn nghĩa đê chờn đến chốn
 Thầy đương tràn trà trộn tà tâm
 Oai thần đem đạo huyền thâm
 Nhiệm mẫu phò độ âm thầm ai hay (...)*

Và Ngài đã cực tả tâm sự mình qua những vần lo đạo thương đời, yêu nước mến nòi

*(...) Tay hạ bút viết bài chung cuộc
 Ai rõ lòng con cuộc khỏi kêu
 Thân khùng vận bi trớ trêu
 Phiêu lưu trôi giạt danh neutr khắp cùng
 Ai giàu có thung dung thanh nhã
 Ta lo đời sắt đá bền gan
 Âu sầu nức giọng riêng than
 Trách dân chẳng sợ hùm lang cứ gần*

Chẳng bao lâu, Ngài lia Nhơn-nghĩa
mà đi Bạc-liêu, lòng vẫn lưu-luyễn nhân
vật Cần-thơ

Kè từ mười tám tháng tư
Canh thìn lưu chử thiện từ tới đây
Cho làng Nhơn nghĩa biết Thầy
Đem truyền mối Đạo thang mây chỉ chừng
Nay vì thời vận chuyển luân
Ở trong cõi tạm đã từng đổi thay
Cầu cho già trẻ gái trai
Rủ nhau niệm Phật liên dài át len
Tục kêu là rạch Xà no
Vàm kinh ông Bồn eo co khúc đường
Ngày Thầy lia cách quê hương
Về đây nương ngụ bởi thương dân lành...

Lìa Cần-thơ xuống Bạc-Liêu, rồi
lên Saigon, cuộc đời Đức Huỳnh giáo-chủ
đầy tận-tụy với nhân-sinh, truyền-bá phồ
thông giáo lý. Chúng tôi sẽ thuật rõ hơn về cuộc đời Ngài trong
quyện "An-giang xưa và nay" đang sưu-tầm, vì quê Ngài vẫn ở làng
Hoà hảo (Châu-đốc). Nơi đây chúng tôi chỉ xin tạm ghi chút dấu
vết của Ngài khi có mặt ở Cần-thơ. Điều cần nhấn mạnh, lúc Ngài
lia Xà no, ngồi đò máy chạy ngang qua thị trấn Cái-răng, đồng
bào Cái-răng bấy giờ cũng nô nức tập trung dài theo bờ sông và
tràn xuống cầu tàu mà chực đón chào Ngài, quang cảnh vô cùng
cảm động.

Từ khoảng năm 1945 đến 1955, miền tây từng rực-rỡ bóng
cờ dà của nền Đạo Phật Giáo Hoà Hảo. Nhất là nơi Cái vồn (nay
là quận lỵ Bình-minh, thuộc tỉnh Vĩnh-Long), vốn là đại bản dinh
của Trung tướng Trần-văn-Soái — một tín đồ trung kiên của Ngài
quân đội Phật Giáo Hoà Hảo cũng lừng lẫy thanh danh. Và tại
Cái vồn, có tờ báo "Chiến đấu" vốn là cơ quan của quân đội Phật
Giáo Hoà Hảo do ông Văn Phú làm Giám đốc chánh trị, ông
Thành-Nam làm chủ-bút, cũng là đáng kể.

Rồi sau cuộc đàn áp của trào Ngô-Đình, ngày nay nền Đạo
Phật Giáo Hoà Hảo càng thêm khởi sắc, Cần-thơ lại thấy rợp
bóng cờ dà bên cạnh lá quốc kỳ hùng dũng.



Đức Huỳnh giáo-chủ

CHÙA NAM NHÃ

CÓ TIẾNG NHẤT Ở BÌNH-THỦY

Như ai cũng biết, khi cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa lui về ở ẩn nơi Bình-Thủy, không khi văn chương đạo đức ở đây xoa dịu mọi tâm hồn. Điểm đặc biệt hàng môn đệ xuất sắc nhất của cụ đều có xu hướng về tông-giáo tôn sùng Nho, Thích, Đạo. Nổi tiếng nhất là Long-khê lão sư Nguyễn-giác-Nguyễn.

Khi cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa mất, ông Nguyễn-giác-Nguyễn thờ cụ tại chùa Nam-Nhã do ông xây dựng. Chùa này nghiêm-nhiên được mọi giới hướng ngưỡng sùng phụng, hằng lui tới lễ bái.

Trong chùa thờ đủ Tam-giáo. Thuở xưa, các vị hương chức trong làng vẫn thường đem nhau đến đây hương đăng trà quả bày cuộc cầu cơ. Và điều linh ứng lạ lùng, chử vị thành-hoàng bồn-cảnh vẫn thường nhập đàn giáng cơ bút cho thơ, hoặc mách bảo những điều vị lai ứng nghiệm. Đôi khi cần mở cuộc trai đàn cầu siêu, hay thiết những đại lễ trang trọng tôn nghiêm, nơi đây cũng là chỗ dập diu thiện nam tín nữ thành kính dâng hương, đảo cáo.



Chùa Kiến Quốc



Một kiến trúc tân tạo, nằm về phía mặt đường Kiến Quốc (lô 20).
Chùa này do Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất quản trị.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

CHÙA HIỆP-THIÊN-CUNG

NGÔI CHÙA LINH-THIÊNG NHẤT Ở CÁI-RĂNG

Thị-trấn Cái-răng cách tỉnh lỵ Cần-thơ 6 cây số ngàn, thuộc xã Thường-thạnh, quận Châu-thành, có ngôi chùa xưa gần một thế kỷ nay, do người Hoa-kiều xây dựng mang tên «Hiệp-thiên-Cung». Chùa này hằng năm có tổ chức cúng kiến long trọng, linh đình suốt 3 ngày đêm 12-13 và 14 tháng 5 âm-lịch.

Có nhiều điều linh thiêng mà đến nay dân chúng Cái-Răng còn ghi nhớ:

Khoảng năm 1934, vùng quanh chợ xảy ra hỏa hoạn to. Đội vòi rồng và đồng bào nơi chợ cứu hỏa không xuể. Một số đồng cầu niêm thẫn linh hộ trợ, vào chùa gióng trống giông chuông inh ôi. Bỗng đâu mọi người đều giựt mình sực thấy một vầng hào quang xanh xẹt nhanh như chớp từ hướng nhà chùa thẳng tới đám hỏa hoạn. Phút chốc mây đen kéo giăng, mưa tuôn dập tắt đám lửa đang cháy ngắt trời, khiến người người đều xưng tụng oai linh thần-thánh trời Phật.

Lại một khi kia, giữa lúc trời quang mây tạnh, không một ngọn gió thoảng qua, mà cột cờ dựng trước sân chùa bỗng nhiên ngã đổ. Nhưng lạ lùng thay ! cột cờ chỉ từ từ ngã dựa mái chùa, tuyệt nhiên không hư hại đến một viên ngói. Điều nên biết là cột cờ ấy làm bằng thứ gỗ quý thân cao sút nặng. Ai cũng hãi hùng khi nghe gãy rắc, vì tưởng tượng sẽ có sự thiệt hại to tát về sản vật, hoặc về sinh mạng cũng không chừng. Thế mà không một sự thiệt hại gì xảy ra. Việc ấy đã là linh-dị, dường có oai thần hộ trợ, nhưng linh-dị hơn nữa là sau đó tai biến xảy ra khiến giới Hoa-kiều khi ấy (khoảng năm 1946) bị quân đội Pháp khủng bố cũng nhiều. Rõ là điềm báo trước cho bồn hôi biết. Vì khi cột cờ ngã đổ, người ta xem xét kỹ, thân cây không hề bị mối mọt chi, mà chân cột cờ cũng không bị đứt bao giờ. Bồn hôi Hoa-kiều bèn cùng nhau dâng hương lễ bái, khấn nguyện cầu an. Thần linh chứng tri sau đó mọi việc đều yên, dân chúng làm ăn thanh-vượng lại. Năm sau, tổ chức cuộc lễ tạ trọng hậu bội phẫn.

Mỗi kỳ đáo lệ cúng tế, đều có rước hát Tiều (Triều-châu) trình diễn suốt ba ngày ba đêm. Quang cảnh tung bừng náo nhiệt khôn xiết kẽ, chẳng kém ngày lễ vía Bà Chúa Xứ ở núi sam Châu-đốc, vía Bà Mả-châu Cà-mau. Ba nơi đây trở thành cờ lê, vẫn còn duy trì đến ngày hôm nay.

Đàn tiên Cái khế

Khoảng sáu mươi năm về trước, trong nước ta đã có một thời rất nhiều nơi thiết lập đàn tiên. Được nhắc nhở nhiều nhất là đàn tiên Cao-Lãnh và đàn tiên Cái-Khế.

Tương truyền đàn tiên ở Cao-Lãnh (Kiến-phong) thời thường Lý-thái-Bạch giáng đàn làm thơ khá hay và tiên tri lăm việc nhiệm màu. Đàn tiên ở Cái-khế (Phong-dinh) cũng thường có vị tiên Lý-thái-Bạch giáng đàn, nhưng đặc biệt nhất lại có cả vị tiên Trần-Đoàn ở Trung-quốc và ông Cử Đa ở nước ta nhập cõi đàn luận thi văn với các bậc túc nho đã có lòng thành hầu đàn.

Vì sao thiết lập đàn tiên ? Buổi bấy giờ việc đời đang cơn hỗn loạn, tình hình chính-trị rối ren, lòng người quá náo nề thế sự đành quy ngưỡng cõi vô hính, hướng tâm linh cầu vọng ở các đấng thiêng liêng, mong được hé cho biết chút huyền cơ nào, hoặc là nhờ ơn trên bảo ban dẫn dắt cho trên con đường đạo lý.

Một đêm thanh vắng, các vị hầu đàn đều đồng ý cầu nguyện ơn trên hộ độ chúng sanh, ngưỡng mong chư vị giáng đàn cho biết về thời cuộc mai sau. Đến khuya, cơ bút chuyền động, lưu đề một bài truyền tụng như sau

*Cuộc đời càng gẫm lại càng cay
Cực nỗi thiên cơ chẳng dám bày
Rắn nép dưới hang coi ngựa chạy,
Khỉ ngồi trên cội đợi gà bay.
Đông tây lộn xộn trời thay xác
Nam Bắc è hè đất chờ thây
Thế sự mười phần tiêu bảy tám
Thần tiên thấy vậy cũng chau mày*

Bài thi cầu cơ này về sau nghe đâu ở nhiều nơi cũng có và truyền tụng lan rộng ra. Chiêm nghiệm thời cuộc, từ trước người ta vẫn đã bàn luận giải thích nhiều, cho đến gần đây, thỉnh thoảng cũng còn có người nhắc tới.

Lại một đêm khác, vị tiên giáng đàn, cho một bài thơ

*Mái rường trông đã bóng trăng chen
Lắp loáng canh khuya mẩy ngọn đèn
Sương nhuộm bên hồ dày ngọn cỏ,
Gió đưa ngoài cửa ngát mùi sen.
Lầu mai tay điếm ba hồi trống,
Quán liêu tai nghe mẩy nhịp kèn.
Chén rượu say sưa chơi với bạn.
Chưa quen ta cũng lấy làm quen.*

Lời thanh thoát, túi siêu nhiên. Rõ là thơ của bậc siêu nhân
ngoài vòng trần tục. Các vị hầu đàn khế thưa

— Xin tiên trưởng cho biết cao danh tôn tánh.

Cơ bút viết ngay hai chữ

— Trần Đoàn !

Một vị kinh-ngạc thưa

— Tôn giá là Hi-di-lão-tồ đời Tàn Đường sang Tống ?

Cơ bút viết

— Chính phải.

Ai nấy chẳng khỏi sững sờ. Trong cõi hư linh quả có những
điều huyền diệu mà trí người không sao dò thấu. Thật chẳng ? Giả
chẳng ? Không biết phải dựa vào đâu mà quyết đoán được. Vì người
chấp bút khi ấy là người mà các vị hầu đàn đều tín nhiệm. Vả lại
theo chỗ chúng tôi nghe biết, khoảng năm 1935, trong một cuộc
cầu cơ tại hồ Tịnh-tâm ở Huế, cũng có vị tiên Hi-di Trần-Đoàn
giáng cơ.

Dần dần mê say thích thú với cuộc cầu cơ, các vị hầu đàn
và tao nhân mặc khách hót hở hộp mặt nơi đàn tiên Cái-khế.

Một đêm kia, cơ bút bỗng chuyền đề một bài hát nổi

*Lưu thủy nhân tình bạc,
Phù vân thế sự không.
Riêng tiêu dao tự tại cảnh non Bồng,
Ngàn hoa cỏ non sông treo bức họa.
Nguyệt minh vân liền giá,
Tứu túy thạch sàng miên
Cánh trần gian che mắt gấm hà yên,
Chén rượu thánh, cuộc cờ tiên nhàn lạc thú.
Nhất điềm thanh tâm thanh võ trụ
Bầu linh đơn đầy đủ ấy no lòng.
Nhẹ nhàng trong cõi... HU KHÔNG*

Bài ca trù này càng đậm nét tiên phong đạo cốt hơn cả bài của Trần-Đoàn nữa, nên khiến ai nấy đều gật gù tán thưởng. Một vị khẽ thưa

— Cần xin tôn giá cho biết cao danh quý tánh.

Cơ bút chuyền

— Thị ta đã ký tên dưới bài rồi đấy

— Tôn giá chỉ cho thơ, chúng tôi chưa hân hạnh được biết cao danh.

— Cứ đọc lại câu chót, hai chữ cuối câu đã nói rõ.

— « Nhẹ nhàng trong cõi... Hu-không ». Thưa tôn giá, phải chăng « Hu-không là đạo hiệu của tôn-giá ».

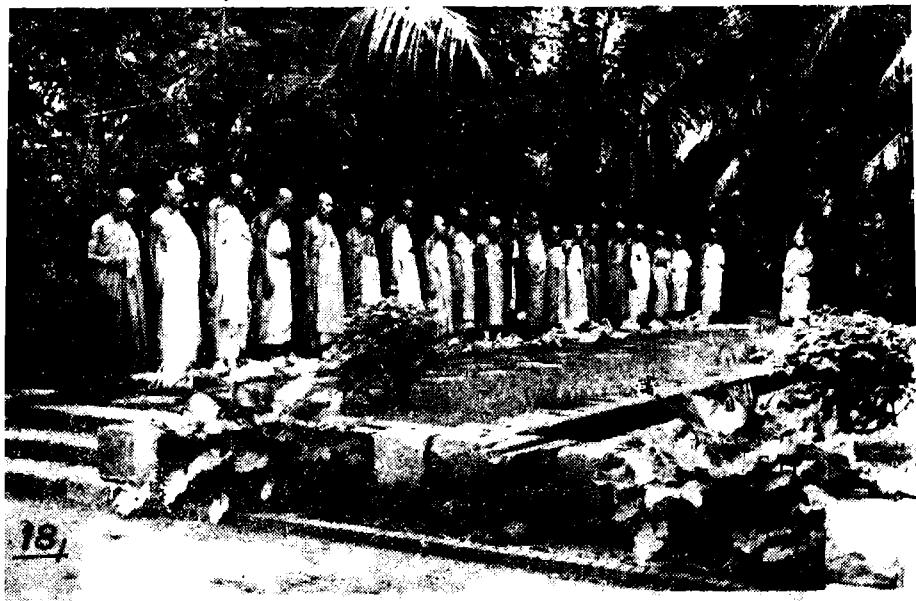
Thì ra vị giáng cơ chính là cụ Cử Phan-văn-Đa, tục gọi Cử-Đa. Cụ Cử Đa vốn là bậc ái quốc trong thời vua Tự-Đức. Sau nhiều trận chống Pháp, binh cùng sức kiệt cụ lui ẩn non cao rừng rậm. Lòng trung nghĩa, chí siêu-nhiên thoát tục, đạo cao hạnh trọng, cụ đắc quả vị, thăng tiên. Cụ có hiệu là Ngọc-Thanh, và đạo-hiệu Hu-không.

Đại-khai đàn tiên Cái-khế đã nồi tiếng một thời, chính nhờ có những thiên giai-thoại thâm trầm đạo vị.

TỊNH-XÁ NGỌC-MINH CÀN-THƠ



lý đứng giữa là cố Đại-đức Minh-Đăng-Quang, người lập đạo Du-tăng Khất



Trong một buổi lễ tại Tịnh-xá Ngọc-Minh vài chục năm trước, chư Tăng đang qui-hội để nghe những lời vàng ngọc của Đức Tôn-Sư Minh-Đăng-Quang.

DU-TĂNG KHẤT-SĨ

Xuyên qua các tông giáo mà chúng tôi đã trình bày, nhận thấy phái du tăng Khất sĩ có mặt ở đây mà không nêu lên đề quí độc giả tìm hiểu qua giới hạn của phái này là một điều thiếu sót.

Người sáng lập đạo Du tăng Khất sĩ là Đức Tôn Sư Minh-Đăng-Quang, gốc ở Tam-Bình tỉnh Vĩnh-Long miền Tây Nam phần.

Lúc sinh thời, Ngài có viết bộ sách CHO'N-LÝ, dày cả ngàn trang, gồm 69 đề tài liên quan tới đời sống con người, nên được nhiều người tìm đọc, và in lại mãi cho đến ngày nay.

Đạo Ngài chủ trương giới hạnh Khất thực độ thân, không tạo chùa lớn, chỉ ở tịnh-xá, am, cốc, chốn thanh-tịnh vắng vẻ, giới hạnh đạo giữ từ 10 giới tới 250 giới, 10 giới trọng 48 giới khinh của chư Bồ-tát và có rất nhiều pháp môn khác về giới định huệ.

Luật Khất sĩ không được cất giữ tiền bạc trong người, không mang giày, dép, không đội nón, không ngủ giường rộng, mỗi ngày chỉ dùng một bữa ngọ chay; trọn đời hy sinh làm việc Phật sự, truyền bá giáo-lý, dẫn dắt nhơn sanh hướng về đạo pháp tu hành, tránh điều tội lỗi. Đó là mục đích duy nhất của phái Du tăng Khất sĩ.

Chúng ta đã thấy khắp trên lãnh thổ, nơi nào cũng có những am cốc tịnh-xá, bóng y vàng của chư tăng Khất sĩ lê gót đó đây, gieo duyên kết phước vun trồng nền đạo hạnh.

Một trong những tăng sĩ hiện nổi chí Đức Sư Tồ Minh-Đăng-Quang là Đại Đức giảng sư Giác-Nhiên, sanh trưởng tại quận Ô-Môn, tỉnh Cần-thơ, và còn rất nhiều quí sư khác đang phát huy mối đạo ở khắp nơi.

Cần Thơ có 2 tịnh-xá của tăng và 1 tịnh-xá Ni, mỗi tháng bốn ngày qui hội, đó là ngày rằm, 30, mùng 8 và 23, những ngày ấy quang cảnh các tịnh-xá thật náo nhiệt. Quí sư phải lo nhiều việc, khỏi đi Khất thực như thường lệ.

Thiện Nam tín Nữ lũ lượt đến tịnh-xá lễ Phật và cúng cừu huyền thết tồ cùng sót bát cho chư tăng.

Vài nét về Khất-sĩ hiện đại hoá

Khất-sĩ hiện đại hoá. Thân kẽ-sĩ, là người học trò khó, học đạo giải-thoát, hoà minh trong sự sống chung nhơn-loại, hiền thân cúng-dường tam-bảo và chúng-sanh.

Hiện đại hoá khất-sĩ không làm mất bản-thê khất-thực, tại sao ? Vì tình thương nên phải đi khắp các nẻo đường trong xã-hội nhơn-loại, để tùy cơ duyên hoá độ cho giải-thoát. Hiện đại hoá khất-sĩ không chủ-trương khất-sĩ để thành phú-sĩ, mà vẫn lập-trường tạo ngôi nhà khất-sĩ thanh bần đơn giản cho là ngôi nhà tạm, để đi ngay chơn-lý. Căn-bản hiện đại hoá khất-sĩ là nắm giữ giáo-lý y-bát chơn-truyền, để tự giải-thoát bằng phương-tiện Ta-bà khất-hoa độ sanh, ích lợi chung cho nhơn-loại.

Hiện đại hoá khất-sĩ lấy cực hạnh đè ưng chịu mọi cảnh ngộ, xin lấy cho mình nghiệp khó khăn, và chịu chết để trả nghiệp cũ cho đặng mau giải-thoát.

Hiện đại hoá khất-sĩ không chủ-trương làm văn tho lăng-mạn, không chủ-trương triết-lý đấu-tranh chánh-trí, không chủ-trương vật chất của cải, cái ta, tư-hữu ; Ngoài y-bát tùy thân, lẽ một trung đạo chánh pháp. Khất-sĩ là con người duyên-giác tha phương, có thê tập-trung thành từng đoàn người giác-ngộ hành đạo như hồi thời Đức Phật tại thế, để sống theo lẽ một siêu nhiên Chánh-đẳng, Chánh-giác. Người khất-sĩ giác-ngộ không sống cho quá-khứ, không cầu vị-lai, cũng không chấp hiện tại, mà sống giác-ngộ chơn-lý. Thiên-sứ của Khất-sĩ là đánh thức phản tinh con người, trên không gian gián tiếp, nên phải chủ-trương hành đạo trì bình hoá đạo vậy ?

Người Khất-sĩ hiện đại làm duyên cho thế nhân, đè tự ngộ, tự giác là tự cách-mạng lý căn-bản siêu nhiên cho tâm-linh, và bản thân thành Phật-tử chơn chánh, sống biết phước thí là sự trao đổi trong lẽ sống chung theo công-lý võ-trụ, đè người người ai cũng Phật-tử ; Nhà nhà là hột giống lành gia-dình Phật-tử. Nhà ai tự ngộ, tự giác ra đi nhập chúng, ly gia cốt ái, thọ ân tam-bảo và chúng-sanh, sống chung lẽ một bình đẳng.

Người khắt-sĩ hiện đại chính là người linh siêc cõi tam-giới, giải-thoát và bảo-vệ tâm linh cho chúng-sanh, gieo trồng hột giống từ-bi đạo quả Bồ-đề cho nhân thế, đe cho ai trải qua nhiều kiếp trên không gian và thời gian diệt tận cái khổ, mà thấy đạo là thiên đường tại thế và Niết-bàn xuất thế.

Người Khắt-sĩ hiện đại, là diễn hình của giáo-lý giải-thoát, căn bản trên cương vị Tam-thề, tam-tụ, Lục-hoà. Sống Biết và Linh đe đi đến mức siêc hình học bản-thề chơn-như tuyệt đối.

Khắt-sĩ hiện đại là học trò khó, phải vui chịu với cảnh ngộ, nhưng tương-lai là hột giống lành giải thoát siêc cõi tam giới, siêc nhơn loại. Ai là khắt-sĩ hiện đại phải ngó ngay vào chơn trời mới, kỳ nguyên mới, con người mới cho ngày ngày càng mới ; là mỗi bước đi phải cảnh giác nơi tâm mình, đe chứng thấy bản thề tâm linh mà phát-triền Phật tánh, gây cơ Đại-đồng đem chúng-sanh đến đời sống hoà-bình hạnh-phúc và trí-huệ trên chơn-lý cao-thượng, hầu giải-thoát từ khõ : Sanh, Lão, Bệnh, Tử, đe tiến đến người mới của giáo-pháp Phật Thích-Ca Mâu-Ni. Nỗi-truyền một kỳ nguyên mới chơn phước cực đại. Đe làm tròn sứ mạng người khắt-sĩ phải tạo cho mình nhiều trí thức và trí-huệ tự giác, đem căn duyên chánh pháp làm cho cõi đời an lành, xứ đạo giải-thoát, chánh-giác Phật đà.

Vì vậy nên người khắt-sĩ không quan-tâm đến sự thành-công hay thất bại, đời mình sao là sao, mà tự cho mình có bồn-phận gieo trồng sản-xuất hột giống từ-bi đạo quả Bồ-đề cho nhơn thế, trên mặt đất địa cầu này, cho phù hợp với dân trí chúng-sanh, nhờ kinh-nghiệm chiến-tranh lạnh và nóng, mà ý thức giác ngộ nhiều rồi. Họ chỉ muốn tu thôi, mà tu bằng nội tâm, đe thế-gian đều giác ngộ cõi đời tốt đẹp.

Hoà-hiệp các tôn-giáo và đảng phái ; bằng sự thương yêu tha thứ cho nhau ; có thương yêu tha thứ mới mong thực hiện được tinh-thần Từ-bi, Bác-áí, và tự-do bình-đẳng, có thật sự tự-do bình-đẳng mới có Hoà-bình và hạnh-phúc chơn-thật ?

BẢN TỔNG KẾT SỐ TÍN-ĐỒ CÁC TÔN-GIÁO TỈNH CÀN-THƠ

Theo tài-liệu mới nhứt, chúng tôi sưu-tập của các giáo-phái
ước lượng so với dân số toàn tỉnh như sau

Tôn giáo	Số tín đồ	Tỷ lệ bách phân
Thiên-chúa	14.810	5
Tin lành	1.792	0,44
Cao-Đài	40.370	11
Phật giáo	293.917	75
Phật học	80.405	22
Tu tại gia	111.603	28
Hoà Hảo	38.497	10
Thiền lâm	10.319	4
Tịnh độ cư-si	28.942	8
Tăng già	2.536	0,7
Phật giáo Miên	18.369	6
Cồ sơn môn	2.773	0,8
Du tăng khất sĩ	491	0,01
Đạo Bahai	165	

Hiện nay, con số tín đồ các tôn giáo còn tăng lên nhiều,
nói lên tíc lòng hướng ngưỡng về đạo lý của đồng bào.

Hội Phật học Nam Việt



Hội này xây cất rất uy nghi, bên trong thờ Phật trang nghiêm, có giảng đường rộng rãi, có nơi hội họp cho các thiện nam tín nữ trong những ngày lễ Phật.

Vị trí day mặt ra đại lộ Hoà Bình.

*Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)*

Phần thứ tư

- ★ Cần-thơ văn-vật, nghệ thuật
- ★ Cần-thơ với bộ môn sân-khấu
- ★ Cần-thơ qua ca-dao, phong-tục, tập quán

CẦN-THƠ VĂN-VẬT

Mang danh-từ là « Trung-tâm Văn-hoa miền Tây », Cần-Thơ có gì đặc-sắc, để xứng-đáng tự-hào như thế ?

Đứng về mặt sưu-tầm khách-quan, chúng tôi xin trình-bày những gì Cần-Thơ đã đóng góp về văn-hoa. Còn có xứng-đáng với danh-dự « Trung-tâm Văn-hoa miền Tây » hay không ? Xin nhường quyền quý bạn đọc phê-phán.

Cần-Thơ thuở xưa khi còn là huyện Trấn-giang, dưới sự chăm nom săn-sóc của Mạc-thiên-Tú, cỗ nhiên sĩ-phu đều đã chịu ảnh-hưởng ít nhiều về phong-độ của họ Mạc — Vị Nguyên-soái Tao-đàn « Chiêu-anh-Các ». Tiếc vì binh biến liên-miền, văn-hoa đành phải lui bước trước bạo-lực quân-phiệt. Nạn binh đao gieo tang-tóc khắp xóm làng ai còn lòng nào nghĩ đến sáng-tác văn-chương, gây nền văn-hoa ? Lại nữa, lứa chiến-tranh thiêu-rụi bao sản-nghiệp mồ hôi nước mắt của dân-chúng, đồng thời cũng tàn phá những công trình văn-hoa. Tim dấu vết đề kiêm-diêm lại kho-tàng văn-hoa trong thời-kỳ ấy, phỏng còn sót được gì để dò lần manh mối ? Một điều có thể tin chắc, trình-độ văn-hoa của đồng-bào Trấn-giang (Cần-thơ xưa) bấy giờ đã khá cao. Họ Mạc đã nghiêm-nhiên coi Tây-thành như một Phương-thành (Hà-Tiên) thứ hai, át là chẳng tiếc gì mà không ra sức phò-biển văn-hoa lan rộng tới vùng này. Cứ xem như khi binh Xiêm xâm-phạm Hà-Tiên, họ Mạc lui về Cần-thơ cố-thủ, thì trước đó họ Mạc át đã phải dự liệu mà di-chuyển sách vở văn chương xuống Cần-thơ, đào-luyện nhân-tài cho nơi đây để trừ bị mai sau. Như thế sĩ-phu Cần-Thơ được dịp trau-dồi học-vấn, phát triển tài-năng đáng kề.

Một quyền « Song-tinh bất-dạ » của Nguyễn-hữu-Hào, một quyền « Thơ Nàng Chuột » (dựa vào « Truyện Trinh-Thử » của Hồ-huyền-Quy đời Trần) xuất hiện vào thời này, nói lên trình-độ văn-hoa khá cao của sĩ-phu Cần-thơ nói riêng, miền Tây nói chung.

Lần đến đời Tự-đức, văn-hoa phát-triền tốt đẹp nơi đây Long-tuyền có Bùi-hữu-Nghĩa, Phong-điền có Phan-văn-Trị, Lê-quang-Chiều là những tên tuổi ai ai cũng biết. Nhất là xóm Bà-Đồ ở Bình-thủy nghiêm nhiên là chốn Tao-dàn họp mặt của các tao-nhân mặc khách Cần-thơ, lôi cuốn thêm lăm bặc danh-tài miền Tây về đây, như cụ Huỳnh-mẫn-Đạt ở Hà-Tiên, cụ Phan-hiển-Đạo, cụ Cử Thạnh ở Định-Tường, cụ Đồ Chiều Bến-tre v. v... Các cụ chung sức nhau xây nền văn-hoa, chẳng là điều vinh diệu cho Cần Thơ lăm sao ?

Kịp khi văn-hoa Tây-phương du nhập theo gót chân xâm lược của quân đội Pháp, thứ chữ Quốc ngữ La-tinh hoá xuất hiện, báo chương ra đời, Cần-thơ cũng góp tiếng nói trên đàn Ngôn-luận qua tờ « Le Courrier de l'Ouest » và « An hà báo ». Rồi thi lần lượt Long-Xuyên có **Đại Việt tạp chí, Lưỡng xuyên Phật học** ; Sa-dec có báo Tân tiến (tức Tiến-bộ) ; Rạch-Giá có tạp chí **Tiến-hoa** v. v... miền Tây há chẳng có sắc thái đặc biệt của mình ?

Về giáo dục, trường Trung học Collège ra đời, chỉ nhượng Sai-gon có Chasseloup Laubat và kém Mỹ-Tho có Collège, tức trường Nguyễn-đình-Chiều bây giờ, lập trước chẳng bao lâu. Nhưng mới đây, Viện Đại-học đã bắt đầu khai giảng niên-khoá 1966 — 1967 một ít phân khoa đã chuẩn bị xong, và sắp hoàn tất công cuộc kiến trúc toàn viện trong thời-gian gần đây, sẽ đem lại cho Cần-thơ một phong khí mới, một bộ mặt khả ái và gây nên cuộc sinh hoạt cao đẹp, sao cho xứng với danh hiệu Tây-dô. Trong khi Vĩnh-Long đã vươn mình lên từ trước, tự hào được với những trường kỹ-thuật, Sư-phạm và bao nhiêu Trung-tâm huấn luyện khác, Cần-thơ vượt tiến với Viện Đại-học mới khôi phục được phần nào địa vị « Trung tâm văn-hoa miền Tây ». Và chắc chắn sẽ đẹp hơn lên mãi, sẽ còn cố gắng nhiều hơn về mọi phương diện mới chinh phục được trọn vẹn lòng yêu của du khách bốn phương, thoả lòng kỳ vọng của hơn sáu triệu đồng bào miền Tây thường hướng mắt về Cần-thơ mà nhìn xem cuộc chuyền mình.

Thêm một bước tiến nữa là nhật báo « Miền Tây » tinh Cần-thơ ra đời của nhóm ký-giả chuyên-nghiệp, quê cũng ở miền

Tây, đó là niềm an ủi đồng-bào tinh nhà đỡ xót xa vì cảm thấy muộn quá, riêng về vùng IV chiến thuật có tờ chiến sĩ miền Tây. Thật ra, Cần-thơ đáng lẽ phải có nhiều báo chí thêm nữa thế mới là nét điểm tô đậm đà duyên dáng nhất cho bộ mặt Tây-thành, mới gây hào hứng phấn khởi trong cuộc sinh-hoạt tinh-thần. Cần-thơ xưa nay đã sản xuất biết bao nhơn tài lõi lạc từng điểm tô nền văn-học cho nước nhà.

Nhà học-giả Hồ-hữu-Tường quê tại Cái Răng Bé thuộc tỉnh Phong-Dinh, tên tuổi ông ai ai cũng biết, Lưu-hữu-Phước ở Ô-môn người sáng tác bản quốc ca đầu tiên ở VN hồi phong trào thanh-niên tiền-phong nồi lên chống Pháp. Cần-thơ cũng là nơi cư ngụ của tiều thuyết gia Hồ-biều-Chánh, lúc ông ngồi ghế chủ quan tại Ô-môn, ông đã viết rất nhiều bộ tiều thuyết có giá trị, đượm màu sắc quê hương dân-tộc, nói lên của thuở thanh bình.

Ông Phan-văn-Trường, một văn hào người ở Định-Tường đến cư ngụ có nhiều tiết-tháo đã gây lầm tiếng vang tại Tây thành. Một điều đáng cho chúng ta chú ý, Cần-thơ là nơi qui tụ biết bao nhà Đạo-giáo tên tuổi lẫy lừng. Ông thày Trung, một đạo sĩ có nhiều bí phép nhiệm mầu được đồng bào mến phục. Ông Ngô-văn-Chiêu, người sáng lập nền Đại-đạo Tam-kỳ, qui-thiên tại sông Cửu-long, đem về Cần-thơ an táng, và xây bửu tháp.

Đức Huỳnh-giáo-chủ, lúc sinh thời có đến Cần-thơ nhiều lần thuyết pháp bằng văn thơ ứng khâu, được hằng triệu tín đồ ngưỡng mộ tho giáo, tặng ngài là một bức siêu phẩm. Chủng-viện Á-thánh-Quý ở Cái-răng là trung tâm đào tạo các linh mục tương lai của khối công giáo xuất phát tại đây (¹). Xuyên qua một số nhân vật tượng trưng về mặt Đời và Đạo kè trên đã gây ảnh hưởng tốt cho đồng bào các giới, nhứt là thế hệ trẻ đang vươn mình trên đường phung sự văn-hoa dân-tộc, khi tinh nhà bừng hương sắc với vườn hoa văn nghệ muôn màu muôn vẻ, sê còn đẹp đẽ hơn lên biết bao.

(1) Chúng tôi đã trình bày qua mọi khía cạnh với nhiều chi tiết trong mục Đạo giáo, ở phần thứ tư.

HỘI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH

Ngày nay, tuy có Hội phụ-huynh học-sinh ra đời nhưng so sánh với Hội khuyến-học năm xưa, về sự hoạt-động đem lại cho những con em tinh nhà bằng sự giúp đỡ, hoặc ủy-lạo về mặt tinh-thần, theo đà tiến triển, Hội phụ-huynh học-sinh nếu tích-cực làm việc chắc-chắn sẽ gặt hái được nhiều thành quả tốt.

Theo sự tra-cứu của chúng tôi khoảng năm 1943, Cần-Thơ đã từng có Hội Khuyến-học với vị Hội-trưởng đầy tâm-huyết là bác sĩ Lê-văn-Ngôn, Phó hội-trưởng là vị Thanh-trạ tiều-học Nguyễn-văn-Kính, tạo nên biết bao công-trình rạng-rỡ cho nền văn-hoa tinh nhà. Nào tồ-chức các cuộc diễn-thuyết về văn-hoa, mở cuộc thi văn chương, nào viếng mộ cụ cử Phan-văn-Trị, trùng tu ngôi mộ cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa v.v... đặc-biệt nhất là xuất-bản tập ký-ýêu của Hội vào dịp Tết 1963 với sắc-thái « Xuân Tây-dô », đáng là diềm son của Hội Khuyến-học tập-hợp đồng-đủ thân-hào nhân-sĩ, trí-thức, tài hoa son trẻ Tây-thành.

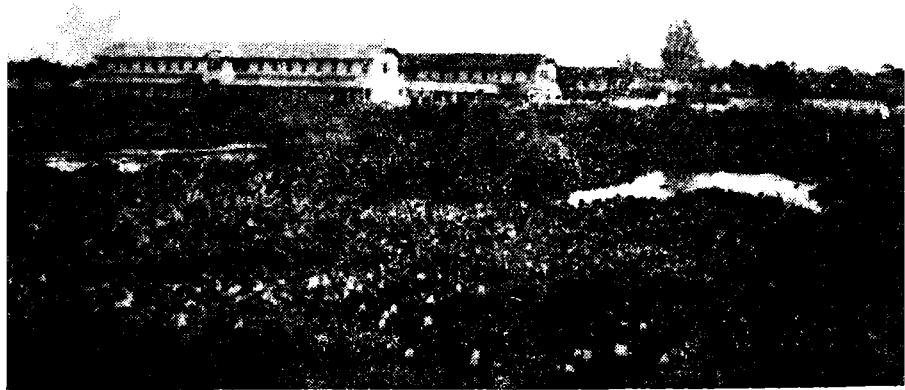
HAI TỜ BÁO ĐẦU-TIÊN Ở CẦN-THƠ

Le Courrier de l'Ouest và An-hà-báo. Nhìn lại Cần-thơ trong quá khứ, từ năm 1911, Cần-thơ bắt đầu có máy in báo, do luật sư Gallois Montbrum hiệp với nhóm nhà tư bản trong tỉnh sáng lập. Nhà in này lấy tên là « Imprimerie de l'Ouest », nhận in số sách giấy tờ của chánh-phủ và tư nhân. Rồi sẵn cơ-sở, đào-luyện một nhóm ăn-công thạo nghề, luật-sư Gallois Montbrum cho xuất-bản tờ tuần báo Pháp văn « Le Courrier de l'Ouest », là tờ báo đầu tiên của Cần-thơ. Chủ bút là ông Võ-văn-Thơm, huyện danh dự, thông phán tại Cần-thơ. Quản lý là ông Trần-đất-Nghĩa, giáo-viên. Báo có hai trang. Tiếng là tuần báo, nhưng có khi đến hai ba tuần mới ra được một số. Rồi ít lâu thì đình bẩn, bởi ít độc-giả và thiếu tay tô-diêm.

Rút kinh nghiệm về báo bằng chữ Pháp ít người đọc, năm sau (1912), ông Võ-văn-Thơm đứng tên chủ nhiệm tờ « An hà nhựt báo », kêu gọi các bậc nho văn quanh vùng viết bài. Bộ biên tập tăng cường gồm có quí ông Lê-quang-Chiều, Nguyễn-tất-Đài, Phạm kỲ-Xương tức Phạm-bá-Đại, Lương-khắc-Ninh v. v... Việc quản-ly vẫn giao về ông Trần-đất-Nghĩa.

Khoảng cuối năm 1913, do sự giới thiệu của ông Võ-văn-Thơm với luật sư Gallois Montbrum, ông Phạm-bá-Đại đảm nhận việc biên tập, đổi tên báo lại là An-hà-báo.

Trường Trung học Collège nay đổi tên là Phan thanh Giản



*Ngôi trường xây cất từ xưa, vẫn trường tồn đến ngày nay.
Nơi đây đã đào tạo biết bao nhân tài cho đất nước.*

**Ành Trần-văn-Bé
(Phongdin)**

Ông Phạm-bá-Đại người xã Thới-Long (nay thuộc quận Phong Phú, tỉnh Cần-thơ) xuất thân làm thơ ký túng sự với bác sĩ Lalung Bonnaire tại bệnh viện Cần-thơ. Ngay khi nắm bút quyền Aa-hà-báo, ông chỉnh đốn lại từ hình thức đến nội dung. Báo đài ra xuất bản hàng tuần vào mỗi chiều thứ bảy.

Võn là người có tâm huyết, ông Phạm-bá-Đại rất say mê nghề cầm bút, quyết tâm làm toàn vẹn sứ mạng thiêng-liêng của nhà ngôn luận. Nhưng mà biết làm sao hơn, khi mà thực dân hằng kiềm soát rất gắt gao.

Dưới các bút hiệu Thể Trung, Kiều-xuân-Hương, An-giang nử-si, ông viết đủ loại trong sự dè dặt thường lệ miễn sao còn có chút phương tiện gởi nhǎn với xa gần tâm sự ông ký thác trong một bài thơ « Cái đèn chong » đăng tải trên báo nhà.

Sáng chẳng bằng trăng cũng chóï loà
 Đèn chong tuy nhô tỏ gần xa
 Khêu tim chỉ dốc soi đường tối
 Cháy ruột phỏng toan rọi néo xa
 Canh lụn bạn cùng trang chí sī
 Đêm khuya nghịch với lũ gian tà
 Miễn là giúp ích trong thiên hạ
 Đầu nẽ ghe lăn gió tớp qua

Đến khoảng năm 1924, ông Trần-đắt-Nghĩa xin nghỉ làm quản lý nhà in, nhà báo, đề ra lập hàng xe đò chạy đường Cần-thơ - Nam-vang, — Cần-thơ - Saigon, — Cần-thơ - Rạch-giá. Người được mời thay chân quản lý là ông Đỗ-văn-Y. Ông Y vốn là một nhà cách-mạng, người Cao-lãnh, tạm dừng châa chốn Tây-thành.

Mãi đến năm 1932, sau khi luật sư Gallois Montbrum về Pháp, báo An-hà bỏ mòn dần rồi tự định bản.

Điều nên luận xét kỹ, nếu chẳng bị chánh quyền ràng buộc, ngôn luận được tự do, tờ An-hà báo chắc là khởi sắc hơn nhiều. Những cây bút có giá trị của miền Tây khi ấy cũng nhiều, nhưng có lẽ đều cùng chung một tâm trạng đau buồn thời thế.

Đến ông Đỗ-văn-Y kế chân làm quản-lý, tài năng và tâm huyết của ông Y như thế nào, lịch sử từng ghi chép rõ. Ông sinh trưởng nơi Cao-lãnh là đất sản xuất lăm nhà cách-mạng. Thọ khỉ bầm ấy nên ông cũng đã hy-sinh vì tờ quốc ít nhiều. Lúc thanh-

nhiên đang làm giáo học, ông bỏ chức theo phong trào Đông du, từng học lại «Trung Đức học đường», bốn ba hầu khắp các nước ngoài Trung-Hoa, Nhật, Đức, Pháp. Ông đã theo làm thông ngôn kiêm tùy viên cho Đức kỵ ngoại hầu Cường-Đề trong một chuyến Âu du năm 1913. Ở quyền Cuộc đời Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề, chính Kỳ-ngoại-hầu đã nhiều lần nhắc nhở đến ông với niềm mến mộ vô cùng. Con người ấy dừng chân nơi Tây-thành, lại vào làm quản lý một cơ quan ngôn luận, nếu đắc thế phải thời thì ông đã thúc đẩy tờ báo tiến mạnh, há thiếu khả năng phục vụ đê đến nỗi phải định bản tờ báo hay sao ? Chẳng qua cũng đồng một tâm trạng náo nè như ông Nghĩa khi nhìn bộ mặt tờ báo bị méo mó nghèn nghiệp nhiều quá, ông đành chịu đê cho báo đến nước cùng. Thà như thế còn hơn. Và mai sau còn đê cho người đời luyến tiếc, cảm phục được.

Huống chi, về trước Cần-thơ hãy còn có mặt một nhà cách mạng lão-thành khác là cụ Hội-đồng Nguyễn-thần-Hiển (xin xem phần Danh-nhân trong quyền này) và cụ đã chết vì tò-quốc vào năm 1914, tâm chí sỉ-phu Cần-Thơ há có hèn đâu. Văn-hóá trong buối ấy không phát-triển tốt đẹp được, do vì sao ?

Ngoài việc ấn-loát tờ An-Hà, nhà in « Imprimerie de l'Ouest » (sau này cũng đổi tên là nhà in An-Hà, chỗ nhà in Trần-Đất bây giờ) còn in và phò biến tại Cần-thơ nhiều tác phẩm có giá trị. Về giáo khoa Sách mèo An-nam bậc tiểu học và trung học của Trần Kim, An-quảng tân biên (tức tự điển Việt-Nam của Dominique Lê định-Ninh).

Về y học Nhi khoa luận tri của Nguyễn-xuân-Dương, loại sách y-học phô-thông của Nguyễn-văn-Xương.

Về văn học Bầm ông chủ (tiểu thuyết) của Huỳnh-văn-Tâm, Quán bên đường (thơ) của Trực-Thần v.v...

Trên đây toàn là những sách hay đáng kề, và còn nhiều nữa chúng tôi có xem qua từ lâu hết sức tán thưởng, rất tiếc lâu ngày quên mất tên sách, tên tác giả, mà lại không có sẵn nơi tủ sách đê kiêm diễm liệt kê.

Nói tòng quát, qua ngàn ấy sự việc chúng tôi đã trình bày, Cần-Thơ đã đóng góp khá nhiều và đáng ngợi về công trình xây dựng nền văn-hóá.

Rạp hát thuở xưa



Cần Thơ còn lưu dấu những hình ảnh xa xưa.
Đây là rạp hát của Thầy Lý, đã lui về trong quá khứ.
Hiện nay là chỗ Phong Dinh tưởu lâu.

Ảnh sưu-tầm

Bộ môn Sân-khấu Kịch-trường

TỪ ĐẠI BAN TRẦN-ĐẮT ĐẾN NAM NỮ CA-KỊCH-SĨ HỮU DANH CỦA TÂY-ĐÔ

Nói đến tên tuổi các nam nữ ca kịch sĩ lừng danh : Phùng Há, Tư Choi, Bảy Nhiêu, Năm-Châu, Tư Út, tưởng chăng ai là không biết. Dẫu người không mấy quan tâm đến bộ môn sân khấu kịch trường trong lãnh vực văn nghệ, đôi lúc át cung có nghe người xung quanh nói đến các ngôi sao ấy của giới ca cầm. Chính cô bảy Trương-phụng-Hảo (Phùng-Há), anh năm Nguyễn-thành-Châu đã bắt đầu nỗi danh khi đứng trên sân khấu đại ban « Trần-Đắt » của ông bầu Trần-đắt-Nghĩa, người tỉnh Cần-thơ.

Sau khi nghỉ làm quản-lý nhà in, nhà báo An-hà, ông Trần-đắt-Nghĩa trở nên nhè doanh nghiệp. Lập hàng xe đà, hăng rượu ngọt. Rồi đến năm 1930 ông ra làm bầu gánh, nêu cao bảng hiệu « Trần Đắt » Đại ban Trần Đắt thu hút hầu hết các minh tinh sân khấu lúc bấy giờ. Do đó, gánh Trần-Đắt nghênh nhiên đứng vào bậc nhất Nam kỳ, được khán giả hoan nghinh, đi trình diễn từ Nam chí Bắc.

Thế là về mặt ca kịch, Cần-thơ cũng đã rước được tiếng khen với một gánh Trần-Đắt khéo chỉnh đốn.

Đã có gánh hát, đã đem tiếng đàn ca gieo rải khắp đó đây, cô nhiên có ảnh hưởng lớn đến tâm trí những ai yêu chuộng nghệ thuật cầm ca. Do đó, lần lần Cần-thơ nỗi lên khá nhiều nam nữ ca kịch sĩ hữu danh.

Đáng kè trước nhất có cô Năm Nhỏ, một tài năng được ca ngợi là « Hậu tồ » của làng hát bội. Vì cô sở trường về hát bội.

Cô Năm Nhỏ quê quán ở Cái-Vồn (khi trước thuộc tỉnh Cần-thơ nay thuộc quận Bình-minh, tỉnh Vĩnh-long) Cha cô vừa là ông Bầu, vừa là anh kép của gánh hát nhà, nên cô nhiễm hát, tập hát rồi ra sân khấu. Ít lâu nỗi danh, cô được gia nhập đoàn « Phước-thắng » diễn hằng năm tại rạp Cô Tám do là Bà Hộ là ngoại tồ của ông bầu Nguyễn-ngọc-Cương (giám đốc đoàn cải lương Phước-Cương).

Tài nghệ của cô càng ngày càng tiến triển đến mức ai cũng khâm phục, cho là Hậu tò của nghề hát bộ.

Nhưng đến khi cao trào Cải lương được hoan nghênh hơn, làng hát bộ di dời vào chỗ lu mờ, cô Năm Nhỏ thất thời lui bước, bịn mất trong năm 1938 tại một gian nhà lá quạnh hiu ở vùng Lô-Siêu (Chợ lớn).

Sân khấu cải lương dần dần lấn át hát bộ. Giới cầm ca làm say lòng khán giả mộ điệu qua những dây tơ đồng kìm, tranh, cò, sến với những bài bản mới, du dương hấp dẫn. Nam nữ ca sĩ Cần-thơ có tiếng, đáng kể có Cô Năm Cần-thơ, và gần đây, gia đình Túy-hoa Anh-Lân trong ban ca kịch «Dân Nam» vẫn là người quê ở Tây-dô.

Chịu ảnh hưởng của gánh Trần-Đất, ít lâu tại thị trấn Cái rảng (xã Thường-Thạnh quận Châu-thành) cũng có ban «Đồng Tâm» được hoan nghênh một thời, với những vở tuồng khá hay của soạn giả Nguyễn-bá-Thọ

- 1- Một chữ đồng (tuồng xã-hội)
- 2- Uất trí giả diên
- 3- Đồng giao ti tiền (Phụng-Kiều — Lý-Đáng)
- 4- Mẫu tử đoàn viên (Lý-thần-Phi và vua Tống Nhân tông, vụ tra án Quách-Hoè) v.v...

Và soạn giả Bá-Ngo-Mai cũng được khen ngợi với bồn tuồng «Tiết Liễu lương duyên» (có in thành sách). Út-Trà-Ôn một danh ca khét tiếng ở Miền Nam với sáu câu vọng cổ quê ở quận Trà-Ôn.

Rồi theo đà phát triển, ngành ca kịch Tây-thành cũng từng đóng góp vào việc tô điểm bộ môn sân khấu trong lãnh vực văn-hoa. Cho đến gần đây, giới tài hoa son trẻ vẫn hăng hăng tò chørch nhiều đại nhạc hội, nhiều ban trình diễn văn-nghệ khả quan, như ban Văn-nghệ Ninh-kiều, ban «Tinh-hoa miền Tây». Soạn-giả ngày nay thì có Lâm-Tồn, Thanh-giang là hai cây bút của Cần-thơ từng có nhiều vở tuồng ăn khách. Nhạc sĩ Sáu Xiêm cũng có ngón đàn làm say mê lòng khán giả mộ điệu.

Về văn hoá, ngoài sự hoạt động của nhà in miền Tây (Imprimerie de l'Ouest) với 2 tờ báo Le courrier de l'Ouest và An-hà báo mà chúng tôi đã kề ở đoạn trên, tưởng cũng nên đề cao công trình của Hội Khuyến học Cần-thơ đã gop tay bồi đắp nền văn hoá nước nhà nói chung, điểm tô sắc thái thanh bạch của Tây thành nổi tiếng.

Đề tạo sinh khí cho văn nhân thi sĩ Tây đô, đề thúc đẩy giới tri thức lưu tâm đến tiền đồ văn hoá nước nhà mà cùng đứng đóng góp tâm huyết xây dựng, hội Khuyến học đã làm được những điều đáng kề.

1. Tổ-chức các cuộc diễn thuyết. Đầu tiên, ông Nguyễn-văn-Kính bút hiệu Bảo-Mỹ, nguyên Thanh-trai Tiêu-học tỉnh Cần-Thơ, diễn thuyết về «thi sĩ Tân Đà».

2. Mở giải thưởng văn chương tác-phẩm đoạt giải năm 1943 là quyền «Đồng quê» của Phi-vân.

Đông đủ tri-thức thuộc các thành phần trong xã hội gia nhập hội Luật sư, bác sĩ, nhân sĩ, công tư chức v.v.. Đặc biệt là hầu hết các cây bút hữu danh của Tây đô đều có mặt trong Hội Tây đô : Giáo-sư Nguyễn-văn-Kiết, Tố-Phang túc Thuần-Phong Ngô-văn-Phát, Trực-Thần túc Tam-Đức Nguyễn-trung-Ngôn, Trường-son-Chí Ung-ngọc-Ky, Tùng-Đức Mã-sanh-Long, Việt-Quang Tạ-minh-Quang v.v.. Ngày nay tên tuổi các cây bút kề trên, trong giới không ai là không biết.

Nữ sĩ Ái-Lan cũng từng là hội-viên rất nhiệt-thành, Hoa-si Văn Mười và cùng anh em văn nghệ sĩ Tây thành làm đẹp cho Tỉnh nhà chẳng ít.

Khách văn-chương vẫn thường lui tới luận đàm thể sự, xướng hoạ thi văn nơi Tao đàn Dương-Chí. Một khách thính văn nghệ (salon littéraire), của ông Dương-Chí Dương-Du-Cam, cựu giáo sư trường Trung-học Phan-thanh-Giản mà cũng là một nhạc sĩ điêu luyện ngón đàn tranh và có tiếng với nhiều nhạc khí khác. Đã có tài về cõi nhạc, ông Dương Du Cam cũng sành cả tân nhạc,

xử dụng tinh tường cả mấy nhạc khí phương Âu. Tài tình, phong nhã, ông lại có tâm hồn hướng ngưỡng về đạo-lý, sùng mộ đạo Phật, có chân trong Hội Phật-Học Cần-thơ. Đáng tiếc ông mất đi, Tao-dàn Dương-Chi mất nhiều nét đẹp.

Thi-văn-đoàn của các bạn trẻ Tây đô cũng dôi bước theo bậc đàn anh, kè cũng khá nhiều. Đặc biệt nhất có văn đoàn « Chim Việt ». Những cây bút đáng kề của « Chim Việt » có Trần-quang-Nghĩa, Thùy-Nhiên, Hồ-Hải v.v... Điều đáng khen là văn đoàn Chim-Việt còn cố gắng cho ra được một tờ tuần báo mang tên « Hoa Niên », hình thức trình bày thanh-nhã khả ái, nội-dung hay, vui, bồ ích.

Rồi thi lần lượt về sau, còn có thêm những thi văn đoàn mà bạn trẻ trong đoàn từng có thơ văn đăng tải trên các báo thủ đô như

Hồn xưa Nước mắt, Nhóm 20 người, Bút non, Sương khói lam, Hương trầm, Chân thành phố, Phương, Hoa sắc tím, Ái hữu chi nhánh Dòng Sông Hậu v.v...

Gần đây hơn, những mầm non văn-nghệ của Tây-đô gom về bốn thi văn-đoàn đang trên đà phát-triển :

Về nguồn
Thảo nhí
Vùng đất sống
Mẫu tuổi ngọc.

Thi văn đoàn « Về nguồn » do cây bút trẻ Trúc-Khanh, Lê-phước-Nghiệp chắp nom đòn đốc, hứa hẹn tương lai sáng lạng huy hoàng. Hai bạn trẻ Huyền-vân-Thanh, Lê-hoàng-Viện, Kiều-diễm-Phương đầy triền-vọng, thi văn đủ loại, từng đăng trên các báo hằng ngày, tuần-san, tạp-chí.

Hiện nay, Cần-thơ có nhật báo « Miền Tây ». Và trong tương lai, chắc sẽ có nhiều tuần báo, hoặc những cơ-sở xuất bản, chứng ấy Cần-Thơ sẽ xứng với danh tiếng Tây-đô biết bao.

ĐẸP CẦN THƠ QUA THI-CA

Lời nhà biên-khảo

Cần-thơ thơ mộng,
Cần-thơ mến yêu,
Cần-thơ người đẹp cảnh xinh
Địa linh nhơn kiệt Phong-dinh ruộng vườn
Thăng trầm khói lửa đau thương
Cần-thơ quật khởi trên đường phục hưng.

Xuyên qua những văn thơ trên đây khách lảng du từ trước tới nay chưa có dịp viếng Cần-thơ, hoặc có người cũng trải qua nhiều lượt, ít ra cũng cảm nghĩ đến hình dung cảnh vật, đất đai Cần-thơ như thế nào ?

Cần-thơ là một tỉnh trù-phú, dân-cư đông đúc, ruộng vườn giăng giăng rộng lớn, thuộc vùng chau thò sông Cửu Long đồng bằng, không có núi non nằm trong bình nguyên Nam phần Việt-nam

Về địa hình địa vật có nhiều sông rạch chằng chịt quanh co khúc khuỷu, mang theo màu mỡ của đất phù sa do sông Cửu-long bồi đắp, quanh năm nước ngọt, cây trái oằng sai, lại thêm các cô thôn nữ ngây thơ hiền lành chất phát với dáng điệu kiều diễm - đầy quyến rũ :

Cần-thơ cảnh vật tươi xinh
Gọi lòng du khách đậm tình nước non

Cần-thơ có thè nói là trung tâm của các tỉnh miền Tây Nam phần nói riêng, toàn lãnh thổ V.N nói chung, trực giao thông quan trọng địa thế thuận lợi về mọi mặt. Kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá v. v...

Là nơi kết tinh và phát xuất lấm nhơm tài làm rạng rỡ quê hương. Tìm hiểu qua địa hạt văn hoá của thời xưa, chúng ta không thể quên những cây viết tinh hoa, nổi bật trên nền trời văn học khắp nơi đều cảm phục, trong số có các cụ Bùi-hữu-Nghĩa, Phan-văn-Trị (tức Cử Trị) Lê-quang-Chiều, Nguyễn-thanh-Trường (Hồ-hữu-Tường hiện đại). Nói đến thế hệ trẻ, trong số nhà văn, nhà

thơ tại tỉnh ngày nay, chúng tôi hân hạnh được biết các bạn : Nam xuân-Thợ, Uyên-Thảo, nữ thi sĩ Kiều-diêm-Phương, Trúc-Khanh, Lan-Hương, cô Thanh-Nga, các bạn đã từng góp mặt trên văn đàn qua những bài văn, bài thơ, được màu sắc quê hương tình dân-tộc, nói lên từng vùng, từng quận ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên của làng mạc.

Đây là những văn thơ mô tả mảnh quận trong tỉnh Phong-dinh, dưới mắt văn-nhân thi-sĩ đầy vẻ mến yêu, tô đậm những nét đẹp Cần-thơ càng thêm duyên dáng.

Cái-Răng

*Cầu xưa ba nhịp Cái-Răng
Trơ cùng tuế nguyệt trầm thăng vân cồn
Tiếng con đò mộng thon-don
Tình quê bè cạn non mòn không phai*

Phụng-Hiệp

*Ngả bảy rẽ lối xuôi dòng
Cà-mau, Rạch-giá đau lòng chia ba
Ngàn năm không nhạt tình ta
Mến yêu non nước ông cha tạo thành*

Phong-Phú

*Ô-môn lúa tốt ngập đồng
Vàm nhon, Ba mít, đượm nồng ý thơ
Em về Tân-thới bờ vor
Ba-xe em ở bao giờ thăm anh ?*

Thuận-Trung

*Cò đỗ đã rách lâu rồi
Tiếng còn cò mắt bồi hồi nhớ em
Mơ buồn thử đợi nhìn xem
Cánh xưa còn đầy mà em đâu rồi ?*

Thuận-Nhơn

*Vàm Bi, Trà ết, Xà-no
Về đây còn nhớ câu hỏi năm xưa
Nửa khuya trăng nhạt sao thưa
Ngồi đây mơ mộng gió đưa trăng về*

Phong-Điền

*Em ôi Nhơn-ái Trà-niềng
Là nơi dõi lúa hẹn nguyên trăm năm
Trăm năm êm á hời cầm
Nguyên xưa còn nhớ anh năm anh mơ*

Hình ảnh quận Thuận trung xuyên qua thơ Uyên-Thảo, ngâm câu :

*« Trông về Thị Đội lòng lang tướng,
E ấp dài trang rám nắng đào »*

ai không chạnh tưởng đến câu ca dao từng gợi lòng ai se thắt

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về Thị Đội ruột đau chín chiều*

Thị-Đội vốn là con kinh nối liền Ô-môn (Cần-thơ) sang Rạch-giá.

*Lòng nhớ mong ai mà se thắt,
Nèo quê hương hun-hút áng mây mù !*

Tuy nhiên, hình ảnh Phong-điền qua các miền « Trà-niềng Nhơn-ái trăm năm đợi, nguyên thủy chung, lòng chẳng bước sang », thì tấm lòng son sắt của người Cần-thơ càng biều lộ rõ rệt.

Nguyên thủy chung vẫn là niềm可信 nguyên son sắt đá vàng của đồng bào miền Tây chan chứa tình yêu nước thương nhớ, trọn tình vẹn nghĩa. Nhất là những khi phong ba nỗi dậy trên đất nước, hình ảnh người lính chiến bảo vệ quê hương càng được nổi bật nét kiêu hùng, mơn-man qua ca dao thăm-thiết đẽ giục-thúc ai trên đường nghĩa-vụ

*Gió Vĩnh-Long về qua Sa-dec
Mưa Cần-thơ, nắng đẹp Long-Xuyên
Em là cô gái Hà-tiên,
Nhớ anh lính chiến qua miền hậu-giang*

Đã theo dõi Uyên-Thảo thăm qua sáu quận tỉnh Phong-dinh, xin mời bạn lại theo viếng làng quê chợ quận, thôn xóm yên tĩnh với những tâm hồn thuần phác mộc mạc đáng yêu, qua ngòi bút

thi sĩ Trúc-Khanh

Xóm Chài

*Mây trắng Căn-thơ vương tóc em
Chiều mờ là lượt mây con thuyền
Đèn lên bến nhỏ sầu manh lướt,
Đưa đón nhau — đò qua nửa đêm*

Mái Dầm

*Em Mái Dầm sông xa lớp lớp
Băng lăng mọc tim lối lên trời
Khói tàu bay trắng vàm kinh nhỏ
Đôi mắt em — màu xanh biền khơi.*

Băng-Tặng :

*Băng-tặng xóm trồ nghèo xơ xác
đồn cỏ — nền hoang — thuở tối tăm
phố chợ trời mưa dầm uất đất
vào thương đè mông nếp trắng rầm*

Bình-Thủy

*Bình-Thủy đường chân loang loáng nước
về em — theo cỏ rói Long-tuyền
mưa rơi tháng sáu dài hoang lệ
trầm bóng sao cài dang ngã nghiêng*

Bình-Minh

*Trưa nắng em về sông Bassac
hồi chuông chiêu niệm buổi bình-minh
nhớ nhau qua giáo đường năm ngoái,
quanh vắng rồi em — đứng một mình*

Cái-Răng

*Và Cái-Răng trời lên dáng xưa,
lời Trung-hoa vọng buồm giao mùa
thương em áo trắng buồn đơn chiếc,
hai đứa xa từ trong giấc mơ,*

« Căn-Thơ » của Trúc-Khanh

Dạo gót ở nhiều nơi, quay về tinh ly. Xa trông kia ai đứng
ngóng đò nơi bến vắng. Tâm sự ai man mác khi đò đã ra khơi

mà mình lỡ chuyễn. Bâng khâng chạnh cảm, nữ sĩ Kiều-diễm-phương nói lên tâm sự của người băn khoăn nghĩ ngợi chuyện ngày mai :

*Tây-đô sóng nước lặng lờ trôi
 một chiếc đò con tách bến rồi
 thấp thoáng bên kia người vẫy gọi
 lạnh lùng đò vẫn lướt ra khơi.
 Đôi mắt trông theo vời vợi buồn
 cái đầu lặng bước bóng chiều buông
 đò đời lỡ chuyễn thôi dành vội
 chẳng biết đò duyên có lỡ không ?*

« Lờ chuyễn đò » của Kiều-diễm-Phương

Nhưng đò đời lỡ chuyễn phải tạm dừng chân, dù đường chiều phố vắng lặng gió đều hiu, du khách ơi, nét đẹp Tây-đô hay bất cứ đâu đâu trên cõi Việt muôn thuở vẫn như bừng sắc qua cánh áo trắng nữ sinh, tiêu biều nét kiêu trinh thuần Việt, Đông phương trang nghiêm khả ái

*Hoang vắng hoàng hôn trái phố chiều
 trên con đại lộ gió đều hiu
 vài cô áo trắng đi trong nắng
 lướt thướt mây trời quyền bóng chiều.*

*Néo vắng đưa về một nữ sinh
 thơ ngày về đẹp về bäng trinh
 gió vờn nhẹ nhẹ hôn tà áo,
 lởt hởt trên môi ngọt ý tình*

« phố chiều » thơ Kiều-diễm-Phương

Cảm tưởng những lời diễn tả của các bạn thi nhân qua sắc thái từng địa phương, nói lên với tấm lòng tha thiết yêu mến quê hương, cốt làm sống lại mảnh đất của tiễn nhân đã đem xương máu gầy dựng với những trang sử oai hùng bất khuất.

Ngày nay thế hệ trẻ nặng lòng vì non sông, chỉ mượn ngồi bút dệt nên những dòng thơ lưu niệm, góp phần tô điểm trong tác phẩm này càng thêm phong phú, để làm món quà tinh-thần tặng qui bạn bốn phương, muối tim hiều phần đất Hậu-giang thơ-mộng, non nước hữu tình, diễn tả qua bao cốt chuyện hữu ích đáng đề cao.

cảnh đẹp trên sông Càmthơ



*Quản chi dãi nắng dầm mưa,
Một lòng đợi bạn ngày xưa trở về !*

TÌM HIỂU

Phong tục tập quán miền Nam qua mấy vần ca-dao

Nước Việt-nam trải qua bốn ngàn năm văn hiến lịch-sử, nhưng đặc tính dân tộc không sao mất được.

Chúng ta là người dân Việt đã hấp-thụ nền văn-hoa cõi truyền tự bao thế kỷ, há không nêu công ơn tờ tiên qua những lời thô sơ mộc mạc, nhưng đầy ý nghĩa thanh cao và chất phác của người miền Nam.

Hôm nay chúng tôi mạo muội trình thiêng khảo cứu qua những vần ca dao miền Nam văn vặt, hiến quý bạn đọc có tinh thần hiểu cõi thường thức không đến dỗi là vô bờ.

Nhưng lòng rất băn khoăn một nỗi lo âu, là trong thời khoa học ánh sáng văn minh gieo rắc từ thành thị đến thôn quê, mà nhắc đến những câu chuyện mộc mạc như thế, chắc cũng có người cho chúng tôi là lạc hậu.

Thiết tưởng ở đời, cây cối nước có nguồn, vì lẽ đó mà chúng tôi không ngại nêu lên những câu nói ấy để làm sống lại tình quê hương dân-tộc.

Chúng tôi xin mở đầu những câu dưới đây

*Mẹ già ở túp lều tranh,
Sớm thăm tôi viếng mới dành dạ con.*

Tuy nhiên ca dao miền Nam phản ánh cả tinh thần dân-tộc và đã nhiều phen thúc đẩy lòng hiếu thảo của con người, nhớ đến câu sanh thành dưỡng dục, nhắc nhở đồng bào phụng sự trên đường chánh nghĩa

*Anh ôi phải lính thì đi.
Cứa nhà đơn chiếc đã thì có em.*

Nó đã ung đúc biết bao nhiêu liệt nữ anh hùng, cha lành, con thảo, thế thi các lời ca ấy, đâu muôn nghìn đời về sau vẫn là mồi mẻ ta không thể lãng quên được.

Mẹ dạy con gái

Một khi con gái lớn lên, đến tuổi dậy thì, mười lăm, mươi bảy tuổi, thì mẹ đã cẩn dặn giữ gìn nết na cho đoan chánh

*Ra đi mẹ có dặn răng :
Làm thân con gái chờ ăn trầu người*

Chừng có đỗi có bạn rồi thì :

*Con gái có hai bên sông
Bến đực thì chịu bến trong thì nhở*

Người xưa rất nghiêm khắc, trong nhở đực chịu, không nên lộn nài tháo ống, mà mang tiếng gái lộn chồng :

*Trăm năm trăm tuổi may rủi một chồng
Dẫu ai yêu phụng vê rồng mặc ai !*

Thiếu nữ nào vẹn toàn công ngôn dung hạnh thì kè kính người vì, chờ ai có màng chi người đẹp mà trắc nết lảng lơ :

*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.*

Cha dạy con trai

Đã sanh làm thân con trai thì phải làm sao cho xứng đáng với đời, tròn câu hiếu thảo không hổ mặt với xóm làng

*Công cha nghĩa mẹ chờ quên
Ôn vua lực nước mong đèn con ơi
Như vậy mới gọi răng trai
Trên lo nghĩa chúa dưới mài thảo thân*

Cha lại còn nhắc nhở

*Chữ răng hổ tử lưu bì
Làm người phải đê danh gì hậu lai*

Và

*Làm sao giữ trọng đạo ba
Sau dẫu có thác cũng là thơm danh*

Trong sự lập thành gia thất, cha mẹ dặn con, đối với cha mẹ vợ, cũng luôn luôn đối đãi cho ra vẻ con nhà lễ giáo :

*Tới đây thủ lễ nghiêng mình
Dẫu không dặng vợ cũng tình mẹ cha*

Rủi cơm không lành canh không ngọt thì

*Bình phong cản ốc xa cù
Vợ hư đè vợ, đừng từ mẹ cha.*

Đức hy sinh của phụ nữ :

Chẳng lựa phải nói, độc giả cũng thừa hiểu rằng trong việc nội trợ tề gia, đức hy sinh của người phụ nữ Việt-Nam thật vô bờ bến !

Chúng ta hãy nghe những câu hát sau đây

- *Có con phải khóc vì con,
Có chồng phải gánh giang san nhà chồng.*
- *Có chồng phải lụy cùng chồng,
Đảng cay phải chịu mặn nồng phải theo.*
- *Lên non thiếp cũng lên theo,
 Tay vxin chân trèo, hái trái nuôi nhau.*
- *Đi đâu cho thiếp theo cùng,
 Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.*

Cảnh chia ly

Nhưng nếu vì hoàn cảnh bắt buộc mà không được theo chồng thì vợ lại an ủi

*Anh đi em ở lại nhà
Hai vai gánh nặng, mẹ già con thơ.*

Khi chồng đi vắng, các bạn nữ nhi không khỏi buồn lòng :

- *Anh đi lưu trú Bắc thành
Đè em khóc héo như hành mai khô*
- *Phụng hoàng lè bạn sầu tư
Em đây lè bạn cũng như phụng hoàng*

Buồn thì buồn vậy, nhưng vẫn không quên nhiệm vụ khuyên chồng ra đi, tức là không ngại hy sinh vì chánh nghĩa

*Anh ơi phải lính thì đi
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em.*

Mấy câu hát trên đây có lẽ ra đời dưới thời Gia-long, vì sau khi thống nhứt san hà, Gia-long còn bắt lính tráng trong Nam đem ra Trung Bắc xây đắp đồn lũy.

Tòng trấn thành Gia Định, lúc bấy giờ là Lê-văn-Duyệt nhiều phen dâng sớ nhắc nhà vua cho lính về quê, bởi vua Gia-long có hứa ngày nào thâu phục cơ đồ thì lính Nam kỳ được hồi hương lập túc. Song vua Gia-long tái tạm khuyến dụ, chứ chưa chịu giải quân, làm cho chính phụ ôm mối hận tình

*Ra đi em một ngó chừng
Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao*

Lúc ấy chính phu không khỏi xót xa gan bào ruột thịt, muốn nói mà nói không ra lời

*Lên xe túc một tiếng còi,
Thương con nhớ vợ, lệnh đòi phải đi.*

Đoàn kết

Một quốc gia hùng mạnh, dân tộc có nhiều chí khí, khó mà thành công, nếu không biết đoàn kết, nghi kỵ chia rẽ, vì đoàn kết thì sống mà chia rẽ thì chết

*Non cao ai đắp mà cao
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu*

Đó là một công trình của một thế hệ. Mọi người trong xứ đối xử với nhau đều có quan hệ mật thiết

*Sầm bên Đông động bên Tây
Tuy rằng nói đó nhưng đây động lòng
Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng
Ở cho phải nghĩa phải nhân
Cây Đa cây Thăng, Thăng cây cây Đa.*

Trong chương phong tục này, chúng tôi xin thêm vài câu nhận xét về tình thường mà người ta thường nói, thành ra những câu ấy đã in vào trí nhớ của giới bình dân được truyền tụng đến ngày nay

- *Mười ba trăng lặn gà kêu*
Mười bốn trăng lặn gà đều gáy tan
- *Đêm khuya thức dậy xem trời*
Thấy sao bên bắc đổi dời qua Nam
- *Sao hôm chờ đợi sao mai*
Trách lòng sao vượt thương ai băng chừng

Về thời tiết

- *Chuồn chuồn bay thấp trời mưa*
Bay cao trời nắng đậm dừa em ăn.

Đất nào cũng có thời sản này, cho nên có câu

- *Gió dừa gió đầy vè rẩy ăn còng*
Vè sông ăn cá, vè đồng ăn cua

Đồng bào Việt-nam ta lúc nào cũng vui sống, quanh năm làm lụng vất vả, đê mong đến Tết được thoả thích ăn chơi

- *Cu kêu ba tiếng cu kêu*
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè.

Mặc dầu ca-dao ở miền Nam chuyên tả tình cảm, song ca-dao còn là tiếng nói của các bạn bình dân, nó là sản phẩm của đồng ruộng, của làng mạc sau lũy tre xanh, nên nó phản ánh cả phong tục của dân quê ta vậy.

Chúng tôi sưu tầm qua một ít ca dao trong quyển «Phong-tục miền Nam qua mấy vần ca dao» của cụ Đào-văn-Hội, hầu cống hiến bạn đọc tìm hiểu thêm ý của người xưa đối với người nay rất xa biệt.



Đây là ít vần thơ của một tu sĩ
cảm tác khi trở lại Tịnh xá Ngọc Minh,
sau một thời gian xa cách

Tái-ngộ Càn-thơ

Chiều mười chín, một chiều trời oi - á
Trên từng không tung cánh một đàn chim
Gió rì - rào . . . , sóng mợ lượn êm êm
Tôi dừng bước đây Ngọc-Minh Tịnh - xá.

Ói ! Cảnh vật, sao tiêu - điều hoang dã ?

Xưa Bồ - đè xanh ngắt lá xum - xuê . . .

Đàn chim ca riu rit rộn bay về

Cây Phượng vĩ khoe tàng xanh che mát.

Hồ trong vắt, sen hồng hương ngan ngát
Ánh đèn màu chớp, nhoáng, rạng hào quang
Nhưng than ôi ! Bao cảnh đẹp huy - hoàng
Theo ngày, tháng, đã lui về dì - vãng !

Đây, Tịnh-xá ôi ! nằm trong hoang vắng !

Đây, tàng dừa, ôi ! cắn - cỗi xác xơ !

Đây, Bồ - đè tróc gốc, hết nên thơ !

Chỉ còn lại vài hàng cây « sâu đũa »

Thoáng mắt dừa : gió vàng lay ngọn lúa
Chạnh nhớ câu : « Sắc Sắc túc Không Không »
Sao thế - nhân mê - mải chốn bụi hồng ?
Rồi kết cuộc « Vạn ban đô thị giả ! »

Tuy chẳng phải : « nương dâu thành biến cả »

Song cũng là « Tịnh-xá hoá đường đi ! »

Cảnh đã thay, đã đổi, đã biến đi !

Còn tâm - đạo, đạo - tâm ra sao nhỉ ?

Nhân, dừng gót muôn phượng, nơi tình - lý
Dẹt vần thơ, kỷ - niệm đến Càn - thơ
Vì kiếp tăm đến thác vẫn vương - to
Đè đèn trả nợ dâu cho nhân - thế.

Phần thứ sáu

CÀN-THO' xưa,

PHONG-DINH nay.

★ Trên đường phục-hưng và kiến-thiết

BẾN LÊ-LỢI NGÀY XƯA



Bến này, xưa là nơi tập trung các ghe thương hồ mua賣 bão địa phương thường gọi là bến Hàng-Dương.

BẾN NINH-KIỀU NGÀY NAY



Trên đà chỉnh trang kiến thiết đô thị, bến Lê-Lợi đã được g, những cây hai bên vệ đường đều triệt hạ, dưa bờ sông trên làm công viên, để bǎng cho du khách nghỉ chân hóng Quang cảnh xưa và nay khác nhau xa biệt.



Bến Lê Lợi ngày xưa

Một nhà văn đã viết “Bạn có về Cần-Thơ nhớ ghé thăm cảnh đẹp Tây-dô, một thành phố giàu sang xinh đẹp, nằm cạnh dòng sông Hậu dại hiền...” Tây-dô đẹp. Những nét đẹp muôn đời phát huy trình độ dân-tộc nơi đây càng ngày càng vượt tiến. Mỗi lần đặt chân qua đây là du-khách không bỏ lỡ cơ-hội dạo bến Ninh-Kiều. Không một du-khách nào là chẳng nghe nói đến bến Ninh-Kiều của Cần-Thơ.

Bờ sông Cần-Thơ khi xưa vẫn thường đậm-dìu khách lăng-du. Những đêm trăng, trên sông vang ngân tiếng hò đối đáp của khách thương hồ, tiếng đàn hát của khách cầm ca. Do đó, tương truyền khi chúa Nguyễn-Ánh náu mình ở Cần-Thơ, đặt tên cho con sông là «Cầm thi giang», nghĩa là con sông của thi ca đàn hát. Lâu ngày gọi trại đi, hai chữ «Cầm-thi» biến thành «Cần-Thơ».

Lúc bấy giờ bến sông Cần-Thơ vẫn chưa được tay người tô điểm. Những hàng cây dương, cây sao đua nhau soi bóng dưới lòng sông gợi cảnh hữu tình đầy thơ mộng.

Mỗi buổi chiều về, các cụ bô lão đầu chít khăn điếu, tay chống gậy, ung dung chậm rãi nhẹ bước tiến theo bờ sông ngắm cảnh. Các cô thôn-nữ ngày thơ duyên dáng, mặc áo trắng quần lanh đen, bới tóc thả vòng bánh lái cũng góp mặt nơi đây. Cảnh trí hữu tình quyến rũ biết bao thi nhân mặc khách nói lên của thuở thanh-bình.

Chiều lộng gió, từng đàn cò trắng chui chít kêu vang tụ họp
chập chờn đáp xuống trên những ngọn cây ngập trăng.

Vầng dương vừa khuất bóng. Cảnh hoàng hôn buông xuống
khắp cả núi sông, gợi bao tâm tình kỷ-niệm, hồi tưởng qua những
mùa chuyện xa xưa mà nhớ đến tiền nhân đã dày công gian khổ
xây đắp bến Cần-thơ, trồng từng gốc cây, lắp những hầm hố sinh
lầy, tuy không mỹ quan nhưng đó là hình ảnh lưu dấu muôn đời
gắn vào lòng dân đất Trấn-giang cẩn nhớ đến...

Sau thời quân Pháp đến chiếm Trấn-giang của Nam-triều, lập
Toà Bổ tại Cần-Thơ do Đại-Úy Nicolaï làm Chánh-tham-biện từ 1876
liên tục các trào tham biện khác Villard, kế Nicolaï trở lại lần thứ
hai, Lebrun Boquillon nối tiếp v.v.. Từ đây chầu thành được mở
rộng, các công sở dinh thự dựng lên, bến Cần-Thơ được chỉnh-
trang cần đá xây gạch theo chỗ cũ để ngăn sóng thủy triều dọc theo
bờ sông, để làm thành cái bến. Thông thường chỉ là bến ghe, bến
tàu lục tinh, vì các tàu bè chạy khắp miền Hậu-giang đều ghé bến
ở đây mà chuyên vận hàng hoá, đưa rước hành khách.

Đồng bào địa phương thường nhóm họp mua bán theo bờ
sông rất phồn thịnh kêu là Bến Hàng Dương.

Do đó bến này được mang tên là Quai de Commerce.

Với hình ảnh bến Cần-Thơ khi xưa chúng tôi sưu tầm được,
đem ra đối chiếu với cảnh ngày nay, tuy có vẽ mỹ quan lộng lẫy,
nhưng sánh ra đâu bằng cảnh trầm lặng với bộ mặt khiêm-tốn của
thời xa xưa.

Mặc dầu cảnh cũ đã lui về với quá khứ, nhưng hình ảnh
ấy đã gợi cho những ai có tinh thần tồn cõi, hoài bão quê hương
mến yêu non nước, nhìn bóng không khỏi ngậm ngùi luyến tiếc,
muốn tìm lại bến Cần-Thơ khi xưa đâu còn nữa ?

ĐƯỜNG LÊ-LỢI NGÀY XƯA

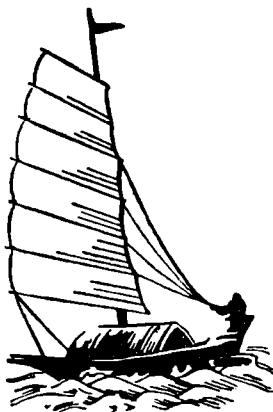


Đường Lê-Lợi ngày xưa, hai bên có những cây cổ-tho giao đầu phủ lá, tuy không được quang đãng, nhưng rất trầm lắng.

BẾN NINH-KIỀU NGÀY NAY



Những cảnh cũ đã lui về trong quá khứ, Tây-đô ngày nay hiện lên với bộ mặt mới mẻ, đường sá nói rộng, cảnh trí hai bên bờ sông Cần-thơ được sửa đổi, mang tên là bến Ninh-kiều.



Bến Ninh Kiều ngày nay

Khoảng năm 1954, xoá bỏ hết tàn tích thực dân, triệt hạ những cây sao bóng mát, tấm bản mang tên Quai de Commerce đổi lại là Bến Lê-Lợi. Rồi dần dần chỉnh trang thành phố, sửa đổi bộ mặt bến sông.

Trước kia, xuồng ghe thương hồ đậu tấp nập dài suốt bến, tạo thành bến chợ hơn là bến dạo mát. Chính-quyền bèn dành riêng một khoảng bến, sắp đặt phong quang mỹ thuật, làm nơi du khách thoả tình hứng gió, ngắm cảnh. Bến rộng 14 thước, dài 440 thước, một đầu là căn cứ Hải-quân, một đầu là chợ Cân-tho. Một vườn chơi trẻ em xinh xắn nằm gần căn-cứ Hải-quân.

Ngày 4 tháng 8 năm 1958, ông Bộ-trưởng Nội-vụ là Lâm-Lê-Trinh từ thủ-đô xuống chủ-toạ cuộc lễ khánh thành, đặt tên là Bến Ninh-kiều.

Vì con đường nằm dọc theo bến mang tên là Lê-Lợi, nên đặt tên bến là «Ninh-kiều» để kỷ-niệm công một chiến tích oai-hùng của Bình-Định-Vương Lê-Lợi tại bến Ninh-kiều, ở đất Bắc thuở xưa. Trận đánh ở bến Ninh-kiều, Tụy-động, Lê-Lợi đã khiến quân Minh kinh hoàng khiếp phục

«Tụy-Động thây phơi đầy đất
«Ninh-kiều máu chảy thành sông.

Mang tên kỷ-niệm một chiến tích oai hùng cũng như những tên bến Bạch-đằng, Chương-dương, Hàm-tử, nhưng bến Ninh-kiều có sắc thái riêng, vẻ đẹp riêng. Những tảng đá xanh cấu kết tạo thành bờ sông kiên cố. Những cây chà là với các tàu lá nhô ra như ngọn mẩy cây dừa kiềng. Lá cây màu vàng, sắc vàng quý phái, trang điểm cho nét đẹp về chiều. Dọc bến có chùa một lè đường cho du khách thả rong theo bờ sông nhìn nước Hậu-giang in bóng trăng rằm trong mát. Một hàng băng đá đê du khách nghỉ chân, mắt hướng về phía bên kia sông Xóm Chài le lói ánh đèn dầu, yên tĩnh và bình thản, xa hơn, cù lao Bần lờ mờ trong màn đêm,

Còn có những con đò đưa rước khách qua sông hoặc chiều lòng khách thả trôi thuyền trên dòng nước đê nhìn lên thành phố rực ánh đèn. Ngồi nơi băng đá, những ánh đèn tròn gắn trên đầu trụ đứng, tỏa ánh sáng mông lung.

Công viên xanh rì thảm cỏ. Những lối đi tráng nhựa, với lề xi măng len lỏi vào sân cỏ trông đẹp mắt. Mỗi một cây kiềng có tàng «kỹ thuật» (cắt, uốn cẩn thận) vòng tròn thật lớn, cao và rợp bóng mát ; xung quanh có con đường tròn với ba lối đi vào đê tìm bốn chiếc băng đặt đâu lưng nhau. Vào những buổi chiều, du khách tha hồ vào đây nghỉ ngơi. Thêm một hàng cây dương giống loại cây tung, thẳng đứng, xếp thành đường thẳng dọc theo lè đường Bến Ninh-kiều như tro gan cùng mưa nắng.

Ban ngày, bến Ninh-kiều còn là nơi hành nghề của những nhà nhiếp ảnh. Du khách sẽ bắt gặp biết bao nhiêu kiều ảnh mới xinh đẹp của bến Ninh-kiều với hình dáng của du-khách, trên bảng treo quảng cáo của các nhiếp-ảnh-viên Văn-Mười, Văn-Kính, Hoàng-xuân-Sít v.v

Về đêm, từng đàn em bé gái, bé trai đội từng xè mía, rồ đậu mòi mọc du khách. Ở đây du khách sẽ nếm được chất ngọt ngào của mía Cần-thơ, mùi thơm của đậu phộng rang nóng bỏng. Phía đầu chợ, còn có những quán nước, xe trái cây, quầy chè, gánh hột vịt lộn, xe mì, cháo, hàng đồ nhậu mọc lên như nấm. Bãi đất trống bên bờ sông bấy giờ biến thành một khu chợ lộ thiên, chơi chan bóng đèn ngũ sắc như sao sa. Người mua kẻ bán ồn ào.

Chinh-phụ Ninh-kiều



*Chờ anh chờ khâm thuyền hy-vọng,
Về bến vinh-quang dệt mong lành.
Cánh cũ nước trăng xinh đẹp quá,
Thuyền xưa chớ dề nước chia dòng.*

Ảnh Văn Mười
(Phongdinh)

Những đêm thứ bảy, chủ nhật hoặc những ngày lễ, bến Ninh-kiều có trinh diễn văn-nghệ, nơi sân khấu thiết-lập trên cây cầu bắc nhô ra sông. Những màn phô diễn tân cờ nhạc với giọng hát địa-phương vang lên lời ca dân-tộc.

Trai thanh gái lịch dập diu. Nếu ở Thủ-đô du khách rất ít khi thấy những tà áo bà ba, áo dài tha thưốt, thì ở đây còn có những vẻ đẹp đó, gợi lên hình ảnh thân yêu tự muôn đời.

Cái đẹp của Ninh-kiều là dáng đẹp thùy mị, dáng yêu. Càng ngắm cảnh Ninh-kiều, người ta càng thấy tấm tắc khen thầm sáng kiến của ông cựu Tỉnh-trưởng Đỗ-văn-Chuóc — người đã tạo cho Cần-thơ một bến xinh tươi thơ mộng.

Du khách mỗi lần qua đây đều phải ngậm ngùi khi : Từ biệt Ninh-kiều

*Tôi đến đây năm hôm rồi em,
lang thang qua phố mưa buồn đêm.
Ninh-kiều bến đợi ai xa lạ,
tôi chỉ mình tôi ngắm bóng mình.*

*Thuốc đóm loè như đèn trên sông,
thuyền ai về đó có xuôi dòng !
tôi người xa xứ đi phương lạ,
đến chảng ai mừng — đi cảng không.*

*Làm khách năm hôm làm khách tro,
gió mang ý lạc nhớ cõi phòng.
ở đây son phấn lén từng đợt,
đã bần bao nhiêu đời trắng trong ?*

*Mai này giã từ Tây-đô ơi !
duyên em còn ửng nét môi cười.
hãy quên tóc rối người lang bạt,
đừng nhắc chung tình, hẹn lứa đôi.*

*Cho nưóc Tiền-giang êm thẳm chảy,
Hậu-giang cảng ngọt thuyền đò xuôi.
nửa đêm quán tro ngùi tâm sự,
mai lại làm thân én cuối trời.*

(thơ Phan-yến Linh)

Cố Trung-tá Lê-hăng-Minh trong Quân-đội Việt-Nam Cộng-hoà khi «Về Phong Dinh», đặt bước noi bến Ninh kiều vẫn nghe dạt dào sóng cảm, man mác hồn thơ khi ngắm cảnh nhớ người xa vắng

*Phong-dinh có bến Ninh-kiều,
Có dòng sông đẹp với nhiều giai nhân.
Cuộc đời luồng những phù vân,
Trở về bến cũ cố nhân xa vời !
Thân em như cánh «hoa rơi...»
Thân em như cánh chim trời bơ vơ !
Yêu em lỡ cả cuộc đời,
Nhớ thương chỉ gởi mây trời từ đây*

Về Phong-dinh ngắm lại bến Ninh-kiều, bâng-khuâng chạnh nhớ bóng dáng người yêu từng sánh đôi nhau trên bến đẹp, luồng cảm-xúc niềm đau «Dang-dở». Hăng-Minh lại vang ngân tơ lòng tha thiết :

*Anh về mong đợi đường tor
Cùng người em gái bên bờ Phong-Dinh.
Thương thay cái kiếp duyên tình,
Tình không trọn vẹn duyên mình dở dang !
Bao ngày cách trở quan san,
Trở về bến cũ em vừa sang ngang !
Từ đây chia cách đôi dang,
Kiếp này không họp thời bàn kiếp sau.*
(thơ Hăng-Minh)

Từ khi còn là bờ sông Cần-thơ đến khi mang tên bến Ninh kiều, bến Ninh-kiều đã trở thành một địa danh lừng lẫy

*Cần-Thơ có bến Ninh-kiều,
Mỗi chiều thứ bảy người nhiều như nêm.
Đẹp xinh cảnh sắc về đêm
Nhìn sông thấy nước nhớ thêm tình người*
(thơ V. Th.)

Và thăng cảnh Ninh-kiều sẽ còn hứa hẹn duyên dáng hơn lên trong dịp trùng tu gần đây.

Cầu Đôi rạch Cái Khế



Một quang cảnh nên thơ đầy quyến rũ, nơi rạch Cái Khế có bắc hai cây cầu đôi chạy hai chiều, tiện cho sự giao-thông trong thành phố, xe cộ khởi bì ú động.

Dưới dốc cầu, dựa bờ rạch có một huê-viên tân tạo.

*Đêm về, dòng bào quanh vùng thường thả bộ ra bến Nhị-Kiều
đạo mát.*

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

Bờ rạch Cái-Khế ngày xưa Bến Nhị-kiều ngày nay

Gần xa mến cảnh Tây-đô qua bến Ninh-kiều, thiết tưởng
không thể không thường lâm đến bến... Nhị-kiều.

Bến Nhị-kiều nằm dọc theo rạch Cái-khế, từ đầu đường
Cống-quỳnh đến gần vườn Đàm-Tiên. Nhưng đáng kề nhất là
khoảng từ cầu Xán Thời qua khỏi cầu Đôi Mới.

Gọi là bến Nhị-kiều, vì trên khoảng đường dài theo con
rạch Cái-khế này, từ đường Duy-Tân qua Cống-quỳnh, có hai cây
cầu đáng kề. Một cây cầu đúc mới, rộng rãi xinh đẹp, thay cho
cây cầu đôi cũ ; một cầu đôi mới dựng nên khi đẹp cầu đôi cũ,
nay ngibiêm nhiên đề y như thế, tô đậm thêm duyên dáng yêu kiều
của vùng Cái-khế đang chuyền mình vươn lên, phô màu khoe sắc.
Hai cây cầu còn ở hai đầu đường Duy-Tân và Cống-quỳnh, vừa
tiện lợi cho sự giao thông, xe cộ khỏi bị kẹt, vừa làm tăng thêm
cảnh trí sắc xảo đẹp mắt.

Con rạch Cái-khế bao vòng cùn Cái-khế, một nhánh nhỏ
của Hậu-giang, xưa mang tên là Liêm-hà. Dưới mắt cụ Thủ-khoa
Bùi-hữu-Nghia, Cái-khế khi xưa cảnh vật êm đềm, không khí trong
lành, dân tình mộc mạc :

*Sông Liêm thu tiết muộn raw day
Ông óng hơi ca rộn xóm chài
Rẽ nước om sòm con sóng vỗ,
Ven trời thời thời nhạn hàng bay
Cây cao gió thúc nhành hoa khuất
Hoa rụng dòng xuôi nước chảy đi
Thuyền nhỏ một chèo chưa định chỗ,
Đêm tàn trên tháp, rượu ve đầy*

Ngâm ngợi bài thơ của cụ Thủ-khoa đề miên man hồi tưởng
cảnh Cái-khế xưa, rồi sực nhìn lại Cái-khế ngày nay đang trên đà
kiến-thiết, tân tạo mỹ quan, lại thêm một bên Nhị-kiều điểm xuyến
cảnh trí, hẳn du khách sẽ cảm thấy khó quên Cái-khế.

Một khoảng đất rộng dành làm bến, có trồng các loại cỏ tựa bến Ninh-kiều như trải thảm xanh, trông dịu mắt. Lối đi nhỏ len vào sân cỏ mà từ trên đường nhìn xuống người ta có cảm giác như từ trên một ngọn đồi nhìn xuống đồng ruộng xanh màu mạ. Những chiếc băng đá xếp vòng theo bốn cột trụ sắt, trên có mái che mát, thích hợp cho du-khách từ những miền xa xôi về đây ngắm cảnh. Đẹp hơn nữa, mấy cây điệp trồ bông đỏ ối, đó là những nét đặc biệt mà bến Nhị-kiều đã thu hút khách qua đây.

Ban ngày, bến Nhị-kiều nghiêm-trang nằm phơi dưới ánh nắng oi nồng của mùa hè, dưới cơn mưa tầm tã của mùa mưa tháng sáu, nhưng qua cơn nắng đốt mưa chan, cảnh trí xinh lịch vẫn là xinh lịch đầy quyến rũ.

Thật ra, bến Nhị-kiều đâu sánh nòi bến Ninh-kiều. Tuy nhiên, với vẻ khiêm nhượng sự quyến rũ cho bến Ninh-kiều, dáng e lệ khiêm nhường của Nhị-kiều càng tăng sắc thái đáng yêu. Du khách không thể vô tình với phong cảnh quyến rũ êm đềm nơi đây. Dù không từng bừng lộng lẫy, nhưng nét diễm lệ thanh tân mới là dễ khiến lòng người đắm đuối, say mê nồng đượm mặn mà.

Đêm đêm, bến Nhị-kiều đón nhận bước chân nhàn hạ của khách hóng mát sau một ngày làm lụng mệt nhọc, hoặc những đôi tình nhân tạm dừng chân cùng nhau tâm sự. Họ âu yếm sát vai nhau ngồi nhìn dòng sông Cái-khế, hay dõi mắt lên cầu trông các chuyến xe thay nhau qua lại. Sông Cái-khế dù nhỏ nhưng nước sông luôn luôn tràn đầy như lòng du khách chứa chan bao mối tình.

Sau đẻ muộn hơn Ninh-kiều, bến Nhị-kiều được mang tên vào năm 1964 khi cầu đôi Cái-khế làm xong và đặc biệt được chú ý ngay. Vì từ xa xưa đến bấy giờ, Cái-khế mới được tung tiu, tô điểm cho như thế.

Bến Nhị-kiều ra đời đã chiếm mất một số du khách của bến Ninh-kiều. Trong đêm trăng, sóng nước Cái-khế gợn lăn tăn, nhuộm một màu vàng ả lả tình tứ, du-khách ngồi tâm sự với người yêu, khác nào Lưu Nguyễn nhập Thiên-thai thanh thoát.

Cơn gió đưa mơn man trêu ghẹo. Nàng nép mình vào chàng như tìm sự che chở :

*Sóng nước Nhị-kiều xinh đẹp quá,
Tình em trao gửi đẹp chẳng anh ?*

Như say sưa với sóng nước, sóng tình, chàng cầm lấy tay nàng, mắt nhìn sâu đáy nước

*Bao giờ Cái-khổ không còn nước,
Mình mới không nên nghĩa vợ chồng.*

Âm tình đẹp, khung cảnh đẹp, bến Nhị-kiều duyên dáng chẳng tàn phai. Cảnh vắng đêm thanh, tĩnh khuya rạng bóng, du khách càng dễ đắm say lòng ngắm cảnh, gợi nhớ đâu đâu.

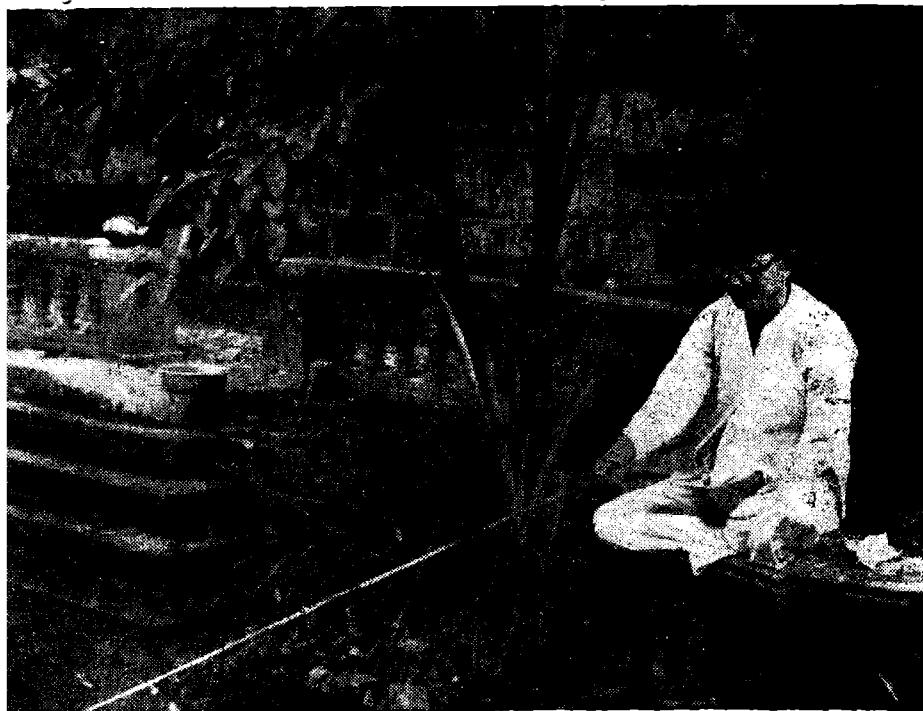
Nếu du-khách về viếng Tây-đô, thường lầm bến Ninh-kiều mà không kịp đặt bước đến bến Nhị-kiều là một điều thiếu sót lắm :

*Anh về đường ấy xa xa
Có thương em nhớ đi qua Nhị-kiều
Trên trời diệp nở, ve kêu
Đuôi sông sóng nước mỹ miều đó anh...
Em thường mong đợi tin lành
Về đây anh nhớ cau xanh, trầu vàng
.....
Anh về thưa chuyện của nàng
Đè mai cầu lẽ đá vàng trăm năm.*

(thơ V. Th)



Vườn Thầy Cầu ngày xưa



Đây là ông Đoàn-hữu-Cầu, một nhân-vật có tiếng-tăm ở Cần-thơ.

Lúc sanh tiền, có tạo ra một cảnh huê-viên rất xinh đẹp, trồng
nhiều hoa thơm cỏ lạ, cảnh trí lộng lẫy, tiếng đồn khắp nơi, du
khách thường đến viếng chơi tấp nập.

Ảnh chụp trong lúc ông ngồi câu cá dưới ao trước biệt-thự của ông.

Ảnh sưu-tầm



Vườn Thầy Cầu ngày xưa

*Một nơi từng nỗi tiếng thang cảnh
quyến rũ tao nhán mặc khách*

Mấy mươi năm trước, du-khách viếng Cần-thơ vẫn thường nghe nói đến vườn Thầy Cầu, vì là nơi phong quang, cảnh trí khá xinh tươi, do chủ nhân là một bậc thượng lưu trong xã-hội từng có du học tại Pháp, khéo tạo nơi thường lâm thanh-nhã.

Thầy Cầu tên thật là Đoàn-hữu-Cầu, xuất thân làm luật-sư ở Tòa án Cần-thơ. Ngôi vườn và tư thất của Thầy Cầu nằm gần cuối đường Cống-Quỳnh và đối diện với rạch Cái-khé, cách tinh ly Cần thơ chừng 3 cây số. Vườn bắt đầu được sửa sang khoảng năm 1930 — 31, trang trí lộng lẫy như công viên, có phần hơn là khác. Ngoài việc trồng đủ các loại cây, các loại kiêng đẹp, còn có ao trồng sen, ao nuôi cá. Rải rác trong vườn, dưới những tầng cây xanh um, có băng đá, băng cây để du-khách tha hồ nghỉ chân, ngắm cảnh, hay cùng nhau tâm sự nơi u nhàn thanh tịnh, cảnh gợi tình, tình gợi cảm, triền miên hào hứng say lòng.

Tư thất của Thầy Cầu nằm trong khu vườn, xây cất nền đúc, theo lối nhà sàn, nhiều bậc thềm dẫn lối lên trên ngôi nhà tròn đè nghỉ chân rồi mới vào bên trong.

Một chiếc cầu đúc nhỏ bắc ngang hồ thả cá là địa điểm vô cùng mát-mẻ, du-khách có thể đứng trên cầu nhìn cá lội tung tăng, hoặc ngắm những đoá sen nơi hồ gần đây đang khoe màu sắc sỡ. Một giàn nhà mát thả giày leo quanh năm nở hoa rực rỡ, càng gây thêm cảnh êm đềm thú vị.

Những ngày lễ hay thứ bảy, chủ nhật, dập diu nam thanh nữ tú đến thường lâm, phong quang càng thêm khởi sắc, gieo vào lòng du khách cảm tưởng như đang đi dạo nơi công viên Tao-dàn ở Thủ đô. Cho đến gần đây, Thầy Cầu đã mất trong tuần 73

tuổi (27 Février 1960), mặc dầu ngôi vườn đã kém về mỹ quan hơn trước nhiều, thiếu người săn sóc, lăm lúc khách thừa lương hưng cảnh vẫn còn lui tới khá đông. Những người bán thức giải khát cũng vẫn thu được số lợi khá.

Dù cảnh vườn đã thiếu nhiều hương sắc, nhưng dịp Tết hoa mai phô thắm, san sát theo các lối đi, trông như một rừng mai vàng ngoạn mục. Nhất là điểm thêm bóng dáng các thiếu nữ du xuân đi trong lối rừng mai ấy, kè cũng là bức tranh đẹp mắt.

Gần đây, một ngôi chùa được dựng lên trong khu vườn, mang tên « Giác-linh-Tự », do thân nhân Thầy Cầu cất đề tu niệm. Rồi dần dần lối vào vườn Thầy Cầu giảm mất đi nét đẹp thuở nào, vì những ngôi nhà san sát mọc. Duy cội đa già cao lớn, cành lá xum xuê, vẫn hiện ngang đứng đấy, như một chứng nhân đã từng trải bao thời gian diễn biến, lạnh lùng trước cảnh xôn xao thế sự chòm mây.

Tuy nhiên, cuộc đời dầu vật đổi sao đổi, bao giờ người ta còn kề lại cho nhau nghe những chuyện xa xưa của Cần-thơ, hẳn không ai quên vườn Thầy Cầu đã một thời danh tiếng đồn vang. Vì nghĩ như thế, đề không thiếu xót những điều ghi nhận, một chiều đi thu thập tài liệu chúng tôi, đã ghé viếng chốn này, hai người con của Thầy Cầu là cậu Đoàn-hữu-Phò và cô Đoàn-tuyết-Trinh đã chẳng khỏi bâng khuâng ngùi cảm. Cô Đoàn-tuyết-Trinh (ai nữ thứ 5 của Thầy Cầu) trao tặng bức ảnh của thân sinh cô ngồi câu cá bên hồ trong khu vườn, trông đáng mến. Chúng tôi nhắc lại đây với niềm luyến tiếc, một ngôi vườn lúc còn hưng thịnh, nỗi tiếng gần như một địa danh, một thắng cảnh mà ai ai cũng nghe biết đến.



TOÀ BỐ CÀN-THƠ NGÀY XƯA



Đây là Toà Bố cũ của tỉnh Cần-thơ ngày xưa, xây cất từ p-thuộc, tuy không mỹ-quan, nhưng có vẻ chắc-chắn và rộng

TOÀ HÀNH-CHÁNH PHONG-DINH NGÀY NAY



Toà Bố vẫn ở vị trí cũ, nay đổi lại làm Toà Hành-Chánh ng-Dinh, được sửa đổi và kiến-thiết từ trong ra ngoài, với mới mẻ, khang-trang.

Vài nét về Cần-thơ xưa, châu thành Phong-dinh nay

Từ khi thành lập tỉnh Cần-thơ, tên tỉnh và tên tỉnh-ly đều mang tên chung là Cần-thơ. Đến trào Ngô-dinh-Diệm, tên tỉnh đổi lại là Phong-Dinh, nhưng tên tỉnh-ly vẫn là Cần-thơ như đã gọi quen ngót một trăm năm nay (1868 — 1966). Lại theo giới bình-dân, quen gọi thuận miệng xuôi tai về 21 tỉnh miền Nam thuở xưa : Gia, Châu, Hà, Vinh v.v...⁽¹⁾, thì Cần-thơ đứng vào thứ 19, nên người ta cũng gọi Cần-thơ là tỉnh số 19, đứng trước 2 tỉnh áp chót miền Hậu-giang là Bạc-liêu và Cà-Mau.

Theo đường bộ, từ Thủ-đô Saigon xuống tỉnh lỵ Cần-thơ đường dài 170 cây số ngàn. Ấy là vì có lầm khúc quanh. Nếu kéo đường thẳng, chỉ độ 152 cây số ngàn mà thôi. Nhưng phải qua hai bến đò Mỹ-Thuận và Hậu-giang (hay Cần-thơ).

Đến bến đò Hậu-giang, phía bên này sông hãy còn thuộc ranh tỉnh Vinh-long (trước kia vẫn thuộc về tỉnh Cần-thơ), phía bên kia sông là ranh tỉnh Cần-thơ. Đứng trông khoảng sông rộng mênh mông, nước màu nâu đục chứa đầy phù sa và chảy khá mạnh, bạn át sẽ chẳng khỏi lâng lâng cảm nghĩ miền Hậu-giang phì nhiêu, hùng vĩ đến thế nào ?

Xuống phà qua sông, sang đến bến bên kia bờ, bạn đặt chân lên đất Cần-thơ rồi vậy. Ngay từ lúc còn ở phía bên Vinh-long, hẳn quý bạn đã phóng tầm mắt nhìn sang, trông thấy những dãy nhà san sát, nhất là cột vô tuyến cao vút. Giờ đây qua phía Cần-thơ, bạn đã mau chân lên trước, trong lúc chờ xe đò lên theo, mời bạn hãy quan sát cảnh trí nơi bến đò tân tạo. Vâng, bến đò cũ nay đã bỏ rồi, chiếc cầu cũng là mới bắc, những chiếc phà kia cũng là phà mới, vững vàng hơn, rộng rãi hơn mấy chiếc cũ nhiều.

Con đường từ bến đò máy chạy về bến xe, nay đã bồi đắp rộng gấp ba khi xưa. Bao nhiêu mái nhà ngói, lá cũ đều đã triệt bỏ, thay vào những toà nhà kiến-trúc tân kỳ, xinh tươi lộng lẫy.

Xe lên rồi kia, Bạn lại lên xe để về bến xe, khoảng đường còn không đầy ba trăm thước nữa đâu. Khi xe chạy ngang khu chợ mới, nơi bến đò ở về phía tay trái, xin quý bạn lưu ý một điều : khoảng lộ bằng rộng rãi ngày nay đây, trước kia có một cây cầu sắt mà người ta quen gọi là cầu Sáu-Thanh. Cây cầu đã không còn nữa, cũng như tên tuổi Sáu-Thanh cũng đã chìm trong quên lãng của thời gian.

(1) Xin xem phần IV quyển "Bạc-liêu xưa và nay" đã có kè rõ.

Lắp bô cây cầu đi, thật là vô cùng tiện lợi. Chứ còn ngày trước, cầu đã hẹp lại yếu, phải có người túc trực đè xoay trở tấm bảng trắng, đỏ, đè báo hiệu cho xe cộ qua cầu cần phải đè đặt trong sự lưu thông một chiều. Giờ đây tha hồ xe chạy cả hai ba chiều trên khoảng lô rộng thênh thang.

Qua khỏi chỗ có cây cầu Sáu-Thanh cũ mà nay đã lắp bằng ấy, xe chạy tới ngã ba (đúng ra thì nay là ngã tư vì phỏng thêm một con lô thẳng ; hồi trước thì tục gọi ngã ba cây xăng), bạn trông thấy ngay công trường Tự-do, phía trái là đại lộ Hai Bà Trưng, phía mặt là đường liên tỉnh số 27 đi Long-Xuyên.

Xe ngừng tại bến. Bạn sẽ chẳng ngạc nhiên tán thưởng. Đây cũng là một khu tân tạo. Công viên rộng rãi. Bến xe dài 250 thước, rộng 60 thước là nơi tập trung các loại xe chở hành khách, đi Bạc-Liêu, Sóc-Trăng, Rach-Gia, Long-Xuyên, Châu-Đốc v.v... Ấy là công-trình của vị Tỉnh-trưởng Đỗ-văn-Chuóc đã điều động các ty sở liên hệ, đôn đốc hoàn thành và nay các vị Tỉnh-trưởng nối tiếp tò diêm càng thêm mỹ quan.

Mấy mươi năm trước, bến xe đó đặt ở đại-lộ Saintenoy (nay là Ngô-Quyền) sau dời xuống đường Paul Bert (nay là Nguyễn-an-Ninh) chỗ hàng bã-đậu, chật hẹp sinh lầy, vô cùng bất tiện. Có đâu được như ngày nay. Cứ xem như hiện giờ bến xe ở Thủ-đô Saigon cũng chưa có được một khoảng trống riêng biệt như Phong-Dinh, càng đáng khen ngợi nhà chức-trách Tây-thành đã khéo tò-chức biết bao.

Đã thế, những căn phố lầu khang-trang nằm dọc theo đại-lộ sau bến xe, dùng làm khách sạn, tiệm ăn, nhà thuốc tây, bán hàng tạp hoá v.v... Cảnh-trí lộng lẫy tưng bừng như lúc nào cũng hân hoan chào đón du khách từ bốn phương đồ về đây.

Nếu bạn là người quê ở Cần-thơ, xa vắng xứ sở lâu năm mới trở về, lòng bạn át bàng-hoàng trước cảnh vật đổi-thay tân-tạo. Hoặc nếu bạn là khách phương xa dừng chân tạm hay là du khách đi đó đi đây cho biết, bạn không thể quên được Cần-thơ qua những công-trình đang kiến-thiết và sẽ phát-triển thêm trong tương-lai gần đây.

Để tiện cho quý bạn theo dõi từng bước tiến triển của Cần-thơ, đây lược đồ Cần-thơ vươn mình vượt tiến từng đợt trong quá khứ, hiện tại và tương lai đầy hứa hẹn, rạng rõ xứng danh là một đô-thị lớn so với các tỉnh miền Tây. Lần lượt chúng ta xem qua những công-tác đã thực hiện và sẽ phát triển ở từng ngành.

Con rạch thời xưa nay là đường Nguyễn-An-Ninh



Quí bạn nhìn ảnh trên đây, sẽ ngạc nhiên thấy một con rạch từ chợ Cần-thơ, ăn thông vô thành phố ngày xưa, hai bên bờ rạch cây cối phủ che, ghe thuyền ra vô tấp nập.

Con rạch nay đã lấp từ lâu, ngày nay là chỗ con đường Nguyễn-An-Ninh.

Ành sưu-tầm

Dạo xem tinh ly Phong dinh qua su giao-thong, khu thương-mại

Quả thật Cần-thơ ngày nay đã thay đổi hẳn bộ mặt qua những dự án to tát dần dần thực hiện

Con đường nối liền Bến xe mới tới cầu Bắc, như chúng tôi đã nói ở đoạn trên, ngày trước quá hẹp lại ngoằn-ngoèo, còn thêm một cây cầu sắt Sáu Thanh cũ kỹ, nguy hiểm, nay đã giờ và lấp thành một đại-lộ rộng 30 thước, chạy thẳng từ bến xe ra cầu Bắc.

Đồng thời, việc vét lòng sông tại cầu nối bến đò Hậu-giang phía Cần-thơ cũng đã hoàn tất.

Từ bến xe mới, bạn đi bộ, hoặc ngồi xích-lô đạp dề tiện việc quan-sát một vòng chung quanh thành Cần-thơ, đầu tiên phải qua một cây cầu đè sang đại-lộ Nguyễn-Trãi. Trước kia gọi là cầu đôi, bằng sắt, bắc qua rạch Cái-Khế, cầu nhỏ hẹp và quá yếu, làm mất vẻ thầm mỹ của con lộ rộng rãi. Giờ đây cầu ấy đã giờ rồi, thay vào một cây cầu đúc bê tông cốt sắt theo kiểu tối tân, rộng 16 thước, hai bên có lề rộng 2 thước, kinh phí lên tới 8 triệu đồng.

Đồng thời, trên khoảng rạch Cái-Khế, chỗ cuối đường Duy-Tân sang đầu đường Cống-Quỳnh, bắc thêm một cây cầu gọi là Song-Kiều (tục gọi cầu đôi mới), lối kiến trúc y như cây cầu đôi cũ đã thay bằng cầu đúc. Bạn muốn rõ dấu vết cầu đôi cũ thế nào, cứ xem hình thức cầu đôi mới này sẽ hình dung ra được bóng dáng cầu xưa.

Và giữa khoảng hai cây cầu (cầu đúc mới và cầu đôi mới) bắc trên rạch Cái-khế, bạn sẽ hài lòng thường thức cảnh trí bến Nhị-kiều, không kém bến Ninh-Kiều bao nhiêu. Sở dĩ bến Ninh-kiều nổi tiếng hơn, vì được nằm ngay trung tâm tinh lý đó thôi.

Qua cầu, nếu rẽ sang tay phải đi dọc theo rạch Cái-khế thì là đường Duy-tân, Cống-Quỳnh, có bến Nhị-kiều như đã nói trên. Nhưng bạn đừng rẽ đường làm chi, cứ đi thẳng theo đại lộ Nguyễn-Trãi, ngay đầu đường, hướng mé sông, dài theo con lộ san sát những biệt thự mới cắt ngay nga đồ sộ. Ấy là Xóm Củi, ngày trước còn đầy đầy những mái lá, mái tôn, xen lẫn những ngôi nhà ngói kén mỹ thuật. Sau một đám cháy dữ dội mà các báo Thủ-đô đều tường thuật, hẳn bạn có nghe biết, giờ đây, xóm đã thay bộ cánh mới lộng lẫy, hợp thời.

Rồi quẹo tay mặt, đại lộ Hoà-bình rộng 30 thước và dài gần 1.000 thước, được trang trí vòi nước và các bồn cỏ xanh tươi, bạn sẽ ngạc nhiên, nhận thấy đại lộ này nếu không thi cũng chẳng kém gì những đại lộ ở Thủ-đô. Đầu đại lộ là dinh Tỉnh trưởng, phía trước cạnh là tòa Hành-chánh. Hai tòa dinh-thự đồ sộ này vẫn toạ lạc tại đầu Vàm sông Hậu-giang, đã tro gan cùng tuế nguyệt qua các triều đại hưng vong, thời Pháp thuộc (1876) ngày nay đã được tối tân hoá rất nhiều.

Nếu cứ đi thẳng đại lộ Hoà bình, sẽ tới vùng Tham-tướng. Dọc theo hai bên lô san san sát phố sá buôn bán cũng như dinh thự đồ sộ. Bạn sẽ trông thấy Quân-y-viện Phan-thanh-Giản, Bệnh-viện Thủ-khoa-Nghĩa, Chùa Phật-học, chùa Miên, trường Tiều-học, Ký-nhi-viện và các cơ-quan quân-sự. v. v...

Nhưng thẳng thambiếng trung tâm tinh-ly trước bạn chẳng vội gì đi hết khoảng lô Hoà bình làm chi, hãy rẽ hướng về đường Phan-dinh-Phùng, tức là bạn đã chính thức đi trong khu vực thành.

Ngoài bến Ninh-kiều nỗi tiếng, bạn sẽ còn thấy nhiều công viên xinh xắn nằm rải rác khắp thành phố

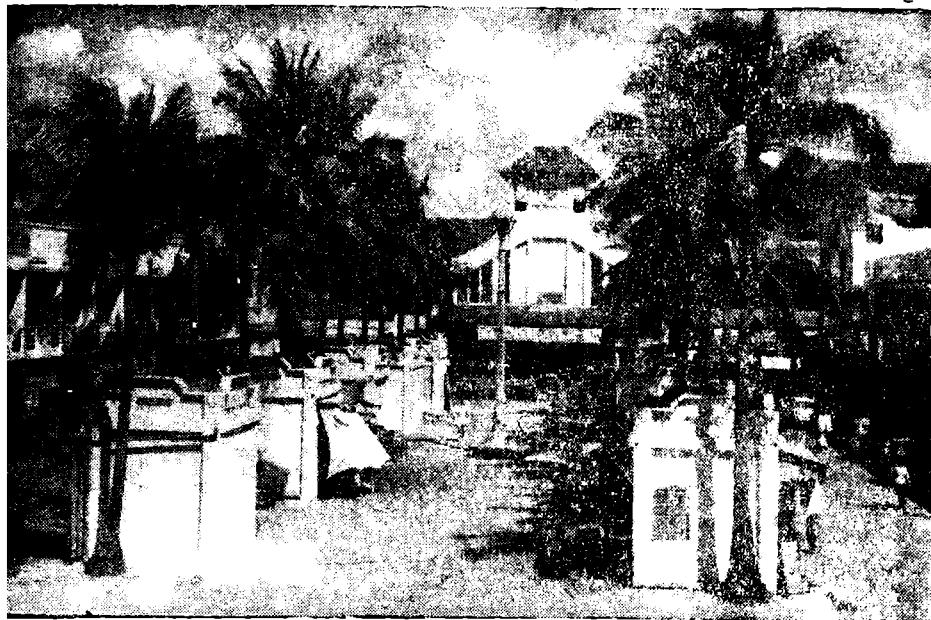
- 1.- Công viên Tao-dàn trên đại lộ Hoà-bình, có bể phun nước
- 2.- Công viên Cô-giang trên đại lộ Nguyễn-thái-Học
- 3.- Công-viên Đồ-Chiều nằm trên đại lộ Phan-dinh-Phùng.

Điều nên biết thêm để ngạc-nhiên thích thú hơn Về đại lộ Hoà bình ngày nay đây, hẳn bạn không ngờ cách mấy năm về trước chỉ là một bãi cỏ hay nói đúng hơn là một vườn xoài rậm rạp ở giữa hai con đường nhỏ. Đại-lộ này đã được thực hiện trong năm 1957 và được khánh thành ngày 6-4-1958. Và ngược thời gian, xa xưa hơn nữa, tại đại lộ Hoà bình ngày nay, trước kia có một con rạch nhỏ thông ra sông Hậu-giang, đã lấp bằng từ lâu.

— Đại lộ Nguyễn-an-Ninh được mở rộng và đẹp bờ các quán cốc lụp xụp thiêu thầm mỹ, mắt vẹ sinh. Ngày trước nơi đây vốn là bến xe cũ.

— Đường Nguyễn-thái-Học, xưa mang tên là Galliénie, có rạp hát cũ của Thầy Lý, đã giờ, nơi đây, buổi sáng nhóm chợ và là bến xích-lô.

Mặt tiền chợ Cần-thơ



Cạnh bên phải là đường Phan-Châu-Trinh, bên trái là đường Phan-Bội-Châu, dồng bao địa phương thường gọi là đường Hàng Dừa.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

— Thời Pháp thuộc, có con đường đi Cái-Răng trải đá xanh, dọc theo là rạch Cần-thơ, có cây cầu sắt bắc ngang, cầu này đã sập và con lộ cũng bỏ không còn đi nữa, dời ra lộ liên tỉnh số 4, thẳng xuống Sóc-Trăng, Bạc-Liêu.

— Đường mới đi Sóc-Trăng — Cà-Mau, tục gọi lộ té, hiện giờ rộng 20 thước, dài 200 thước. Lộ này có đặc điểm một xa lộ và được khởi công từ đầu năm 1959 nhằm mục đích giúp xe cộ lưu thông dễ dàng, khỏi đi ngang qua thành phố, nhờ đó xe chạy được mau và tránh được nhiều tai nạn nguy hiểm.

Trục giao thông vốn là huyết mạch của quốc gia, xuyên qua mấy điểm kè trên đây, chúng ta nhận thấy Ty Công-chánh chẳng những đã kiện toàn hệ thống giao thông cũ, lại đã thực hiện được những công tác tân lập đường lộ rất lớn lao. Quả là những thành tích đáng ngợi.

Do đó, trong tương lai, nền thương mại, kinh tế tỉnh Phong-Dinh sẽ phồn thịnh hơn lên.

Năm trong chương-trình chỉnh trang lãnh thổ, thiết kế đô thị, chánh quyền đãp con đường từ Tham-Tương (Cần-thơ) tới Đầu-sáu, dài hơn 4 cây số ngàn, mở rộng thêm để trực giao thông thêm tiện lợi. Nhất là Cần-thơ hiện nay có hai phi trường lớn là Bình-Thủy và Trà-Nóc, để tiện sự di chuyển, sẽ mở rộng thêm khoảng đường lên phi trường này, lộ cũ 7 thước, nói ra 5 thước nữa là 12 thước.

Và đây, điều cần nhấn mạnh, song song với hoạt động của Ty Công-chánh, ty Kiến-thiết cũng đã đo đạc, lập hoạ đồ để thực hành những dự án kiến-trúc đáng kè dưới đây, hầu làm đẹp thêm ra cho Cần-thơ đã nhiều sắc thái lộng lẫy

a) **Chợ búa** : Chánh-quyền đã có đồ án xây cất chợ Cần-thơ lại cho mỹ quan hơn. Theo lời ông Kỹ sư Trường-ty Kiến-thiết cho chúng tôi biết, chợ mới dự định xây cất như sau

Vị trí nơi chở chợ cũ. Dài 25 thước, ngang 12 thước.
Gồm 3 tầng

Tầng I bán thịt cá, rau cải, đồ hải sản v. v...

Tầng II bán hàng vải, tạp hoá

Tầng III trên nóc bằng, chung quanh có lan can, cho người

thầu để mở nhà hàng, quán giải khát, làm đẹp lòng du-khách, có chỗ hóng mát ngó ra sông, ăn uống thanh lịch, ở thị xã Đà-lạt cũng có ngôi chợ như thế này. Cần-thơ rồi đây cũng theo kịp các tỉnh khác trên đà kiến thiết sẽ thực hiện nay mai — Kinh phí xây cất dự định trên sáu triệu đồng.

b) Đài phát thanh, tiếng nói của miền Tây Nam-Việt

Đài này trước kia đặt tại tỉnh Ba-xuyên (Sóc-trăng) nằm trong lãnh thổ vùng IV chiến-thuật, trên đà chính trang tỉnh lỵ Phong-dinh qua mọi mặt, chánh-phủ định dời về Cần-thơ trong ngày gần đây, vị trí của đài vừa thiết lập dựa lô số 4, đường đi Cái-Răng, trên một khu đất nối liền với khu Đại-học mà chúng ta thấy xáng đang thòi đất lấp những ao, vườn khá rộng lớn, ước lượng trên 10 mẫu, trong năm 1966 tỉnh vừa xây cất xong một ngôi nhà để trang bị máy móc, nền sàn bê tông cốt sắt, móng hai lớp, gồm 16 phòng 24m, sâu 12m và còn đang xúc tiến xây cất thêm theo sự dự định, khi hoàn tất sẽ dời đài Ba-xuyên về đây làm tiếng nói trung-tâm của miền Tây. Loan truyền tin tức mau lẹ và tối tân hơn nữa.

Ngay bên cạnh đài phát thanh hiện nay xáng thòi đất 'lên 10 mẫu, chánh-phủ dự định mua thêm 40 mẫu nữa của tư nhân, để xúc tiến việc đặt viên đá đầu tiên cất khu Đại-học miền Tây.

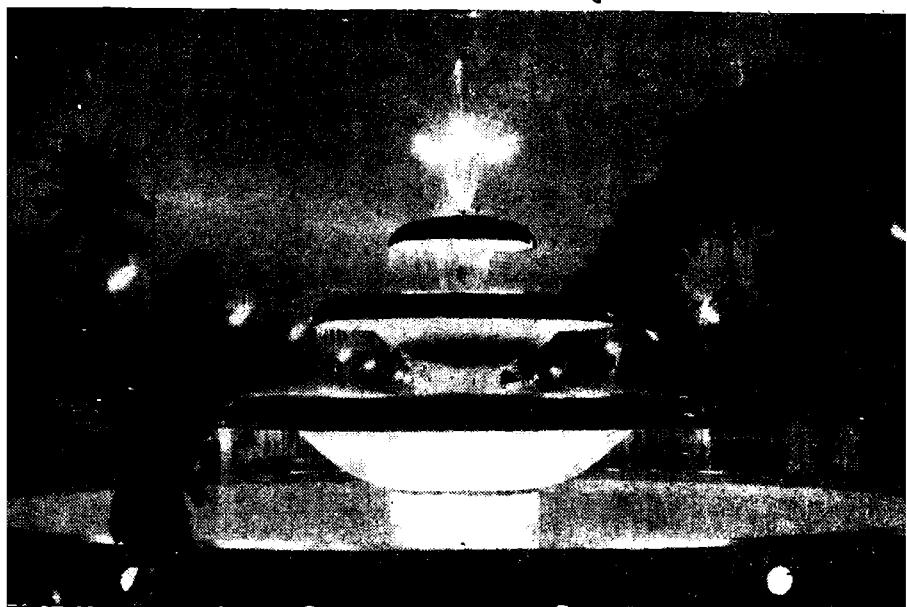
Kinh phí dự trù lên tới 5 triệu.

c) Trung-tâm thanh-niên Sắp xây cất Trung-tâm thanh-niên ngay trung tâm sân vận-động. Gồm nhiều phòng, như phòng đọc sách, phòng tập thể dục, nơi hội trường v v Kinh phí độ bảy triệu đồng. Trung tâm này sẽ là nơi đào-luyện thanh-niên.

d) Trung tâm Chiêu-hồi : Đây mạnh chiến dịch Chiêu-hồi, vùng IV chiến-thuật sẽ khởi công xây cất Trung-tâm chiêu-hồi, trên khoảng đường đi Bình-Thủy. Kinh-phí trên 5 triệu.

e) Cô-nhi-viện Quốc-Gia Sẽ được khởi công xây cất tại Đầu sáu (thuộc quận Châu-thành). Kinh-phí trên 6 triệu. Có mục đích giáo-dục, rèn-luyện các thiếu-nhi phạm-pháp, đồng thời nuôi dạy các trẻ mồ-côi, các trẻ vô-thừa-nhận, lang-thang đầu đường xó chợ.

TÂY-ĐÔ VỀ ĐÊM



Trước công viên Hoà-Bình, dưới ánh đèn màu rực rỡ, phun lên những vòi nước trắng xoá, cảnh vật mờ ảo càng làm tăng thêm vẻ đẹp của Tây-thành văn-vật.

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

GIÁO-DỤC

Đồng-bào Phong-Dinh rất hài lòng với khu Đại-Học

Đè xứng đáng với danh hiệu Tây-đô, ngoài các công trình xây cất cơ sở, có nhiên sự xây dựng tinh-thần mới là trọng tâm để định giá trị thật sự của một tỉnh đứng đầu miền Tây. Cho nên, ngay khi các tỉnh Hậu-giang chưa có nơi nào có bậc Trung-học, thì năm 1921, Cần-thơ đã có trường Collège rồi. Năm 1954 được đổi lại mang tên là trường trung-học Phan-thanhs-Giản tồn tại đến ngày nay, và đang tiến triển mạnh. Gần đây, nữ sinh trung học cũng đã có riêng trường nữ trung học mang tên «Đoàn-thị-Điềm».

Và trong tương-lai, Viện Đại-Học Cần-thơ hoạt-động mạnh với đủ trường sở, tiện nghi, chừng ấy Cần-thơ càng có sắc thái xinh tươi.

Ngoài hai trường trung-học công lập kè trên, còn có nhiều trường trung học bán công ở các quận Phong-Phú, Phụng-Hiệp và Cái-Răng, lấy tên quận cư ngụ làm danh hiệu. Về trong niên khoá 1966 — 67, trường bán công tại tỉnh lỵ cũng đã hoạt động.

Các trung học tư thục, trước kia thì có các trường nổi tiếng như Nam hưng, Bassac, các trường này hiện nay không còn hoạt-động. Hiện tại có các trường Thủ-khoa-Huân, Hậu-giang và Hậu-giang chi-nhánh, Tân-văn. Đồng thời trường văn-hóá Quân-dội cũng đang trên đà phát triển. Tất cả các trường đều có sĩ số khá cao.

Người Hoa-kiều thì có trường trung học Thọ-nhơn, Hưng-văn, Công-giáo có Chủng viện Á-thánh-Quý ở Cái-răng, Phật-giáo thì có trường Bồ-dề.

Về trung học chuyên-nghiệp, đáng kể là trường Nông lâm súc, thiết-lập đã trên 20 năm nay. Bắt đầu từ năm 1957 nhà trường áp dụng chương trình mới và trực thuộc bộ Cải-tiến nông thôn, đến đầu năm 1962 thì sáp nhập vào Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Mục-dich trường này là đào tạo các cán bộ về canh-nông, mục súc, thủy lâm. Chương-trình học tập là 2 năm và 6 tháng tập sự.

Bậc tiểu học, các trường sơ cấp và trường tiểu học cộng đồng phát triển mạnh ở tỉnh lỵ cũng như tại các quận, xã, ấp.

Hoạt động của ngành Bình-dân giáo dục cũng thu hái kết-quả tốt đẹp, thanh toán nạn mù chữ, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao trình độ kiến thức của giới bình-dân tráng niên.

Ngoài ra, còn một số trường học nghề công và tư, bình-dân bách nghệ, trường nữ công, trường người Việt gốc Hoa và trường chùa Miền.

Y - TẾ

Những công-tác y-tế và vệ-sinh công-cộng Phổ cập dân-chúng thành-thị và nông-thôn

Đáp ứng nhu cầu y-tế công cộng của đồng-bào tinh nhà, ty Y-tế Phong-dinh hoạt động rất đắc lực.

Bệnh-viện Thủ-khoa-Nghĩa là trụ sở của Ty Y-tế, tổ chức hoàn hảo hơn xưa. Quân y viện Phan-thanh-Giản cũng trực thuộc vào đấy. Hiện tại đã cất thêm ra, chia làm nhiều khu, phòng trại v. v Nơi đây còn có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ Y tế hương thôn, việc huấn luyện khởi đầu từ năm 1948.

Là bệnh viện toàn khoa, bệnh viện Thủ khoa Nghĩa gồm có trên 500 giường bệnh, đóng đảo nhân viên phục vụ. Hàng ngày bệnh viện sẵn sàng trung bình cho lõi: 400 bệnh nhân. Còn có một nhà bảo sanh đủ mọi tiện nghi, làm thoả mãn nhu cầu các sản phụ trong tỉnh.

Trong số các cơ sở của bệnh viện, một trung tâm Truyền huyết thành lập do sắc lệnh số 293/Y.T ngày 5-6-58, long trọng khánh thành ngày 26-6-61, là một cơ-quan quan-trọng đã từng cứu sống biết bao chiến sĩ.

Nơi mỗi quận thảy đều có một bệnh xá hộ sinh, các trạm y tế xã và các trạm cứu thương ấp. Hai quận Thuận Trung và Thuận Nhơn thì có Chăn y viện. Các cán bộ Y tế phụ tá với Trưởng chi y tế quận, thường xuyên viếng thăm các gia đình để săn sóc những đồng bào có bệnh, bảo vệ hữu hiệu sức khoẻ của dân chúng trong các xã, các ấp tân sinh.

Ngoài ra, còn có phòng phát thuốc miễn phí của Hội Phật-học Việt-nam, và sự hoạt động đáng kề của Hội Hồng-Thập-Tự Việt-nam, gồm có

- 1) Phòng khám bệnh thí
- 2) Phòng cho thuốc miễn phí
- 3) Lớp huấn luyện nhân viên cứu thương

Sinh hoạt dân chúng Tây-đô



*Đây là quang cảnh buổi họp chợ, dưới sông ghe thuyền. đậm
tấp nập, trên mé lô, dân chúng ở tỉnh lỵ và các làng mạc đồ xô
về đây mua bán, kẻ qua người lại, càng tăng thêm phần huyên náo.*

Ảnh Trần-văn-Bé
(Phongdinh)

SINH-HOAT KINH-TẾ

Nông nghiệp Toàn tỉnh Phong-Dinh có trên 200.000 mẫu tây đất cày cấy, chia ra :

Ruộng sạ : 130.000 mẫu tây thuộc quận Thuận-trung, Phong-phú.

Ruộng cấy 87.000 mẫu tây thuộc quận Châu-thành, Phong-diền, Thuận-nhơn, một phần quận Thuận-trung và Phong-phú.

Do đó, nông dân toàn tỉnh tương đối có cuộc sống dễ chịu trong thời bình. Nhưng gấp lúc đất nước còn trong tình trạng chiến tranh, con số diện tích cày cấy trên đây cố nhiên không còn được đúng mức, là điều đáng tiếc. Trong tương lai, đất nước trở lại thanh bình, mực sống nông dân hẳn sẽ được nâng cao qua sự áp dụng phương pháp canh tác tân tiến.

Ngư-nghiệp Vì Cần-thơ ở ngay trên triền sông Cửu-long, lại không xa biển lầm, nên cũng có đủ thứ cá nước ngọt và nước mặn. Đặc biệt là thứ cá Cháy « Trà-ô », có thè nói là ngư sản riêng của miền Tây đô.

Thủy sản dồi dào, giới ngư phủ trong tỉnh hành nghề khá đông. Hiện nay, ở các trại định cư thuộc quận Phụng-hiệp, đồng bào di cư sống chuyên nghiệp về nghề chài lưới đông đảo hơn nơi đâu cả.

Mục súc Ty mục-súc Phong-Dinh hằng phối hợp với Ty Nông Tín giúp đỡ đồng bào đặc lực trong việc chăn nuôi trâu, bò, heo, gà vịt.

Trại chăn nuôi bò sữa đáng kể nhất là trại của ông Lữ-Đức, gần Phi trường Bình thủy.

Việc chăn nuôi heo là nguồn lợi vô cùng quan trọng cho Phong Dinh, khắp nơi trong tỉnh đều có chăn nuôi, tổng số hàng trăm ngàn con. Số heo xuất tỉnh hàng năm để tiếp tế cho Đô thành, đứng vào hàng nhất nhì so với các tỉnh khác trong toàn quốc.

Tình trạng chăn nuôi gà vịt tại Phong Dinh không mấy khả quan. Tuy nhiên, theo bảng thống kê, mỗi tháng gà vịt xuất tỉnh độ 4000 con, ấy cũng là một nguồn lợi khá.

SINH-HOAT XÃ-HỘI

Dưới sự điều hành của nhân viên Phòng Xã hội Tỉnh, Phong Dinh cũng có Quán cơm xã hội, để giúp một số đồng đồng-bào lao động, công nhân vất vả và binh sĩ đỡ tốn kém.

Hơn nữa, với nhiệt tâm nâng đỡ các gia đình lao động cho được yên tâm lo sinh kế, nhân viên phòng Xã hội Tỉnh cũng đảm trách cơ sở Ký nhi viện, luôn luôn săn sóc và dạy dỗ chu đáo các con em của gia đình lao động gởi tại đây hằng ngày. Và Quán cơm xã hội cũng có bồn phật cung cấp mỗi ngày về khâu phần buồm trưa cho các con em ấy.

Đồng thời, viện Côn-nhi cũng được sự giúp đỡ tận tình của ủy ban xã hội tỉnh phối hợp với các nhà từ thiện hảo tâm, các di phuộc Đồng chúa quan phòng, đảm trách nuôi dạy hằng trăm cô nhi, đó là việc từ thiện giúp đời thiết thực đáng khuyến khích của cơ quan này. Xuyên qua vài nét đại cương của tỉnh Phong-Dinh ngày nay mà chúng tôi trình bày, hiến qui bạn đọc tìm hiểu sự tiến triển của Phong Dinh phần nào đó thôi.

Tiếc rằng quyển sách của chúng tôi chú trọng về mặt sưu khảo qua mọi khía cạnh nào là lịch sử, danh nhân, giai thoại, di tích, đạo giáo v.v... nên không thể đề cập sâu rộng về hành chánh, kinh tế, xã hội của toàn tỉnh cho đầy đủ được, xin qui bạn đọc thông cảm.

Nhận thấy địa phương chí của tỉnh đã có nói rất nhiều về các vấn đề trên, nên chúng tôi khôi cần lập lại, đành đề cho những phần sưu khảo khác hữu ích hơn.

CÔNG-SỞ TÂN-AN



Công sở nầy xây cất hồi đời Pháp, nay là cơ quan làm việc
của Hội-dồng hàng tỉnh, và đặt văn phòng của Chánh Tông nơi đây.
Trên lầu thờ Linh-vị sắc ấn của Ông Thần Tân-An.

THÔ-SẢN CẦN-THƠ

Hàng năm tỉnh Phong-dinh sản xuất trung bình được 280.000 n lúa, tính ra năng-xuất trung bình 1 tấn 400 cho mỗi mẫu lúa tây, số thặng dư xuất tỉnh là 80.000 tấn.

Các loại hoa màu khác gồm có nhiều ít như sau

CÁC LOẠI CÂY TRÁI	DIỆN TÍCH CANH-TÁC	SỐ SẢN XUẤT (tấn, 1000 trái)	THẶNG DƯ XUẤT TỈNH
Khoai lang	520 mẫu	7.400 tấn	4.500 tấn
Cam	327	29.512	17.700
Dừa	320	1.535	50
Chuối	296	4.000	1.600
Xoài	293	20.500	6.600
Bắp	240	240	104
Dứa hấu	200	50	
Quít	200	30.400	20.400
Mía	190	3.800	
Ca cao	170		
Đậu xanh	140	70	20
Bưởi	129	2.800	82
Vú sữa	100		
Chanh	93	36.000	18.000
Gòn	81		
Thuốc lá	50	50	30
Sầu riêng	42	60	40
Khoai mì	40	400	120
Măng cụt	27	520	240
Đậu các loại	25	13	6
Cà-phê	23	12	5

Xem bảng thống kê, chúng ta nhận thấy : Khoai lang, cam uit, chuối là bốn món thô sản có diện tích trồng trọt nhiều nhất và năng xuất khá cao. Nhất là cam, quít, Cần-thơ xưa nay đắt tiếng là ngon ngọt chẳng đâu hơn.

Vú sữa, xoài, sầu riêng cũng là trái ngon có tiếng và sản xuất nhiều, số thặng dư xuất tinh đến hàng vạn tấn, thì đủ biết huê lợi hoa màu mà các nghiệp-chủ thu được cũng đáng kinh ngạc.

Về lâm sản, tỉnh Phong-dinh không có rừng, ngoại trừ một ít than cùi bần, đướcc, vẹt.

Khoáng sản thì tuyệt nhiên không có.

Các ngành công kĩ nghệ

Các ngành công kĩ nghệ tỉnh Phong dinh ngày nay đã vượt tiến hơn xưa.

Lúa gạo Toàn tỉnh hiện đang có đến 51 nhà máy xay lúa, trong số có lối 10 xí nghiệp vốn lớn hơn 1 triệu đồng. Đầu kẽ nhất là Công ty Hậu-giang và Công-ty Denis Frères.

Công ty mě cốc Hậu giang số vốn trên 20 triệu, xí nghiệp đặt ở cầu đúc Cái Răng, trang bị một động cơ công xuất 228 mã lực, hằng năm sản xuất trung bình 27.000 tấn gạo.

Công ty Denis Frères (do người Pháp đầu tư) đặt ở rạch Bình thủy, xã Long tuyển, trang bị một động cơ Diesel công xuất 140 mã lực.

Ngoài ra, nông dân tỉnh Phong dinh cũng thành lập một hợp tác xã lúa gạo ở Cái răng, có một nhà máy xay lúa đặt ở vàm rạch Đầu sáu xã Tân an, quận Châu thành. Xí nghiệp trang bị một động cơ 72 mã lực chạy bằng dầu cặn.

Các xí nghiệp khác

I.— KỸ-NGHỆ BIẾN CHẾ THỰC-PHẨM

* Toàn tỉnh có 4 lò đường ở xã Hoa mỹ, quận Phụng-hiệp, hai lò chạy cho ép mía bằng máy, hai lò chạy bằng trâu bò kéo.

* Mười bốn lò bánh mì, 8 lò ở tỉnh ly, 2 ở quận Phong phú, 1 ở quận Châu thành, 3 ở quận Phụng hiệp. Hằng năm tổng số sản xuất trung bình khoảng 280 tấn bánh.

* Bảy lò tàu vị yêu, tương chao, 5 ở tỉnh ly, 1 ở Cái răng, 1 ở Xóm chài.

Hằng năm sản xuất trung bình

Tương hột	14.620 kg
Nước tương	28.000 lít
Chao	32.000 hộp
Tàu vị yêu	86.000 lít

* Xưởng nước mắm thì có 14 xưởng, 2 ở Bình thủy, 2 ở quận Phong phú, 1 ở quận Phụng hiệp, số còn lại thì nằm trong vùng tỉnh ly. Xưởng quan trọng nhất là xưởng của Công ty Đông Hương.

Toàn tỉnh sản xuất hằng năm tông số trung bình là 260.000 tấn nước mắm đủ hạng.

* **Ba hằng nước đá** 1 hằng ở tỉnh lỵ, 1 ở quận Phụng Hiệp và 1 ở quận Phong Phú.

Xí nghiệp sản-xuất nước đá ở tỉnh lỵ thuộc công ty B G I (Brasseries et Glacierès de l'Indochine), sản xuất trung bình hằng năm 17.000 tấn nước đá.

Hai hằng ở Phong-phú và Phụng-hiệp nhỏ hơn, hằng năm sản xuất trung-bình 1.200 tấn, đủ để cung-cấp cho thị-trường địa-phương.

Và có sáu hằng cà rem cây đều đặt tại tỉnh lỵ, hơn phân nửa là của người Hoa kiều nhập Việt tịch.

Về ngành kỹ-nghệ làm nước đá và các thứ rượu ngọt, tưởng-nên nói thêm, về trước, khoảng năm 1928 đã từng có ông Trần-dắt-Nghia và ông Cao-văn-Trạng mở hằng khá lớn, hoạt động rất khả quan. Đáng tiếc không duy trì đến ngày nay.

II.— KỸ-NGHỆ SẢN-XUẤT VẬT DỤNG

* Trong tỉnh có 12 trại cưa máy, đa số là của Hoa kiều nhập Việt tịch.

Hằng năm các trại cưa trong tỉnh xé được khoảng 8.000 thước khối gỗ.

* **Lò gạch** thì có 7 lò rải rác ở xã An-bình, Phú-thứ (quận Châu thành), Thới-An-đông, Phước-thới (quận Phong-phú).

* Ngoài ra, còn có 33 xưởng tiện, 2 xưởng dệt, 2 lò xà bông, 7 nhà in. Tất cả đều hiện đang phát triển mạnh.

Ngành tiêu công nghệ trong tỉnh đáng kể có nghề làm nón vải, làm rượu thuốc, nấu sirop, số sản xuất chỉ tiêu thụ trong tỉnh.

Tóm lại, cũng như các ngành thương mại và nông nghiệp, các ngành công kỹ nghệ tỉnh Phong-dinh phát triển mạnh và nhanh chóng. Nhất là dựa vào sự khuyễn khích, giúp vốn và hướng dẫn kỹ thuật của Trung-tâm Khuê-ch-trương Kỹ-nghệ và Trung tâm Khuê-ch-trương Tiêu-công-nghệ Đô-thành, các công - kỹ - nghệ - gia Phong-dinh sẽ còn tiến xa hơn.

Quí vị bô-lão, thân-hào nhân-sĩ

TỈNH PHONG-DINH

ĐÃ GIÚP ĐỠ CHÚNG TÔI VỀ VIỆC SƯU-TÀM TÀI-LIỆU LỊCH-SỬ
NƠI ĐỊA PHƯƠNG, GHÉP VÀO QUYỀN "CẦN-THƠ XƯA VÀ NAY".



ở trái sang phải

- Bà Cao-văn-Hùng, nhũ-danh Lê-thị-Anh, 79 tuổi, Phó Hội-trưởng Hội Phụ-huynh Học-sinh trường trung-học Phan-thanh-Giản Phong-dinh
- Ông Cao-văn-Hùng, 81 tuổi, cựu Hội-đồng Tỉnh Phong-dinh.
- Ông Huỳnh-công-Thiệu, nghiệp-chủ.
- Ông Dương-văn-Đa, 81 tuổi, nhân-sĩ, ở Cái-Khế.
- Ông Trần-dắt-Nghĩa, 82 tuổi, nhà kinh-doanh tiếng tăm thời xưa.
- Nhà sưu-khảo Huỳnh-Minh.
- Vị ngồi giữa là cụ Nguyễn-văn-Giai, 82 tuổi, cựu giāo-chúc, cháu ngoại cụ Thủ-khoa Bùi-Hữu-Nghĩa.

Ảnh lưu niệm
tại Phong-dinh, ngày 10-9-1966
(Photo Ván-Kính)

**DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH-TRƯỞNG CÀN-THƠ
TỪ THỜI PHÁP ĐẾN VIỆT-NAM**

Số hứ tự	TÊN HỌ	THỜI GIAN TẠI CHỨC	CƯỚC CHÚ
1	De Serravalle	1872 đến 1874	Toà bối đặt ở Trà-Ôn
2	Vershneider	1874 — 1876	Toà bối tại Cái-Răng
3	Nicolai	24-1-1876 — 23-11-1876	Từ đây trở xuống toà bối tại tỉnh lỵ Cần-thơ
4	Villard	28-11-1876 — 9-2-1877	Nhậm chức lần II
5	Nicolai	9-2-1877 — 28-11-1885	Tại chức 8 tháng
6	Lehun	28-11-1885 — 5-6-1886	Non hai năm
7	Bocquillon	1886 — 1887	Trên 2 năm
8	Lacote	24-2-87 — 2-6-89	2 năm
9	Desogaseaux	1889 — 1891	10 tháng
10	Moreau	30-1 — 11-91	2 năm
11	Saintenoy	1891 — 1893	1 năm
12	Maspéro	19-3-93 — 5-94	5 tháng
13	O' Connell	5-94 — 10-94	1 năm
14	Vincenti	10-94 — 14-3-95	Nhậm chức lần II
15	Saintenoy	14-3-95 — 21-4-99	2 năm
16	Marquis	2-8-1899 — 8-4-1901	2 năm
17	Delanoue	6-5-1901 — 3-4-1903	2 năm
18	Maspéro	3-4-1903 — 11-9-1904	Nhậm chức lần II
19	Quesnel	5-7-1905 — 24-2-1907	2 năm
20	Outrey	1907 — 1908	1 năm
21	Pech	1-6-1908 — 25-4-1909	1 năm
22	De Matra	26-4-1909 — 28-6-1909	Chỉ có 2 tháng
23	Docell	9-1909 — 10-9-1909	Không đầy 1 tháng
24	Saint Chaffray	1909 — 1911	2 năm
25	Debernardy	22-4-1911 — 31-12-1911	8 tháng
26	Lamarre	1-1-12 — 28-2-15	3 năm
27	Tholance	1-3-15 — 7-9-15	6 tháng
28	Caillard	8-9-15 — 6-4-17	2 năm
29	Métaireau	7-8-17 — 31-7-18	1 năm
30	Tholance	7-18 — 17-9-19	Nhậm chức lần II
31	Boudineau	16-9-19 — 15-9-20	1 năm
32	Tholance	26-11-20 — 19-11-21	Nhậm chức lần III
33	Gazano	10-8-21 — 19-11-21	Chỉ có 2 tháng
34	Lebrun	20-11-21 — 28-2-24	Nhậm chức lần II
35	Zérusalemy	1-3-24 — 30-11-24	8 tháng
36	Beneyton	1-12-24 — 15-4-28	4 năm
37	Esquivillon	9-5-28 — 6-4-30	2 năm

DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH TRƯỞNG CÀN THƠ TỪ THỜI PHÁP ĐẾN VIỆT-NAM

Số thứ tự	TÊN HỌ	THỜI GIAN TẠI CHỨC	CƯỚC CHÚ
38	Lalaurette	6-4-30 — 30-11-30	7 tháng
39	Bruel	30-11-30 — 26-9-33	3 năm
40	Nouailhetas	9-33 — 25-6-36	3 năm
41	G. Gilliet	25-3-36 — 10-9-37	1 năm
42	Larivière	1-10-37 — 3-1-38	1 năm
43	H.P. Colas	3-1-38 — 1-8-42	4 năm
44	R.H. Mialin	1-8-42 — 3-1-43	1 năm
45	F.Boahomme De Montaigut	3-1-43 — 9-3-45	2 năm
46	— De Montaigut	8-11-45 — 6-46	Trở lại lần II
47	J. Lespinasse	7-46 — 10-46	Chỉ có 3 tháng
48	J. Guilbot	21-10-46 — 15-10-47	1 năm
49	François Albert	16-10-47 — 5-11-47	Chỉ có 1 tháng
50	J. Guilbot	13-12-47 — 11-4-49	Nhậm chức lần II
VIỆT-NAM			
51	Nguyễn-văn-Điệu	11-4-49 — 15-7-49	Chỉ có 3 tháng
52	Trương-trường-Vịnh	15-7-49 — 28-2-50	1 năm
53	Trịnh-tấn-Truyện	28-2-50 — 13-7-50	Bị ám sát chết
54	Phạm-dăng-Cao Pierre	7-10-50 — 4-4-54	4 năm
55	Bùi-quang-Ân	5-4-54 — 4-8-54	Chỉ có 4 tháng
56	Nguyễn-văn-Điệu	11-9-54 — 7-2-55	Nhậm chức lần II
57	Tr. Tá		
58	Nguyễn-Khánh	8-2-55 — 25-3-55	Chỉ có 1 tháng
59	Tr. Tá		
60	Nguyễn-hữu-Có	26-3-55 — 5-10-55	7 tháng
61	Tr. Tá		
62	Đặng-thanh-Liêm	5-10-55 — 16-2-56	1 năm
63	Tr. Tá		
64	Nguyễn-văn-Quan	17-2-56 — 8-4-57	1 năm
65	Đại-tá		
66	Nguyễn-văn-Quan	.	Thăng Đại-Tá
67	Đỗ-văn-Churóc	8-4-57 — 3-12-59	2 năm
68	Th. Tá		
69	Trần-cửu-Thiên	3-12-59 — 15-5-61	2 năm
70	Th.Tá Lê-văn-Tư	15-5-61 — 11-1-63	2 năm
71	Tr.Tá Trần-bá-Di	11-1-63 — 25-5-65	2 năm
72	Tr. Tá		
73	Lê-công-Thường	25-5-65 —	

Tổng kết

Trải qua bao cuộc thăng-trầm của đất nước. Suốt hai trăm năm dư (1739-1966) từ khi là huyện Trấn-giang, đổi là huyện Phong phú, rồi lập thành tỉnh Cần-thơ, đến cải tên lại là Phong-Dinh, vùng đất đứng đầu miền Tây này, lần hồi vươn mình khỏi sắc qua sự diển tiến từng giai-đoạn.

Về địa-lý : Nhờ sinh-lực của miền Châу-thồ sông Cửu-Long, bắt nguồn từ Tây-Tạng, Hy-Mã Lạp-Sơn chảy sang Tàu, hả miệng qua Việt-Nam. Một giòng sông lưu-thông mang theo nhiều mầu-mỡ bồi đắp cho miền Tây, Nam Phần Việt-Nam.

Lịch-sử nhân-loại cho thấy rằng, nơi nào có một lưu vực, một châу-thồ thì giòng sông đó sẽ xuất phát một nền văn-minh và trồ sanh nhiều nhân tài lõi lạc.

Thuở xa xưa, Cần-Thơ đã từng lẫy-lừng tăm tiêng với những bậc tiền-bối đáng kính dày công tô-diêm. Thời hiện-đại, với khoa-học cực thạnh, với kỹ-thuật tinh-vi, Cần thơ để cho xứng danh Tây-dô — càng chóng thay đổi bộ mặt tân-kỳ, và kè cung biêt bao đoàn hậu tấn đã cố-gắng để không hẹn với tiền-nhân, với quê-hương xứ sở.

Theo chương-trình chỉnh-trang đô-thị, sẽ mở rộng thành-phố với đồ-án dự-định cho thật xứng-đáng liệt vào hàng trung-tâm của miền Tây gương mẫu, trong tương-lai sẽ có Hải-cảng, có khu kỹ-nghệ sản xuất hàng vải, nhà máy làm nước ngọt, làm đồ hộp, vô hộp các loại trái cây thô-sản, để tiêu thụ trên thị trường toàn quốc.

Về mặt văn-hoa, giáo-đục, Cần-Thơ đã có báo-chí, có đài-phát-thanห tiêng nói của miền Tây, đã có Viện đại-học dù chưa hoàn tất chương-trình, cơ sở, nhưng cũng đã bắt đầu niên-khoá 1966-67 với một ít phân khoa, hứa-hẹn tương-lai xáng-lạn huy-hoàng, một khi trình-độ đồng-bào miền Tây nâng cao đúng mức và phát-triền tốt-độ.

Về đạo-giáo Phong-dinh là nơi kết tinh nhiều tôn-giáo trên đà phát huy tư tưởng truyền-bá giáo-lý sâu rộng và xa hơn.

Về mặt xã-hội : Những công-tác xã-hội của tỉnh đã nói lên lòng ưu-ái của chánh-quyền rất mực chăm lo săn-sóc đời sống của dân-chúng, từ thành-thị đến nông-thôn. Ngày gần đây, sẽ có cất nhà kiến-thiết bán cho đồng-bào tại tỉnh, như thế Tây-dô càng không kém thủ-dô về phuong-diện được ưu-đãi, không để thiếu sót về mặt nào, không để phiền lòng một giới nào trong đại-chúng.

Giờ đây hẳn có đa số tăm lòng hướng về Tây-dô đợi một ngày mai, trong tinh-thần xây-dựng văn-hoa dân-tộc, với những trang sử vinh-quang bất-diệt.

Đôi lời tâm huyết và cảm tạ

Chúng tôi có dịp đến Phong-dinh sưu tầm tài-liệu lịch-sử, tìm hiểu qua sự thăng-trầm, diễn tiến của tỉnh này, cũng như các tỉnh khác mà chúng tôi đã trải qua.

Với tinh-thần hiểu cõi, hoài bão quê-hương tưởng nhớ người xưa, gợi lại công-nghiệp tiền nhân có công với đất nước, mưu hạnh-phúc cho đồng-bào.

Mục-dịch làm sống lại những cái gì thiêng-liêng cồ-kính, nói lên cái hay, cái đẹp từng vùng, với ngòi viết trung thực và vô-tư.

Trên tinh-thần phụng-sự văn-hoa dân-tộc. Chúng tôi tự nguyện làm một viên gạch nối liền với các viên gạch khác, tô điểm dài gãm vóc giang sơn này qua sự diễn-tả bằng ngòi bút, mà các bậc đàn anh đã làm.

Một điều khiến cho chúng tôi rất sung-sướng được đồng-bào các giới, thân hào nhân sĩ, quý doàn-thề tôn-giáo tỉnh Phong dinh cũng như Trung-tá Tỉnh-trưởng Lê-công Thường có lời khuyến-khích vì việc làm lợi ích chung. Chúng tôi xin thành thật cảm tạ và trọng ơn toàn thể quý-vị. Về phần hình ảnh, do ông Phan-trung-Hàm thân tặng, các văn nhân thi sĩ giúp đỡ sưu tập tài-liệu, ghép vào quyển sách này càng tăng thêm phần phong-phú.

Một lần nữa, xin quý-vị nhận nơi đây tấm lòng quý mến của chúng tôi lưu niêm nơi quý tỉnh một món quà tinh-thần là tác-phẩm Cần-Thơ.

Tuy nhiên, không sao tránh khỏi một vài khuyết-diểm, rất mong các bậc cao minh bô khuyết, hầu sau tái bản sẽ hoàn toàn hơn.

HUỲNH-MINH

Vài cảm nghĩ của một độc-giả miền Tây SAU KHI XEM TÁC-PHẨM «CẦN-THƠ XƯA VÀ NAY»

Hân-hạnh được đọc qua bản chánh văn quyền : « Cần-Thơ xưa và nay » của ông Huỳnh-Minh, có nhã ý cho tôi xem trước khi xuất-bản.

Nhận thấy ông có công sưu-tầm biên-khảo những loại sách tìm hiểu giang-sơn gấm vóc của miền Nam nước Việt, qua từng tinh-một, nói lên nguồn gốc tổ-tiên dày công xây-dựng mảnh đất thân yêu cho đến ngày nay.

Tiền-nhân chúng ta đã hy-sinh biết bao xương tráng máu đào chống xâm-lăng, giành từ tặc đất, bảo-vệ quê-hương, nêu cao thanh giá của giông Tiên Rồng bốn ngàn năm văn-hiến.

Ông Huỳnh-Minh nặng tình non nước đã ghi lại qua bao sự tích, Lịch sử, Huyền-sử, Đạo-giáo, sưu-tập trong quyền « Cần-Thơ », giới thiệu cùng đồng bào các giới trong nước, tìm hiểu quê-hương làng mac của mình, nhứt là những bậc Danh-Nhân có công với đất nước trong thời quá-khứ lại bị lãng quên không ai nhắc đến. Ngày nay một trong những nhà biên-khảo như ông Huỳnh-Minh, lanh làm một công việc về tinh-thần, góp công tô điểm quê-hương, làm sống lại tinh-thần dân-tộc, nhắc nhớ mọi người chúng ta hoài-bão đến quê cha đất tò, bảo tồn dân-tộc tính.

Từ trước tới nay, tôi đã theo dõi các tác-phẩm của nhà văn Huỳnh-Minh biên soạn, loại sách học làm người : **Danh-nhân tư-tưởng, Luyện chí, Sống tranh-dấu v.v...** gần đây lại đọc thêm sách sưu-khảo của ông, quyền « Địa-Linh Nhơn-Kiệt » (Kiến-Hoà), « Bạc-Liêu xưa và nay », những loại sách này làm cho tôi thoả-mãn hiểu biết thêm nhiều chuyện lạ của xứ sở. Cách nay không lâu tôi có dịp đọc quyền « Non nước Phù-Yên » của ông Nguyễn-đình-Tư, giới thiệu miền duyên-hải Trung-Việt. Ngày nay, nhà biên-khảo Huỳnh-Minh không nài khó nhọc lê gót đó đây, gợi lại cái hay cái đẹp của xứ sở, về phần địa- lý ở miền Nam đất đai trù-phù, nguồn lợi kinh-tế dồi-dào, sông dài bờ rộng. Nhà văn Huỳnh-Minh có ý-thức nhắc giới cẩn-lao tích-cực tăng-gia sản-xuất, vun quén lòng đất mẹ càng thêm tươi đẹp.

Đọc hết quyền « Cần-Thơ Xưa và Nay » tôi không ngần ngại giới-thiệu cùng quý chiến-hữu cũng như đồng bào trong nước, cần đọc quyền « Cần-Thơ » để hiểu rõ các sự diễn-tiễn của tỉnh này, Tác-giả đã trình bày qua các chương mục có thứ tự để cho người đọc phân-biệt rõ-rệt, muốn tra cứu đoạn nào cũng mau lẹ.

Tôi thành thật chúc ông Huỳnh-Minh mạnh tiến trên đường phụng-sự văn-hoa dân-tộc, liên tục sưu-khảo thêm những quyền hữu- ích như trên, tin rằng sẽ được đa số độc-giả hưởng ứng với việc làm ich-lợi cho quê-hương.

T.T. PHẠM-VĂN-TƯƠNG
(PHONG-DINH)

mục-lục

- Bản đồ tỉnh Phong-Dinh trang —
- Biên lập dài-ký —

PHẦN THỨ NHẤT

CĂN THƠ OUA CÁC THỜI ĐẠI

Lịch-sử Phong-Dinh khoảng đầu thế-kỷ XVIII	trang 9
— Phong-Dinh dưới triều Võ-vương Nguyễn-phúc-Khoái	
thuộc quồng mây hành-chánh Long-Hồ-Dinh	15
— Phong-Dinh trong cơn sóng gió Tây-sơn Nguyễn-chúa tranh-hùng	18
— Phong-Dinh trong thời cận-kim	23
— Phong-Dinh dưới triều Minh-Mạng	25
— Căn-thơ với chúa Nguyễn trong khi lầu-quốc	29
— Phong-Dinh dưới triều Tự-Đức thời Pháp-thuộc	33
— Bảng tòng-kê 10 tòng, 94 làng thời Pháp-thuộc	38
— Phong-dinh thời gǎn đây	40
— Bảng tòng-kê 6 quận, 8 tòng và 41 xã ngày nay	48
— Tìm hiểu hai tiếng Căn-thơ do đâu mà có	49

PHẦN THỨ HAI

DANH-NHÂN

Anh-hùng liệt-sĩ có công khai-sáng kiến-tạo dắt Căn-thơ khi xưa

— Mạc-thiên-Tú người anh hùng dắt Hà-Tiên	
kiến-lập vùng Trấn-giang năm 1739	55
— Mạc-tử-Sanh, chống Tây-Sơn từ nghĩa-nơi rạch Tham-Tướng	59
— Chánh Lãnh-Binh Võ-duy-Tập	63
— Tướng Nguyễn-văn-Tòn (lục qđi là Duồng)	67
— Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa	71
— Bà Nguyễn-thị-Tòn, người đàn bà qđương mẫu	77
— Phan-văn-Trị (Cử-Trị)	82
— Định-Sâm, lãnh-tụ kháng chiến-vùng Ba-Láng-Trà-niêng	86
— Nguyễn-thần-Hiển, hy-sinh thân-thể sự nghiệp vì cách-mạng	91
— Cai-tòng Lê-quang-Chiêu, người có nhiều khí-tiết	
từ quan, bắt-hợp-tác với Pháp.	101

Dân-chí-phụ-mẫu Phan-văn-Chỉ trang 106

<i>Nơi chí người xưa</i> vài nét diễn-hình của chiến-sĩ	
miền Tây, với ý chí kiêu-hùng, tinh-thần bất-khuất.	109
— Vài nét kiêu-hùng của người chiến-sĩ vùng IV	113

PHẦN THỨ BA

DI-TÍCH — HUYỀN-SỨ — GIAI-THOẠI

Di-tích : Những ngôi cù mộ tọa lạc tại Cần-thơ	121
— Mộ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa	121
— Mộ Chánh Lãnh binh Võ-duy-Tập	122
— Lăng ông Nguyễn-văn-Tồn	122
— Mộ cụ Phan-văn-Trị	125
— Mộ ông Chà Hoàng	126
— Rạch cầu Tham tướng là nơi Tham tướng Mặc-lử-Sanh dến nợ nước	131
— Xóm Bà Đồ là nơi tao đàn của các cụ Danh nho thuở xưa	135
— Xưởng dúc tiềng của Nam triều ở miền Tây	137
— Sư lich Đinh Thăn Tân-An (thị trấn Cần-thơ)	139
— Sư lich đình Thăn Bình-Thủy	145
Huyền-sứ : Oai-linh ông Diêu Bác làm chấn động đất Trấn-giang	151
— Chuyện lạ trong cơn cát Thủ-khoa-Nghĩa từ trần	155
— Một cái chết hi hữu muỗi vàng lỵ lử	159
— Cặp sóng thẳn nơi rạch Cái-Nai	165
— Chuyện ông Thầy Trung thả nón qua sông	171
<i>Chuyện xưa tích cũ</i> Chuyện thủy thẳn — Cặp cá vồ cờ	179
— Cá vồ ma	180
Giai-thoại Tìm hiểu địa-lanh Bình-Thủy Long-Tuyền	181
Huyện Văn, Huyện Võ	
hai danh-lử thú-vị trong tỉnh Cần-thơ xưa	184
— Giang san Sáu-Thanh vua xe đò Cần-thơ	187
— Nữ thiện xạ đất Tây-thành từng hạ nhiều mảnh hò	193

PHẦN THỨ TƯ

SINH-HOẠT TÔNG-GIÁO CẦN-THƠ XUYÊN QUA CÁC GIÁO PHÁI

— Công-giáo	201
— Vài nét về Chủng-viện Á-lôhánh-Quý ở Cái-Răng	209
— Cao-dài giáo	213
— Phật giáo Hoà-Hảo	216
— Chùa Nam-Nhâ có tiếng nhất ở Bình-Thủy	218
— Chùa Hiệp-thiên-Cung ở Cái-Răng	221
— Đàn Tiên Cái Khế	222
— Du-tăng Khất-sĩ	227
— Bảng tòng kết số tín đồ các Tôn-giáo tỉnh Cần-thơ	230

PHẦN THỨ NĂM
CẦN THƠ VĂN VẬT, NGHỆ THUẬT

— Cần-thơ văn-vật	255
— Hội-phụ-huynh-học-sinh	238
— Hai-tờ-báo-dầu-liên-ở-Cần-thơ	238
— Bộ-môn-sân-khấu-kịch-trirường-Tây-dô	245
— Sinh-hoạt-văn-hoá	247
— Lép-Cần-thơ-qua-thi-ca	249
— Tìm-hiểu-phong-tục-lập-quán-miền-Nam-qua-mấy-văn-ca-dao	257
— Ít-văn-thơ-của-một-tu-sĩ-lái-ngộ-Cần-thơ	262

PHẦN THỨ SÁU
CẦN THƠ XƯA PHONG ĐÌNH NAY
 TRÊN ĐƯỜNG PHÙC HƯNG KIẾN THIẾT

— Bến-Lê-Lợi-ngày-xưa	267
— Bến-Ninh-kiểu-ngày-nay	271
— Bờ-rạch-Cái-Khé-ngày-xưa, bến-Nhị-kiểu-ngày-nay	279
— Miếng-ngon-vật-lạ-Cần-Thơ	282
— Vườn-thầy-Cầu-ngày-xưa	285
— Vài-nét-về-Cần-thơ-xưa-chùm-thành-Phong-đình-nay	289
— Đạo-xem-tỉnh-lỵ-Phong-Đình-quá-sự-giao-thông-khu-thương-mại	293
a) Chợ-búa	297
b) Đài-phát-thanh-tiếng-nói-của-miền-Tây-Nam-Việt	298
c) Trung-lâm-thanh-niên	298
d) Trung-tâm-Chiêu-hồi	298
e) Cố-nhi-viện-Quốc-gia	298
Giáo-đục : Đồng-bào-Phong-đình-rất-hài-lòng-với-khu-Dai-hoc	301
Y-tế : Những-công-tác-y-tế-và-vệ-sinh-công-cộng	302
Sinh-hoạt-Kinh-tế	305
Sinh-hoạt-Xã-hội	306
— Thủ-sản-Cần-thơ	308
— Các-ngành-công-kỹ-nghệ	309
— Liệt-kê-Danh-sách-các-vị-Tỉnh-trưởng-Cần-thơ từ-thời-Pháp-den-Việt-nam	312
— Tòng-kết	
— Đôi-lời-lâm-huyết-và-cảm-tạ	
— Vài-cảm-nghĩ-của-một-độc-giả-miền-Tây sau-khi-xem-tác-phẩm-“Cần-thơ-xưa-và-Nay”	

Hình bìa : Cầu Tham-tướng, ghi-lại-chiến-tích-vị-anh-hùng
chống-Tây-sơn, bảo-vệ đất-Trấn-giang-Cần-thơ
bở-minh-nơi-rạch-này.

NHÀ XUẤT-BẢN — TỔNG PHÁT-HÀNH

CÁNH BẮNG

CHỦ TRƯỞNG DO NHÀ SƯU-KHẢO HUỲNH-MINH
585/88, Phan-đinh-Phùng — Saigon

CÙNG MỘT TÁC GIÁ

Những loại sáng-lá, suu-làm, khảo-cứu về tôn-giao, khoa-học, và loại sách học làm người v.v

ĐÃ XUẤT-BẢN

- ĐÒI NGƯỜI TRONG NÉT BÚT I, II, III (in lần 3)
- DANH NHÂN TỰ-TƯ ỐNG
- LUYỆN CHÍ
- HUYỀN BÍ HỌC
- THẾ GIỚI VÔ HÌNH, NGƯỜI VÀ MA
- THẦN PHƯƠNG KHẢO LUẬN (in lần 2)
- SỐNG VUI HAY SỐNG KHỎ (in lần 2)
- ANH SÁNG CHO'N-LÝ (in lần 3)
- ĂN CHAY CÓ LỢI GÌ ? (in lần 2)
- LUQ'C SỬ TU-SĨ NGUYỄN-THÀNH-NAM
- SỐNG TRANH ĐẤU
- ĐÒI KHỎ HẠNH ÔNG ĐẠO DỪA
- ĐỊA-LINH NHƠN-KIỆT
(KIẾN-HOÀ (BÉN-TRE) XƯA VÀ NAY)
- BẠC-LIÊU XƯA VÀ NAY

SẮP XUẤT-BẢN

- NH TƯỜNG XƯA VÀ NAY
- BÌN-GIANG XƯA VÀ NAY
- I HIỀU ĐẤT GIA-DỊNH

SÁP XUẤT BẢN

ĐỊNH-TƯỜNG Xưa và Nay

sốp thảo dài hạn suy-tâm công phu

Tác-phẩm nói lên nguồn gốc của tỉnh
Định-Tường (Mỹ Tho) từ thuở xa xưa qua sự
diễn tiến mỗi thời kỳ.

Các anh-hùng liệt-sĩ quốc vong thân,
nêu cao tiết nghĩa, làm rạng rỡ quê-hương

Có nhiều bài và đặc sắc, hình ảnh lịch-
sử giá-trị, chưa hề dấn trên sách báo nào

Định-Tường phong cảnh hữu tình.
Quê-mình mến, làng-mình yêu.

QUÊ-HƯƠNG MẾN-YÊU !

Tìm hiểu non sông đất nước, gợi lại tình
thiêng-liêng giống-nòi, thúc đẩy mỗi công-
dân góp sức bão-tòn quê cha đất tổ, công
nghiệp tiền nhân khai hoang dụng nước.

Trên tinh-thần phynh-sự văn-hoa dân-
tộc, chúng tôi làn luợt hiến quý bạn đọc
thân-mến qua những tác-phẩm suy-tâm, khảo
cứu, các tinh-của miền Nam nước Việt

* LỊCH-SỬ * ĐỊA-LÝ DÂN-NHÂN GIAI
THOẠI * HUYỀN-SỬ * DI-TÍCH THƯỢNG CẢNH

Góp công tô-diểm non-sông gấm-vóc,
để làm sống lại tình quê hương dân-lộc,
qua bao hình ảnh cõi-kính trung-thực.

KÍNH TẶNG